

NGƯỜI CON ƯU TÚ CỦA QUÊ HƯƠNG QUẢNG NGÃI

CHÍNH TRỊ QUỐC GIA



PHẠM VĂN ĐỒNG

NGƯỜI CON ƯU TÚ
CỦA QUÊ HƯƠNG
QUẢNG NGÃI



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

Mã số: $\frac{V14 (V223)}{CTQG-2001}$

95 07 40 832
P. 14 V

PHẠM VĂN ĐỒNG

NGƯỜI CON ƯU TÚ
CỦA QUÊ HƯƠNG
QUẢNG NGÃI

THƯ VIỆN T. QUẢNG NGÃI
VH/102
ĐỊA CHỈ 910

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
Hà Nội - 2001



Kỷ niệm 100 năm
ngày sinh Đồng chí **PHẠM VĂN ĐỒNG**
01/03/1906 – 01/03/2006

huong Quang Ngai.

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Đồng chí Phạm Văn Đồng, người học trò xuất sắc và gần gũi của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, người chiến sĩ cộng sản kiên cường, mẫu mực, nhà lãnh đạo có uy tín lớn của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta, nhà văn hoá lớn của dân tộc, người bạn tin cậy, kính trọng của bạn bè quốc tế, suốt đời chiến đấu vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội, vì hạnh phúc của nhân dân, đã đi vào cõi vĩnh hằng, nhưng trong lòng mỗi người dân Việt Nam, trong tâm khảm đồng bào, đồng chí Quảng Ngãi, tên tuổi, sự nghiệp, tình cảm, tấm gương sáng Phạm Văn Đồng còn sống mãi.

Cuộc đời hoạt động cách mạng sôi nổi và phong phú, liên tục và bền bỉ hơn 70 năm của đồng chí Phạm Văn Đồng gắn liền với sự ra đời, trưởng thành của Đảng ta, Nhà nước ta, với những chặng đường đấu tranh vô cùng quyết liệt nhưng rất tự hào của cách mạng Việt Nam - của Đảng quang vinh, nhân dân anh hùng. Đồng chí Phạm Văn Đồng là nhà lãnh đạo chủ chốt của Đảng, Nhà nước, đã từng được Bác Hồ và Trung ương Đảng giao nhiều trọng trách. Ở cương vị nào đồng chí cũng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, có nhiều đóng góp lớn cho đất nước.

Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 95 ngày sinh đồng chí Phạm Văn Đồng, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia phối hợp với Tỉnh uỷ Quảng Ngãi xuất bản cuốn sách *Phạm Văn Đồng - người con ưu tú của quê hương Quảng Ngãi*.

Cuốn sách gồm những bài viết của tập thể tác giả - những đồng chí lão thành cách mạng, các nhà khoa học, những người cộng tác gần gũi với Bác Tô, những người con của quê hương Quảng Ngãi,... Các bài viết rất phong phú, được thể hiện bằng nhiều thể loại nhưng đều chung một tấm lòng kính trọng, tình cảm chân thành, mến mộ của đồng chí, đồng bào đối với đồng chí Phạm Văn Đồng - Bác Tô kính mến.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 2 năm 2001

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

LỜI NÓI ĐẦU

Trong lịch sử dân tộc Việt Nam thời hiện đại, tên tuổi Bác Phạm Văn Đồng đã trở thành một biểu tượng của nghị lực, tài năng và đức độ. Bác là người học trò xuất sắc, người đồng chí tin yêu và gần gũi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, là nhà ngoại giao tài năng và có uy tín quốc tế, nhà lãnh đạo kiệt xuất của Đảng và Nhà nước ta, nhà văn hoá lớn của Việt Nam, người bạn thân thiết của các dân tộc bị áp bức trên thế giới.

Với đức tính khiêm tốn, mỗi khi chuyện trò, trao đổi, Bác Phạm Văn Đồng không bao giờ muốn nói về mình, mà luôn nhắc đến công lao to lớn của Đảng, của Bác Hồ. Song, đồng chí và đồng bào cả nước nói chung và Quảng Ngãi nói riêng muốn được biết nhiều hơn về Bác. Có một cuốn sách viết về Bác Phạm Văn Đồng không chỉ giúp thêm tư liệu về một nhà lãnh đạo trong lịch sử cách mạng Việt Nam, đặc biệt từ năm 1945 trở lại đây, mà còn giúp cho lớp trẻ hôm nay và các thế hệ mai sau hiểu biết và noi theo một tấm gương sáng để vững bước trên con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn.

Với quê hương Quảng Ngãi, tên tuổi của Bác Phạm Văn Đồng đã khắc sâu trong lòng của mỗi người. Bác là người con ưu tú, đồng thời là người Anh Cả rất nghiêm minh nhưng cũng rất nhân hậu, khoan dung, tận tình chỉ bảo cho

nhiều thế hệ cán bộ của quê hương. Tình cảm của Bác dành cho quê hương thật là sâu nặng!

Sau ngày nước nhà thống nhất, mặc dù công việc bận rộn, Bác Phạm Văn Đồng vẫn cố gắng sắp xếp thời gian để về làm việc và thăm hỏi đồng chí, đồng bào Quảng Ngãi. Đặc biệt từ khi làm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng, cả đến khi trước lúc qua đời, hằng năm cứ vào mùa Xuân, Bác thường dành nhiều thời gian về làm việc với tỉnh, đến các địa phương, các ngành, thăm hỏi đồng bào, đồng chí và bà con quê hương ở xã Đức Tân, huyện Mộ Đức, ân cần căn dặn các tầng lớp nhân dân, cán bộ, chiến sĩ, thanh thiếu niên, nhi đồng trong tỉnh. Bác thường nhắc: "Phải làm việc, làm việc và làm việc có ích cho nhân dân, cho đất nước". Bác luôn canh cánh bên lòng nỗi lo về đời sống còn khó khăn của nhân dân, Bác thường căn dặn cán bộ, đảng viên trong tỉnh cần suy nghĩ "Phải làm gì và làm như thế nào để đạt hiệu quả kinh tế cao, đưa tỉnh nhà đi lên thoát khỏi một tỉnh nghèo". Riêng với bản thân mình, dù đã trọn đời cống hiến cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc, nhưng Bác Phạm Văn Đồng vẫn cảm thấy "... chưa trả hết nợ với dân, với nước", nên dù đã ở tuổi ngoài 90, sức khỏe lại giảm sút, Bác vẫn hết sức lo lắng và mong muốn đóng góp thêm nhiều công sức và trí tuệ của mình cho đất nước, cho quê hương.

Cả cuộc đời của Bác Phạm Văn Đồng là một tấm gương sáng về lối sống thanh bạch, giản dị, mẫu mực, là sự hiến dâng trọn vẹn cho dân, cho nước. Tấm lòng cao cả và sự nghiệp của Bác mãi mãi sống trong lòng người dân Việt Nam và được bạn bè trên thế giới ngưỡng mộ.

*

* *

Viết về một con người không bao giờ muốn nói về mình,

về một nhân cách lớn như Bác Phạm Văn Đồng, chúng ta không thể thoả mãn cho rằng như vậy là đã đầy đủ, trọn vẹn. Dù sao, các tác giả của cuốn sách này cũng đã có nhiều công phu nghiên cứu, sưu tầm, ghi chép lại những tình cảm chân thành của mình và nhất là, tất cả các bài viết đều thể hiện tấm lòng kính trọng, cảm phục và mến yêu đối với nhà cách mạng tiền bối Phạm Văn Đồng.

Thay mặt Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Quảng Ngãi, tôi chân thành cảm ơn Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Trường đại học Sư phạm Hà Nội, Giáo sư, Tiến sĩ Phan Ngọc Liên, các cộng tác viên trong và ngoài tỉnh đã tham gia viết bài và tích cực giúp đỡ để cuốn sách sớm ra mắt bạn đọc.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với các đồng chí, đồng bào cả nước và bạn bè quốc tế.

Quảng Ngãi, tháng 1 năm 2001

VÕ ĐỨC HUY

**ỦY VIÊN BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
BÍ THƯ TỈNH ỦY QUẢNG NGÃI**

TIỂU SỬ ĐỒNG CHÍ PHẠM VĂN ĐỒNG

Nguyên uỷ viên Bộ Chính trị

Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam,

Nguyên Thủ tướng Chính phủ

nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam,

Nguyên Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng

Đồng chí Phạm Văn Đồng, bí danh là Tô, sinh ngày 1 tháng 3 năm 1906 trong một gia đình công chức tại xã Đức Tân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Năm 1925, đồng chí tham gia phong trào học sinh bãi khoá để tang cụ Phan Châu Trinh. Năm 1926, đồng chí đi Quảng Châu (Trung Quốc) dự lớp huấn luyện do đồng chí Nguyễn Ái Quốc tổ chức và được kết nạp vào Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí hội.

Cuối năm 1927, từ Trung Quốc về nước, đồng chí tham gia hoạt động cách mạng ở Sài Gòn. Đầu năm 1929, đồng chí được cử vào Kỳ bộ Thanh niên Nam Kỳ, sau đó vào Tổng bộ Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí hội. Tháng 5 năm 1929, đồng chí được cử đi Hương Cảng (Trung Quốc) dự Đại hội Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí hội. Tháng 7 năm 1929, đồng chí trở về Sài Gòn hoạt động cách mạng và bị thực dân Pháp bắt, kết án tù 10 năm và đày đi nhà lao Côn Đảo.

Tháng 7 năm 1936, do thắng lợi của Mặt trận Bình dân Pháp, chính quyền thực dân Pháp buộc phải trả tự do cho đồng chí và sau đó đồng chí ra Hà Nội tham gia hoạt động công khai.

Tháng 5 năm 1940, đồng chí đi Côn Minh (Trung Quốc) gặp đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Tại đây đồng chí được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương, rồi tham gia hoạt động cách mạng ở Liễu Châu, Tĩnh Tây (Trung Quốc).

Đầu năm 1941, đồng chí được cử về Cao Bằng xây dựng căn cứ địa cách mạng ở các tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn.

Tháng 8 năm 1945, đồng chí dự Đại hội Quốc dân ở Tân Trào (tỉnh Tuyên Quang) và được bầu vào Ủy ban giải phóng dân tộc. Cách mạng Tháng Tám thành công, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập, đồng chí được cử làm Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tháng 1 năm 1946, đồng chí được bầu làm đại biểu Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Ngày 16 tháng 4 năm 1946, đồng chí được cử làm Trưởng phái đoàn thân thiện của Quốc hội Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đi thăm Cộng hòa Pháp. Cuối tháng 5 năm 1946, đồng chí được cử làm Trưởng phái đoàn Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đàm phán với Chính phủ Cộng hòa Pháp tại Hội nghị Phôngtennoblô (Pháp).

Trước ngày 19 tháng 12 năm 1946, kháng chiến toàn quốc bùng nổ, đồng chí được cử làm đặc phái viên của Trung ương Đảng và Chính phủ tại miền Nam Trung Bộ.

Năm 1947, đồng chí được bổ sung làm Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Năm 1949 được bổ sung làm Ủy viên chính thức Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Tháng 8 năm 1949, đồng chí được cử làm Phó Thủ tướng Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Tháng 2 năm 1951, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng, đồng chí được bầu làm Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng và được Ban Chấp hành Trung ương bầu làm Ủy viên Bộ Chính trị.

Tháng 5 năm 1954, đồng chí được cử làm Trưởng đoàn đại biểu Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà dự Hội nghị Giơnevơ về Đông Dương.

Tháng 9 năm 1954, đồng chí được cử làm Phó Thủ tướng Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, Trưởng ban Đối ngoại của Trung ương Đảng. Ngày 20 tháng 9 năm 1955, Quốc hội khoá I, kỳ họp thứ 5 cử đồng chí làm Thủ tướng Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Tháng 9 năm 1960, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng, đồng chí được bầu lại vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng, được Ban Chấp hành Trung ương bầu làm Ủy viên Bộ Chính trị và tiếp tục được cử giữ chức Thủ tướng Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà; Phó Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng.

Tháng 12 năm 1976, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng, đồng chí được bầu lại vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng, được Ban Chấp hành Trung ương bầu làm Ủy viên Bộ Chính trị và tiếp tục được cử giữ chức Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng.

Tháng 7 năm 1981, đồng chí là Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng.

Tháng 3 năm 1982, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng, đồng chí được bầu lại vào Ban Chấp hành

Trung ương Đảng, được Ban Chấp hành Trung ương bầu làm Ủy viên Bộ Chính trị và tiếp tục được cử giữ chức Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng các khoá VI, VII, VIII, đồng chí được Ban Chấp hành Trung ương Đảng các khoá đó cử làm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương. Tháng 12 năm 1997, theo đề nghị của đồng chí và được Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII chấp nhận, đồng chí được kết thúc nhiệm vụ Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương.

Đồng chí tiếp tục được bầu làm đại biểu Quốc hội từ khoá I (1946-1960) đến khoá VII (năm 1981-1987).

Do công lao to lớn đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc, đồng chí đã được Đảng, Nhà nước tặng thưởng Huân chương Sao vàng và nhiều Huân chương, Huy chương cao quý khác và Huy hiệu 60 năm tuổi Đảng.

Đồng chí được Nhà nước Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xôviết tặng Huân chương Lênin và Huân chương Cách mạng Tháng Mười, Nhà nước Lào tặng Huân chương Vàng quốc gia, Nhà nước Campuchia tặng Huân chương Angco, Nhà nước Cuba tặng Huân chương Hôxê Mácti, Nhà nước Bungari tặng Huân chương Đimitơrốp, Nhà nước Ba Lan tặng Huân chương Công trạng, Nhà nước Mông Cổ tặng Huân chương Xukhêbatô.

THÔNG CÁO ĐẶC BIỆT
CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM,
QUỐC HỘI NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM, CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI
CHỦ NGHĨA VIỆT NAM, ỦY BAN TRUNG ƯƠNG
MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM

Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam vô cùng thương tiếc báo tin:

Đồng chí PHẠM VĂN ĐỒNG,

nguyên Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, nguyên Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nguyên Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đại biểu Quốc hội từ khoá I đến khoá VII,

Huân chương Sao vàng,

Huy hiệu 60 năm tuổi Đảng,

Sau một thời gian lâm bệnh, mặc dù được các giáo sư, bác sĩ hết lòng cứu chữa, nhưng do tuổi cao, bệnh nặng, đồng chí đã từ trần hồi 23 giờ 10 phút ngày 29 tháng 4 năm 2000 tại Hà Nội, thọ 94 tuổi.

Đồng chí Phạm Văn Đồng, bí danh là Tô, sinh ngày 1 tháng 3 năm 1906 tại xã Đức Tân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Đồng chí tham gia cách mạng từ năm 18 tuổi, hoạt động trong phong trào học sinh. Năm 1926 đi dự lớp huấn luyện tại Quảng Châu do đồng chí Nguyễn Ái Quốc tổ chức và được kết nạp vào Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí hội. Sau khi dự Đại hội Thanh niên Cách mạng đồng chí hội ở Hương Cảng (Trung Quốc), đồng chí trở về Sài Gòn hoạt động cách mạng và bị thực dân Pháp bắt, kết án 10 năm tù và đày đi Côn Đảo, năm 1936 ra tù, đồng chí được trả tự do và ra Hà Nội tham gia hoạt động công khai. Năm 1940, đồng chí vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Hoạt động cách mạng liên tục trên 70 năm, đồng chí đã có nhiều công lao to lớn đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc.

Đồng chí mất đi là một tổn thất đối với Đảng, Nhà nước và nhân dân ta.

Để tỏ lòng tưởng nhớ và biết ơn đồng chí Phạm Văn Đồng, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quyết định tổ chức tang lễ đồng chí Phạm Văn Đồng với nghi thức quốc tang.

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM,
QUỐC HỘI NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM,
CHỦ TỊCH NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM,
CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM,
ỦY BAN TRUNG ƯƠNG MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM

LỜI ĐIỀU

(DO ĐỒNG CHÍ TỔNG BÍ THƯ LÊ KHẢ PHIÊU ĐỌC TẠI
LỄ TRUY ĐIỀU ĐỒNG CHÍ PHẠM VĂN ĐỒNG
NGÀY 6 THÁNG 5 NĂM 2000)

Thưa đồng bào cả nước,
Thưa các đồng chí và các bạn,
Thưa gia quyến đồng chí Phạm Văn Đồng,

Đồng chí Phạm Văn Đồng, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Thủ tướng Chính phủ, nguyên Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam - người học trò xuất sắc và gần gũi của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại; người cộng sản kiên cường, mẫu mực; nhà lãnh đạo có uy tín lớn của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta; người con rất mực trung thành, suốt đời chiến đấu vì độc lập dân tộc, vì chủ nghĩa xã hội, vì hạnh phúc của nhân dân; người bạn tin cậy của bạn bè quốc tế; nhà văn hoá lớn của dân tộc, đã vĩnh biệt chúng ta. Đây là một tổn thất to lớn đối với Đảng, Nhà nước và nhân dân ta; đối với gia quyến đồng chí.

Chín mươi tư tuổi đời, bảy mươi lăm năm hoạt động cách mạng liên tục, đồng chí Phạm Văn Đồng với cái tên triu mến Anh Tô của chúng ta, đã cống hiến trọn đời cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc, cho tự do, hạnh phúc của nhân dân và cho lý tưởng cộng sản chủ nghĩa.

Cuộc đời hoạt động cách mạng sôi nổi và phong phú của đồng chí gắn liền với những chặng đường đấu tranh vô cùng quyết liệt nhưng rất tự hào của nhân dân ta. Tên tuổi và sự nghiệp của đồng chí được ghi vào lịch sử vẻ vang của Đảng và dân tộc gắn liền với những sự kiện trọng đại của đất nước.

Là một người học trò xuất sắc và gần gũi của Chủ tịch Hồ Chí Minh từ thời chuẩn bị thành lập Đảng, sống và chiến đấu bên cạnh Bác trong 30 năm từ năm 1940 đến năm 1969, suốt đời học tập, nghiên cứu và thực hành tư tưởng, phong cách và đạo đức Hồ Chí Minh, đồng chí đã trở thành nhà lãnh đạo có uy tín lớn, được Đảng, nhân dân ta và bạn bè trên thế giới tin yêu, kính trọng.

Suốt 41 năm là Ủy viên Trung ương Đảng, 35 năm là Ủy viên Bộ Chính trị, 32 năm là Thủ tướng Chính phủ, 10 năm là Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương, đồng chí Phạm Văn Đồng là nhà lý luận chính trị và văn hoá xuất sắc, giàu kinh nghiệm thực tiễn, có tầm nhìn chiến lược, tư duy luôn luôn năng động, tình cảm luôn luôn chan hoà với nhân dân, nhạy cảm, thấu hiểu được nguyện vọng của đồng bào. Nhờ vậy, đồng chí có nhiều đóng góp lớn trong việc hoạch định, làm thấu suốt và chỉ đạo thực hiện đường lối của cách mạng Việt Nam suốt bảy thập kỷ qua.

Là một trong những nhà lãnh đạo chủ chốt của Đảng qua nhiều giai đoạn, đồng chí đã suốt đời chăm lo nâng cao tính tiên phong gương mẫu và giữ gìn sự đoàn kết của Đảng, thắt chặt quan hệ giữa Đảng với nhân dân, trau dồi trí tuệ và rèn luyện phẩm chất cho cán bộ, đảng viên, luôn luôn nhấn mạnh trách nhiệm của những cán bộ có chức, có quyền, thẳng thắn vạch rõ và đấu tranh chống những biểu hiện suy thoái, biến chất, hết lòng bồi dưỡng và ủng hộ lớp cán bộ trẻ.

Mấy chục năm đứng đầu Chính phủ và hệ thống hành pháp, đồng chí luôn luôn trăn trở nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn, xây dựng tiền đề tạo lập và phát triển một chính quyền của dân, do dân, vì dân, xây dựng xã hội mới, xã hội chủ nghĩa theo bản sắc của dân tộc Việt Nam.

Đồng chí là một nhà ngoại giao tài năng, có uy tín trên thế giới, nhìn xa thấy rộng, tinh tế và linh hoạt, kiên cường và mềm dẻo, ứng xử nhanh nhạy và sáng tạo, luôn luôn thể hiện lập trường chính trị sáng suốt trước thời cuộc và phong cách ngoại giao Hồ Chí Minh.

Là một nhà lãnh đạo kinh tế, đồng chí nghiêm khắc đòi hỏi ở bản thân và mọi người làm việc có hiệu quả thiết thực, có năng suất, chất lượng và tiết kiệm. Đối với ngành giáo dục, đồng chí dành nhiều tâm huyết chăm lo phát triển nền giáo dục nước nhà, luôn quan tâm săn sóc đến nhà trường, thầy cô giáo và các thế hệ học sinh, sinh viên.

Đồng chí là một nhà văn hoá lớn của dân tộc, luôn luôn quan tâm sâu sắc đến văn hoá và liên tục sáng tạo văn hoá, nhấn mạnh văn hoá là đổi mới, đổi mới là văn hoá, luôn luôn coi trọng phát huy vai trò động lực của văn hoá đối với kinh tế và xã hội, có nhiều ý tưởng sáng tạo chỉ đạo các mặt hoạt động văn hoá, đối thoại thân tình và giúp đỡ thiết thực các nhà khoa học, các văn nghệ sĩ; bản thân mình có nhiều tác phẩm văn hoá nổi tiếng với một văn phong trong sáng, mẫu mực.

Với dân, đồng chí luôn luôn gần gũi với tình cảm thân thương, không kiêu cách, suốt đời sống hết mình phục vụ nhân dân; theo lời dạy của Bác Hồ, đồng chí đã luôn luôn chăm lo vun trồng người tốt, việc tốt để nhân lên những điều tốt đẹp trong cuộc sống.

Trong gia đình, đồng chí luôn là người chồng, người cha, người ông hết lòng thương yêu, dạy bảo con, cháu học tập, rèn luyện, không ngừng phấn đấu trở thành người có ích cho xã hội.

Con người ấy từ thời trẻ đã hiến dâng toàn bộ cuộc sống của mình cho sự nghiệp đấu tranh vì độc lập dân tộc, vì tự do, hạnh phúc của nhân dân.

Thưa đồng chí Phạm Văn Đồng - Thưa Anh Tô kính mến!

Đưa Anh về nơi an nghỉ cuối cùng, chúng tôi nguyện cùng với toàn Đảng, toàn dân, toàn quân tiếp tục sự nghiệp cách mạng, giữ vững độc lập tự do, đưa công cuộc đổi mới vì chủ nghĩa xã hội đến thắng lợi, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Trong niềm tiếc thương Anh Tô vô hạn, chúng tôi xin chia sẻ cùng gia quyến nỗi buồn đau sâu sắc.

Xin kính cẩn nghiêng mình vĩnh biệt đồng chí Phạm Văn Đồng kính mến.

PHẦN THỨ NHẤT
CUỘC ĐỜI VÀ SỰ NGHIỆP

PHẠM VĂN ĐỒNG
NGƯỜI CON Ừ TÚ CỦA QUÊ HƯƠNG
NÚI ẨN SÔNG TRÀ

GS.TS Phan Ngọc Liên -
PGS.TS Trịnh Đình Tùng

Trong lịch sử Việt Nam hiện đại, đặc biệt từ năm 1945 đến nay, Phạm Văn Đồng nổi lên là một trong những học trò gần gũi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, một nhà hoạt động xuất sắc trên lĩnh vực chính trị, ngoại giao, văn hoá, giáo dục... Sự xuất hiện một con người như vậy là sự kết hợp giữa các yếu tố truyền thống của dân tộc, sự giáo dục của Đảng, Bác Hồ, sự phấn đấu của bản thân Phạm Văn Đồng..., trong đó ảnh hưởng của quê hương và tác động qua lại giữa quê hương và Phạm Văn Đồng có ý nghĩa nhất định. Vì vậy, bài viết này không trình bày cuộc đời và sự nghiệp của Phạm Văn Đồng mà tập trung làm rõ mối quan hệ giữa quê hương và Phạm Văn Đồng.

1. Thời niên thiếu

Phạm Văn Đồng sinh ngày 1 tháng 3 năm 1906 tại Huế, khi cụ thân sinh đang làm quan tại triều đình vua Duy Tân; sau đó được mẹ đưa về quê nuôi dưỡng. Quê nội của Phạm Văn Đồng là xóm Cây Gạo, xã Đức Tân, huyện Mộ Đức, tỉnh

Quảng Ngãi; quê ngoại là làng Nghĩa Lập cùng huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Nằm tựa lưng vào dãy Trường Sơn, hướng ra biển Đông bao la, núi sông Quảng Ngãi hùng vĩ nên thơ, song đất đai cũng quá hẹp và thiếu màu mỡ. Đó là cảnh:

*"Núi bên kia, biển bên này,
Ép cong dải đất, teo gầy miền quê".*

Trên dải đồng bằng, được phù sa của bốn dòng sông Trà Bông, Trà Khúc, Trà Câu và sông Vệ bồi đắp là những xóm làng trù phú, bốn mùa cây trái tốt tươi. Đây cũng là vùng cung cấp chủ yếu lương thực cho các vùng nội tỉnh.

Núi Thiên Ấn không cao, có hình vuông vức như một chiếc ấn khổng lồ bên bờ sông Trà Khúc. Nhiều đời dân ở đây truyền nhau rằng đây là "dấu ấn nhà trời điểm cho trần thế". Bởi vậy, dân vùng quê này xem đó là một thắng cảnh "Thiên Ấn niên hà". Núi Ấn còn là một di tích lịch sử - văn hoá, trên đỉnh núi có ngôi chùa cổ kính được xây dựng cách đây khoảng 300 năm; trong cao trào cách mạng 1930-1931 đã phát cờ đỏ búa liềm của Đảng và là nơi yên giấc nghìn thu của nhà chí sĩ yêu nước cách mạng Huỳnh Thúc Kháng - Hội trưởng Hội liên hiệp quốc dân Việt Nam - khi cụ thay mặt Chính phủ kinh lý miền Trung và lâm bệnh mất (4-1947). Quảng Ngãi còn có núi Thiên Bút (Bút Trời) cũng là một biểu trưng của con người và sông núi quê hương.

Quảng Ngãi có nền văn hoá Sa Huỳnh nổi tiếng với các di chỉ khảo cổ học, còn lưu giữ những dấu tích của nền văn minh cổ. Thành cổ Quảng Ngãi như một viên ngọc điểm tô cho bức gấm trên bờ nam sông Trà Khúc mà người xưa gọi là "Cẩm Thành" (thành đẹp như gấm) và được ca tụng trong một bài thơ được lưu truyền đến ngày nay:

... *"Thành Gấm non sông dệt chỉ người
Càng phô sắc thắm cảnh vui tươi
Ấn trời tô điểm sâu tình nước
Bút ngọc tuôn mây thắm ý đời"...*

Cũng như một số tỉnh ở vùng Nam Trung Bộ, địa hình Quảng Ngãi khá phức tạp: dải đồng bằng phía đông chỉ chiếm 1/3 diện tích tự nhiên là có thể canh tác, còn phía tây là vùng núi non hiểm trở. Tuy vậy, giao thông Quảng Ngãi cũng khá phát triển, ngoài quốc lộ 1A và đường sắt xuyên Việt, còn có một số tỉnh lộ, như đường Châu Ổ - Trà Bồng, đường Sơn Tịnh - Sơn Hà, đường Thạch Trụ - Ba Tơ - Kon Tum và nối với đường quốc lộ 14 lên Tây Nguyên, v.v.. Đây là những đường giao thông huyết mạch nối liền Quảng Ngãi với các miền đất nước và các vùng trong tỉnh.

Đất đai tuy hẹp và bạc màu, song vẫn đem lại nguồn sản phẩm dồi dào, nhờ có người lao động tốt. "Đất bạc người chăm" là sự khái quát và diễn tả mối quan hệ giữa điều kiện tự nhiên và tư chất của người dân Quảng Ngãi.

Đồng bằng đất ít người đông, nhân dân chủ yếu sống bằng nghề nông, một số nơi có thêm nghề thủ công. Người dân miền núi làm ruộng bậc thang và khai thác lâm thổ sản. Ở vùng biển có nghề muối, khai thác và chế biến hải sản. Bằng lao động cần cù, người dân các vùng quê Quảng Ngãi đã làm ra các sản vật nổi tiếng khắp nước. Dù ở xa quê, những người con đất Quảng vẫn nhớ đường phèn, đường phối, vẫn nhớ chè Tam Bảo, nhớ muối Sa Huỳnh,...

*"Ai về Quảng Ngãi mà xem,
Bãi dâu tơ óng, đồng ken lúa vàng*

*Xóm thôn sực nước mùi đàng'
Nhập chè Tam Bảo luận bàn văn chương".*

Quảng Ngãi có thành phần dân cư khá phong phú, đông nhất là người Việt, thứ đến là đồng bào người Hre, người Co và một vài nhóm dân tộc ít người khác. Điểm nổi bật trong thành phần dân cư là bên cạnh người bản địa, số người Việt và một vài dân tộc ít người từ miền Bắc vào sinh sống và lập nghiệp ở đây khá đông. Trải qua nhiều đời, bằng lao động cần cù, dẻo dai trong cuộc đấu tranh với thiên nhiên miền Trung vốn khắc nghiệt, các tộc người đã gắn bó với nhau trên vùng đất mới. Truyền thống tổ tiên của cư dân miền Bắc đã hoà quyện với truyền thống và những tập quán tốt đẹp của người bản địa tạo nên bản sắc riêng cho cộng đồng cư dân Quảng Ngãi và Nam Trung Bộ nói chung. Họ là những người lạc quan, yêu đời, yêu hoà bình nhưng rất quật cường trong cuộc đấu tranh chống xâm lăng. Ý chí tự cường của họ - thường được gọi là "hay co", tức cứng đầu, bất khuất - đã góp phần tạo nên truyền thống chung về tinh thần quật khởi của đại gia đình các dân tộc Việt Nam.

Dưới thời chúa Nguyễn, nhân dân Quảng Ngãi đã nhiều lần nổi dậy chống chính quyền phong kiến Đàng Trong suốt các thế kỷ XVI-XVIII. Năm 1695, nhân dân miền núi tham gia cuộc đấu tranh do ông Lịch cầm đầu, và cuộc khởi nghĩa do ông Bá lãnh đạo vào thế kỷ XVIII. Trong phong trào Tây Sơn, Quảng Ngãi là một trong những căn cứ quan trọng của Tây Sơn. Quảng Ngãi đã có nhiều đô đốc, các đại thần phục vụ cho triều Quang Trung.

Năm 1858, thực dân Pháp xâm lược Việt Nam. Mặc dù

1. Tức là đường.

triều đình phong kiến ươn hèn đi từ nhượng bộ này đến nhượng bộ khác và đầu hàng, nhưng cuộc đấu tranh chống xâm lược của nhân dân không lúc nào ngừng.

Người dân Quảng Ngãi trước đây cũng như hiện nay và mai sau vẫn mãi mãi tự hào quê hương mình là một trong những nơi nổ ra tiếng súng đầu tiên chống Pháp trong phong trào Cần Vương. Trước đó, một người lãnh đạo đầu tiên cuộc kháng Pháp cũng là người con Quảng Ngãi - Bình Tây đại nguyên soái, Trung thiên tướng quân Trương Định.

Hơn mười năm sau cuộc khởi nghĩa Trương Định thất bại, tiếng súng kháng Pháp nổ ra ở Quảng Ngãi, mở đầu phong trào Cần Vương ở miền Nam Trung Bộ. Ngay sau khi được tin kinh đô Huế thất thủ, vua Hàm Nghi cùng Tôn Thất Thuyết rút khỏi kinh thành, ra sơn phòng Quảng Trị và xuống chiếu Cần Vương, nhân dân Quảng Ngãi cùng Nghĩa hội gấp rút chuẩn bị lực lượng hưởng ứng và cử Lê Trung Đình làm Chánh quản hương binh. Việc đánh thành Quảng Ngãi trước là để xây dựng làm cơ sở đánh thực dân Pháp, khi chúng kéo đến xâm chiếm quê hương. Ngày 13 tháng 7 năm 1885, Lê Trung Đình cùng một số nghĩa sĩ đưa đội hương binh kéo về thành Quảng Ngãi, vận động những người yêu nước cùng nổi dậy khởi nghĩa chống thực dân Pháp. Nguyễn Thân phản bội làm tay sai cho Pháp đàn áp nghĩa quân, khởi nghĩa thất bại, Lê Trung Đình bị bắt, nhiều nghĩa sĩ hy sinh, trong đó có tú tài Nguyễn Tự Tân. Ngày 23 tháng 7 năm 1885, Lê Trung Đình bị xử tử, song tinh thần yêu nước bất khuất của ông còn sống mãi. Tiếng súng chống Pháp lại nổ ra ở ngay tại xã Đức Tân, Mộ Đức - quê nội của Phạm Văn Đồng, do Trần Du lãnh đạo. Tại đây, nghĩa quân đã mua sắm

vũ khí, lập căn cứ và bí mật liên lạc với nghĩa quân của Phan Đình Phùng đang chiến đấu ở Hà Tĩnh. Kế hoạch bại lộ, Trần Du và nhiều nghĩa quân bị thực dân Pháp giết hại.

Sang đầu thế kỷ XX, cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp vẫn không ngừng phát triển, nhiều người đã tham gia cuộc vận động Duy Tân và đấu tranh vũ trang của Việt Nam Quang phục hội (1908-1916). Những cuộc đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ khá rầm rộ, như cuộc vận động "Khai dân trí - chống dân khí - hậu dân sinh", do Lê Đình Cẩn và Nguyễn Bá Loan (vừa từ Nam Bộ trở về) khởi xướng. Các ông đã bí mật liên hệ với những người vận động Đông du của Phan Bội Châu, nhận tài liệu tuyên truyền yêu nước của cụ Phan, như "Hải ngoại huyết thư", "Việt Nam vong quốc sử", "Tân Việt Nam", v.v. để tuyên truyền, giác ngộ tinh thần yêu nước trong các tầng lớp nhân dân Quảng Ngãi và gửi con em đi du học.

Trong cuộc vận động chống thuế ở Trung Kỳ năm 1908, nhiều tầng lớp nhân dân Quảng Ngãi tham gia rất sôi nổi, thực dân Pháp phải nhượng bộ, chúng phải giảm thuế thân từ 2 đồng 6 hào xuống 2 đồng 1 hào, từ chỗ bắt nhân dân đi xâu dịch liên miên thì nay chúng quy định mỗi tráng đinh phải ba ngày đi xâu. Cuộc đấu tranh chống thuế ở Quảng Ngãi và các tỉnh Trung Bộ nói chung vừa có ý nghĩa đòi quyền lợi kinh tế vừa mang tính chất chính trị. Đó là cuộc phản kháng chế độ hà khắc của thực dân Pháp và phong kiến tay sai, thức tỉnh lòng yêu nước của nhân dân.

Phong trào yêu nước của nhân dân Quảng Ngãi, cũng như của đồng bào cả nước là một cơ sở quan trọng để tiếp nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, do Nguyễn Ái Quốc truyền bá.

Rồi từ tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí hội) đầu tiên ở Quảng Ngãi (1927) đã ra đời Đảng bộ tỉnh. Cách mạng Tháng Tám nổ ra ở Quảng Ngãi (14-8-1945). Trải qua 30 năm chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ, Quảng Ngãi đã có nhiều chiến tích vang dội, đóng góp sức người sức của, cùng cả nước giành thắng lợi hết sức vẻ vang.

Đất nước thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội, Quảng Ngãi với sự nỗ lực của bản thân và sự giúp đỡ của Trung ương, của các tỉnh bạn, đang vượt qua nhiều khó khăn để xây dựng quê hương giàu mạnh. Những Thạch Nham, Dung Quất đang toả sáng mở ra một tương lai tươi đẹp cho vùng đất giàu truyền thống cách mạng này.

Trong dòng chảy của lịch sử dân tộc và quê hương, nhân dân Quảng Ngãi đã sản sinh những người con ưu tú của mình mà thời nào cũng có. Chỉ tính từ phong trào Cần Vương đến nay, Quảng Ngãi đã cung cấp cho đất nước nhiều nhà yêu nước, cách mạng nổi tiếng như Lê Trung Đình, Lê Khiết, Nguyễn Nghiêm, Trương Quang Trọng, Nguyễn Chánh và bao nhiêu anh hùng, liệt sĩ khác¹. Phạm Văn Đồng là một trong những người con ưu tú nhất, tiêu biểu cho tinh thần yêu nước, cách mạng không chỉ của Quảng Ngãi mà cho cả dân tộc.

Trong sự trưởng thành của Phạm Văn Đồng không chỉ có tác động của phong trào cách mạng trong nước và thế giới mà có phần đóng góp của quê hương và của gia đình, đặc

1. Quảng Ngãi có hơn 33.000 liệt sĩ, 3.000 bệnh binh, 15.000 thương bệnh binh, 2.033 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng (Báo "Quảng Ngãi", ngày 27-7-2000).

biệt đối với thời niên thiếu, làm cơ sở cho việc hình thành năng lực tư duy và hoạt động thực tiễn của nhà cách mạng họ Phạm sau này.

Gia phả dòng họ Phạm ở Mộ Đức chép rằng, 12 đời trước, cụ Phạm Công Hiến vốn là người gốc Nghệ An vào sinh sống ở Quảng Ngãi, vào khoảng thế kỷ XVII, thời chúa Nguyễn ở Đàng Trong.

Thân phụ Phạm Văn Đồng là Phạm Văn Nga, con thứ 9 của ông bà Phạm Công Kiểm. Các cụ cao niên ở Mộ Đức và những người thân trong gia đình cho biết cụ Phạm Văn Nga là người học rộng và thi đậu Cử nhân Hán học. Lúc đầu cụ ở nhà dạy học chữ Nho, sau đó, ra làm quan tại triều vua Duy Tân. Đến khi vua Duy Tân bị thực dân Pháp bắt đi đày, cụ lại trở về quê và tiếp tục dạy học.

Một thời gian sau, cụ lâm bệnh và mất tại quê nhà. Cuộc đời làm quan của cụ Phạm Văn Nga tiêu biểu cho cuộc đời một số đồng quan lại triều đình lúc bấy giờ. Họ không đem sức ra phục vụ cho bọn cướp nước để được chức trọng quyền cao, nhưng cũng không noi gương các bậc chí sĩ, vùng lên chống Pháp. Họ đành yên phận thủ thường, cố giữ sự thanh khiết trong cuộc đời. Thực dân Pháp và triều đình phong kiến biết không thu phục được họ, nhưng cũng không có lý do gì trừng phạt nên khuyến khích họ cứ yên phận, có phần tiêu cực này. Năm 1942, triều đình Huế, theo lệnh của Bảo Đại, chỉ dụ cho hai làng sở tại Thi Phổ Nhất và Thi Phổ Nhì (nay là xã Đức Tân, Mộ Đức) phải thờ phụng tế lễ cụ Phạm Văn Nga theo quy định¹.

1. Chỉ dụ hiện còn lưu giữ ở "Nhà lưu niệm Phạm Văn Đồng" xã Đức Tân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Thân mẫu Phạm Văn Đông là Nguyễn Thị Thuần, con thứ 6 của ông bà Nguyễn Văn Thiện, thuộc một dòng họ cùng có nguồn gốc từ miền Bắc vào lập nghiệp ở Quảng Ngãi. Anh em cụ Nguyễn Thị Thuần đều là những người học rộng và đỗ đạt, nhưng không ai ra làm quan. Họ ở nhà dạy học, làm ruộng, một số là địa chủ có thế lực trong vùng.

Ông bà Phạm Văn Nga sinh được 9 người con (7 trai, 2 gái), Phạm Văn Đông là con thứ 8 và là con trai út. Những người trong gia đình cho đến sau này vẫn kính trọng và thân mật gọi Phạm Văn Đông là "ông Tám", "chú Tám".

Hai cụ Phạm Văn Nga và Nguyễn Thị Thuần đã dành hết tâm sức để nuôi dạy các con và hướng họ vào con đường thi cử Nho học. Nhưng khuôn mẫu con người theo lối sống phong kiến chẳng mấy hấp dẫn họ. Khi Phạm Văn Đông chào đời thì cũng là lúc một số trường Tây được mở ở các trung tâm chính trị và kinh tế chủ yếu của đất nước. Cũng như con em các gia đình khá giả khác, Phạm Văn Đông và các anh của mình bị cuốn hút theo trào lưu đó.

Nhiều cán bộ nghiên cứu lịch sử, được Cố vấn Phạm Văn Đông tiếp chuyện và làm việc, đã nêu câu hỏi "Thuở thiếu thời Bác học ở các trường nào?". Cởi mở và chân tình, Phạm Văn Đông nói rất vui: "Bố tôi là một ông quan, to nhỏ tôi không biết, nhưng cũng thuộc hàng tam tứ phẩm gì đó. Vì lúc đó tôi còn rất ít tuổi nên không nhớ. Bố làm quan, con là cậu ấm cũng là lẽ thường tình. Chính bởi vậy mà tôi có điều kiện học hành hơn những người cùng lứa"¹.

Nhanh nhẹn, thông minh vốn là bẩm sinh của Phạm Văn Đông.

1. Theo tài liệu lưu tại Viện Hồ Chí Minh - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Lúc năm, sáu tuổi, Phạm Văn Đồng theo cha sống ở kinh thành Huế, được cha dạy học chữ Hán. Sau đó học tại Trường tiểu học Đông Ba, nơi mà Nguyễn Tất Thành (Bác Hồ) đã học những năm 1905-1906.

Trường nằm gần cửa Đông Ba của kinh thành Huế, một địa điểm rất thuận lợi để học trò có thể chứng kiến những gì diễn ra trong kinh thành, những gì ẩn giấu đằng sau từ ngữ mỉa mai "khai hoá văn minh" mà các quan chức thực dân đang thực hiện ngay tại kinh thành Huế. Họ cũng chứng kiến cuộc sống lầm than của người dân lao động Huế, ngược với cảnh sắc nên thơ của xứ này. Thực tế đó cũng gây một ấn tượng ở cậu học trò Phạm Văn Đồng, tuy chưa sâu đậm nhưng bước đầu cũng gợi ở cậu tình yêu nước thương nòi, nỗi nhục của một dân tộc nô lệ mất nước.

Năm cuối cùng học tại Trường tiểu học Đông Ba, Phạm Văn Đồng chịu hai tang lớn: người cha thân yêu và sau đó là người mẹ lần lượt qua đời.

Học xong bậc tiểu học, Phạm Văn Đồng lên học bậc Thành chung tại Trường Quốc học Huế - một Trường danh tiếng nhất Trung Kỳ thuở đó.

Nguyên Hiệu trưởng Trường Quốc học Huế Đặng Xuân Trưng cho biết trong những lần được tiếp các cụ cao tuổi, vốn là học sinh cũ về thăm trường, thường kể rằng: "Vào những năm 1922-1924, ai đã học ở Trường Quốc học Huế đều rất khó quên hình ảnh một học trò đáng người cao cao, mảnh khảnh, da ngăm đen, trầm tư, học rất giỏi, đặc biệt môn Pháp văn. Người học trò đó rất ít khi tham gia vào những buổi tranh luận với các bạn cùng học, không bao giờ nói chuyện đàm tiếu, nhưng rất nhiệt tình giúp đỡ bạn bè và mê đọc sách. Nhiều buổi chiều tà, con người đó tay cầm quyển

sách và chân vẫn rê trái bóng trên hè dọc đường Giun Pheri (Jules Ferry), nay là đường Lê Thái Tổ. Đó là Phạm Văn Đồng - người học trò thường có chân trong đội bóng của lớp".

Tuổi niên thiếu của Phạm Văn Đồng gắn liền với quê hương và những năm tháng cuộc đời học trò ở kinh thành Huế như con em những nhà quan lại khác - những "cậu ấm"- như Phạm Văn Đồng thường nói vui.

2. Từ người học sinh yêu nước trở thành nhà cách mạng

Vượt lên nhiều bạn học ở Trường Quốc học Huế, Phạm Văn Đồng sớm có ý thức yêu nước. Vậy điều gì khiến Phạm Văn Đồng từ một "cậu ấm" trở thành một nhà yêu nước, một chiến sĩ cách mạng chân chính? Đây là vấn đề mà nhiều người làm công tác nghiên cứu lịch sử quan tâm tìm hiểu. Việc giải thích hiện tượng này không thể không hiểu biết về tình hình của thế giới và trong nước, có tác động đến phong trào yêu nước của nhân dân ta nói chung, đến mỗi người Việt Nam, trong đó có Phạm Văn Đồng.

Ở Trường Quốc học Huế, một số sách báo tiến bộ và cách mạng như *Luymanitê* (L'Humanité), *Thư tín quốc tế* (Correspondance international), *Người cùng khổ* (Le Paria) đã đến với nhiều học trò. Họ đã tiếp cận được một luồng thông tin mới và trong nhiều người đã nảy sinh những suy tư mới. Họ hiểu thêm về diễn biến tình hình quốc tế, tội ác của chủ nghĩa thực dân và cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân các nước thuộc địa và phụ thuộc, trong đó có cuộc đấu tranh chống sự nô dịch của thực dân Pháp, giành độc lập của nhân dân Việt Nam. Đặc biệt họ được biết có một người Việt Nam yêu nước đã dũng cảm luận tội chủ nghĩa thực dân Pháp ngay trong lòng nước Pháp, đã dũng cảm đấu tranh vì

độc lập của Tổ quốc mình ngay tại sào huyệt của chủ nghĩa thực dân. Người yêu nước đó là Nguyễn Ái Quốc.

Trong bối cảnh ấy, cũng như nhiều học sinh, thanh niên khác, Phạm Văn Đồng cùng tìm đến Nguyễn Ái Quốc: "Tôi bắt gặp Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh qua một bức ảnh. Hồi đó, tôi học năm thứ tư Thành chung. Một hôm, tôi được xem ảnh một người còn trẻ, đội mũ phớt tròn, là kiểu mũ thường dùng lúc bấy giờ ở châu Âu, con người ấy toát ra một sức hấp dẫn lạ lùng. Hồi đó mọi người chuyền tay cho nhau xem đều biết là ảnh Nguyễn Ái Quốc, với những tin tức từ Pháp truyền về làm nổi bật hoạt động của Người ở Pháp"¹.

Như lớp trẻ Trường Quốc học Huế hồi đó, Phạm Văn Đồng đâu đã hiểu chủ nghĩa cộng sản là gì, càng chưa có ý niệm về "cách mạng giải phóng dân tộc" và "cách mạng vô sản quốc tế". Nhưng bằng trí thông minh, lòng ham hiểu biết, Phạm Văn Đồng đã hỏi rằng: "Tại sao một người thông minh như Nguyễn Ái Quốc lại có những hành động phi thường dường vậy?", "Động lực và sức mạnh nào khiến Người đã dũng cảm vạch trần sự xấu xa, tàn bạo của thực dân Pháp đối với các thuộc địa ngay tại sào huyệt của nó?". Lúc đó Phạm Văn Đồng và nhiều bạn học chưa có thể trả lời được, dù họ rất hâm mộ Nguyễn Ái Quốc. Câu trả lời đang đợi Phạm Văn Đồng ở phía trước, khi ông đi theo con đường cách mạng của Nguyễn Ái Quốc. Sự dẫn dắt kỳ lạ của Nguyễn Ái Quốc mà Phạm Văn Đồng cảm nhận được tạo cho ông "một cơ hội lớn, một dịp may đầu tiên"², một tiền đề tư tưởng đưa ông

1, 2. Theo tài liệu lưu tại Viện Hồ Chí Minh - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

tiếp cận với con đường Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh và trở thành một trong những học trò xuất sắc của Người.

Bước chuyển đầu tiên trong cuộc đời của Phạm Văn Đồng bắt đầu từ sự khâm phục một con người vĩ đại mà ông chưa hề biết mặt, nhưng hấp dẫn về lòng yêu nước nồng nhiệt. Sự chuyển biến này rất quan trọng, mở đường cho hoạt động yêu nước, cách mạng của Phạm Văn Đồng sau đó đặc biệt trong thời kỳ học tập ở Trường Bảo hộ (Trường Bưởi).

Mùa hè năm 1924 rời Trường Quốc học Huế với tám bằng Thành chung, Phạm Văn Đồng ra Hà Nội học ban tú tài của Trường Bưởi.

Những năm tháng tại Trường Bưởi, Phạm Văn Đồng học giỏi, mê bóng đá, song cuốn hút Phạm Văn Đồng nhiều hơn cả là sách. Một số người học ở trường cùng thời với Phạm Văn Đồng kể lại rằng không khi nào trong tay Phạm Văn Đồng không có cuốn sách và hấp dẫn nhất đối với Anh là sách văn học. Anh say sưa đọc những tác phẩm của Víchto Huygô, của Bandắc, những tác phẩm mang tính triết lý của Môngtétxkiơ, của Hêghen. Tuy vậy, Phạm Văn Đồng vẫn dành cho mình những giây phút thanh thoi, thư giãn để ngắm cảnh trời nước Tây Hồ, trầm tĩnh và suy tưởng bởi sự tôn nghiêm của đền Quan Thánh, chùa Trấn Quốc và phủ Tây Hồ. Đó là lúc Phạm Văn Đồng tâm tưởng sâu sắc về nghĩa nước tình nhà.

Giữa lúc Phạm Văn Đồng đang học năm thứ hai bậc tú tài thì một sự kiện lớn đã đến với cuộc đời Anh - gặp gỡ tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tại Hà Nội, tham gia hoạt động sôi nổi trong phong trào yêu nước lúc bấy giờ.

Cuối năm 1925, thực dân Pháp bắt cóc nhà chí sĩ yêu nước Phan Bội Châu ở Thượng Hải, đưa về giam tại nhà tù

Hoả Lò, Hà Nội. Mặc dù chúng ra sức bưng bít nhưng tin cụ Phan Bội Châu bị bắt, bị án tử hình đã nhanh chóng lọt ra ngoài và lan truyền rộng rãi. Tại các đô thị lớn như Hà Nội, Sài Gòn, Huế, Nam Định phong trào vận động lấy chữ ký đòi thả Phan Bội Châu diễn ra rất sôi nổi.

Cùng thời điểm đó, tin cụ Phan Châu Trinh vừa từ Pháp về nước đã đột ngột từ trần vào tháng 3 năm 1926. Thế là phong trào đòi thả Phan Bội Châu cùng với phong trào để tang Phan Châu Trinh phát triển thành một làn sóng đấu tranh mạnh mẽ trong cả nước.

Phạm Văn Đồng đã tham gia phong trào này ở Hà Nội; "Khoảng cuối năm 1925 đầu năm 1926, cả nước có một cuộc vận động rất lớn, thực tế là một cuộc biểu dương lực lượng. Đó là cuộc đấu tranh đòi thả Phan Bội Châu và để tang Phan Châu Trinh. Phong trào này lan rộng khắp từ Nam chí Bắc và đặc biệt sôi nổi ở các trường học Hà Nội, gần như toàn bộ học sinh Trường Bưởi, Trường Y khoa, Trường Kỹ nghệ thực hành, v.v. đều bãi khoá. Lúc đó tôi đang học ở Trường Bưởi. Rất bỗng ngột ngay thơ, chúng tôi tham gia bãi khoá một cách tự nhiên. Bản thân tôi cũng không biết ai là người tổ chức, lãnh đạo. Thanh niên học sinh chúng tôi người nọ rí tai người kia, rú nhau, thế là cùng bãi khoá.

Chúng tôi đeo băng tang đen, nhiều người giương cả khẩu hiệu "Đả đảo đế quốc Pháp", "Đả đảo chế độ thuộc địa". Sau này nghĩ lại tôi thấy rõ ràng phải có tổ chức, có lãnh đạo, nhưng là ai kỳ thực thì chịu"¹. Phạm Văn Đồng bị theo dõi; "Khi tôi tham gia bãi khoá, cảnh sát gọi tôi lên mấy lần. Nó

1. Tài liệu lưu tại Tổ Nghiên cứu Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Quảng Ngãi.

hỏi họ tên, quê quán, gia đình thế nào, làm gì. Nó làm hồ sơ theo dõi, nhưng mình ngày thơ không biết"¹.

Nhà cầm quyền thuộc địa hoảng sợ trước phong trào yêu nước của quần chúng và tiến hành một chiến dịch khủng bố khá quyết liệt. Nhiều người hăng hái đi đầu phong trào, giữ cương vị tổ chức lãnh đạo bị bắt; nhiều học sinh, sinh viên bị đuổi học. Phạm Văn Đồng cũng bị đuổi học, Anh không hề ân hận hay luyến tiếc về những việc mình đã làm và càng suy tưởng về những điều đã thấy, đã nghe. Lang thang giữa phố phường Hà Nội, ngoài những người cùng tham gia bãi khoá và bị đuổi học, Phạm Văn Đồng còn gặp gỡ một người bạn cùng quê - Trương Quang Trọng. Lúc bấy giờ Trọng là sinh viên năm thứ hai Trường Y khoa Hà Nội, tham gia bãi khoá, cũng bị đuổi học. Sau đôi lần trao đổi, Trương Quang Trọng rủ Phạm Văn Đồng về quê, nhưng Anh vẫn phân vân chưa quyết định. Phạm Văn Đồng kể: "Tôi gặp anh Trọng ở Hà Nội, anh học năm thứ hai Trường Y. Anh tham gia bãi khoá và cũng bị đuổi học. Là người cùng quê, chúng tôi chuyện trò với nhau, anh Trọng nhiều hơn tôi một, hai tuổi, anh rủ tôi về quê, mọi chuyện tính sau. Tôi đang phân vân chưa tính ra, anh về quê trước. Sau này sang Quảng Châu, tôi và anh Trọng lại cùng học"².

Khoảng cuối năm 1926, tại nhà ông bà Trịnh Văn Bân, Phạm Văn Đồng đã nhiều lần gặp gỡ và trao đổi với Nguyễn Công Thu và Vương Văn Mùi. Với nhiệm vụ là hội viên chi hội Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên Hà Nội, Nguyễn

1. Tài liệu lưu tại Tổ Nghiên cứu Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Quảng Ngãi.

2. Theo tài liệu lưu tại Viện Hồ Chí Minh - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Công Thu và Vương Văn Mùi hỏi thăm tình hình tham gia bãi khoá của Phạm Văn Đồng, biểu thị sự đồng cảm với những hành động yêu nước của những thanh niên học sinh. Một lần, Nguyễn Công Thu đột nhiên hỏi Phạm Văn Đồng: "Anh có muốn xuất dương không?". Phạm Văn Đồng trả lời "có". Nghĩ lại quá trình đến với con đường cách mạng vô sản, con đường Hồ Chí Minh, Phạm Văn Đồng tâm sự: "Cuộc đời tôi có ba dịp may và cũng là ba cơ hội lớn. Dịp may đầu tiên là lúc học tại Trường Quốc học Huế được nhìn thấy tấm ảnh của Nguyễn Ái Quốc chụp khi hoạt động ở Pháp. Chính sự "hấp dẫn kỳ lạ" của bức ảnh đã làm tôi ngày đêm suy tưởng về con đường đi tới. Dịp may thứ hai hay cơ hội lớn thứ hai là gặp được những hội viên thanh niên do Nguyễn Ái Quốc huấn luyện cử về nước vận động, tuyên truyền. Và dịp may, cơ hội lớn thứ ba là được lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trực tiếp huấn luyện để sau này nhiều năm được làm việc bên Người và trở thành một trong những cộng sự đắc lực của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh"¹.

Dịp may thứ ba mà Phạm Văn Đồng nói bắt đầu từ tháng 10-1926, khi chuyến tàu Hà Nội - Lạng Sơn rời ga Hàng Cỏ (Hà Nội), đưa Anh cùng với khoảng 30 thanh niên khác do các chi hội thanh niên giới thiệu lên đường đi Quảng Châu - nơi Nguyễn Ái Quốc và trường học cách mạng đang chờ đón.

Từ "cậu ấm con quan", "cậu tú Trường Bưởi", Phạm Văn Đồng bước vào cuộc đời nhà hoạt động cách mạng chuyên nghiệp, khi vừa tròn 20 tuổi. Đó là chặng đường đầu tiên, mở

1. Theo tài liệu lưu tại Viện Hồ Chí Minh - Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

đường cho một quá trình chiến đấu gian lao, song vẻ vang tiếp sau của Phạm Văn Đồng.

Phạm Văn Đồng không khỏi bùi ngùi, thương nhớ về quê hương, Tổ quốc. Hình ảnh khổ cực của nhân dân quê nhà, của cả dân tộc dưới gót giày thực dân, với những ngôi nhà xiêu vẹo, những người dân đói rách làm ăn lam lũ... gọi lên ở Anh nỗi đau mất nước. Tiếng bom của Phạm Hồng Thái, lời kêu gọi cứu nước của nhà yêu nước Nguyễn Ái Quốc, của tổ chức cách mạng mà Anh tham gia, v.v. như vang vọng trong tâm trí, thôi thúc và củng cố quyết tâm ra đi của Anh.

Tại Quảng Châu, trong lớp huấn luyện đào tạo cán bộ, lần đầu tiên Phạm Văn Đồng gặp đồng chí Vương lãnh đạo và giảng viên chính của lớp mà ngay từ lần đầu tiên Anh đã nhận ngay đó là Nguyễn Ái Quốc, do Anh và các bạn đã nhìn thấy ảnh in trên một tờ báo Pháp, khi học ở Trường Quốc học Huế.

Nhờ cách truyền đạt giản dị, dễ hiểu, nhưng sâu sắc của các giảng viên, với tư chất thông minh vốn có và lòng khát khao tìm đến một con đường mới để cứu nước, cứu dân, Phạm Văn Đồng đã tiếp thu một cách nhanh chóng những tư tưởng mới - tư tưởng cách mạng vô sản. Trong những ngày ở lớp huấn luyện, Phạm Văn Đồng luôn luôn là một học viên xuất sắc. Anh thường xuyên giảng giải cho các bạn cùng khoá những vấn đề khó.

Khoảng đầu năm 1927, lớp học kết thúc. Các học viên lần lượt trở về nước hoạt động. Sau khi được kết nạp vào Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, Phạm Văn Đồng được Tổng hội thanh niên giữ lại làm công tác đối ngoại của Hội tại Quảng Châu.

Trong thời gian này, Phạm Văn Đồng có điều kiện để học

tập thêm và tự bồi dưỡng về chủ nghĩa cộng sản. Anh lại được gặp đồng chí Nguyễn Ái Quốc nhiều hơn, mở đầu cho mối quan hệ khăng khít, lâu dài giữa người học trò - nhà cách mạng Phạm Văn Đồng - với người thầy - lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh.

Nhớ lại thời kỳ này, Phạm Văn Đồng kể rằng: "Lớp học ít người nên có điều kiện gặp gỡ giảng viên, có cơ hội đi sâu vào nhiều vấn đề, vẫn là vấn đề độc lập dân tộc, chủ nghĩa quốc tế, vô sản hoá... Lúc đó Nguyễn Ái Quốc nói theo từ ngữ xưa, nhưng nội dung là một thời. Người dạy và người học có quan hệ rất chân tình, giảng viên nói lời nào là vào trong đầu lời đó.

... Con người Nguyễn Ái Quốc có sức thuyết phục sâu sắc, sức truyền cảm mạnh mẽ"¹.

Những ngày ở Quảng Châu không dài, song để lại ở Phạm Văn Đồng những ấn tượng sâu sắc. Lần đầu tiên, Anh được học tập chủ nghĩa Mác - Lênin có hệ thống, mở đầu cho việc tiếp tục học tập và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào cách mạng Việt Nam. Một ngày cuối tháng 4-1927, Phạm Văn Đồng về tới Hà Nội và bắt đầu cuộc đời của nhà hoạt động cách mạng chuyên nghiệp.

Lúc đầu, Phạm Văn Đồng được bố trí ở trong một gia đình tại ngõ Túc Mặc, phố Hàng Bông, vốn là gia đình mà Anh đã trọ học trước đây. Anh đã tìm cách liên hệ với tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên Hà Nội, song do bận mật thám theo dõi gay gắt, Phạm Văn Đồng quyết định vào hoạt động ở Nam Kỳ.

1. Phạm Văn Đồng: *Bài nói chuyện với một số cán bộ Viện Hồ Chí Minh*, ngày 22-11-1989. Tài liệu lưu tại Viện Hồ Chí Minh - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Vào khoảng tháng 7 năm 1927, Anh về Quảng Ngãi thăm gia đình và cuối năm đó Anh vào Sài Gòn. Tại đây, Anh gặp Phan Trọng Bình - một trong những người lãnh đạo của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Nam Kỳ. Phạm Văn Đồng được phân công tuyên truyền vận động học sinh và trí thức; Anh xin vào dạy học ở Trường Tư thực Huỳnh Văn Trợt. Là một thầy giáo giỏi về chuyên môn, Phạm Văn Đồng được học trò và đồng nghiệp yêu quý. Trong các câu chuyện hằng ngày cũng như trong các bài giảng Anh thường lồng tư tưởng yêu nước và cách mạng.

Trong thời kỳ này, Phạm Văn Đồng vừa dạy học, vừa tuyên truyền vận động gây cơ sở cách mạng, vừa tự bồi dưỡng tri thức cách mạng. Anh thường trích một phần thu nhập vào việc mua sách, báo, tạp chí bằng tiếng Pháp và tiếng Việt. Chỉ sau một thời gian ngắn Anh đã có tới mấy tủ sách, gồm những tác phẩm văn học, triết học và nhiều bộ sách quan trọng, như *Tư bản*, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*... và tạp chí *Cộng sản*.

Ở Nam Kỳ, Phạm Văn Đồng được bầu làm Bí thư Kỳ bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất của Hội, họp tại Hương Cảng (Trung Quốc). Tại Đại hội này, Phạm Văn Đồng đã gặp các bạn cùng quê - Trương Quang Trọng và Nguyễn Thiệu cũng là đại biểu dự Đại hội. Sau Đại hội, Phạm Văn Đồng về Nam Kỳ, cùng với các đồng chí khác như Châu Văn Liêm, chuẩn bị thành lập một Đảng Cộng sản.

Vào trung tuần tháng 7 năm 1929, Phạm Văn Đồng được cử ra miền Trung tìm gặp Nguyễn Thiệu để tham khảo ý kiến về việc thành lập Đảng.

Ngày 29 tháng 7 năm 1929, khi từ Quảng Ngãi vào Sài Gòn, Phạm Văn Đồng bị mật thám bắt.

Sau khi Phạm Văn Đồng bị bắt, với sự nỗ lực hoạt động của Châu Văn Liêm, vào thượng tuần tháng 8 năm 1929 An Nam Cộng sản Đảng được thành lập.

An Nam Cộng sản Đảng đã ra quyết định công nhận Phạm Văn Đồng, Tôn Đức Thắng và một số đồng chí khác là đảng viên, mặc dù các đồng chí này đang bị địch giam giữ tại khám lớn Sài Gòn, tuy không trực tiếp tham gia thành lập tổ chức cộng sản này, song Phạm Văn Đồng là một trong những người chủ yếu chuẩn bị cho sự ra đời của Đảng.

Từ năm 1925, khi tham gia phong trào yêu nước và sau đó học tập ở Quảng Châu, đến khi bị bắt ở Sài Gòn, Phạm Văn Đồng đã hoạt động theo con đường cứu nước mà Nguyễn Ái Quốc đã xác định. Từ một người yêu nước, Anh dần dần trở thành người mácxít lêninnít, tham gia chuẩn bị cho việc thành lập một tổ chức cộng sản ở Việt Nam.

3. Người tù Côn Đảo

Sau gần một năm giam giữ tại khám lớn Sài Gòn, không khai thác được gì ở Phạm Văn Đồng, tháng 6-1930, thực dân Pháp đưa đồng chí ra xét xử tại toà án Sài Gòn.

19 giờ 30 phút ngày 17 tháng 6 năm 1930, bọn quan toà thực dân tuyên án Phạm Văn Đồng 10 năm tù cấm cố ở Côn Đảo.

Chế độ nhà tù ở Côn Đảo vô cùng khắc nghiệt. Lao động khổ sai, roi còng, xiềng, xà lim, hầm xay lúa, ăn uống kham khổ là để giết hại dần người tù.

Vì vậy ngay từ những năm đầu khi nhà tù Côn Đảo được thiết lập, nhiều cuộc đấu tranh của tù nhân chống chế độ nhà tù đã diễn ra liên tục. Cuộc đấu tranh đó càng phát triển mạnh mẽ khi thực dân Pháp đày những người tù cộng sản ra

đảo này. Đồng chí Phạm Văn Đồng cũng trải qua những năm tháng tù đầy cơ cực như vậy, song vẫn giữ vững phẩm chất, khí tiết của người cách mạng yêu nước.

Ra tới Côn Đảo, Phạm Văn Đồng bị giam ở khám chống án¹. Đồng chí bị giam cùng với những người cộng sản khác ở Banh II và tích cực tham gia vào cuộc thảo luận với chủ đề: "Có nên thành lập tổ chức Đảng ở nhà tù Côn Đảo không?", "Những người tù cộng sản sẽ hoạt động như thế nào trong tù?"... Cuộc thảo luận, do tính chất phức tạp của nó cùng với những điều kiện không thuận lợi trong nhà tù, đã kéo dài nhiều tháng.

Trong khi cuộc thảo luận về việc thành lập tổ chức Đảng còn đang tiếp tục thì cuối năm 1930 bọn chúa ngục chuyển Phạm Văn Đồng cùng một số tù chính trị ra đảo Hòn Cau.

Hòn Cau là một đảo nhỏ cách thị trấn Côn Đảo 12 km về phía đông. Hòn Cau rộng 1,8 km², ba mặt là vách đá. Tuy bị cách biệt với đất liền, với các đồng chí bị giam ở đảo chính, nhưng tù nhân Hòn Cau không ngừng đấu tranh. Thêm vào đó, sự phát triển mạnh mẽ của phong trào cách mạng trong nước vào những năm 1930-1931 và cuộc vượt ngục thất bại của những người tù Quốc dân Đảng vào đầu năm 1932 đã buộc bọn chúa ngục Côn Đảo phải đưa những người tù chính trị từ Hòn Cau về giam tại Banh II ở đảo chính; trong số tù nhân này có Phạm Văn Đồng.

1. Đối với những tù nhân bị xét xử ở toà án Sài Gòn - thuộc địa của Pháp - thì sau khi bị kết án được phép làm đơn kháng án lên Chính phủ Pháp. Tuy nhiên, đây chỉ là lừa bịp, nhằm chia rẽ, phân biệt người dân Nam Kỳ thuộc địa với người dân "bảo hộ" ở Bắc, Trung Kỳ. Bởi vì hầu hết các bản án đều bị Chính phủ Pháp y án.

Ngay sau khi bị đưa từ Hòn Cau về Banh II, Phạm Văn Đồng đã tích cực tham gia vào những hoạt động chung của những người cộng sản ở banh này. Giỏi tiếng Pháp, có trình độ văn hoá cao, Phạm Văn Đồng được tù nhân bầu vào ban lãnh đạo banh. Với cương vị là đại diện tù nhân, đồng chí luôn đi đầu trong các cuộc đấu tranh với bọn sếp banh, cai ngục, đòi cải thiện đời sống người tù ở Banh II, đồng thời phối hợp với những người cộng sản Banh I đấu tranh chống chế độ khổ sai, chống đánh đập tù nhân.

Sau khi phong trào Xôviết Nghệ Tĩnh bị đàn áp, thực dân Pháp bắt và đưa ra Côn Đảo nhiều chiến sĩ cách mạng, trong đó có những người có trình độ lý luận. Cùng với Ban lãnh đạo Banh II, Phạm Văn Đồng có nhiều đóng góp trong việc tổ chức và lãnh đạo tù nhân đấu tranh buộc bọn chúa ngục Côn Đảo phải chấp nhận yêu cầu đòi cải thiện sinh hoạt, như được nhận thư từ, sách báo, được tổ chức các hoạt động văn hoá - văn nghệ và học tập lý luận chính trị.

Phạm Văn Đồng vẫn tiếp tục đảm nhận việc giảng dạy văn hoá và lý luận như thời kỳ ở Hòn Cau, ra sức thực hiện chủ trương "biến nhà tù đế quốc thành trường học cách mạng".

Nhờ sự giúp đỡ của binh lính, thuỷ thủ và những công chức tiến bộ ở bưu điện, nhà thương, nhà đèn, những người tù cộng sản ở Côn Đảo đã mua được nhiều tác phẩm lý luận, như *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, *Chống Duyrinh*, nhiều tập của bộ *Tư bản* của Mác và Ăngghen, cùng những tác phẩm của Lênin. Phạm Văn Đồng đã lược dịch và tóm tắt nhiều tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin, tham gia biên soạn tài liệu theo chương trình học tập cho tù cộng sản ở Banh II Côn Đảo.

Đồng chí Nguyễn Tấn Thức - một người tù Côn Đảo trong những năm 1933-1936 nhớ lại: "Bây giờ nhớ lại Anh Đồng thời kỳ ở Côn Đảo là tôi nhớ ngay đến hình ảnh một người cầm quyển sách, cặp sau lưng, đi đi lại lại ở hành lang vừa đọc vừa suy nghĩ. Có thể nói ở Côn Đảo, Anh Đồng là người đọc nhiều nhất. Vì trước hết Anh là người ham học lại có trình độ văn hoá cao hơn anh em khác"¹. Cùng với các đồng chí Nguyễn Văn Cừ, Lê Duẩn, Bùi Công Trưng..., Phạm Văn Đồng phụ trách việc học tập của tù nhân Côn Đảo với nhiều hình thức rất phong phú: tự đọc sách, thảo luận về những vấn đề phức tạp hoặc quây quần với nhau trong khám giam nghe giảng giải những vấn đề lý luận, nội dung những tác phẩm văn học có giá trị...

Tháng 6 năm 1936, Chính phủ của Mặt trận Bình dân Pháp lên cầm quyền, thi hành một số quyền lợi cho quần chúng lao động ở trong nước và các thuộc địa theo cương lĩnh của Mặt trận Bình dân Pháp, trong đó có việc trả tự do cho một số tù chính trị.

Tháng 7 năm 1936, chúa ngục Côn Đảo Buvie hậm hực ghi vào hồ sơ của Phạm Văn Đồng trước khi buộc phải thả đồng chí về đất liền, theo lệnh ân xá của Chính phủ Pháp "A ne pas le renvoyer dans son pays, sa libération constitue un danger pour l'Etat", (Đừng có đưa người tù này về xứ sở của nó, việc phóng thích anh ta sẽ trở thành một mối nguy hiểm cho nhà nước).

Ngày 14 tháng 7 năm 1936, con tàu trở tù chính trị từ Côn Đảo cập bến Sài Gòn.

1. Hồi ký của Nguyễn Tấn Thức. Tài liệu lưu tại Viện Hồ Chí Minh-Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Ngày 17 tháng 7 năm 1936, Thống đốc Nam Kỳ ra Nghị định trả tự do cho Phạm Văn Đồng.

Trong thời gian bảy năm ở nhà tù Côn Đảo, Phạm Văn Đồng càng được tôi luyện hơn trong lò lửa đấu tranh cách mạng và có nhiều đóng góp thiết thực cho Đảng, đặc biệt trong việc bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cách mạng.

4. Bị quản thúc ở Quảng Ngãi

Sau khi được trả tự do, Phạm Văn Đồng ở lại Sài Gòn bắt liên lạc với Đảng và tiếp tục hoạt động, nhưng ý định đó không thực hiện được. Thực dân Pháp coi Phạm Văn Đồng là "một phần tử nguy hiểm" cho nên thống trị của Pháp ở Đông Dương nên Thống đốc Nam Kỳ đã ra lệnh trục xuất và đưa về quản thúc tại Quảng Ngãi¹.

Do bị tù đầy ở Côn Đảo nên sức khỏe của Phạm Văn Đồng bị suy sụp, bệnh phổi tái phát, phải nghỉ chữa bệnh một thời gian dài tại Mộ Đức. Tuy vậy, theo lệnh của nhà cầm quyền, mật thám Pháp vẫn ngày đêm theo dõi mọi hành động của Phạm Văn Đồng. Để che mắt địch, đồng chí nhận dạy một vài học trò nhỏ và những người cháu - con các anh tại quê nhà.

Biết mật thám theo dõi gắt gao nên Phạm Văn Đồng không chủ định bắt liên lạc với tổ chức Đảng ở Quảng Ngãi, vì cho rằng mình là tù chính trị đang bị quản thúc cần phải bảo đảm bí mật cho tổ chức, phải tìm một hình thức và phương pháp bắt liên lạc với Đảng một cách có lợi nhất.

Đầu năm 1937, Phạm Văn Đồng quyết định ra Hà Nội, tìm cách chấp nối với tổ chức Đảng trong những điều kiện thuận lợi hơn.

1. Nghị định số 3352, ngày 17-7-1936 của Thống đốc Nam Kỳ.

Một ngày đầu tháng giêng năm 1937, Phạm Văn Đồng bí mật rời Quảng Ngãi. Để đánh lạc hướng bọn mật thám, đồng chí lên tàu ở ga Vạn Tây đi vào Nha Trang, sau đó từ Nha Trang ra Hà Nội¹.

Nhưng hoạt động của Phạm Văn Đồng ở Hà Nội trong thời gian này cũng không tránh được sự theo dõi của mật thám Pháp. Ngày 15 tháng 4 năm 1937, Phạm Văn Đồng bị gọi lên Sở Liêm phóng và được thông báo Nghị định của Thống sứ Bắc Kỳ số 852 về việc trục xuất đồng chí ra khỏi Hà Nội. Ngay ngày hôm sau một tên lính khố xanh áp tải Phạm Văn Đồng về Quảng Ngãi.

Khi về lại Quảng Ngãi, tuy bị mật thám theo dõi chặt chẽ, lần này Phạm Văn Đồng tìm cách liên hệ với địa phương để hoạt động. đồng chí đã bí mật liên lạc với Đảng bộ, góp ý với các đồng chí ở địa phương về xây dựng Đảng, hướng dẫn các đồng chí nghiên cứu sách báo công khai của đảng, vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng vào tình hình cụ thể địa phương để lãnh đạo phong trào đấu tranh của nhân dân đòi dân sinh dân chủ.

Phạm Văn Đồng đã viết một số bài báo đăng trên Tạp chí Đỏ - cơ quan ngôn luận của Tỉnh uỷ Quảng Ngãi².

Mặc dù bị quản thúc tại Mộ Đức, không trực tiếp tham

1. Trên tàu đi Nha Trang, Phạm Văn Đồng đã bỏ vào thùng thư trên tàu một lá thư gửi về cho gia đình, không đề địa chỉ. Vì vậy, mật thám và cả gia đình đều không biết Anh đi đâu và bỏ thư từ đâu.

2. Theo tài liệu của Tổ Nghiên cứu Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Quảng Ngãi trong thời gian này Tạp chí Đỏ đã đăng các bài của Phạm Văn Đồng: "Tình hình quốc tế và sự chỉ đạo chiến lược của Đảng Cộng sản Đông Dương", "Những đảng viên Cộng sản và những người dân chủ phải làm gì?", "Bộ mặt thật của Tờótkit và AB đoàn".

gia lãnh đạo phong trào cách mạng địa phương, nhưng Phạm Văn Đồng đã có những đóng góp quan trọng vào hoạt động của Đảng bộ, nhân dân Quảng Ngãi trong phong trào Mặt trận Dân chủ (1936-1939)¹.

Ngay sau khi Thống sứ Bắc Kỳ ra lệnh trục xuất Phạm Văn Đồng về quản thúc tại quê, báo Le Travail (Lao động) đã lên tiếng phản đối nhà cầm quyền thực dân đối xử bất công với đồng chí nói riêng, với những người nguyên là tù chính trị nói chung.

Trong bài "Đồng chí Phạm Văn Đồng của chúng ta bị trục xuất về Trung Kỳ" có đoạn viết: "Theo Nghị định ngày 12 tháng 4 của ông Thống sứ, đồng chí Phạm Văn Đồng của chúng ta vừa bị trục xuất về Trung Kỳ. Ông Đồng là một tù chính trị được tha vừa từ Côn Đảo trở về. Sau khi nhận được giấy mời của Hiệu trưởng một trường tư tại Hà Nội, ông đã được phép đến Hà Nội để dạy thử. Mặt khác vừa khi đến thủ phủ Bắc Kỳ ông đã cùng một vài người bạn mở một hiệu buôn.

Không còn trông chờ gì vào chính quyền độc đoán, ngày 15 tháng 4, ông Đồng bị gọi lên Sở Liêm phóng và nhận được thông báo bắt buộc bị trục xuất.

Vẫn như mọi khi, lần này cũng không có lý do.

Trước khi bị bắt, ông Đồng là thầy giáo. Chừng nào còn phải sống ở trong quê thì ông Đồng sẽ bị tước hết mọi kế sinh nhai. Những quyền lợi sống còn ấy của một người tù chính trị được tha không hề được chính phủ thuộc địa lưu ý"².

1. Theo tài liệu của Tổ Nghiên cứu Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Quảng Ngãi.

2. Theo tài liệu lưu tại Viện Hồ Chí Minh - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Bài báo đã gây nên cuộc đấu tranh của các tầng lớp nhân dân bên vực Phạm Văn Đồng, phản đối chế độ độc đoán của nhà cầm quyền thực dân đối với những người nguyên là tù chính trị. Tình hình đó ít nhiều đã tác động đến một bộ phận công chức Pháp ở Đông Dương.

Năm 1938, để thoát khỏi chế độ quản thúc, Phạm Văn Đồng đã nhiều lần phản kháng hành động của nhà cầm quyền thực dân, đòi được tự do cư trú và tự do hành nghề. Tháng 8 năm 1938, Phạm Văn Đồng đã trực tiếp gặp Công sứ Pháp ở Quảng Ngãi và nói rõ "là người thầy giáo, tôi không thể sống ở quê được, ông đối xử với tôi thế này thật quá đáng, đưa tôi về đây tôi biết sinh sống thế nào? Tôi cần phải được ra Hà Nội". Không thể từ chối trước yêu cầu chính đáng đó, Công sứ Quảng Ngãi buộc phải chấp nhận. Ông ta đã viết cho Thống sứ Bắc Kỳ một bức thư ngắn: "Người này không thể sống được ở quê. Phải cho anh ta ra Hà Nội. Tôi có thể nhầm, nhưng tôi cứ gửi anh ta ra và ngài có thể giúp được thì ngài giúp anh ta"¹.

Thống sứ Bắc Kỳ đã đồng ý cho Phạm Văn Đồng ra Hà Nội nhưng chỉ cho phép ở đó trong thời hạn một tháng².

1. Theo thư của Công sứ Quảng Ngãi gửi Thống sứ Bắc Kỳ số 2851 ngày 23 tháng 8 năm 1938, tài liệu lưu tại Viện Hồ Chí Minh - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

2. Theo hồi ký của các đồng chí Nguyễn Văn Hoan, Nguyễn Kim Cương, Nguyễn Tấn Thúc, v.v... trong thời gian này Phạm Văn Đồng đã viết một số bài cho tờ "Le travail", "Notre voix", ... Ngoài ra để đánh lạc hướng sự theo dõi của mật thám, đồng chí có viết một bài cho tờ báo của một người Pháp "Le volonté Indochinoise" (Ý chí Đông Dương). Các bài này thường đứng tên Nguyễn Kim Cương, nội dung đả kích chế độ quan lại Nam triều và phê phán chính sách của Pháp ở Đông Dương (Theo tài liệu lưu tại Viện Hồ Chí Minh).

Cuối tháng 8 năm 1938, Phạm Văn Đồng ra Hà Nội liên lạc với nhóm giáo sư tiến bộ Trường Thăng Long và xin vào dạy tại trường. Hằng ngày sau giờ lên lớp, đồng chí đọc sách báo, tìm hiểu tình hình và viết bài cho một số tờ báo xuất bản công khai của Đảng.

Giữa lúc đang gặp nhiều khó khăn khi hoạt động ở Hà Nội - không nhà cửa, việc làm bấp bênh, mặt thám luôn rình rập thì Đảng đã bắt liên lạc và giao cho Phạm Văn Đồng nhiệm vụ mới.

Một buổi chiều cuối năm 1939, Phạm Văn Đồng có một cuộc hẹn quan trọng trên đường Cổ Ngư (hiện nay là đường Thanh Niên) với một người bạn tù Côn Đảo - đồng chí Nguyễn Văn Cừ. Phạm Văn Đồng đã đặt ra nhiều câu hỏi về tình hình trong nước và trên thế giới, về vấn đề hoạt động công khai..., Nguyễn Văn Cừ (lúc này đang giữ chức vụ Tổng Bí thư của Đảng), rất thông cảm với hoàn cảnh của Phạm Văn Đồng và cũng rất hiểu lòng khát khao được trở về hoạt động trong đội ngũ của Đảng. Nguyễn Văn Cừ suy nghĩ một lát và nói với bạn: "Được rồi, thôi, để đi thôi, đi gặp đồng chí Nguyễn Ái Quốc ở Côn Minh, Anh chuẩn bị đi!".

Năm 1940, Phạm Văn Đồng cùng Võ Nguyên Giáp bí mật rời Hà Nội lên đường đi Côn Minh (Trung Quốc).

Trong những năm 1939-1945, được sự giúp đỡ, chỉ đạo trực tiếp của Bác Hồ, Phạm Văn Đồng đã nhanh chóng trở thành một cán bộ chủ chốt của Đảng, một trong những nhà lãnh đạo của Tổng bộ Việt Minh. Đồng chí đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, góp phần to lớn với việc chuẩn bị Tổng khởi nghĩa thành công trong cả nước.

Bên cạnh tài trí, thông minh, linh hoạt trong công tác, Phạm Văn Đồng bao giờ cũng hoà mình vào quần chúng, gần

gửi nhân dân địa phương, một phong cách đẹp được hình thành trong những năm ở căn cứ cách mạng Việt Bắc, theo gương Bác Hồ kính yêu.

5. Người đại diện của Trung ương Đảng và Chính phủ ở Nam Trung Bộ

Cách mạng Tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà được thành lập. Từ căn cứ địa Việt Bắc, Phạm Văn Đồng đã cùng Trung ương Đảng, Chính phủ kịp thời chuyển về Hà Nội dự lễ thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Đồng chí có dịp gặp gỡ bạn bè, thăm lại những cơ sở cũ ở Hà Nội, những nơi mà Anh đã hoạt động vào các năm 1925-1926 và 1937-1939. Tại ngôi nhà số 43 Cầu Gỗ bên Hồ Gươm, chị Phạm Thị Cúc, em gái người bạn tù Côn Đảo - Chủ hiệu kem Dzêphia sau đã trở thành người bạn đời của Phạm Văn Đồng. Một số cán bộ giúp việc cho Phạm Văn Đồng hồi đó kể lại, buổi lễ kết hôn của Phạm Văn Đồng rất đơn giản, nghiêm trang, không tiệc cũng không hoa. Bạn bè cùng góp tiền thuê một chiếc xe tay đưa cô dâu tới nhà hàng gần đó gặp chú rể để cùng nâng rượu chúc mừng đôi bạn hạnh phúc.

Vui duyên mới trong niềm vui chung của cả dân tộc được độc lập tự do, Phạm Văn Đồng không quên nhiệm vụ được giao và quê hương trong hoàn cảnh đất nước vô vàn khó khăn của những ngày sau cách mạng.

Để bảo vệ và củng cố chính quyền non trẻ, ngày 6 tháng 1 năm 1946 cả nước tiến hành Tổng tuyển cử tự do đầu tiên trong lịch sử để bầu Quốc hội khoá I của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Được giới thiệu làm ứng cử viên đại biểu Quốc hội khoá I tại quê hương Quảng Ngãi, Phạm Văn Đồng được

cử tri tín nhiệm với số phiếu cao nhất ở đơn vị bầu cử¹.

Từ cuối tháng 11 năm 1946, tình hình trong nước trở nên căng thẳng do phía Pháp tăng quân, đổ bộ lên Cát Bà, Đồ Sơn, đánh chiếm Lạng Sơn. Đăcgiăngliơ đã chỉ thị cho tư lệnh quân Pháp ở Bắc Đông Dương mở rộng cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.

Nhận định chiến tranh sẽ lan rộng, chiến trường sẽ bị chia cắt, liên lạc giữa Trung ương và địa phương có thể bị gián đoạn. Trung ương Đảng và Chính phủ quyết định cử cán bộ tăng cường cho các miền và các hướng chiến lược quan trọng. Phạm Văn Đồng được cử làm đại diện của Trung ương Đảng và Chính phủ tại miền Nam Trung Bộ - một địa bàn chiến lược quan trọng.

Cho đến trước ngày toàn quốc kháng chiến, từ tháng 9 năm 1945 Nam Trung Bộ đã ngoan cường chiến đấu để giữ gìn lực lượng, bảo vệ vững chắc vùng tự do, làm phá sản kế hoạch đánh chiếm vĩ tuyến 16 trở vào của địch, nhưng cũng gặp muôn vàn khó khăn vì lực lượng kém so với địch, lương thực, vũ khí, thuốc men đều rất thiếu thốn.

Khi giao nhiệm vụ cho Phạm Văn Đồng, Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn: "Phải quan tâm trước hết việc xây dựng Đảng bộ đi đôi với việc xây dựng lực lượng vũ trang lớn mạnh, động viên, tổ chức và lãnh đạo quần chúng, tăng cường đoàn kết nhân dân, củng cố và bảo vệ vùng tự do, đồng thời kiên trì chiến đấu và quyết tâm đánh thắng ngay trên mặt trận Nam Trung Bộ"².

1. Tỉnh Quảng Ngãi có 8 đại biểu trong Quốc hội khoá I: Nguyễn Duân, Phạm Văn Đồng, Lê Hồng Long, Phạm Quang Lộc, Hà Văn Tính, Hồ Thiết, Nguyễn Trí và Đinh May.

2. Xem: *Khu V-30 năm chiến tranh giải phóng*, Bộ Tư lệnh Quân khu, 1986, t.1, tr. 79.



Chủ tịch Hồ Chí Minh và đồng chí Phạm Văn Đồng

Cuối tháng 11 năm 1946, đồng chí Phạm Văn Đồng vào tới Nam Trung Bộ, đông đảo nhân dân Quảng Ngãi chờ đón ở phía bắc cầu Trà Khúc. Buổi đón chính thức diễn ra thân mật, ấm cúng ngay tại huyện lỵ Mộ Đức quê hương.

Tại buổi gặp gỡ này, đồng chí nói: "Tham gia cách mạng, tham gia kháng chiến vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì cuộc sống hạnh phúc tương lai. Nhưng thành quả của công cuộc vĩ đại đó không phải là một mâm cỗ bày sẵn mà muốn có thành quả đó, mọi người, mỗi người phải xắn tay áo, phải cùng làm việc., phải bằng những công việc thực tế, kết quả thực tế. Phải vào bộ đội, tham gia tự vệ, phải tham gia phá địch, phải tăng gia sản xuất, phải có trách nhiệm với công việc của mình. Có như vậy cách mạng mới thành công, kháng chiến mới thắng lợi". Mọi người cùng cười khi Phạm Văn Đồng nói vui:

Muốn có mâm cỗ, anh Bảy Đóp (người làm nghề giết heo ở huyện Mộ Đức) phải mổ heo, giã giò, phải chế biến thức ăn.

Những lời nói thân mật, chân tình của Phạm Văn Đồng được truyền đi, gây nên niềm hào hứng, phấn khởi trong cán bộ và nhân dân Nam Trung Bộ trong những ngày tháng khó khăn gian khổ khi cuộc kháng chiến toàn quốc khởi đầu.

Vào Nam Trung Bộ, Phạm Văn Đồng bắt tay ngay vào việc lãnh đạo nhân dân triển khai việc chuẩn bị kháng chiến lâu dài.

Đêm 19 rạng ngày 20 tháng 12 năm 1946, đồng chí Phạm Văn Đồng nhận được "Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến" của Chủ tịch Hồ Chí Minh đang được phát đi trong toàn quốc: "Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc, hễ là người Việt Nam thì đứng lên đánh thực dân Pháp cứu Tổ quốc". Cùng với nhân dân cả nước, quân và dân Nam Trung Bộ với thế trận sẵn sàng đã nhất tề đứng dậy cầm vũ khí.

Khi cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ, nhiều trận chiến đấu đã diễn ra quyết liệt ở Đà Nẵng, Quảng Nam, ở thị xã Tuy Hoà, Phan Thiết, v.v.. Đặc biệt tại thành phố Đà Nẵng, sau hơn 40 ngày chiến đấu giam chân địch (từ ngày 20 tháng 12 đến ngày 25 tháng 1 năm 1947), quân và dân thành phố đã tiêu diệt hơn 1.000 tên địch, phá huỷ một số xe tăng và nhiều xe cơ giới. Các lực lượng vũ trang ta đã an toàn rút khỏi thành phố. Quân viễn chinh Pháp đã phải đổi một giá khá đắt để chiếm một thành phố đổ nát, không người.

Đồng chí Phạm Văn Đồng đã trao tặng Trung đoàn 96, đơn vị xuất sắc nhất Mặt trận Đà Nẵng, lá cờ "Giữ vững".

Đầu năm 1947, cuộc kháng chiến của quân và dân Nam Trung Bộ càng vững vàng thêm. Để tăng cường trách nhiệm và quyền hạn, Trung ương đã quyết định bổ sung đồng chí Phạm Văn Đồng làm uỷ viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Ở Nam Trung Bộ, dưới sự lãnh đạo của các tổ chức Đảng, chính quyền địa phương một phong trào thi đua vào bộ đội, tham gia tự vệ chiến đấu bảo vệ vùng tự do diễn ra sôi nổi. Nhân dân một mặt tích cực tăng gia sản xuất, một mặt thực hiện triệt để tiêu thổ kháng chiến. Các quốc lộ số 1, số 14, 19 và các trục đường liên tỉnh số 5, 6, 7 đã bị phá nát để ngăn , cuộc hành quân, tiến công của thực dân Pháp.

Trong chỉ đạo công tác tiêu thổ kháng chiến, đồng chí Phạm Văn Đồng đã chỉ thị cho các địa phương khi phá đường sắt chỉ nên tháo tà vẹt. Cầu cống chỉ kích sập, nên đường và các trụ cầu vẫn được giữ lại để khi cần thiết có thể làm ngay mặt cầu dùng được cho các cuộc hành quân cấp tốc. Với tầm nhìn chiến lược đó, đầu năm 1948, khi vùng tự do Nam - Ngãi - Bình - Phú của Nam Trung Bộ được củng cố và bảo vệ vững chắc, đồng chí đã quyết định để các địa phương khôi

phục tuyến đường sắt từ Quảng Nam đến Phú Yên dài hơn 300 km. Giữa năm 1948 chuyến xe lửa đầu tiên đã kéo còi chạy từ An Tân đến La Hải (Phú Yên), con đường sắt huyết mạch được chính thức khai thông. Khi địch tăng cường đánh phá tuyến đường này và phụ tùng thay thế các đầu máy gặp khó khăn, công nhân đường sắt khu V đã có sáng kiến chuyển sang "đẩy xe goòng". Các toa xe chở hành khách, hàng hoá bằng sức đẩy tay của công nhân được thực hiện. Nhờ vậy, giao thông tuyến đường sắt này được bảo vệ và giữ vững trong những năm tháng cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Đây là một trong những kỳ tích của quân và dân miền Nam Trung Bộ.

Với vị trí chiến lược quan trọng, Tây Nguyên luôn là địa bàn được cả ta và địch đặc biệt chú ý. Vì vậy, ngay khi mới vào miền Nam Trung Bộ nhận công tác, đồng chí Phạm Văn Đồng đã thực hiện mục tiêu chiến lược trong việc bám đất giành dân ở Tây Nguyên. Tháng 1 năm 1947, Phạm Văn Đồng đã quyết định thành lập phân khu 15, gồm cả tỉnh Kon Tum, bắc Gia Lai, miền Tây các tỉnh Quảng Nam và Quảng Ngãi. Đồng thời, đồng chí cũng chỉ thị cho Quân khu V tăng cường cho phân khu một số đơn vị chủ lực và tổ chức lại một số đơn vị trên địa bàn phân khu.

Để làm thất bại âm mưu của thực dân Pháp trong việc đánh chiếm Tây Nguyên, đồng chí Phạm Văn Đồng đã cùng Bộ chỉ huy phân khu 15 chỉ đạo các lực lượng vũ trang và nhân dân trong phân khu đẩy mạnh hoạt động chiến tranh du kích ở vùng địch tạm chiếm, điều động một lực lượng ở Khu V và Khu VI tiến công nhiều cứ điểm địch ở Kon Tum, Đắc Lắc. Đồng thời quân và dân ta đẩy mạnh hoạt động trong các thành phố, thị xã ở các vùng thường bị tấn công, làm cho thế đứng của ta ở Tây Nguyên được giữ vững. Trên

cơ sở đó, tháng 9 năm 1947, Phạm Văn Đồng đã quyết định thành lập Khu 15, gồm 5 tỉnh Tây Nguyên (Kon Tum, Gia Lai, Đắc Lắc, Lâm Viên và Đồng Nai Thượng), bên cạnh hai Khu V, VI đã được thành lập từ đầu tháng 2 năm 1946¹.

Bước sang năm 1948, cuộc kháng chiến toàn quốc của nhân dân ta có nhiều chuyển biến quan trọng. Tình hình Nam Trung Bộ cũng có chuyển biến tốt. Sau những ngày giam chân địch ở các thành phố, thị xã, ngăn chặn có hiệu quả các cuộc hành quân lấn chiếm, đổ bộ lên vùng tự do của địch, lực lượng của ta đã có bước phát triển mới.

Để đánh giá hoạt động chiến tranh du kích trong toàn khu, đồng chí Phạm Văn Đồng đã triệu tập và chủ trì Hội nghị dân quân toàn Nam Trung Bộ vào tháng 6 năm 1947 và Hội nghị quân sự toàn Nam Trung Bộ vào tháng 7 năm 1947. Nói chuyện tại các Hội nghị này, đồng chí nhắc nhở các địa phương cần nắm vững những vấn đề chiến lược của chiến tranh du kích, cần tập trung giải quyết một số vấn đề cấp bách như:

- Phát triển rộng và mạnh dân quân du kích, nhất là trong vùng địch tạm chiếm và vùng đồng bào các dân tộc ít người; nhanh chóng kiện toàn cơ quan chỉ đạo và chỉ huy quân du kích ở các cấp.

- Phối hợp chặt chẽ những hoạt động của dân quân du kích với hoạt động của Vệ quốc đoàn. Vệ quốc đoàn ở nơi nào

1. Tháng 10 năm 1945, ở Nam Trung Bộ đã thành lập chiến khu 5 (gồm các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Kon Tum và Gia Lai), chiến khu 6 (gồm Phú Yên, Khánh Hoà, Ninh Thuận, Bình Thuận, Đắc Lắc, Lâm Viên và Đồng Nai Thượng). Sau đó các chiến khu tổ chức lại và gọi là khu. Tháng 9 năm 1947, tại 5 tỉnh Tây Nguyên thành lập Khu 15. Ngày 20 tháng 10 năm 1948, Trung ương quyết định hợp nhất ba khu thành Liên khu V.

có trách nhiệm diu dắt và xây dựng lực lượng dân quân du kích ở nơi đó.

- Đẩy mạnh phong trào thi đua lập công, xây dựng làng chiến đấu, đẩy mạnh sản xuất vũ khí trang bị cho dân quân du kích.

- Các đơn vị Vệ quốc đoàn và dân quân du kích phải tham gia tăng gia sản xuất để tự túc một phần lương thực.

Sau các hội nghị này, phòng dân quân trực thuộc Ủy ban kháng chiến Nam Trung Bộ được thành lập. Nhiều cán bộ ở các trung đoàn, tiểu đoàn có kinh nghiệm tổ chức và chỉ huy du kích được điều động và bổ sung cho bộ máy dân quân ở các tỉnh, huyện. Nhờ đó phong trào dân quân du kích ở các địa phương có điều kiện phát triển mạnh mẽ.

Song song với những biện pháp củng cố tổ chức, đẩy mạnh các hoạt động quân sự - nhiệm vụ trọng tâm lúc bấy giờ - đồng chí chú trọng thực hiện đường lối toàn dân, toàn diện tiến hành. Trong năm 1948, cùng với Ủy ban kháng chiến hành chính và ban quân sự Nam Trung Bộ, đồng chí đã có những hoạt động quan trọng trong việc đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, xây dựng vùng tự do toàn diện cả về chính trị, kinh tế, văn hoá - xã hội, nhiều lớp cán bộ ngành, các đoàn thể đã được tập trung về Trường Trung học bình dân để bồi dưỡng văn hoá và chính trị¹. Đồng chí đã tham gia nhiều buổi lên lớp tại các lớp học này.

1. Trường Trung học bình dân do Phạm Văn Đồng thành lập để bồi dưỡng cho cán bộ các ngành đạt trình độ trung học phổ thông trong hai năm. Trường đã tập hợp một đội ngũ giáo viên giỏi về chuyên môn, nhiệt tâm với giáo dục. Trường đã cung cấp cho Khu V, cả miền đông bắc Campuchia và Hạ Lào nhiều cán bộ, chuyên gia có năng lực, có phẩm chất. Nhiều người sau này trở thành cán bộ cao cấp của Đảng, Nhà nước và quân đội.

Đồng chí cũng chủ trương bồi dưỡng năng lực cán bộ quân đội, mở nhiều lớp cán bộ quân chính cho các cán bộ đại đội. Qua các lớp huấn luyện này, trình độ nhận thức của các cán bộ được nâng lên một bước, phong trào luyện quân lập công càng diễn ra sôi nổi, đều khắp.

Đồng chí Phạm Văn Đồng rất quan tâm đến văn học, nghệ thuật. Những năm ở Nam Trung Bộ, đồng chí động viên văn nghệ sĩ xây dựng phong trào văn hoá, văn nghệ kháng chiến. Quảng Ngãi đã sớm thành lập Liên đoàn văn hoá cứu quốc, đến năm 1948 Phân hội văn nghệ tỉnh cũng ra đời và có nhiều hoạt động tốt, như tổ chức triển lãm hội hoạ, ra các tạp chí *Đời sống mới*, *Tiến hoá*, tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, sân khấu, v.v.. Phạm Văn Đồng cũng viết nhiều bài có giá trị về văn hoá - văn nghệ. Tiêu biểu là cuốn *Hồ Chủ tịch, hình ảnh của dân tộc* ; có lẽ đây là công trình đầu tiên không chỉ của Phạm Văn Đồng mà của giới nghiên cứu Việt Nam về Hồ Chí Minh. Đồng chí phác họa một bức tranh tuyệt đẹp về cuộc đời, sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu những bài học thiết thực và bổ ích đối với nhân dân ta. Với tình cảm thân thương và kính trọng Bác Hồ kính yêu, đồng chí đã làm xúc động người đọc với các dòng: "Bình sinh Hồ Chủ tịch là người rất giản dị... Hồ Chủ tịch là người Việt Nam hơn người Việt Nam nào hết. Ngót ba mươi năm bôn tẩu bốn phương trời, Người vẫn giữ thuần túy phong độ, ngôn ngữ, tính tình của một người Việt Nam... Học Hồ Chủ tịch kể ra không khó. Người Việt Nam nào cũng hiểu Hồ Chủ tịch là người thế nào, thường nói gì, làm gì. Người bình dân mộc mạc lại còn hiểu Người dễ hơn hiểu người khác, nhờ thế người Việt Nam đều học được Hồ Chủ tịch..."

Học Hồ Chủ tịch thực ra dễ lắm và những điều Hồ Chủ tịch

dạy chúng ta, chúng ta đã sẵn có trong tâm hồn, trong trí óc. Chúng ta hãy phân tích lại thì thấy trong đáy lòng, trong ký ức câu "Trung với nước, hiếu với dân, đoàn kết phấn đấu cần kiệm liêm chính" chúng ta học từ thuở cha ông"¹.

Đồng chí Phạm Văn Đồng đặc biệt có công lớn trong việc xây dựng nền kinh tế tự túc ở Liên khu V với các công xưởng sản xuất hàng tiêu dùng, tự cấp lương thực.

Giữa năm 1948, được Trung ương cho phép, đồng chí đã cho in và phát hành "Tín phiếu kháng chiến". Tín phiếu được phát hành chủ yếu ở vùng tự do và đã nhanh chóng chiếm lĩnh thị trường không chỉ ở các vùng căn cứ mà còn được đưa vào buôn bán ở một số vùng địch kiểm soát đã góp phần ổn định sản xuất ở vùng tự do Nam - Ngãi - Bình - Phú. Cho đến nay nhiều gia đình còn lưu giữ tấm "Tín phiếu kháng chiến" in hình Hồ Chí Minh và chữ ký của Phạm Văn Đồng như một kỷ vật trân trọng thiêng liêng.

Cùng thời gian này, các tờ báo *Sự thật*, *Cứu quốc*, *Vệ quốc đoàn* - chi nhánh Liên khu V được xuất bản và phát hành ở Nam Trung Bộ, Đài phát thanh tiếng nói Nam Trung Bộ cũng bắt đầu phát sóng. Những thành tích trên đây đã tạo không khí phấn khởi, tin tưởng vào thắng lợi cuối cùng của cuộc kháng chiến trong khắp các tầng lớp quân và dân Nam Trung Bộ.

Đồng Dương luôn là một chiến trường thống nhất, đó là điều mà thực tế lịch sử cách mạng của cả ba nước trên bán đảo này minh chứng. Vì vậy, theo sự chỉ đạo của Trung ương,

1. Phạm Văn Đồng: *Chủ tịch Hồ Chí Minh tinh hoa của dân tộc, lương tâm của thời đại*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1976, in lần thứ ba, tr. 7 và 34-35.

Phạm Văn Đồng đã tìm bắt liên lạc với lực lượng cách mạng hai nước bạn ở Hạ Lào và đông bắc Campuchia, từng bước xây dựng thế tựa lưng vào nhau, chi viện cho nhau, cùng chiến đấu chống kẻ thù chung. Đồng chí đã chỉ thị cho Tỉnh uỷ và Uỷ ban quân sự tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng tổ chức một đội công tác vũ trang xây dựng vùng bàn đạp Tà Ngo trên biên giới Việt - Lào. Cùng thời gian đó, lực lượng của bạn ở Hạ Lào cũng đang tìm cách bắt liên lạc với ta. Tháng 7 năm 1948, phái đoàn bạn do các đồng chí Xithon Commadam và Khămtay Xiphăndon dẫn đầu, mang theo thư của Hoàng thân Xuphanuvông, Bộ trưởng Quốc phòng Chính phủ Lào độc lập gửi đại diện Trung ương Đảng và Chính phủ ta ở Nam Trung Bộ. Được sự uỷ nhiệm của Trung ương, cuộc hội đàm giữa đại diện Chính phủ ta và phái đoàn Bộ Quốc phòng Lào đã nhất trí thoả thuận những vấn đề có tính nguyên tắc chung và các biện pháp cụ thể về mối quan hệ hợp tác chiến đấu và phối hợp hành động. Sau cuộc hội đàm này, khu đặc biệt Hạ Lào đã ra đời. Đây là cơ sở để xây dựng tình đoàn kết chiến đấu Việt - Lào trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của cả hai dân tộc và tiếp tục phát triển lâu dài.

Ngày 20 tháng 10 năm 1948, theo quyết định của Trung ương, các khu 5, 6 và 15 ở Nam Trung Bộ được hợp nhất thành Liên khu V và do Liên khu uỷ và Bộ Tư lệnh Liên khu chỉ đạo toàn diện về các mặt. Tuy vẫn còn nhiều khó khăn, song tình hình Nam Trung Bộ cũng đã có nhiều chuyển biến. Vùng tự do được xây dựng và củng cố; chiến tranh du kích phát triển khá mạnh và rộng khắp trong vùng địch tạm chiếm. Kế hoạch "bình định" của địch bước đầu bị đánh bại. Tình trạng dải đất miền Trung bị chia cắt với chiến trường toàn quốc được giải toả. Bước sang năm 1949, việc liên lạc

giữa Trung ương với Nam Trung Bộ hoàn toàn thông suốt, mọi hoạt động ở địa bàn chiến lược quan trọng đã phối hợp được với chiến trường cả nước. Trong tình hình đó, tháng 1 năm 1949, cùng với các đồng chí Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Trung Bộ và Chính uỷ Bộ Tư lệnh Liên khu V, đồng chí Phạm Văn Đồng đã triệu tập và chủ trì Hội nghị chính trị viên toàn Liên khu lần thứ nhất. Hội nghị đã tập trung đánh giá những ưu điểm và khuyết điểm về các mặt xây dựng Đảng trong các đơn vị quân đội, việc phát triển chiến tranh du kích ở vùng sau lưng địch, v.v.. Hội nghị cũng xác định những nhiệm vụ của Liên khu trong việc xây dựng lực lượng về mọi mặt để cùng toàn quốc chuẩn bị bước sang giai đoạn mới của cuộc kháng chiến.

Nói chuyện tại Hội nghị, sau khi phân tích sâu sắc tình hình chung của cả nước và tình hình Liên khu V, đồng chí Phạm Văn Đồng đã nêu rõ nhiệm vụ quân sự của Liên khu trong năm 1949 là: "Phát động chiến tranh du kích rộng rãi, đánh sâu vào vùng địch, nhất là Tây Nguyên, tích cực phối hợp với cách mạng Campuchia. Đồn hẹp phạm vi chiếm đóng của địch, đẩy mạnh công tác vận động ngụy binh. Giữ vững vùng tự do, xây dựng lực lượng mạnh.

Để hoàn thành nhiệm vụ đó, cần phải giải thích sâu rộng nhiệm vụ, phương châm chiến lược, chiến thuật cho cán bộ, chiến sĩ; phải bồi dưỡng, huấn luyện cán bộ tiến bộ về chiến thuật, bộ đội tiến bộ về kỹ thuật; phải xây dựng công tác Đảng, công tác chính trị"¹.

Qua hai năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân

1. Biên bản Hội nghị chính trị viên Liên khu V lần thứ nhất, dẫn theo *Khu V - 30 năm chiến tranh giải phóng, Sđd*, tr. 151.

Pháp (1947-1948), tuy còn những thiếu sót và hạn chế nhưng có thể nói quân và dân Nam Trung Bộ đã có một sự nỗ lực phi thường và giành được những thắng lợi quan trọng. Vượt qua thử thách của một chiến trường sau lưng địch, bị chia cắt với Trung ương, quân và dân Nam Trung Bộ với tinh thần tự lực tự cường đã từng bước tạo nên thế đứng vững chắc, liên kết và tạo sự phối hợp thống nhất với chiến trường toàn quốc. Đó là những yếu tố cơ bản, tạo thế tiến công mới, vươn lên cùng cả nước đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp từng bước phát triển thắng lợi. Trong thắng lợi và những thành tích đó, với cương vị là đại diện Trung ương Đảng và Chính phủ trực tiếp chỉ đạo kháng chiến ở Nam Trung Bộ, đồng chí Phạm Văn Đồng đã có nhiều đóng góp xuất sắc và sáng tạo.

Trong những ngày công tác tại Nam Trung Bộ, đồng chí Phạm Văn Đồng không có cơ quan đại diện, cũng không đóng trụ sở cố định ở một nơi nào. Một số cán bộ giúp việc đồng chí trong thời gian này kể lại, tùy theo yêu cầu nhiệm vụ và diễn biến tình hình mà di chuyển. Khi thì đóng tại một cơ sở của cơ quan đường sắt, khi thì ở tại nhà người anh ruột (ông Phạm Văn Ký) hoặc ở nhà dân (chủ yếu ở hai bên bờ sông Trà Khúc). Cũng có khi để tránh sự đánh phá bằng máy bay, những cuộc càn quét của địch, phải rời lên sống và làm việc ở chợ Chùa, thuộc huyện Nghĩa Hành và vùng núi tây Quảng Ngãi.

Việc di lại của đồng chí rất đơn giản: khi dùng xe đạp, lúc dùng ngựa và nhiều khi đi bộ. Việc giao thông, liên lạc tùy theo công việc mà đồng chí huy động người ở các cơ quan địa phương.

Trong những năm tháng sôi động và khẩn trương này, mặc dù công việc bộn bề, nhưng đồng chí Phạm Văn Đồng

vẫn trọn nghĩa vẹn tình với quê hương, bạn bè, đồng chí, anh em. Và theo phong tục truyền thống của dân tộc, đồng chí còn giữ tròn chữ Hiếu của người con đối với bậc thân sinh quá cố. Những người thân trong gia đình, các cán bộ Quảng Ngãi và Khu V cũ, những người giúp việc đồng chí luôn coi đồng chí là tấm gương trong sáng của người cộng sản, người con của quê hương, của dòng họ Phạm, một tấm gương kiên trinh, thuỷ chung, có nghĩa, có tình.

Đầu năm 1949, Phạm Văn Đồng tạm biệt Nam Trung Bộ về nhận nhiệm vụ mới ở Trung ương.

Tuy thời gian sống ở quê hương không dài, nhưng Phạm Văn Đồng đã để lại trong lòng nhân dân một tình cảm thân thương, kính trọng. Đồng chí bồi hồi nhớ lại những kỷ niệm khi ở Nam Trung Bộ và cho rằng đây là thời gian đồng chí có nhiều đóng góp thiết thực, cụ thể với quê hương. Đúng vậy, đồng chí đã hoàn thành nhiệm vụ, cùng với cụ Huỳnh Thúc Kháng lúc bấy giờ cũng được Chính phủ cử vào miền Nam Trung Bộ công tác, ra sức xây dựng vùng này thành một hậu phương vững chắc trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp. Với tầm nhìn chiến lược, đồng chí Phạm Văn Đồng đã đào tạo một đội ngũ cán bộ trên mọi lĩnh vực, đã biến vùng đất nghèo, thiếu lương thực, vật dụng thành một nơi tự cung tự cấp, có nền văn hoá, giáo dục phát triển và làm tốt nghĩa vụ quốc tế với nhân dân hai nước bạn Lào và Campuchia.

6. Phạm Văn Đồng, nhà lãnh đạo có uy tín và giàu kinh nghiệm

Năm 1954, cuộc kháng chiến thần thánh, lâu dài và gian khổ của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng chống thực dân Pháp xâm lược mà đỉnh cao là chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ, đã giải phóng hoàn toàn miền Bắc, buộc

đế quốc Pháp phải rút hết quân khỏi nước ta. Chiến thắng này mở ra một thời kỳ mới trong cuộc đấu tranh cho hoà bình, độc lập dân tộc và thống nhất Tổ quốc. Tháng 9 năm 1955, tại kỳ họp thứ 5 Quốc hội khoá I, các đại biểu đã nhất trí với đề nghị của Chủ tịch Hồ Chí Minh cử đồng chí Phạm Văn Đồng giữ chức Thủ tướng Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Thực hiện Nghị quyết của Đảng, đồng chí đã lãnh đạo bộ máy nhà nước hoàn thành nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới. Đó là xây dựng miền Bắc thành cơ sở vững mạnh của cả nước, làm hậu thuẫn cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta ở miền Nam, tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên thế giới. Với tài trí của một nhà lãnh đạo, với tác phong sâu sát cán bộ, nhân dân, Phạm Văn Đồng đã góp phần hoàn thành nhiệm vụ chung trong giai đoạn mới của cách mạng. Ngay từ những năm đầu sau giải phóng, Thủ tướng Phạm Văn Đồng tập trung sức lực lãnh đạo xây dựng kinh tế; bởi vì "Kinh tế là cơ sở của xã hội, xây dựng kinh tế là xây dựng cơ sở xã hội"¹.

Trong tình hình miền Bắc bị chiến tranh tàn phá nặng nề, còn mang tàn tích phong kiến và thực dân, đồng chí Phạm Văn Đồng nhận thức sâu sắc mối quan hệ biện chứng giữa tính chất, nội dung, vị trí của các thành phần kinh tế đang tồn tại. Trên cơ sở ấy đồng chí đề xuất với Đảng, Chính phủ ban hành những chính sách đúng đắn về xây dựng kinh tế quốc doanh, kinh tế hợp tác xã, kinh tế tư bản tư nhân, kinh tế cá thể hoặc sản xuất nhỏ. Đồng chí nhấn mạnh phải

1. Phạm Văn Đồng: *Khôi phục kinh tế và thành phần kinh tế của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà*, Tạp chí *Học tập*, tháng 12-1955.

phát huy những mặt tích cực, hạn chế những mặt tiêu cực của các thành phần kinh tế cá thể, tư bản tư nhân để cải tạo và sử dụng có hiệu quả. Đồng thời phải hết sức chăm lo xây dựng, củng cố các thành phần kinh tế quốc doanh. Tư tưởng chỉ đạo đó thể hiện sự kết hợp các mặt cải tạo, xây dựng và củng cố các thành phần kinh tế, nhằm khôi phục và phát triển kinh tế phù hợp với chế độ chính trị - xã hội mới, hạn chế và xoá bỏ dần các quan hệ bóc lột.

Trong những năm 1955 - 1960, Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã dành nhiều công sức để xây dựng bộ máy nhà nước. Trên cơ sở lý luận và thực tiễn, đồng chí cụ thể hoá, vận dụng sáng tạo quan điểm, đường lối của Đảng và tư tưởng Hồ Chí Minh về việc nhà nước dân chủ nhân dân phải chuyển sang làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản khi miền Bắc bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trong các báo cáo *"Nâng cao ý chí phấn đấu quyết tâm thực hiện kế hoạch nhà nước"* (tháng 9-1959), *"Mấy vấn đề về nhà nước dân chủ nhân dân"* (tham luận tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng tháng 9-1960), *"Nhà nước và sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa"* (báo cáo trước kỳ họp thứ 2 Quốc hội khoá II, tháng 4-1961), v.v. đồng chí đã đề cập đến nhiều vấn đề thuộc về đường lối, chủ trương và biện pháp cụ thể nhằm tăng cường hiệu lực của bộ máy nhà nước: "Dưới chế độ chúng ta, sức mạnh của nhà nước là sức mạnh của nhân dân. Bởi vậy, phải tăng cường liên hệ giữa nhà nước và nhân dân, phải phát huy dân chủ, phải mở rộng sinh hoạt dân chủ, động viên quần chúng nhân dân tham gia quản lý nhà nước, tham gia bàn bạc, những việc lớn có liên quan đến quốc kế dân sinh; phải tạo điều kiện và giúp đỡ cho mọi công

dân tham dự vào việc bàn bạc và quyết định mọi việc của nước, của dân..."¹.

Đối với miền Nam nói chung, với Quảng Ngãi quê hương nói riêng, đồng chí Phạm Văn Đồng luôn luôn quan tâm đến cuộc đấu tranh của nhân dân vì sự nghiệp giải phóng dân tộc và thống nhất Tổ quốc. Tại kỳ họp Quốc hội khoá I ở Thủ đô Hà Nội sau cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi (20-3-1955), đồng chí đã chỉ rõ những âm mưu thâm độc của đế quốc Mỹ và tay sai, những khó khăn và tính phức tạp của cuộc chiến đấu mới và xác định việc đấu tranh để thi hành Hiệp định Giơnevơ, việc củng cố hoà bình và thực hiện thống nhất Tổ quốc gắn liền với nhau; việc xây dựng miền Bắc vững mạnh có ý nghĩa quan trọng đối với thắng lợi của cuộc đấu tranh củng cố hoà bình và thực hiện thống nhất. Không có điều kiện về thăm miền Nam thân yêu, Anh Tô đã gửi gắm tình cảm của mình đến cán bộ, học sinh tập kết ra Bắc, các đoàn đại biểu miền Nam ra công tác, học tập, chữa bệnh. Đồng chí đã nhiều lần cùng Bác Hồ dự những buổi đón tiếp đại biểu miền Nam, tiễn đưa cán bộ, chiến sĩ về Nam chống Mỹ. Đồng chí cũng dành những buổi gặp với cán bộ, học sinh Quảng Ngãi ở miền Bắc hay những cán bộ, chiến sĩ từ quê hương ra Bắc công tác. Những buổi gặp gỡ ngắn ngủi, thân tình ở nhà riêng hay cuộc họp đồng hương để lại ấn tượng khó quên về một chiến sĩ cộng sản dày dạn đấu tranh và rất giàu tình cảm.

Cũng trong thời gian này, trong hoạt động đối ngoại, Thủ tướng Phạm Văn Đồng góp phần đấu tranh cho hoà bình, hữu nghị giữa các dân tộc, tăng cường sự đoàn kết chống

1. Phạm Văn Đồng: *Một số vấn đề về Nhà nước*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1980, tr. 79.

chủ nghĩa thực dân, đẩy mạnh việc hợp tác kinh tế và văn hoá giữa các nước thuộc châu Á và châu Phi. Đồng chí là người bạn thân thiết của nhiều vị đứng đầu các nước độc lập dân tộc, như Thủ tướng Ấn Độ Indira Găngđi, Tổng thống Indônêxia Xucác-nô, Thái tử Xihanúc, Quốc trưởng Campuchia,...

Tháng 9 năm 1960, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng khai mạc tại Thủ đô Hà Nội. Đại hội đã tập trung phân tích đặc điểm tình hình cả nước, xác định nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới. Tại Đại hội, đồng chí Phạm Văn Đồng đã đọc một bản báo cáo quan trọng. Sau khi điếm qua quá trình thành lập và phát triển của Nhà nước ta, đồng chí đề cập đến nhiều vấn đề thuộc đường lối, quan điểm và biện pháp nhằm tăng cường hiệu lực và hoàn thiện bộ máy nhà nước. Đồng chí được bầu lại vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng và được cử làm uỷ viên Bộ Chính trị.

Chăm lo, quan tâm đến đời sống cán bộ, nhân dân là một biểu hiện thấm nhuần tư tưởng nhân văn của Hồ Chí Minh ở đồng chí Phạm Văn Đồng. Đồng chí luôn ghi nhớ và cố gắng thực hiện lời dạy của Bác Hồ: "Chúng ta đã xây dựng nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Nhưng nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì"¹. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, độc lập khi mà dân được ăn no mặc đủ. Vì vậy, trên cương vị Thủ tướng Chính phủ, đồng chí luôn quan tâm đến đời sống của cán bộ, công nhân, nông dân và những người lao động. Tác phong sâu sát thực tế đã giúp đồng chí có những chủ trương, biện pháp đúng đắn phù hợp với những yêu cầu khách quan của tình hình đất nước. Cũng vì vậy mà nhân dân gần gũi,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.4, tr. 56.

kính yêu "Anh Tô". Đó là tình cảm của nhân dân dành cho đồng chí mà đồng chí rất trân trọng.

Trong thời kỳ chuyển sang xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Thủ tướng Phạm Văn Đồng ra sức thực hiện lời dạy của Bác Hồ: "Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những *con người xã hội chủ nghĩa*"¹, phải chăm lo bồi dưỡng giáo dục lớp người mới có đủ phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu của đất nước. Tại các hội nghị của ngành văn hoá, đồng chí đã đưa ra những ý kiến chỉ đạo về đường lối văn hoá văn nghệ từ những vấn đề chung đến những vấn đề cụ thể của văn học - nghệ thuật, việc bảo vệ và làm trong sáng tiếng Việt,... Những bài tiểu luận, nghiên cứu, phát biểu về vua Hùng, về Nguyễn Trãi, Nguyễn Đình Chiểu, đặc biệt là những bài viết về Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, đã để lại cho nhân dân ta nói chung và những người làm công tác khoa học, văn học - nghệ thuật nói riêng những giá trị tư tưởng lý luận sâu sắc, về cách nhận thức, cách suy nghĩ, cách đánh giá nền văn hoá ở mỗi thời đại khác nhau. Tác phẩm *Tổ quốc ta, nhân dân ta, sự nghiệp ta và người nghệ sĩ* (1973) thể hiện tâm huyết và trình độ cao của nhà văn hoá lớn Phạm Văn Đồng đối với việc "hiểu biết, khám phá và sáng tạo phục vụ Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội". Thủ tướng Phạm Văn Đồng cũng đặc biệt quan tâm đến ngành giáo dục - đào tạo, chỉ thị ngành phải chú trọng việc đào tạo thế hệ trẻ có văn hoá và phẩm chất cho đất nước.

Trong những năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đồng chí cùng Trung ương Đảng và Chính phủ luôn theo dõi chặt chẽ tình hình miền Nam, góp phần ra những quyết định chiến lược quan trọng, cổ vũ, động viên, tổ chức, đẩy mạnh cuộc chiến đấu của quân và dân ta, tố cáo mạnh mẽ âm mưu

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.10, tr.310.

và hành động gây tội ác của địch, đưa kháng chiến đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Khi đế quốc Mỹ tiến hành chiến tranh phá hoại đối với miền Bắc, Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã cùng Chính phủ tổ chức chỉ đạo phong trào "vừa sản xuất vừa chiến đấu", làm cho miền Bắc ngày càng sung sức để tự bảo vệ một cách thắng lợi và làm tròn nghĩa vụ hậu phương lớn đối với miền Nam. Để góp phần có hiệu quả vào việc tổ chức quản lý sản xuất, đồng chí đã đi thăm nhiều nơi để kiểm tra công tác và động viên nhân dân miền Bắc giữ vững sản xuất, sẵn sàng chiến đấu.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng luôn dành cho các lực lượng vũ trang nhân dân sự quan tâm đặc biệt. Hình ảnh vị Thủ tướng Chính phủ bên cạnh các chiến sĩ trên trận địa, bên chiến hào khét mùi bom đạn thật thân thương và gần gũi. Tình cảm của người lãnh đạo, người anh lớn trở thành kỷ niệm, ấn tượng sâu đậm trong lòng các chiến sĩ, góp phần tăng thêm sức mạnh và nghị lực làm nên chiến thắng.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đang trên đà thắng lợi thì ngày 2 tháng 9 năm 1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh từ trần. Đây là một tổn thất to lớn đối với nhân dân ta. Là học trò xuất sắc, người đồng chí gần gũi và cộng sự đắc lực của Chủ tịch Hồ Chí Minh suốt gần nửa thế kỷ, đồng chí Phạm Văn Đồng vô cùng đau đớn trước cái tang chung của cả dân tộc và loài người tiến bộ. Đồng chí nhớ lại những kỷ niệm sâu sắc về Bác. Với tình sâu nghĩa nặng, lòng kính yêu vô hạn và để nhân dân hiểu rõ phải sống, chiến đấu, lao động và học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại, tại lễ kỷ niệm 80 năm ngày sinh của Người (19-5-1970), Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã nói: "Chủ tịch Hồ Chí Minh

là tinh hoa và khí phách của dân tộc, lương tâm của thời đại, mãi mãi sống trong lòng của dân tộc Việt Nam từ thế hệ này đến thế hệ khác. Bác sẽ sống mãi mãi với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta và những hạt giống mà Bác đã gieo sẽ biến đất nước ta vĩnh viễn là mùa xuân tươi đẹp"¹.

Tiếp tục sự nghiệp cao cả của Chủ tịch Hồ Chí Minh, học tập tấm gương trong sáng về đạo đức cách mạng của Người, cũng như nhiều đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước, đồng chí Phạm Văn Đồng luôn xác định làm người dày tớ thật trung thành của nhân dân.

Trong điều kiện cả nước có chiến tranh, đồng chí vẫn chú trọng đến việc xây dựng xã hội mới, theo lời căn dặn của Bác Hồ trong *Di chúc* của Người: "Thắng giặc Mỹ ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay".

Một trong những nhân tố quan trọng góp phần thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là sự đoàn kết quốc tế, sự ủng hộ của nhân loại tiến bộ, kể cả nhân dân Mỹ. Thể hiện tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết, đồng chí không chỉ chăm lo đến khối đoàn kết dân tộc mà rất coi trọng sự đoàn kết quốc tế, đặc biệt xây dựng tình hữu nghị với hai nước láng giềng Lào và Campuchia. Hoà bình, hữu nghị và hợp tác luôn là nội dung quan trọng trong chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta. Với cương vị Thủ tướng Chính phủ, đồng chí đã cố gắng thực hiện tốt, thể hiện trong các chuyến đi thăm hữu nghị các nước, gặp gỡ, trao đổi với nhiều nhà lãnh đạo quốc tế, nói chuyện thân mật với quần chúng nhân dân.

Là Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương

1. Phạm Văn Đồng: *Những bài nói và viết chọn lọc*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.1, tr. 450.

Đảng, Ủy viên Thường trực Quân ủy Trung ương, đồng chí Phạm Văn Đồng đã tham gia nhiều cuộc họp quan trọng của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương để xác định đường lối, chiến lược, sách lược của cách mạng miền Nam. Hội nghị Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp từ ngày 18 tháng 12 năm 1974 đến ngày 8 tháng 1 năm 1975 đã quyết định "động viên nỗ lực lớn nhất của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ở hai miền cho sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước", đồng chí được giao trọng trách Trưởng ban cung cấp, chi viện cho quân và dân miền Nam trong chiến dịch Hồ Chí Minh, giải phóng Sài Gòn. Với tinh thần trách nhiệm và tình cảm với miền Nam ruột thịt, với quê hương, đồng chí đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Khi Tổ quốc thống nhất, đồng chí Phạm Văn Đồng bước vào tuổi 70, tuổi của những người "xưa nay hiếm". Trong niềm vui thắng lợi to lớn của cách mạng, đồng chí tiếp tục gánh vác nhiều nhiệm vụ nặng nề của Tổ quốc và nhân dân giao phó - Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Trước tình hình đất nước có nhiều khó khăn sau khi chiến tranh kết thúc, Thủ tướng Phạm Văn Đồng dũng cảm thừa nhận những thiếu sót của mình trong cương vị đứng đầu nhà nước. Trong diễn văn đọc tại lễ kỷ niệm lần thứ 35 Cách mạng Tháng Tám và mừng Quốc khánh (1980), đồng chí nêu rõ: "... Tôi cần nhấn mạnh với các đồng chí và đồng bào những yếu kém và thiếu sót của các cơ quan có thẩm quyền trong công việc quản lý nền kinh tế quốc dân. Nói như vậy, chính là chúng tôi tự phê bình trước các đồng chí và đồng bào về trách nhiệm của mình. Đồng thời, đòi hỏi mọi

người chúng ta phải tự phê bình và phê bình về tình trạng vô trách nhiệm, vô kỷ luật, làm việc không có hiệu quả, về năng suất lao động thấp kém, về tình trạng tham ô, móc ngoặc, cửa quyền, v.v.."¹. Để nhanh chóng ra khỏi khủng hoảng, Thủ tướng Phạm Văn Đồng khẳng định sự cần thiết phải có sự chuyển hướng mạnh mẽ để xoá bỏ cơ chế quan liêu bao cấp, chuyển sang hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa và sắp xếp lại nền kinh tế, phát triển theo chiều sâu ở các cơ sở. Đồng chí nhận thức rõ rằng cơ chế trên là một cản trở lớn cho giai cấp công nhân thực hiện sứ mệnh lãnh đạo của mình trong công cuộc xây dựng đất nước. Đồng chí cho rằng: Ngày nay, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là lãnh đạo sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đặc biệt là lãnh đạo đất nước ta tiến từ một xã hội mà nền kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa... Sứ mệnh lịch sử và vai trò lãnh đạo không phải tự giai cấp công nhân cho mình, mà là được toàn thể nhân dân, công nhân và nông dân tín nhiệm, trước đây do hy sinh xương máu và bản lĩnh chiến đấu của công nhân, ngày nay do lao động sáng tạo và bản lĩnh quản lý kinh tế, xã hội của công nhân.

Đại hội lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam (1986), đánh dấu một mốc quan trọng trong việc mở đầu thực hiện đường lối đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo. Đây là sự đổi mới để đạt mục tiêu xã hội chủ nghĩa, tiến hành đồng bộ trên tất cả các mặt kinh tế, chính trị, văn hoá, tư tưởng, xã hội...

1. Phạm Văn Đồng: *Những chặng đường thắng lợi vẻ vang*, Sđd, tr. 335.

Tại Đại hội này, vì tuổi cao sức yếu nên đồng chí thôi giữ chức Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng và được Đại hội tuyên dương (cùng với các đồng chí Trường Chinh, Lê Đức Thọ) về những công lao to lớn đối với dân tộc, với Đảng và được mời làm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Đồng chí tiếp tục giữ chức Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng đến Đại hội VII (1991) và Đại hội VIII (1996). Với cương vị Cố vấn, đồng chí Phạm Văn Đồng đã tham dự các Hội nghị của Ban Chấp hành Trung ương, các buổi lễ long trọng của đất nước, đi thăm nhiều địa phương trong cả nước, tiếp nhiều đoàn đại biểu trong nước và quốc tế. Những ý kiến phát biểu trong những dịp này tỏ rõ Cố vấn Phạm Văn Đồng luôn theo sát tình hình trong nước và trên thế giới, đóng góp tích cực vào việc thực hiện đường lối đổi mới và giải quyết những vấn đề phức tạp trong quan hệ quốc tế.

Một chủ đề lớn mà Cố vấn Phạm Văn Đồng rất quan tâm tìm hiểu là vấn đề văn hoá, văn học, nghệ thuật với công cuộc đổi mới và tự đổi mới mình. Vào dịp Tết Giáp Tuất (1994), trong dịp gặp gỡ văn nghệ sĩ, đồng chí đã chân tình trao đổi vấn đề "Văn học - nghệ thuật và đổi mới". Đây là chủ đề mà đồng chí đã suy nghĩ, ấp ủ từ lâu, ngay từ những năm làm việc ở Nam Trung Bộ, đặc biệt trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Những bài viết về "Công tác văn hoá của chúng ta" (1956), "Công tác văn hoá là công tác tư tưởng" (1959), "Tổ quốc ta, nhân dân ta, sự nghiệp ta và người nghệ sĩ" (1962), bài "Hiểu biết, khám phá và sáng tạo phục vụ Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội" (1968) có nhiều ý tưởng sâu sắc mà trong công cuộc đổi mới ngày nay vẫn có giá trị chỉ đạo.

Có lẽ công sức của đồng chí Phạm Văn Đồng dồn nhiều nhất cho việc nghiên cứu về Chủ tịch Hồ Chí Minh nói chung, về tư tưởng Hồ Chí Minh nói riêng. Với tấm lòng tình

cảm nòng thấm, bằng những căn cứ khoa học (tài liệu, sự kiện, quan điểm lý luận) đồng chí đã chứng minh tư tưởng Hồ Chí Minh là một khoa học, có ý nghĩa lịch sử và giá trị thời đại to lớn: "Là người mở đường, đứng trước nhiệm vụ không có tiền lệ, Hồ Chí Minh từ thời thanh niên cho đến suốt đời đã là tác giả của nhiều luận điểm lý luận, nhiều sáng kiến và cách làm mới mẻ khó tưởng tượng khi mới đề ra, nhưng sau đó đã được cuộc sống chứng minh là đúng và sáng tạo". Đồng chí không tách Hồ Chí Minh với thời đại, dân tộc, mà tìm thấy mối quan hệ giữa Người với thời đại, dân tộc, nêu một tấm gương tiêu biểu: "Hồ Chí Minh không chỉ là số cộng của Việt Nam và thời đại mà là sự kết tinh dân tộc và thời đại, tạo thành một hợp chất mới đầy sáng tạo. Hồ Chí Minh lãnh hội và phát huy được chân lý của thời đại, tiêu biểu cho phẩm chất của dân tộc và trở thành biểu tượng đẹp đẽ nhất của dân tộc về thẩm nhuần và vận dụng sáng tạo chân lý của thời đại... Tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh thể hiện trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam là di sản có giá trị trường tồn mà toàn Đảng, toàn dân ta đang kế thừa và phát huy trong công cuộc đổi mới của đất nước"¹.

Thật hiếm có một nhà nghiên cứu về Hồ Chí Minh và tư tưởng Hồ Chí Minh nào có thể vẽ lên một chân dung đầy đủ, trung thực, rút ra bản chất, quan điểm tư tưởng một cách sâu sắc và tình cảm như đồng chí Phạm Văn Đồng. Sự trình bày của đồng chí về Hồ Chí Minh không chỉ khắc sâu công ơn của Hồ Chí Minh đối với dân tộc và thời đại mà còn thể hiện quyết tâm đi theo con đường mà Người đã vạch ra cho dân

1. Phạm Văn Đồng: "Người vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin", trong quyển "Góp phần tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh", Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1992, tr. 30, 33, 34.

tộc và nhân dân lao động các nước. Kết quả nghiên cứu của đồng chí là sự đóng góp về lý luận, một vũ khí chống lại những kẻ vẫn rắp tâm xuyên tạc lịch sử, hạ thấp công lao và sự nghiệp vĩ đại của Hồ Chí Minh.

7. Ân tình với quê hương

Đồng chí Phạm Văn Đồng là người con của quê hương núi Ấn sông Trà. Đồng chí ở Quảng Ngãi không nhiều, song tình cảm thì thật dạt dào yêu thương!

Sau khi từ già Khu V trở lại Việt Bắc (1948), gần 30 năm sau, khi Quảng Ngãi được giải phóng, đất nước đã thống nhất, đồng chí mới trở lại thăm quê. Từ năm 1975, đặc biệt, từ năm 1990 đến năm 1999, đồng chí Phạm Văn Đồng thường về thăm quê. Mỗi lần về thăm, đồng chí Phạm Văn Đồng như người con trở về gia đình, được mọi người nồng nhiệt đón mừng. Đồng chí không chỉ làm việc với Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh, về thăm huyện nhà - Mộ Đức - mà còn gặp gỡ nhiều bà con, anh em. Ở đâu, đồng chí cũng biểu lộ tình cảm chân thành và mong muốn quê hương Quảng Ngãi vươn lên mạnh mẽ, giàu đẹp, xứng đáng với truyền thống yêu nước, anh dũng chống xâm lược, lao động cần cù, sáng tạo, xứng đáng với các chiến sĩ, anh hùng Trương Định, Lê Trung Đình, Nguyễn Bá Loan, Nguyễn Nghiêm...; biểu dương những thành tích đã đạt được trong công cuộc xây dựng đất nước để nhân dân thoát khỏi cảnh nghèo đói; nghiêm khắc phê phán những sai lầm, khuyết điểm trong công tác lãnh đạo, quản lý, đặc biệt bệnh quan liêu, mất dân chủ.

Ngày 25 tháng 7 năm 1989, nói chuyện với cán bộ Quảng Ngãi, đồng chí Phạm Văn Đồng căn dặn: "Truyền thống dân tộc mình thông minh, sáng tạo, cần cù, đoàn kết. Nhưng tình hình bây giờ... cái này cần phải xác định rõ, khuyết điểm

trước hết là ở những anh lãnh đạo, khi nào không biết lấy dân làm gốc. Phải thực sự lấy dân làm gốc, phải bằng hiệu quả thực tiễn kiểm nghiệm thì cách mạng sẽ không ngừng đi lên. Dân vẫn tin Đảng, dân vẫn cần cù, dân vẫn tốt - quá tốt. Nhưng tất cả cái gì cũng đổ cho Đảng thì không được. Nhiều anh bây giờ giàu là do ăn cấp của nhà nước, ăn cấp của dân". Đồng chí chỉ rõ tác hại của bệnh quan liêu, xa rời dân chúng: "Người lãnh đạo mà ngại ngùng vì phải gặp cấp dưới, gặp nhân dân là một nguy cơ. Phải làm thế nào để hai bên lúc nào cũng thành thật, có thể nói với nhau tất cả. Người lãnh đạo phải là người dày tớ của dân, nhưng có mấy người thực sự là dày tớ. Lúc này mà lãnh đạo không tiếp xúc để tìm hiểu, để động viên phong trào, cùng với cơ quan tối cao của Đảng phải phấn đấu và tìm các biện pháp tháo gỡ tình hình thì chờ đến bao giờ, đợi ai làm thay"¹.

Mong muốn của đồng chí Phạm Văn Đồng là làm sao cho dân giàu, nước mạnh. Đây là hoài bão, ước mơ lớn nhất của Bác Hồ khi Người nói: "Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao cho nước ta hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành"². Phạm Văn Đồng đã noi gương Bác, tiếp tục đấu tranh theo con đường của Bác.

Ngày 10 tháng 1 năm 1990, nhân dịp về thăm huyện Mộ Đức, đồng chí Phạm Văn Đồng đã ghi tặng mấy câu: "Chúc huyện Mộ Đức trở thành một huyện gương mẫu bằng cách phát huy lực lượng cách mạng và sáng tạo vô cùng của nhân dân". Chỉ có một câu đơn giản song thể hiện đầy đủ nguyện

1. Theo tài liệu lưu tại Tổ Nghiên cứu Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.161.

vọng và nguyên tắc công tác. Trong lần về thăm quê vào dịp Tết Bính Tý, đồng chí đã đồng ý để quê hương vinh dự được chúc mừng thượng thọ ở mùa xuân thứ 90.

Nhân dân Quảng Ngãi tự hào về đồng chí Phạm Văn Đồng, người con ưu tú của quê hương, thương yêu, kính trọng đồng chí và ra sức thực hiện những lời chỉ bảo của đồng chí. Để tỏ lòng biết ơn đồng chí Phạm Văn Đồng đã quan tâm đến sự tiến bộ của tỉnh nhà, nhân dân Quảng Ngãi đang ra sức xây dựng quê hương giàu đẹp, dân chủ, văn minh như đồng chí hằng mong ước.

Đồng chí Phạm Văn Đồng là một chiến sĩ cách mạng lỗi lạc của dân tộc, một nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng và Nhà nước ta. Đồng chí không chỉ đóng góp to lớn vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc, xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa mà còn là người chiến sĩ quốc tế, có những cống hiến cho phong trào độc lập dân tộc, hoà bình, hữu nghị của nhân dân nhiều nước.

Từ cuộc đời cách mạng của đồng chí Phạm Văn Đồng, chúng ta có thể rút ra một số điểm, những bài học quý giá:

1. Đồng chí Phạm Văn Đồng sinh ra và lớn lên trong cảnh nhân dân bị nô lệ lầm than, con đường cứu nước "đường như trong đêm tối không có đường ra". Tuy xuất thân trong một gia đình quan lại, được học hành ở các trường dưới thời Pháp thuộc, song người thanh niên Phạm Văn Đồng không trở thành một người phục vụ cho chính quyền thực dân và tay sai. Đau xót với tình cảnh của dân tộc và đồng bào, trăn trở với con đường cứu nước, tiếp thu truyền thống của quê hương, của dân tộc, ảnh hưởng của phong trào yêu nước, của tư tưởng, văn hoá tiến bộ của nhân loại, với bản chất thông minh của mình, Phạm Văn Đồng đã từ bỏ cuộc sống khá giả,

dấn thân vào con đường cách mạng. Ý thức dân tộc, tình thân yêu nước vô cùng mạnh mẽ là động lực cho hành động của mọi người Việt Nam chân chính như Phạm Văn Đồng. Hoàn cảnh khách quan cũng là nhân tố quan trọng, nhất là trong buổi đầu của cuộc đời cách mạng, tạo nên nhà yêu nước, người chiến sĩ cộng sản Phạm Văn Đồng. Đó là những cơ may - như đồng chí nói - đưa Phạm Văn Đồng "đến với cách mạng và đi ngay vào con đường cách mạng. Cách mạng đây là cách mạng xã hội chủ nghĩa"¹. Trong những "cơ may" ấy, may mắn lớn nhất là được gặp Bác Hồ, sống bên Bác, được Bác thương yêu dạy dỗ. Được tiếp nhận tư tưởng mới, được giáo dục, Phạm Văn Đồng đã hoà mình vào phong trào đấu tranh của dân tộc, được rèn luyện, trưởng thành trong cuộc cách mạng của nhân dân và đã đóng góp to lớn cho thắng lợi của dân tộc.

Con đường đi đến cách mạng của Phạm Văn Đồng cũng là con đường mà Hồ Chí Minh đã trải qua: từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa cộng sản, suốt đời trung thành với lý tưởng cộng sản và luôn luôn phấn đấu cho độc lập dân tộc, cho chủ nghĩa xã hội thành công trên đất nước mình, góp phần vào thắng lợi của cách mạng thế giới. Đó là con đường đúng nhất mà mọi người yêu nước Việt Nam đã đi và cũng là con đường mà nhiều người tiến bộ trên thế giới đã chọn.

2. Con người Phạm Văn Đồng là sự tổng hợp của nhiều phẩm chất tốt đẹp của dân tộc, của người cộng sản. Đó là sự cương nghị, bao dung, nhân ái, sống một cuộc đời giản dị,

1. Nói chuyện với một số cán bộ Viện Hồ Chí Minh, ngày 22-11-1989. Tài liệu lưu tại Viện Hồ Chí Minh - Viện Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

thanh cao... Ở Phạm Văn Đồng, chúng ta còn thấy lưu lại, dù không nhiều lắm, những nét riêng của người dân Quảng Ngãi: hiếu học, say mê lao động, thẳng thắn, bộc trực, có vẻ hơi khắc khở nhưng cởi mở, chân tình... Mặt khác, nét nổi bật ở Phạm Văn Đồng mà chúng ta dễ dàng nhận thấy là những đức tính cao đẹp của Hồ Chí Minh mà đồng chí noi gương: lòng trung thành tuyệt đối với dân tộc, nhân loại và giai cấp, với lý tưởng cộng sản, chủ nghĩa nhân văn cao đẹp, ung dung, bình tĩnh, sáng suốt và tự tin, cuộc sống giản dị, thanh cao, lạc quan, yêu đời... Cũng như ở Bác Hồ, chúng ta tìm thấy ở Phạm Văn Đồng nhiều nét tương đồng của một chiến sĩ cách mạng - nhà văn hoá.

Phạm Văn Đồng đã học tập và thể hiện nhiều phẩm chất cao đẹp của Hồ Chí Minh và nêu tấm gương sáng cho chúng ta noi theo.

3. Đồng chí Phạm Văn Đồng là một nhà lãnh đạo Đảng và Nhà nước, ở cương vị cao nhất trong Chính phủ, đã có nhiều đóng góp trong cách mạng giải phóng dân tộc, chống Mỹ, cứu nước và xây dựng đất nước trong chiến tranh cũng như trong hoà bình. Đồng chí là một nhà ngoại giao nổi tiếng không chỉ góp phần vào thắng lợi của nhân dân Việt Nam trong xây dựng quan hệ quốc tế mà còn có nhiều cống hiến cho tình đoàn kết chiến đấu, tình hữu nghị giữa các dân tộc và cho phong trào cách mạng thế giới.

4. Đồng chí Phạm Văn Đồng là nhà văn hoá lớn, có những phát hiện sâu sắc về truyền thống, tinh hoa dân tộc, những đánh giá đúng về lịch sử, những hướng dẫn cụ thể, chí tình cho các nhà hoạt động văn hoá, văn học - nghệ thuật, giáo dục. Đồng chí là người kiên trì phấn đấu cho sự trong sáng của tiếng Việt, cho việc bảo vệ và phát triển văn hoá dân tộc, chăm lo sự nghiệp "trồng người".

5. Đồng chí Phạm Văn Đồng mang nặng tình cảm thiết tha với quê hương Quảng Ngãi, trong mọi điều kiện, hoàn cảnh đều gắn mình với quê hương, mong muốn đồng bào quê hương cùng nhân dân cả nước có cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

*

* *

Điểm qua một số nét nổi bật về cuộc đời cách mạng, mối quan hệ với quê hương, người viết bài này không có ước vọng phác hoạ đầy đủ về chân dung tuyệt đẹp của đồng chí Phạm Văn Đồng, mà chỉ muốn giới thiệu với bạn đọc những điều cần biết về đồng chí và rút ra từ đó những bài học cho bản thân mình. Đó là bài học về *lòng yêu nước, lòng trung thành với lý tưởng, cuộc sống giản dị, thanh cao, chủ nghĩa nhân ái Hồ Chí Minh cao đẹp, tôn trọng văn hoá dân tộc, gắn bó với quê hương xứ sở.*

Càng tự hào với Phạm Văn Đồng - người con yêu quý của núi Ấn sông Trà - nhân dân Quảng Ngãi càng ra sức học tập gương của Bác, góp phần xây dựng quê hương, đáp ứng lòng mong ước thiết tha của Bác lúc sinh thời.

PHẦN THỨ HAI

**MỘT CHIẾN SĨ CỘNG SẢN KIÊN CƯỜNG,
GIÀU LÒNG NHÂN ÁI**

PHẠM VĂN ĐÔNG TRONG KÝ ỨC CỦA TÔI

Đại tướng Võ Nguyên Giáp

Anh Tô và tôi là hai anh em cùng làm việc bên cạnh Bác Hồ trong một thời gian khá dài. Chúng tôi có một sự gắn bó rất mật thiết, đặc biệt trong thời kỳ đấu tranh gian khổ và hào hùng của cách mạng.

Tôi biết Anh Tô từ thời Mặt trận Dân chủ. Chúng tôi gặp nhau lần đầu năm 1936. Lúc đó, tôi đang làm công tác nửa bí mật nửa công khai trên mặt trận báo chí (tôi làm tờ *Le Travail* và tờ *Hồn trẻ*), còn Anh Tô thì vừa ở tù ra, từ Côn Đảo trở về. Đảng giao cho Anh trọng trách cùng làm báo với anh em.

Rồi chiến tranh thế giới nổ ra (1939), anh Hoàng Văn Thụ bố trí cho chúng tôi sang Trung Quốc. Suốt đời tôi không thể quên được những ngày tháng ấy. Chúng tôi cùng bí mật lên xe lửa, bí mật qua sông Nậm Thi, bí mật ở Côn Minh lên cùng đội đồng chí Vương (Bác Hồ). Sau đó, chúng tôi cùng gặp đồng chí Vương một ngày, một giờ. Bác quyết định chúng tôi cùng đi Diên An chuẩn bị kháng chiến chống Nhật. Nhưng Pari thất thủ, Anh Tô và tôi lại nhận được điện của Bác không đi Diên An nữa.

Đến Quế Lâm (Trung Quốc) chúng tôi được gặp Bác Hồ. Hôm ấy là một buổi chiều, Bác chủ trì cuộc họp ở ngoại ô Quế

Lâm. Bác nói: Thời cơ đã đến, các chú chuẩn bị về nước, thành lập Việt Nam độc lập đồng minh hội (gọi tắt là Việt Minh). Anh Tô và tôi ở lại một thời gian làm công tác ngoại giao với Tưởng rồi mới về biên giới. Hai chúng tôi lại được cùng Bác chỉ đạo lớp huấn luyện Việt Minh đầu tiên. Đó là những ngày giáp Tết, những ngày đầu tiên chúng tôi nhìn thấy lá cờ đỏ có ngôi sao vàng năm cánh. Sau đó, Anh Tô và tôi lại cùng về Cao Bằng, cùng lãnh đạo hội nghị đề nghị khởi nghĩa ở Cao - Bắc - Lạng, nhưng Bác không đồng ý. Bác giao cho tôi thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân. Sau hai trận thắng đầu tiên, đội đã thành đại đội. Anh Tô đến thăm và cho một con bò để khao quân. Những năm tháng ở Cao-Bắc-Lạng ấy, Anh Tô và tôi đã cùng ở một nhà, cùng ngủ một giường, chúng tôi gắn bó với nhau hơn cả tình anh em, vì tình anh em ấy có thêm tình đồng chí.

Ở Điện Biên Phủ, Bác và Trung ương đã xác định: Hậu cần là nhân tố quyết định. Anh Tô là Chủ tịch Hội đồng chi viện tiền phương, còn tôi là Tổng Tư lệnh kiêm Tư lệnh mặt trận. Sự đóng góp to lớn về sức người, sức của của hậu phương, sự động viên kịp thời của Anh đã thêm sức mạnh cho chúng tôi chiến đấu. Và thật là một sự trùng hợp đẹp đẽ: Ngày 7 tháng 5 năm 1954, ta thắng ở Điện Biên Phủ thì mấy ngày sau đó, Anh Tô bước vào Hội nghị Giơnevơ trong tư thế của người chiến thắng. Trước đó, cả Môlôtop và Chu Ân Lai đều khắc khoải chờ đợi một chiến thắng để ta có thêm sức mạnh trên bàn hội nghị. Còn Anh, Anh ra đi và luôn tin chắc quân ta sẽ thắng ở Điện Biên Phủ. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, Anh đã là người lãnh đạo Đảng và Nhà nước lo lắng nhất cho công cuộc động viên hàng triệu thanh niên lên đường nhập ngũ và động viên lương thực, vũ khí, đạn dược

cho chiến trường miền Nam. Một lần nữa, trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, Anh lại là Chủ tịch Hội đồng chi viện tiền phương và Anh đã hoàn thành thật xuất sắc trọng trách này. Là một người cầm quân, tôi rất biết ơn Anh về điều đó.

Suốt hơn nửa thế kỷ tình bạn của chúng tôi, hai anh em tôi thường xuyên trao đổi, bàn bạc với nhau về mọi vấn đề. Trong những năm Anh thôi giữ chức Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng, chúng tôi có nhiều thời gian ở gần nhau hơn và thường nói với nhau về tư tưởng Hồ Chí Minh. Anh mong muốn tư tưởng ấy quán triệt đến từng người dân, đến từng đảng viên. Tư tưởng Hồ Chí Minh chú trọng đến con người, vì thế theo tôi, nói đến Phạm Văn Đồng là nói đến đạo đức của Anh: giản dị, liêm khiết, thanh bạch, yêu thương cán bộ. Cho đến trước khi mất, điều Anh lo nhất là hiện tượng thoái hoá trong Đảng. Nhiều khi Anh đã kêu lên: "Sao đảng viên bây giờ nhiều người hỏng thế".

Anh đã lo cái lo của dân của Đảng. Trước lúc đi xa, Anh đã gọi tôi đến nhiều lần. Tôi đến nhưng Anh chẳng nói được gì, chỉ nắm tay tôi thật chặt...



Chủ tịch Hồ Chí Minh và Thủ tướng Phạm Văn Đồng cùng các
đồng chí trong Bộ Chính trị xem bản pháo A12 và DKB
(Ảnh chụp tháng 4 năm 1966)

RỰC SÁNG MỘT NHÂN CÁCH VIỆT NAM

*GS. Trần Văn Giàu kể
Văn Định ghi*

Chúng tôi tìm đến nhà cách mạng lão thành - Giáo sư Trần Văn Giàu - với hy vọng lắng nghe sự đánh giá và những kỷ niệm của giáo sư với Bác Phạm Văn Đồng, nhà lãnh đạo xuất sắc của cách mạng Việt Nam vừa từ giã chúng ta. Giáo sư Trần Văn Giàu có ý băn khoăn: "Trong lịch sử hiện đại của Việt Nam, Phạm Văn Đồng là người lớn lắm: một nhà trí thức lớn, nhà lãnh đạo chính trị kiệt xuất, nhà văn hoá lớn và đặc biệt là một nhân cách lớn rất Việt Nam, một ngôi sao sáng vằng vặc. Cho nên chúng ta có khen, có nói nhiều thế nào cũng không đủ mức". Vị giáo sư sử học 90 tuổi, từng là Bí thư Xứ uỷ Nam Kỳ, Chủ tịch Uỷ ban Kháng chiến hành chính Nam Bộ thời kỳ mới lập nước, như mung lung trong cái rộng lớn vô cùng của một con người kiệt xuất. Giáo sư đã chọn kỷ niệm lần đầu và lần cuối cùng gặp đồng chí Phạm Văn Đồng: "Khoảng năm 1925-1926, tôi lên học ở Sài Gòn, tại Trường Chasseloup Laubat (Trường Lê Quý Đôn bây giờ). Anh Phạm Văn Đồng lúc đó dạy học ở Trường Nguyễn Xích Hồng (đối diện với Cung văn hoá Lao động thành phố Hồ Chí Minh ngày nay). Tôi nhớ một lần chúng tôi đi nghe buổi diễn thuyết của ông Nguyễn An Ninh về "Cao vọng thanh niên" -

lý tưởng của thanh niên. Song chúng tôi chưa hiểu lắm về từ ngữ và nhiều ý tưởng cao siêu. Ra về chúng tôi tranh luận với nhau nhiều, nhưng cũng không rõ. Một hôm, các anh lớp lớn hơn trong trường dắt tôi đi nghe một buổi khác. Người diễn giải cắt nghĩa một câu nói của Nguyễn Ái Quốc viết trong quyển *Bản án chế độ thực dân Pháp*. Câu đó có nghĩa là: "Hỡi Đông Dương đáng thương hại! Người sẽ chết mất, nếu dám Thanh niên già cỗi của Người không sớm hồi sinh!"¹.

Người cắt nghĩa những điều trong *Bản án chế độ thực dân Pháp* cho chúng tôi chính là Phạm Văn Đồng, là Anh "Đồng đen" - trung phong của đội bóng đá Ngôi sao Gia Định nổi tiếng lúc bấy giờ. Chúng tôi đã hiểu thế nào là lý tưởng của thanh niên Việt Nam trong cảnh nước mất nhà tan. Cũng năm ấy, Phan Châu Trinh mất, chúng tôi tham gia cuộc xuống đường đưa đám tang cụ Phan Châu Trinh, một phần cũng do những điều Anh "Đồng đen" giải thích về lý tưởng của thanh niên. Từ lần đầu tiên ấy, Anh Phạm Văn Đồng đã để lại trong tôi dấu ấn sâu sắc. Và cũng từ đó tôi hiểu về Nguyễn Ái Quốc, về cách mạng.

Lần cuối cùng mà tôi gặp Anh Phạm Văn Đồng là trong dịp Hội nghị Việt Nam học tổ chức ở Hà Nội. Anh vẫn còn nhớ kỹ những chuyện cách đây 75 năm. Nhưng cái Anh đang bận tâm, có phần buồn phiền nữa, là việc xuất bản bộ *Từ điển bách khoa Việt Nam* có quá nhiều sai sót. Vậy là trong đời tôi, lần đầu tiên gặp Anh Phạm Văn Đồng là chuyện cách mạng, văn hoá. Và lần cuối cùng cũng là chuyện văn hoá, việc đất nước.

Có thể nói, từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đến nay,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.133.

Anh Phạm Văn Đồng là người của thế kỷ mà lịch sử Việt Nam cần ghi danh. Từ những năm 20 cho đến cuối đời, Anh hoạt động cách mạng không mệt mỏi. Anh Phạm Văn Đồng suốt đời "trung với nước, hiếu với dân", trung thành tuyệt đối với Đảng, là người học trò xuất sắc của Bác Hồ. Anh được tin tưởng giao trọng trách Thủ tướng Chính phủ lâu nhất, vào những lúc cách mạng khó khăn nhất. Nên nhớ, những người giữ được sự trung thành tuyệt đối với đường lối cách mạng và sống theo nhân cách của Bác Hồ suốt cuộc đời của mình là quý lắm. Anh làm việc tận tụy, làm việc hoài, làm việc mãi. Chính khí vĩng như đồng và nhân cách của Anh là hoàn hảo, là tấm gương luôn luôn sáng, là tiêu biểu của con người Việt Nam. Mặc dù không được ở gần Anh thường xuyên, nhưng những gì chúng tôi biết về Anh trong cuộc sống với gia đình, vợ con... đáng kính lắm, nhân cách rất Việt Nam. Còn trí dũng của Anh thì rõ là song toàn. Anh là tấm gương đoàn kết, liêm khiết và trong sáng".

NHÂN SINH QUAN CỦA PHẠM VĂN ĐỒNG: SỐNG ĐỂ LÀM VIỆC

*GS, TSKH. Phạm Văn Nghiên**

Chúng tôi là cháu ruột của chú Tám (tên gọi thân mật của Phạm Văn Đồng theo thứ bậc trong gia đình), nhưng cũng không biết nhiều về cuộc đời cách mạng của chú. May thay, trong những năm tháng sống gần chú, theo lời kể trực tiếp của chú, chúng tôi không chỉ hiểu về cuộc đời chú đã trải qua, mà còn rút ra từ đó một nhân sinh quan, quán triệt trong cả quá trình hoạt động cách mạng của người chú kính yêu: *Sống để làm việc cho dân, cho nước, cho Đảng.*

Chúng tôi ghi lại sau đây lời kể của chú từ lúc chú bắt đầu tham gia hoạt động yêu nước:

"Đang học năm thứ hai ở Trường Bưởi, đến khoảng trước Tết, xảy ra đám tang Phan Châu Trinh (Phan Châu Trinh mất ngày 24 tháng 3 năm 1925 tại Sài Gòn). Tại Sài Gòn, đám tang Phan Châu Trinh được tổ chức trọng thể. Tại Huế, trong buổi lễ truy điệu cụ Phan có tới hàng trăm người tham dự, chủ tế là Phan Bội Châu, các trường, các lớp bãi khóa. Chú đi, chỗ ăn, chỗ ở khổ lắm, mình không có tiền, không

* GS, TSKH. Phạm Văn Nghiên là cháu gọi đồng chí Phạm Văn Đồng là chú ruột (B.T).

quen ai ở Hà Nội. Người ta có nhà cửa, bố mẹ, người ở Bắc còn có chỗ xoay xở, chú thì chịu thôi. Ở những khách sạn tồi, cực lắm, nhưng có cách nào khác đâu? Nhưng chú kiên quyết thôi học.

Các "ông" của Bác Hồ chỉ làm liên lạc, nhưng giỏi lắm. Họ tìm đến các lực lượng thanh niên yêu nước, đến tất cả các trường. Chú đồng ý đi. Đi Quảng Châu. Chú đi là vì thế này: trước đó ít lâu, ở trong trường học trò lớp chú đưa nhau xem ảnh của Nguyễn Ái Quốc, đội mũ melon lúc bấy giờ (mũ phớt hình quả dưa) đẹp lắm. Lúc đó phong trào hoạt động sôi nổi rồi. Thư gửi Wilson (tổng thống Mỹ) có rồi. Nếu trở lại học thì không nói gì, không trở lại học thì vợ, không có chỗ ăn ở, chứ chưa nói chỗ làm việc, sinh sống".

"... Sau khi bãi khoá, họ bố trí cho chú một chỗ ở, gần ga Hà Nội, nhà của một ông làm secrétaire (thư ký) của Công ty đường sắt Vân Nam là Trịnh Xuân Bán, ở một hẻm trong khu nhà gần ga, sau này là trụ sở của Tổng công đoàn. Ở nhà ông này tốt lắm, mấy đứa con đều trưởng thành, làm việc tốt, sống được. Đến nhà đó tốt thật. Ông này công chức thường thôi, làm secrétaire, chắc đã diplôme rồi, nhà ở trong hẻm, bình thường, nhưng đủ ở vì chỉ có hai vợ chồng thôi. Chú ở nhà đó tốt quá, họ không lấy tiền, bao cho hết, rồi đến ngày họ đưa đi cùng với một số học sinh bãi khoá ở trường chú và một trường trung học ở Nam Định.

Đi đường, buồn cười, họ ngây ngô mà mình cố nhiên cũng ngây ngô rồi. Đi là một đám học sinh bãi khoá, hai mươi mấy người trẻ, náo nhiệt. Đi đường sắt từ Hà Nội đến Lạng Sơn, đến ga cuối cùng cách biên giới mấy cây số thôi, lúc bấy giờ khoảng 5 giờ, xuống ga terminus (ga cuối) vắng, không ai cả, chỉ có mình thôi, với ông liên lạc. Lúc đó thằng Tây không

cảnh giác gì. Một số thanh niên nhào qua biên giới, bình thường thôi, không giấy tờ gì, không ai hỏi han gì cả. Trường Nguyễn Ái Quốc có người đón, chuẩn bị chu đáo lắm. Chớp được vụ này họ mừng lắm, cố nhiên lúc đó tiền nhờ vào Đảng Cộng sản Trung Quốc, chi cho vụ này để đưa người đến Quảng Châu, lập lớp Nguyễn Ái Quốc. Từ biên giới đi bộ đến Bằng Tường rồi đi theo đường bộ đến terminus của sông Châu Giang. Dọc đường tương cờ đỏ lên đi, mình đi như ông chủ, khi đến nơi được chiêu đãi hàng hoàng lắm. Qua chỗ có lãnh sự Pháp thì có để ý một tí. Lúc bấy giờ địa bàn của Chính phủ cách mạng Quốc dân Đảng liên minh với Đảng Cộng sản cả miền Nam Trung Quốc (Quảng Đông, Quảng Tây, Vân Nam phần nào...). Lúc đó khẩu hiệu của Tôn Trung Sơn là "liên Nga, liên Cộng, ủng hộ công nông", Tưởng Giới Thạch làm phản. Đến thị trấn Long Châu, bắt đầu xuống sông Châu Giang đi thuyền cho đến Quảng Châu, mấy ngày mấy đêm. Lúc đó Trung Quốc cũng có ca nô chạy. Chú sang học đi trên đường, thuyền bị đắm nên bị ốm, bị sốt nên phải học khoá sau. Trường Quảng Châu tổ chức giỏi lắm, họ tổ chức lấy người ở miền Bắc, lấy người ở miền Trung, ở miền Nam, ở Sài Gòn. Ở Sài Gòn đi bằng đường biển, ở ngoài này có lúc đi đường Móng Cái có lúc đi đường Lạng Sơn...".

Sau một thời gian học tập và làm việc ở Quảng Châu, chú Phạm Văn Đồng trở về nước hoạt động và bị bắt đày đi Côn Đảo. Đây là những ngày gian khổ, song chú vẫn rất lạc quan, chăm lo bồi dưỡng một lớp cán bộ cách mạng sau này:

"... Ở Côn Đảo cũng thú vị lắm, cực kỳ thú vị, chú làm được nhiều việc lắm. Chú vừa dạy chính trị, học thuyết Mác, vừa dạy tiếng Pháp. Sự thực là làm không hết việc, mà rất là náo nhiệt, rất là thú vị. Lúc Front populaire (Mặt trận Bình

dân) ở Pháp lên, chính sách có rộng rãi hơn một tí, thả một số tù chính trị, chú từ 10 năm xuống 7 năm, ra trước. Về thì tốt rồi, nhưng cũng quỵến luyến anh em còn ở lại lắm. Chúa đảo ghi trong lý lịch của chú thế này: "À ne pas le renvoyer dans son pays, sa libération constitut un danger pour l'Etat (không nên cho về nước, việc phóng thích anh ta là một nguy hiểm cho quốc gia). Nhưng bên kia người ta vẫn cứ thả. Như vậy chú bị bắt tháng 7 năm 1929 và được thả khoảng tháng 7 năm 1936. Thời gian ở Côn Đảo chú bị đánh đập ít, bọn nó biết hết vì có người phản, phản từ trên. Ra tù, chú không thể ở Sài Gòn vì bị expulser (trục xuất), chú về nhà ít lâu rồi đi Hà Nội, Hà Nội lại trục xuất. Lúc đó chú hoạt động chính trị bán công khai.

Những năm 1937-1938, có lúc ở Hà Nội, có lúc ở Quảng Ngãi, ra ra, về về.

Ở Hà Nội chú xin dạy ở một trường, lúc trả lương, nó quyt và nói rằng chú là người có danh sách ở mật thám Pháp vì vậy không trả lương. Chú phải thôi và dạy ở một trường khác. Ông này tốt, trả lương đàng hoàng. Nhưng chú thấy ở Hà Nội không tốt, ở Sài Gòn tốt hơn. Chú viết thư cho Huỳnh Văn Trợ xin dạy ở Trường Tư thực; dạy trường tư nhiều tiền lắm, nó trả 120-140 đồng. Chú thuê nhà ở.

Trước khi đi gặp Bác Hồ ở Côn Minh, chú có gặp ông Nguyễn Văn Cừ, lúc bấy giờ là Tổng Bí thư, ở đường Thanh Niên hiện nay. Ông Cừ nói việc phải đi. Chú và ông Giáp, hai người đi Côn Minh gặp Bác Hồ, sau đó về Cao Bằng, lúc đó là chiến tranh rồi (1940-1941), ở đó năm 1942-1945 về Hà Nội, khởi nghĩa và Cách mạng Tháng Tám.

Một cách vắn tắt, cuộc đời của chú là học ở Huế, học ở Hà Nội, học ở Quảng Châu, hoạt động ở Sài Gòn, bị bắt đi Côn

Đảo 1929-1936, về Hà Nội, đi Cao Bằng, Cách mạng Tháng Tám, về Hà Nội, thế thôi".

Chú đã khiêm tốn không nói đến công hiến to lớn của mình trên cương vị Thủ tướng Chính phủ suốt hơn 30 năm. Nhưng mọi người đều biết, đây là một cuộc đời cách mạng thật anh dũng, kiên cường, đầy gian lao, thử thách và cũng đầy công tích vẻ vang, tất cả vì dân, vì nước. Một trong những động lực quan trọng làm cho chú Tám của chúng tôi tin tưởng và phấn đấu cho sự nghiệp cách mạng là được sống bên Bác Hồ, được Người dạy dỗ, rèn luyện.

Trong quá trình hoạt động của mình, chú Phạm Văn Đồng có trả lời nhiều cuộc phỏng vấn của các hãng thông tấn quốc tế. Chú có kể lại một chuyện vui nhân cuộc phỏng vấn của phóng viên hãng Roitơ, có liên quan đến Bác Hồ:

"Hai vợ chồng phóng viên hãng Roitơ trong cuộc phỏng vấn, có hỏi chú một câu như thế này:

- Việc này nếu Bác Hồ còn sống thì Bác Hồ giải quyết như thế nào? Chú chỉ trả lời một cách giản đơn:

- Tôi không thể trả lời thay cho Bác Hồ được!

Nếu mình trả lời thì "dại" vì hai lẽ:

Một là mình không thể trả lời thay cho Bác Hồ được, hai là ý kiến của mình sao dám nói là của Bác Hồ". Điều này vừa thể hiện sự thận trọng, cảnh giác chính trị của một nhà ngoại giao lão luyện vừa biểu hiện lòng kính yêu, tôn trọng Bác Hồ.

Trong khi hết lòng phục vụ nhân dân, phục vụ cách mạng, chú Phạm Văn Đồng vẫn dành một phần không nhỏ trái tim người cộng sản cho gia đình - người vợ và người con trai thân thương.

Chú Phạm Văn Đồng xây dựng gia đình với bà

Phạm Thị Cúc. Lễ cưới được tổ chức ngày 16 tháng 10 năm 1946 tại Hà Nội. Sau đó ít lâu, chú được cử vào công tác ở Liên khu V với tư cách là đại diện của Đảng và Chính phủ. Cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ (19-12-1946), thím Cúc và gia đình lên sống ở Việt Bắc. Mãi đến năm 1948, thím Cúc mới có dịp vào Khu V quê chồng. Năm 1949, chú Phạm Văn Đồng ra Việt Bắc bằng con đường Trường Sơn.

Về đứa con trai duy nhất của mình, chú Tám kể rằng:

"Ngày 19 tháng 10 năm 1951, tại làng Nhà, xóm Đồng Tâm, xã Kim Quan Thượng, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, cô Cúc sinh một bé trai khoẻ mạnh, khôi ngô và tôi lấy tên địa phương đặt tên cho cậu bé là Sơn Dương. Ở đây, Sơn Dương được nuôi dưỡng bình thường, nhờ sự chăm sóc của đồng bào, đồng chí, anh chị em trong cơ quan và bộ đội... Tôi nói đoạn này để ghi lại ở đây những tình cảm, lòng biết ơn, lòng kính trọng, lòng quý mến về tất cả những gì mà những người thân gần, xa, những người có trách nhiệm, đã chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Sơn Dương dần dần lớn lên và nên người".

Từ cuộc đời cách mạng vô cùng phong phú của chú Phạm Văn Đồng, chúng tôi (những người con cháu) nhận thức một số quan niệm cơ bản trong cuộc sống của chú, làm gương cho lớp con cháu noi theo.

Trước hết là niềm tự hào, lòng tin vững chắc vào dân tộc, đất nước mình. Trong cuộc phỏng vấn Phạm Văn Đồng, ngày 11 tháng 2 năm 1998, phóng viên hãng Rويتر đã nhận xét chí lý như sau:

"... Ông Đồng cho biết ông vẫn khoẻ mạnh và vẫn theo dõi chặt chẽ các diễn biến ở Việt Nam. Ông nói ngày nào ông cũng có chương trình làm việc và ông làm việc suốt ngày...

Ông nói ông cảm thấy tự hào về đất nước của mình và tin rằng dân tộc Việt Nam sẽ ra sức xây dựng một đất nước hùng mạnh và tốt đẹp hơn và cải thiện đời sống của người dân. Ông khẳng định rằng dân tộc của ông sẽ mãi mãi là dân tộc Việt Nam, một dân tộc không bao giờ quên nguồn gốc, quá khứ và lịch sử của mình".

Thứ hai là rèn luyện, giữ gìn một phẩm chất cao đẹp của con người cách mạng: trong sạch, thẳng thắn, vô tư, không ngừng lao động.

Ngày 1 tháng 3 năm 1996, tại Văn phòng Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng tổ chức mừng thọ Cố vấn Phạm Văn Đồng tròn 90 tuổi (1-3-1906 - 1-3-1996).

Tổng Bí thư Đỗ Mười trân trọng đọc lời chúc thọ:

"Hôm nay chúng ta hết sức vui mừng họp mặt tại đây để chúc thọ Anh Tô kính mến, nhân dịp kỷ niệm lần thứ 90 ngày sinh Anh Tô.

Anh Tô là một trong những bậc tiền bối cách mạng của Đảng ta, là người học trò ưu tú của Bác Hồ vĩ đại, và là người kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, là nhà lãnh đạo lỗi lạc của Đảng, Nhà nước ta, là nhà hoạt động quốc tế có uy tín cao, là tấm gương cao đẹp của người cộng sản, một đời làm việc vì nước, vì dân.

Thay mặt Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tôi xin kính chúc Anh Tô mạnh khỏe, sống lâu trăm tuổi để tiếp tục cùng toàn Đảng, toàn dân đưa công cuộc đổi mới đến thành công".

Cuối cùng là xác định một nhân sinh quan đúng cho cuộc sống và phấn đấu, trung thành thực hiện nhân sinh quan, lý tưởng cao đẹp mà chú đã lựa chọn.

Xúc động trước tình cảm cao quý của các đồng chí trong Bộ Chính trị, Ban Bí thư trong buổi chúc thọ, Cố vấn Phạm Văn Đồng chân thành cảm ơn:

"Tôi coi đây là niềm cổ vũ sâu xa phù hợp với quan điểm của tôi về cuộc sống. Vấn đề không phải là sống bao lâu mà chính là sống để làm gì, sống vì nước, vì dân, vì ngày nay và ngày mai, vì sự nghiệp cách mạng ở nước ta cũng như các nước khác trên thế giới...".

Đây là lẽ sống cao đẹp mà chú Phạm Văn Đồng đã thực hiện trong cuộc đời gần một thế kỷ của mình, trong đó 70 năm đã dành cho dân, cho nước.

Trong một lần gặp gỡ gia đình, chú Tám đã căn dặn chúng tôi: "Sinh lúc nào, ở đâu, sống được bao lâu, nói cho cùng, tôi nghĩ là không quan trọng. Anh sinh ra ở chỗ này, ngày này, hay ở chỗ khác, ngày khác, đến bây giờ đã hơn 90 năm qua rồi thì thử hỏi, những cái này đúng hay sai, thực hư... Có gì quan trọng? Nhận thức của mình, quan điểm của mình là phải coi việc sống như thế nào cho đúng mới là quan trọng".

Chúng tôi, những con cháu của chú Tám, cũng như nhân dân cả nước luôn ghi nhớ hình ảnh thân yêu của chú, thực hiện lời dạy của chú, xứng đáng với con người suốt đời đi theo con đường của Bác Hồ, với lý tưởng của mình là chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa cộng sản và các mục tiêu có liên quan là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Lý tưởng đó được hình thành từ khi còn thanh niên, được thử thách và luôn luôn kiên định trong đấu tranh cách mạng, trong tù đày, trong hai cuộc chiến tranh chống Pháp và chống Mỹ xâm lược, trong công cuộc đổi mới nền kinh tế, trên mọi cương vị công tác suốt 70 năm qua của chú Tám - đồng chí Phạm Văn Đồng.

CHUYỆN NHỎ VỀ MỘT NHÂN CÁCH LỚN

Nguyễn Tiến Năng

Phạm Văn Đồng quê ở xóm Cây Gạo, xã Đức Tân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Lúc nhỏ Phạm Văn Đồng ở nhà với mẹ, khi lớn theo cha ra Huế học chữ Nho, rồi học quốc ngữ ở Trường tiểu học Đông Ba, sau đó học tiếp trung học ở Trường Quốc học, sau khi tốt nghiệp Thành chung ra học ở Trường Bưởi, Hà Nội. Ở đây đồng chí Phạm Văn Đồng tham gia phong trào cách mạng và trở thành nhà hoạt động cách mạng chuyên nghiệp dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự dìu dắt của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Đồng chí từng có mặt ở khắp ba miền Trung Nam Bắc, cùng đồng bào, đồng chí chiến đấu gian khổ trong hai cuộc kháng chiến lâu dài, góp phần của mình vào thắng lợi huy hoàng của dân tộc: đất nước độc lập, thống nhất, tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Từng giữ những cương vị quan trọng trong Đảng và Chính phủ, đồng chí không bao giờ làm điều gì trái với những điều đã được Nguyễn Ái Quốc dạy trong lớp học đầu tiên cho Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Quảng Châu (Trung Quốc). Cả cuộc đời của đồng chí đã chứng minh điều đó. Ở đây xin nêu vài mẩu chuyện nhỏ.

KHÔNG DÀNH CHO MÌNH

Chiến thắng Điện Biên Phủ chấn động địa cầu kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, đưa đến việc ký kết Hiệp định Giơnevơ. Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng. Đồng bào Thủ đô nô nức đón Chính phủ và Bác Hồ từ chiến khu Việt Bắc về Hà Nội.

Sau khi ổn định tình hình mọi mặt, Bác Hồ và đồng chí Phạm Văn Đồng được thu xếp vào ở trong khu vực phủ Toàn quyền Đông Dương cũ. Bác Hồ không ở lâu đài của viên Toàn quyền mà chọn căn phòng của người thợ điện làm nơi ở cho mình (về sau Bác Hồ chuyển sang ở ngôi nhà sàn phía bên kia ao cá do anh em dựng lên, giống kiểu nhà sàn ở Việt Bắc). Đồng thời Bác bảo chú Tô ở căn nhà của người quản lý dinh Toàn quyền. Hai nơi này chỉ cách nhau một cái sân.

Đây là căn nhà một tầng, xây gạch lợp ngói, rộng khoảng 30m², sau này được cải tạo thành hai tầng, tầng lầu gồm một phòng ngủ, một phòng làm việc, tầng trệt làm nơi tiếp khách. Trước nhà là một khoảng sân rộng, có giàn hoa lý, các chậu cảnh, sau này có thêm các giò lan rừng. Chung quanh nhà là các cây cao, rợp bóng mát, đầy hương sắc và rộn tiếng chim. Tất cả cảnh quan này đều vốn có từ trước, chỉ sửa sang lại và trồng thêm mấy loài hoa.

Sáng sáng, khoảng từ 4 giờ 30 phút, đồng chí Phạm Văn Đồng dậy và đi bộ trong khuôn viên hàng tiếng đồng hồ rồi trở lại sân tập thể dục. Sau đó ăn sáng và làm việc.

Đồng chí Phạm Văn Đồng ở căn nhà này gần hai chục năm từ 1954 đến 1970, biết bao sự kiện diễn ra ở đây: thường ngày đồng chí được gặp Bác Hồ bàn công việc, cùng tiếp khách, cùng ăn..., hai người gắn bó với nhau thật thân thiết, hiếm có nơi nào mà Chủ tịch nước lại cùng ăn, cùng ở với Thủ

tướng như ở nước ta. Trong những năm tháng đế quốc Mỹ đánh phá ác liệt Hà Nội, đồng chí Phạm Văn Đồng vẫn cùng với Bác Hồ, các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước ở ngay tại Thủ đô cùng đồng bào, đồng chí, bộ đội chiến đấu chống quân thù. Người Hà Nội thường thấy đồng chí có mặt ở những nơi vừa bị bom địch tàn phá, như phố Khâm Thiên, bệnh viện Bạch Mai, Đài Phát thanh Mễ Trì, khu An Dương, v.v. cùng chia sẻ những mất mát với đồng bào, động viên đồng bào, bộ đội giải quyết hậu quả và chuẩn bị sẵn sàng cho trận chiến đấu tới với lòng tin vững chắc.

Cuộc chiến đấu của quân và dân cả nước ta đang trên đà thắng lợi thì Bác Hồ qua đời. Đây là một tổn thất vô cùng to lớn đối với Đảng ta, nhân dân ta. Là người đã từng gắn bó với Bác nhiều năm, có tình cảm sâu nặng với Bác, đồng chí Phạm Văn Đồng rất đau buồn, thương nhớ Bác và nhiều lần tâm sự với chúng tôi: "Tôi không thể và không nên tiếp tục ở và làm việc trong căn nhà này, bởi hằng ngày hình ảnh Bác cứ như trước mặt tôi, tiếng Bác cứ nhè nhẹ bên tai tôi, làm tôi không cảm lòng được. Hơn nữa toàn bộ khu vực này rồi đây phải xây dựng thành khu di tích Bác Hồ để đồng bào, đồng chí, chiến sĩ đến thăm, làm sao tôi ở đây được. Anh em nên tìm cho tôi một nơi ở khác thì tiện hơn và nên làm nhanh". Trong lúc chờ đợi tìm nơi ở mới, đồng chí quyết định chuyển lên ở tạm tại khu biệt thự Hồ Tây của Trung ương. Chúng tôi hiểu và thông cảm tâm trạng của đồng chí. Công việc được chuẩn bị một cách khẩn trương.

Văn phòng Chính phủ xây dựng trong khu đất của Văn phòng một căn nhà hai tầng, tầng lầu gồm phòng ngủ, phòng làm việc, phòng sinh hoạt; tầng dưới là nơi tiếp khách và hai phòng làm việc của anh em giúp việc. Phía sau nhà chính có một số phòng làm việc và nghỉ ngơi cho các bộ phận phục vụ.

Chung quanh nhà có tường rào, bồn hoa, bể cá, trồng các loại cây ăn quả, các loài hoa, đặc biệt có hai cây mai vàng của đồng bào miền Nam gửi tặng, mùa nào cũng có hoa có quả, hương thơm toả khắp các phòng cùng với tiếng chim hót ríu rít trong vườn.

Đồng chí Phạm Văn Đồng sống và làm việc ở căn nhà này gần 30 năm (1972-2000). Ở đây đồng chí thường đi bộ trong khu vực, tập dưỡng sinh tại chỗ, khi trời mưa thì đi bộ và tập trong nhà.

Căn nhà này đã là nơi làm việc hoặc gặp gỡ thân tình giữa đồng chí Phạm Văn Đồng với các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước, các đồng chí lão thành cách mạng, cán bộ các ngành, các cấp, đồng bào, đồng chí các nơi. Tại căn nhà này cũng diễn ra các cuộc tiếp xúc thân ái với bạn bè quốc tế, các chính khách, các chuyên gia nước ngoài. Đây cũng là nơi đồng chí Phạm Văn Đồng sinh hoạt gia đình với bà con, họ hàng vào những ngày nghỉ, ngày Tết.

Năm 1987, khi thôi giữ các chức vụ lãnh đạo, đồng chí thường nói với chúng tôi về căn nhà đang ở: "Căn nhà này là nhà công vụ dành cho người đương chức, bây giờ tôi không còn làm Thủ tướng nữa mà cứ ở đây thì không tiện, ta nên tìm một nhà khác, để căn nhà này cho anh em mới có nơi ở và làm việc". Chúng tôi liền hỏi lại: Vậy nơi ở mới rộng hẹp, gần xa thế nào? Đồng chí trả lời: "Có thể là một căn nhà như nhà đang ở hoặc nhỏ hơn cũng được, ở trong hoặc ngoại vi thành phố, nhưng nếu được thì nên có cái vườn để có chỗ đi bộ".

Hiểu ý đồng chí, chúng tôi gặp các đồng chí lãnh đạo thành phố Hà Nội báo cáo yêu cầu trên để các đồng chí chuẩn bị giúp giải quyết. Sau khi tìm hiểu các địa điểm, bản thân đồng chí Trần Vĩ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố,

cùng chúng tôi lần lượt đi đến nhiều điểm nhưng chưa thấy nơi nào thích hợp. Chúng tôi báo cáo lại với đồng chí Phạm Văn Đồng và đề nghị đồng chí nên ở lại ngôi nhà này. Qua nhiều tháng, dần dần đồng chí cũng thuận theo, nhưng vẫn canh cánh bên lòng, và căn dặn chúng tôi sau này phải trả lại căn nhà này cho cơ quan, chỉ cần gắn một cái biển nhỏ với dòng chữ: "Căn nhà này đồng chí Phạm Văn Đồng đã ở và làm việc từ... đến...". Rõ ràng là đồng chí không vui lòng, nhưng không có cách nào khác. Đồng chí tiếp tục ở lại đây cho đến khi ốm phải vào bệnh viện (tháng 9 năm 1999).

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thắng lợi, đất nước thống nhất, Nam - Bắc sum họp một nhà. Đồng chí Phạm Văn Đồng đi thăm đồng bào, đồng chí, các chiến sĩ miền Nam. Đồng chí đi bằng ô tô từ Hà Nội qua hầu hết các tỉnh miền Trung, Tây Nguyên, miền Đông, miền Tây Nam Bộ. Trong chuyến đi này đồng chí có mời hai người anh ruột cùng về thăm quê Đức Tân, Mộ Đức (Quảng Ngãi). Ngôi nhà cũ không còn nữa. Trước mắt các ông là đồng gạch vụn với chân tường đầy cỏ và dây bìm bìm. Anh em cho biết thời Mỹ - Diệm địch ở trên bốt huyện thường xuyên câu pháo vào vùng này và ngôi nhà đã bị phá huỷ. Đứng trên nền đất của ngôi nhà thân thương với bao kỷ niệm, các ông lặng yên không nói nên lời. Các ông thăm hỏi bà con rồi ra khu mộ thấp hương viếng các cụ thân sinh. Sau đó các ông chia tay nhau mỗi người đi làm công việc của mình.

Thời gian qua đi, bỗng một hôm đồng chí Phạm Văn Đồng nhận được thư của bà con trong quê cho biết: người ta bàn tán về việc tỉnh đang xây nhà cho ông Đồng. Đồng chí liền điện khẩn cho lãnh đạo tỉnh Nghĩa Bình yêu cầu đình chỉ ngay việc xây nhà và đặt câu hỏi: Vì sao các đồng chí làm nhà cho tôi mà lại không hỏi ý kiến tôi? Đồng chí Nguyễn

Quang Lâm (Tám Tú) Bí thư Tỉnh uỷ điện khẩn ra báo cáo, đại ý: Đã lâu bà con trong Nam ngoài Bắc khi đi ngang qua đây thường dừng xe vào thăm nhà Bác. Để có nơi đón tiếp bà con, tỉnh chủ trương xây dựng nhà khách, căn nhà cũng nhỏ thôi. Vậy xin phép Bác cho tỉnh được tiếp tục xây dựng. Nhận được điện của tỉnh, đồng chí Phạm Văn Đồng trả lời rằng, nếu các đồng chí làm nhà khách của tỉnh thì tôi không có gì để phản đối.

Lần sau về thăm quê, đồng chí Phạm Văn Đồng được biết "nhà khách" của tỉnh được xây trên nền nhà cũ. Đây là ngôi nhà cấp bốn, ba gian rộng khoảng 50m² trong khu vườn thuở xưa, mái ngói tường xây, gian giữa rộng làm nơi thờ tự, tiếp khách, hai gian đầu hồi làm nơi nghỉ ngơi, sinh hoạt. Nối với nhà trên có nhà bếp, giếng nước. Trong vườn có trồng các loài hoa, cây cảnh, còn lại là các loại rau.

Các đồng chí địa phương đưa đồng chí Phạm Văn Đồng ra thăm và thắp hương ngoài mộ các cụ, sau đó trở về nhà dâng hương, gặp cán bộ và đồng bào. Trong câu chuyện thân tình, các đồng chí lãnh đạo tỉnh lại một lần nữa trình bày việc tỉnh xây dựng trên nền đất cũ ngôi nhà này và xin đồng chí Phạm Văn Đồng thứ lỗi. Bà con ngồi xung quanh cũng nói chen vào đỡ lời cho tỉnh. Tuy không đồng tình về việc làm nhà này nhưng đồng chí vừa cười vừa nói: "Vậy là mọi người đặt tôi vào việc đã rồi, tôi biết làm sao được". Không khí trở nên vui vẻ.

Đồng chí Phạm Văn Đồng là con người như vậy, khiêm tốn, giản dị, không đòi hỏi gì cho mình mà đòi hỏi ở mình: còn sống còn làm việc, còn phục vụ Đảng, phục vụ nhân dân.

NHỮNG LỜI TÂM HUYẾT

Làm việc với đồng chí Phạm Văn Đồng nhiều năm, chúng

tôi được biết đồng chí rất ít nói về việc riêng. Đồng chí ngày đêm chăm lo công việc chung của dân, của Đảng. Khi đồng chí thôi đảm trách các chức vụ trong Đảng và Nhà nước, đồng chí nói với chúng tôi rằng, đồng chí sẽ tập trung vào việc viết sách mà đề tài là Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Với kiến thức uyên bác, đọc nhiều hiểu rộng, bằng tư duy trí tuệ sắc sảo, với sự cộng tác của nhiều anh em, từ năm 1990 đến năm 1999, đồng chí đã có 6 tác phẩm ra mắt bạn đọc mà chúng ta đều biết, trong đó có 4 tác phẩm nói về Chủ tịch Hồ Chí Minh, được dư luận đánh giá cao. Đồng chí còn tham gia vào công việc chung, tiếp xúc với các đồng chí lãnh đạo, gặp gỡ cán bộ, đi thăm các nơi, v.v..

Tuy bận rộn như vậy nhưng lúc rảnh rỗi, đồng chí thường tâm sự với chúng tôi điều này, điều nọ.

Với giọng buồn buồn và chậm rãi, đồng chí nói: Tôi có suy nghĩ rất nhiều, suy nghĩ đi suy nghĩ lại, để thấy cho hết những gì đã diễn ra và nhằm làm sáng tỏ tất cả những gì là thực chất của sự việc, không phải như vậy để làm giảm bớt nỗi đau buồn, không bao giờ vui của tôi, về căn bệnh của cô Cúc (Phạm Thị Cúc), một người con gái lúc kết hôn với tôi mới khoảng 20 tuổi. Trước đó, tôi đã biết tình yêu, tình thương, tình quý trọng của người con gái mới lớn lên đối với tôi, hồi ấy đã 40 tuổi. Cho đến bây giờ, ôn đi ôn lại, tôi vẫn không tìm ra câu trả lời, bởi lẽ ở đây như người ta thường nói: không có câu trả lời, người ta yêu là yêu tất cả, yêu say đắm, yêu không có bờ bến, còn vì sao thì không ai trả lời được. Điều làm cho lòng tôi không bao giờ vui chính là ở chỗ ngay từ buổi đầu tôi có thấy nhưng thấy chưa hết, chưa đủ, chưa tương xứng, chưa có cách ứng xử có thể nói là bình thường, rất bình thường với những tình cảm biết bao cao đẹp của cô Cúc đối với tôi.

Nói đến đây, đồng chí dừng lại một lát rồi nói tiếp: Một việc giản đơn vô cùng diễn ra ngay sau ngày cưới (ngày 16 tháng 10 năm 1946), đó là việc tôi chuẩn bị đi nhận công tác mới làm đại diện Trung ương Đảng và Chính phủ ở Liên khu V, lúc sắp bắt đầu toàn quốc kháng chiến chống Pháp. Lúc bấy giờ, con đường quốc lộ từ Bắc vào Nam nói chung đều thông suốt, nhiều người trong gia đình cũng như những người thân quen đều khuyên tôi nên đưa cô Cúc cùng đi, và như vậy là hợp đạo lý về mọi mặt, không có điều gì đáng lo ngại. Tuy nhiên, trong thâm tâm tôi vẫn phân vân, bởi lẽ tôi suy nghĩ rất nhiều và thiên về cái ý mình mới cưới vợ mà đưa vợ cùng đi trong chuyến công tác vào Liên khu V ngay trong buổi đầu của cuộc kháng chiến thì không tiện. Điều trăn trở của tôi, lương tâm của tôi là tôi với tôi chứ không phải dư luận từ nơi khác. Đến bây giờ, tôi vẫn luyến tiếc một cách sâu sắc là cô Cúc hiền quá, trong lòng chắc không vui, nhưng không đòi đi cho bằng được... Thật tình mà nói, trong lòng tôi lúc bấy giờ cũng nghĩ rằng vào đến Liên khu V, sau khi sắp xếp công việc xong đâu vào đấy rồi, thì sẽ đón cô Cúc vào. Và lại đường sá thông suốt thì cũng không có gì khó khăn. Nhưng sự thật đã diễn biến khác hẳn.

Ngay sau khi tôi chia tay với cô Cúc ít lâu, thì cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ (19-12-1946). Mọi gia đình đều phải thu xếp sơ tán đến những khu an toàn để sống yên ổn. Cô Cúc cùng với bà cụ thân sinh và cô em gái - cô Thu, cả nhà rất chật vật khó khăn về đời sống, về đi lại. Cô Cúc đau khổ vô cùng. Đến nay, từ những điều tôi nhớ lại và được nghe kể lại, thì tôi sống trong tâm trạng của một người bao giờ cũng có lỗi.

Chúng tôi nói xen vào: Nhưng rồi chị Cúc cũng vào Liên khu V. Đồng chí trầm ngâm rồi nói tiếp: Trước đòi hỏi thống

thiết và có sức thuyết phục của cô Cúc, các cơ quan có trách nhiệm ở Trung ương đã cử người đưa cô Cúc đi đường bộ, băng qua các tỉnh miền Bắc, miền Trung vào Liên khu V. Cô Cúc đi đường bộ tuy được anh em ở Trung ương và các địa phương lo toan đủ thứ, nhưng vẫn trải qua những khó khăn trong bao nhiêu thiếu thốn không thể nào kể ra được. Thế mà ròng rã qua bao tháng trời, cô Cúc vẫn đi được, đi đến nơi, đến Quảng Ngãi khoảng giữa năm 1948 với trạng thái khoẻ mạnh, vui vẻ, trẻ trung. Đây thật sự là một điều vui mừng quá với mong ước của tôi, nó đến với tôi một cách đột ngột, làm tôi rất sung sướng và yên tâm. Cô Cúc cùng với tôi ở Liên khu V khoảng sáu, bảy tháng.

Trong khoảng thời gian vài ba năm ở Liên khu V, tôi làm theo ý kiến của mọi người là xây dựng Liên khu V thành một cơ sở đầu mối, một hậu phương cho các tỉnh cực Nam Trung Bộ, và trong việc này mọi ngành, mọi địa phương đều có thành tựu mà mọi người đến nay vẫn còn nhắc tới với lòng tự hào. Người ta thường nhắc tới phong trào sản xuất và những sáng kiến về kinh tế, tài chính, giải quyết vấn đề ăn, mặc cho dân, cho bộ đội, thậm chí cung cấp cả các phương tiện chiến tranh phục vụ tiền tuyến; nhắc tới Trường Trung học bình dân, những kết quả về giáo dục, văn hoá, y tế... Có được những thành tựu đó, là nhờ mọi người biết đoàn kết phấn đấu vì mục tiêu kháng chiến thắng lợi, kiến quốc thành công. Đó là điều đáng ghi nhớ.

Đến tháng 2 năm 1949, tôi được Trung ương gọi ra Bắc. Tôi cùng cô Cúc, với sự giúp đỡ của anh em ở Liên khu V và các tỉnh lân cận, vượt dãy Trường Sơn, trải qua hơn bốn tháng, khắc phục biết bao khó khăn, gian khổ đã về tới Việt Bắc. Được chuẩn bị, sắp xếp đầu vào đây, nên cuộc hành

trình diễn ra thuận lợi, đặc biệt cô Cúc khoẻ mạnh, đi đến nơi, về đến chốn, đây là điều vui mừng lớn đối với tôi.

Đồng chí dừng hồi lâu rồi nói tiếp: Khi chúng tôi ra đến Việt Bắc, (tháng 6 năm 1949), ngoài công việc chung, chúng tôi đặc biệt chú trọng một vấn đề riêng, là có một đứa con. Ngày 19 tháng 10 năm 1951, tại làng Nhà, xóm Đồng Tâm, xã Kim Quan Thượng, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, cô Cúc sinh một bé trai khoẻ mạnh, khôi ngô, và tôi lấy tên địa phương đặt tên cho cậu bé là Sơn Dương. Ở đây, Sơn Dương được nuôi dưỡng bình thường, nhờ sự chăm sóc của đồng bào, đồng chí, anh chị em cơ quan và bộ đội. Phải nói rằng, mọi người đều hết lòng, nhưng ảnh hưởng của kháng chiến và sự thiếu thốn của mọi người đều tác động đến cậu bé. Tuy vậy, một phần nhờ sự bẩm sinh do gien của bố mẹ, nên sức khoẻ của bé Sơn Dương cũng khá. Khi Sơn Dương ở tuổi niên thiếu, người ta đồn đại với nhau nhiều chuyện khá ly kỳ, nhưng tất cả đều là sự tưởng tượng, không có thật. Tóm lại, Sơn Dương được nuôi dưỡng, chăm sóc chu đáo về mọi mặt, được giúp đỡ học tập như mọi đứa trẻ khác, nhờ đó khi lớn lên, Sơn Dương vào bộ đội, được rèn luyện nên người. Sơn Dương học tốt, tính tình tốt, tư chất tốt, mọi việc đều cố gắng làm tròn, biết nghe lời, biết phục thiện, được anh em đồng đội và mọi người quý mến. Đây là nguồn vui lớn nhất của cô Cúc và của tôi.

Sau khi cô Cúc sinh Sơn Dương và trong thời gian nuôi dưỡng Sơn Dương, một điều tôi rất mong đợi là sức khoẻ cô Cúc sẽ khá hơn và tôi định ninh như vậy. Nhưng khi tôi hỏi các giáo sư, bác sĩ có thẩm quyền, thì người ta cho biết, người đàn bà sau khi sinh đẻ có phần yếu đi, và quả đúng như vậy, sức khoẻ cô Cúc yếu đi thật. Đối với tôi, đây là điều bất hạnh.

Tôi đã cố gắng biết bao chăm sóc cho cô Cúc nhưng không cải thiện được tình hình, tâm thần của cô Cúc diễn biến không bình thường, từ đó việc chữa chạy bệnh tâm thần cho cô Cúc là việc quan trọng đặc biệt, các cơ quan có thẩm quyền đều chăm lo cực kỳ chu đáo, với biết bao hoài bão và mong đợi. Đây là thời gian tôi lo lắng, đau khổ vô cùng, bởi bệnh của cô Cúc không có chiều hướng giảm, trái lại ngày càng phức tạp, đòi hỏi phải chữa nhiều, chữa lâu, không chỉ ở trong nước mà còn phải thương lượng để đưa đi chữa ở nước ngoài. Trong lúc bấy giờ, mọi việc chăm lo sức khỏe và học tập của Sơn Dương chủ yếu nhờ cơ quan và gia đình bên ngoại: bà ngoại và cô Thu. Tôi xin ghi lại ở đây những tình cảm, lòng biết ơn, lòng kính trọng, lòng quý mến về tất cả những gì mà những người thân gần xa, những người có trách nhiệm đã chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Sơn Dương dần dần lớn lên và nên người.

Chúng tôi lại nói xen vào: Sơn Dương lúc nhỏ nhanh nhẹn và tốt nét, đặc biệt cháu không bao giờ cậy mình là con trai Thủ tướng, thậm chí cháu như không có ý thức về điều ấy. Đồng chí nói tiếp với giọng rất vui: Trong quá trình Sơn Dương sống với tôi, tôi còn nhớ như ngày hôm qua bao nhiêu cố gắng của tôi để chăm lo cho nó có sức khỏe tốt, học tập tốt, trở nên người tốt, làm việc tốt. Tôi nghĩ những cố gắng của tôi đã có kết quả ít nhiều thiết thực, và cuối cùng là xây dựng gia đình cho Sơn Dương. Đây là việc đáng làm nhưng nó đòi hỏi rất nhiều cố gắng, rất nhiều công phu, và tôi không từ chối bất cứ cái gì, mệt nhọc bao nhiêu không quản, mọi điều có thể làm được để có kết quả tôi đều lao vào làm cho được. Diễn biến của cuộc đời không bao giờ khớp với ý nguyện của mình, bởi vậy tôi mất rất nhiều thì giờ và công sức về việc này. Cho đến năm 1994, Sơn Dương 42 tuổi mới xây dựng gia

đình với cô Phan Thị Minh Châu (lễ thành hôn ngày 15 tháng 2 năm 1994), con gái ông Phan Ba và bà Lê Hồng Tú. Sau khi lập gia đình, không bao lâu vợ chồng Sơn Dương, Minh Châu sinh được hai cháu bé, một trai, một gái: cháu trai sinh ngày 30 tháng 11 năm 1994 đặt tên là Phạm Quốc Hoa, cháu gái sinh ngày 18 tháng 6 năm 1997 đặt tên là Phạm Quốc Hương. Nhờ sức khoẻ bẩm sinh và nhờ sự thương yêu, sự ân cần, sự chiếu cố mọi điều trong việc nuôi dưỡng, nên hai cháu lớn lên bình thường, đến nay sức khoẻ của các cháu khá tốt, chịu ăn, chịu chơi, nghịch ngợm, biết nghe lời. Đây là niềm vui lớn trong đời riêng của tôi. Đến bây giờ, vào cuối đời của mình mà có được hai cháu như vậy là điều tôi không mong gì hơn. Rồi đây các cháu lớn lên, rồi ăn, rồi học, rồi luyện rèn, rồi làm việc, và sẽ có cống hiến tốt chừng nào hay chừng đó cho Tổ quốc và cho dân tộc.

Đồng chí ngừng lại một lúc rồi dường như có một cái gì đó làm đồng chí vui, đồng chí nói: Cô Cúc bị bệnh tâm thần, nên phải tìm cho cô một nơi có khí hậu thích hợp, có môi trường tốt, thoáng mát, vui vẻ, giúp cho sức khoẻ, ngoài ra không cần gì khác. Tôi đã tìm thấy một nơi như vậy, đó là khu nhà khách của Văn phòng Chính phủ ở 33^o Tú Xương, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Ở đây, anh chị em phục vụ, mọi người chiếu cố, chăm sóc cô Cúc như người thân, đem lại niềm vui, đem lại sức khoẻ tốt, đem lại cuộc sống thoải mái, và cô Cúc muốn sống ở đây hơn ở Hà Nội.

Nhân đây tôi xin tỏ lòng kính trọng của tôi, tình cảm của tôi, lòng biết ơn của tôi đối với các bà, các chị, các cô..., những người đã tận tình giúp đỡ cô Cúc.

Một điều đối với tôi không có gì sung sướng hơn là sức khoẻ của cô Cúc ngày càng tốt hơn, mặc dù năm nay cô đã

trên 70 tuổi. Qua nhiều năm quan sát, tôi nghiệm thấy hai điều: một là chăm sóc, nuôi dưỡng tốt, hai là có môi trường tốt, và môi trường đây là những người thân thích ruột thịt luôn luôn đến thăm, thì cuộc sống của cô Cúc thêm vui, thêm đầm ấm. Tự đáy lòng, tôi biết ơn và kính trọng gia đình cô Thu, gia đình ông Chúc, gia đình ông Thịnh và bà con nội, ngoại đã tận tình chăm sóc và thương yêu cô Cúc.

Sau một lúc trầm ngâm, đồng chí nói tiếp: Tôi còn nói thêm một điều nữa. Từ khi tôi là đại diện Trung ương Đảng và Chính phủ ở miền Nam Trung Bộ cũng như sau này làm việc ở Việt Bắc, ở Hà Nội, tôi sống cùng anh em Phòng 7 (một tập thể gồm thư ký, bác sĩ, cần vụ, bảo vệ, lái xe, cấp dưỡng...). Tôi coi đây là gia đình của tôi, mà tôi là người anh cả. Sự cộng tác của anh em đã giúp tôi làm được việc, nhất là những năm sau này mất tôi quá kém. Từ đáy lòng mình, tôi xin cảm ơn tất cả anh em.

Chúng tôi, những người nhiều năm được sống gần đồng chí, vô cùng xúc động và hết sức kính trọng đồng chí Phạm Văn Đồng, một con người đã dành cả cuộc đời cho sự nghiệp cách mạng của dân, của Đảng mà vẫn giữ trọn đạo làm chồng, làm cha. Đạo đức ấy, phẩm chất ấy thật trong sáng, cao đẹp biết bao.

DÔNG CHÍ PHẠM VĂN ĐÔNG



Gia đình đồng chí Phạm Văn Đông
(Ảnh chụp năm 1996)

chép lại sách.

Sau đó, tôi biết là không phải thế. Hai trang viết ấy chính là bản nháp đầu của Anh Tố. Đó là một dấu hiệu đặc biệt của phương pháp tư duy và công tác của Anh Tố: nghiên cứu kỹ, cân nhắc lật đi lật lại nhiều lần, hình thành chủ kiến rõ, thậm chí hiện bằng câu, chữ trong tâm trí (nếu là bài ngắn chỉ toàn bài, nếu là công trình dài chỉ những đoạn quan trọng nhất), hình dung trước những hành động và kết

trên 70 tuổi. Qua nhiều năm quan sát, tôi nghiệm thấy hai điều: một là chăm sóc, nuôi dưỡng tốt, hai là có môi trường tốt, và môi trường đây là những người thân thích ruột thịt luôn luôn đến thăm, thì cuộc sống của cô Cúc thêm vui, thêm đầm ấm. Tự đáy lòng, tôi biết ơn và kính trọng gia đình cô Thu, gia đình ông Chúc, gia đình ông Thịnh và bà con nội, ngoại đã tận



Đồng chí Phạm Văn Đồng với anh chị em Phòng 7 -
Phủ Thủ tướng

(Ảnh chụp tháng 3 năm 1985)

(Ảnh chụp năm 1986)

ĐỒNG CHÍ PHẠM VĂN ĐỒNG

Trần Việt Phương

Xin phép đồng chí Phạm Văn Đồng, xin phép đồng bào và đồng chí cho tôi gọi đồng chí Phạm Văn Đồng là Anh Tô, khi đồng chí còn đứng tuổi; là Bác Tô, khi đồng chí đã cao tuổi, cách gọi quý trọng và thân tình mà chúng tôi đã quen thuộc từ lâu.

Cách đây 54 năm, ngày đầu tiên tôi làm việc với Anh Tô sau khi được điều từ quân đội sang giúp việc Anh, bấy giờ là đặc phái viên của Trung ương Đảng và Chính phủ ở miền Nam Trung Bộ, Anh đưa tôi hai trang giấy dày chữ viết tay của Anh để chuyển cho bộ phận đánh máy. Tôi nhìn trang giấy mà ngỡ ngàng: Chữ viết đẹp, rất đều đặn, và nhất là không có một chỗ gạch, xoá, thêm, bớt nào hết. Ở tuổi 19 còn non nớt, tôi thoáng nghĩ: "Hay là Anh Tô đã viết nháp, rồi chép lại sạch, đẹp như thế này?"

Sau đó, tôi biết là không phải thế. Hai trang viết ấy chính là bản nháp đầu của Anh Tô. Đó là một dấu hiệu đặc biệt của phương pháp tư duy và công tác của Anh: Điều tra, nghiên cứu kỹ, cân nhắc lật đi lật lại nhiều lần, hình thành chủ kiến rõ, thâm thể hiện bằng câu, chữ trong tâm trí (nếu là bài ngắn thì toàn bài, nếu là công trình dài thì những đoạn quan trọng nhất), hình dung trước những hành động và kết

quả sẽ diễn ra..., đến khi ngồi vào bàn viết, thì hầu như là chép lại những điều đã viết trong đầu.

Nửa thế kỷ qua, bao nhiêu lần Anh Tô đã đưa cho chúng tôi, mấy anh em giúp việc Anh, những trang bản thảo của Anh, những đề cương phát biểu trước Đại hội Đảng hoặc hội nghị Trung ương, hội nghị Bộ Chính trị, những báo cáo trước Quốc hội và Chính phủ, những bài nói chuyện với nhân dân và cán bộ, những tham luận và tranh luận ở các cuộc đàm phán quốc tế, những bài báo viết cho báo hàng ngày hoặc tạp chí lý luận của Đảng... Tất cả đều mang đậm dấu ấn của phương pháp và phong cách làm việc ấy.

Chúng tôi đã nghe một số đồng chí lãnh đạo cùng ở trong Bộ Chính trị với Anh Tô nhận xét: "Anh Tô viết rất nhanh", và một số người đứng đầu Chính phủ nước ngoài ca ngợi "Thủ tướng Phạm Văn Đồng cất tiếng nói là thành văn". Quả thật, có những lúc ở hội nghị quốc tế, Anh Tô đang nghe đối phương hoặc đối tác nói, liền viết ngay tại chỗ những câu đáp lại, viết thẳng bằng ngoại ngữ để chuyển cho đồng chí phiên dịch đọc, sau đó mới trả lời bằng tiếng Việt.

Tuy nhiên, cả đến những lúc "xuất thân" ấy, cũng là kết quả của suốt một đời phấn đấu và lao động không ngừng, không nghỉ, tính thời gian từng phút, suy ngẫm hàng đêm giữa hai giấc ngủ, rèn luyện liên tục, luôn luôn lắng nghe và học tập từ người dân, từ cuộc sống, từ đồng chí, từ công việc, từ kinh nghiệm và kiến thức của loài người, cần mẫn như con ong hút từng nhụy hoa của cây đời để làm nên mật ngọt, không bao giờ tự bằng lòng với kết quả đã đạt, sẵn sàng sửa đổi hoặc phá bỏ cả một hệ thống ý tưởng hoặc dự định đã áp ủ và xây dựng công phu, để tìm tòi vươn đến sự hoàn thiện.

Mấy anh em chúng tôi giúp việc Anh Tô thường được chứng kiến biết bao lần Anh gặp gỡ, chuyện trò, học hỏi đồng

bào và đồng chí, đi tìm cả câu hỏi và lời giải đáp trong cuộc sống. Anh Tô là một người vô cùng ham tìm hiểu, nghe nhiều hơn nói, nghe trước nói sau, khi nói thì cũng rất tiết kiệm lời. Trong mỗi chuyến đi công tác, ở trong nước cũng như ra nước ngoài, suốt cả hành trình, từ lúc đi đường đến lúc trở về, thấy một cảnh tượng, gặp một con người, Anh Tô đều có câu hỏi để học tập, đều tạo ra ngay sự đối thoại chân tình. Anh tẩm mình vào cuộc sống, mở rộng mình trao đi những đồng cảm và thương yêu chân thành, tiếp nhận từng giọt trí tuệ và tình cảm từ mỗi đồng bào, đồng chí, mỗi con người mà Anh gặp.

Không bao giờ mấy anh em chúng tôi giúp việc Anh Tô lại thấy Anh đến với nhân dân chỉ với ý thức mình là người lãnh đạo và nhà cầm quyền, mà luôn luôn còn là một người thân gần gũi, một người học trò khiêm tốn học hỏi. Ở những hội nghị lớn, những cuộc tập hợp hàng trăm, hàng nghìn người, cũng như những cuộc gặp một vài người, gặp công nhân, nông dân cũng như trí thức, các bậc cao tuổi cũng như các cháu thanh niên, đồng bào miền Bắc, miền Trung cũng như miền Nam, đồng bào ở đồng bằng cũng như ở rừng núi, người đã quen cũng như người mới gặp lần đầu, Anh bắt ngay được tần số rung động của tâm trí một tập thể hoặc một cá nhân, thiết lập ngay được cuộc chuyện trò cởi mở, thiết thực và rất vui, có trao đi đổi lại, có những tiếng cười hồn nhiên, không diễn văn, không huấn thị, chỉ có những lời thật lòng của người nói với người.

Những cuộc gặp gỡ ấy chính là một cội nguồn của những suy nghĩ của Anh về đường lối và chính sách, chính là niềm vui, niềm an ủi và hạnh phúc của đời Anh.

Đến đây, một lần nữa, chúng tôi muốn nêu rõ: Những lời Anh Tô nói, những bài Anh Tô viết là của Anh Tô, và chỉ của Anh Tô. Những ai đã đọc kỹ và nhận ra văn phong của Anh

Tô, thì chắc biết không ai có thể viết cho Anh Tô ngoài chính Anh Tô được. Cần nói rằng Anh Tô rất ít dùng những dự thảo của cơ quan này, cơ quan khác đề nghị với Anh, khi dùng thì viết lại hầu hết. Công việc của chúng tôi giúp Anh Tô chỉ là: tìm các loại tài liệu cần thiết, giới thiệu (khi chúng tôi biết) những người đáng tin cậy và có kiến thức, có kinh nghiệm để bàn về từng chuyên đề với Anh Tô, sau này khi trình độ của anh em chúng tôi khá lên, thì tham gia bàn bạc về nội dung và được giao "dự thảo thử" một vài đoạn thứ yếu, theo những ý Anh Tô đã nêu ra, để giúp Anh Tô thì ít mà để học tập thì nhiều. Những đoạn quan trọng trong mỗi bài đều do chính tay Anh Tô viết, và toàn bài là do Anh Tô sửa, hoặc viết đi viết lại mấy lần.

Thường thường bao giờ Anh Tô cũng vạch đề cương và dự thảo bài viết trước, rồi đưa cho mấy anh em giúp việc đọc, và bảo cứ mạnh dạn bổ sung, tu chỉnh, với lời dặn rằng bớt đi, làm gọn lại, thì hơn là thêm vào. Điều có vẻ lạ lùng, ngược đời là thủ trưởng tự mình dự thảo, và đưa cho mấy người giúp việc sửa chữa, nhưng đó là sự thật suốt hơn nửa thế kỷ nay.

Xin kể vài thí dụ: Trước khi Anh Tô viết về Nguyễn Trãi, về Nguyễn Đình Chiểu, hai bài rất hay được nhiều người nhớ, Anh bảo chúng tôi mượn Thư viện quốc gia cho Anh tất cả những sách, báo và tư liệu về hai bậc danh nhân, có đến hàng trăm cuốn sách và tập tư liệu. Tự mình Anh đọc tất cả những chồng sách và tư liệu ấy, rồi tự Anh suy ngẫm và viết rất nhanh từ câu đầu đến câu cuối của bài viết, mỗi bài Anh mất chừng một tuần làm việc, ngoài phần hằng ngày phải dành cho nhiệm vụ Ủy viên Bộ Chính trị và Thủ tướng Chính phủ.

Khi Bác Tô bị bệnh ở mắt, không cầm bút viết được, Bác

đã thử nhiều cách, và cuối cùng chọn cách hợp với Bác nhất: xây dựng đề cương, viết trước trong tâm trí, đọc cho người giúp việc chép ra, rồi nghe đọc lại nhiều lần để chữa. Hơn 10 năm cuối đời, Bác đã viết những bức thư gửi Trung ương và Bộ Chính với tư cách Cố vấn, bốn cuốn sách về Bác Hồ, cuốn sách "Văn hoá và đổi mới", cuốn sách về giáo dục và nhiều bài báo, đều theo cách đó. Đồng chí Nguyễn Tiến Năng và tôi được giao giúp sửa chữa, biên tập. Chúng tôi bảo nhau hết sức giữ nguyên lời của Bác Tô, chỉ sửa những đoạn khẩu ngữ không được chỉnh, và chỉ cắt những đoạn trùng lặp khó tránh do Bác không còn nhìn thấy trang viết và dòng chữ nữa. Chúng tôi báo cáo với Bác rằng làm việc theo cách ấy để mất đi một phần rất quý cái văn phong riêng của Bác Tô thời Bác mới ở tuổi 80 và còn cầm được bút. Bác Tô cũng nhận thấy như vậy, và nói không hề có chút phàn nàn hoặc cay đắng: "Với tuổi tác và bệnh mắt thì là thế đấy, nhưng cứ phải cố gắng phấn đấu".

Làm việc với các nhà khoa học, các nhà văn hoá, các chuyên gia đầu ngành về từng vấn đề, sau khi bàn bạc, Bác Tô đề nghị từng người viết ý kiến của mình ra, gửi cho Bác tham khảo, đồng thời công bố trên báo chí, tập san thành tác phẩm của từng người. Đó chính là một nét đặc biệt của Bác Tô: Lắng nghe ý kiến nhiều người, nhưng không lấy nguyên ý kiến của ai, càng không lấy bài viết hoặc những đoạn viết của ai làm của mình, mà rất tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ của từng tác giả. Trong thảo luận, Bác Tô cung cấp ý kiến của mình cho những người cùng bàn, và học tập, suy ngẫm về ý kiến mỗi người, để rồi hình thành chủ kiến riêng, nội dung và cách diễn đạt riêng, chỉ của Bác Tô.

Anh Tô có quỹ của Thủ tướng Chính phủ. Quỹ ấy, và cả nhiều tặng phẩm Anh nhận được từ nhân dân trong nước và

bạn bè nước ngoài, phần lớn đều được dùng để kín đáo giúp đỡ các cán bộ túng thiếu, các vị trí thức gặp khó khăn, và những đồng bào lâm hoạn nạn hoặc nghèo khó, nhất là các gia đình đã từng có công với cách mạng.

Trước ngày Tết và ngày Quốc khánh, Anh Tô tự mình nêu tên những vị trí thức và những cán bộ mà Anh muốn gửi tặng quà, của vật chất cũng chẳng có nhiều, tấm lòng thì chân thực và tinh tế.

Những năm đời sống của chúng ta còn khổ hơn ngày nay nhiều, các vị bộ trưởng cũng thiếu dinh dưỡng, Anh Tô thường bảo mấy người giúp việc Anh những câu tương tự như sau:

"- Họp Hội đồng Chính phủ vừa rồi, tôi thấy anh Lê Hiến Mai hốc hác quá và mệt mỏi, thật sự như hiện thân của sự khốn khổ vật chất. Nên kín đáo tìm hiểu, hỏi bác sĩ phụ trách, xem cuộc sống của anh thế nào, ta có thể giúp đỡ gì". (Lúc ấy đồng chí Lê Hiến Mai là Bộ trưởng Nông nghiệp).

"- Anh Nguyễn Văn Kha từ lâu có bệnh mất ngủ, gần đây tôi thấy mất anh ấy có quầng thâm sâu lắm. Nên tìm cách khéo, hỏi xem bệnh mất ngủ của anh ấy dạo này ra sao, ta có thể giúp thuốc chữa hoặc trợ cấp gì không"? (Lúc ấy đồng chí Nguyễn Văn Kha là Tổng cục trưởng Thống kê).

Đối với đồng bào, đối với người dân, thì không sao đếm xuể những lần Anh Tô tự mình tìm hiểu, tự mình trả lời, tự mình can thiệp, tự mình trợ giúp những người cần sự giúp đỡ. Vậy mà có một chuyện như sau: Một lần, cách đây chừng hơn 20 năm, mấy anh em chúng tôi nói với Anh Tô rằng nhiều cán bộ và nhiều người dân nhận xét Anh là một người lãnh đạo hiểu được và thông cảm với những đau khổ, tâm tư, nguyện vọng của nhân dân. Nếu đó không phải là lần duy nhất, thì cũng là một lần cực kỳ hiếm hoi chúng tôi nói về

một ưu điểm của Anh Tô, với ý định tiếp đó đề nghị Anh chủ động hơn nữa trong việc tìm cách ngăn lại một việc làm mà nhiều người thấy là có hại cho dân. Giữa người thầy dạy và những người học trò, người thủ trưởng và những người giúp việc, Anh Tô và mấy người chúng tôi đã có một thoả thuận ngầm từ đầu được luôn luôn giữ đúng suốt cho đến nay, là Anh không bao giờ khen chúng tôi và chúng tôi không bao giờ ca ngợi Anh. Lần ấy, chúng tôi vừa nói xong, Anh trả lời rất nghiêm chỉnh ngay: "Đừng nói thế, vì không phải thế. Tôi cũng vẫn từ bên ngoài mà nhìn nhận và thông cảm thôi, thật sự tôi có sống những đau khổ, những oan ức, những bị kịch mà nhiều đồng bào ta đang còn phải chịu đau. Không ai có thể cho rằng mình đã hiểu được và nhất là thông cảm đầy đủ với những đau khổ, tâm tư và nguyện vọng của nhân dân. Phải cố gắng, cố gắng nữa, suốt đời mình".

Con trai duy nhất của Anh Tô, hiện nay là đồng chí đại tá Phạm Sơn Dương, thuở nhỏ đi học tiểu học ở một trường trong quận Ba Đình, các cháu cùng lớp chan hoà với nhau không hề phân biệt gia cảnh. Một hôm, Sơn Dương chơi đùa, rồi cãi nhau và đánh nhau với một bạn là con trai một ông nhà nghèo chữa xe đạp trên đường phố, bị đánh khá đau, có vết bầm trên mặt. Anh Tô bảo mấy người giúp việc: "Các cháu nhỏ cùng học và chạm nhau rồi xô xát là điều không tốt, nhưng cũng vẫn có xảy ra. Đừng làm to chuyện. Bảo ban cháu Dương, và nhất là tìm hiểu xem cháu kia có bị đau không, nếu cần thì phải gặp ông chữa xe đạp nói lời tử tế, cho tôi thăm hỏi và xin lỗi".

Có một câu chuyện, để lại ấn tượng sâu đậm trong mấy anh em chúng tôi: Sáng hôm ấy, Bác Hồ từ nhà sàn sang hỏi Anh Tô có việc, trong khi Anh Tô đang họp với cán bộ ngoài Văn phòng cách đó vài trăm mét, cũng trong khu Phủ Chủ

tịch. Một đồng chí bảo vệ đạp xe ra báo với Anh Tô và Anh Tô vội dùng xe đạp ấy đi về gặp Bác. Người bảo vệ của Anh Tô không thể để thủ trưởng rời xa mình, nhưng không sẵn xe đạp, nên chạy bộ theo, Bác Hồ đứng đợi ở sân, Anh Tô vừa xuống xe, Bác bảo ngay: "Sao chú không đeo chú bảo vệ đằng sau xe để cùng về, lại để chú ấy chạy bộ?". Anh Tô lúc đó mới như chợt nhận ra, vội nói: "Xin lỗi Bác". Ngày hôm ấy qua đi, sáng hôm sau, lúc làm việc với chúng tôi, Anh Tô bảo: "Tôi đã nghĩ về lời của Bác. Lòng nhân ái, thương yêu và kính trọng con người, phải chân thực ở trong tâm của ta, rồi tự nhiên bật ra thành thái độ và hành động, chẳng phải suy nghĩ gì, như là từ bản năng". Chúng ta hiểu rằng một lần nữa, Anh Tô lại học bài học của Bác Hồ, tuy cả trước đó và sau đó, chúng tôi vẫn thường thấy thể hiện phẩm chất và "bản năng" nhân ái của Anh.

Những năm vừa qua, khi Bác Tô đã ngoài 90 tuổi, Bác hay nhắc lại với mấy anh em chúng tôi một lời của Bác Hồ. Bác nói: "Bác Hồ bảo xét cho cùng cái xấu trong con người là danh và lợi. Bao nhiêu thứ bệnh quy về đấy, bao nhiêu tác hại là do đấy". Rồi Bác tiếp: "Thật khó quá. Nhưng phải tìm mọi cách giữ cho cán bộ, đảng viên, giữ cho con người đừng mắc vào vòng tham danh lợi".

Khoảng 30 năm trước, sau một phân tư thế kỷ giúp việc Anh Tô, được Anh khuyến khích, một hôm tôi đề nghị Anh thu xếp thì giờ nghe phê bình những khuyết điểm của Anh. Anh hẹn sáng hôm sau. Tuy đã chuẩn bị kỹ cả đêm đó tôi còn chuẩn bị thêm, chủ yếu là tắm gội cho tấm lòng mình trong sạch. Đúng hẹn, Anh đã ngồi im nghe một người cấp dưới, một thư ký, giúp việc mình phê bình suốt hơn hai giờ, không một lần nào ngắt lời, nghe chăm chú và nghiêm chỉnh. Nghe xong, Anh trầm ngâm suy nghĩ khá lâu, rồi nói: "Những lời

phê bình có nhiều điều đúng. Cũng có một số điều người không hoàn toàn trong cuộc không thể hiểu hết mọi hoàn cảnh. Nhưng tôi thấy không nên và không cần nói lại. Tôi sẽ suy nghĩ nữa để tiếp thu và sửa chữa. Đồng chí chúng ta, anh em chúng ta phê bình nhau thế này là rất tốt". Rồi Anh đứng lên ôm tôi, như rất ít khi, hàng chục năm mới có một lần, chỉ vào dịp rất đặc biệt, Anh mới ôm tôi như thế. Sau đó, tôi thấy Anh cố gắng sửa chữa những điều mà Anh nhận là cần sửa.

Mười ba năm trước, Bác Tô vừa thôi không tham gia Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị, là một trong ba Cố vấn, cùng đồng chí Trường Chinh và đồng chí Lê Đức Thọ. Bác Tô dự rất đều các kỳ họp của Bộ Chính trị. Trên đà của nếp quen cũ, tại cuộc họp Bộ Chính trị, Bác Tô vẫn thường phát biểu ý kiến (tuy Bác vốn không nói dài), và thỉnh thoảng xen ngang vào khi đồng chí khác đang nói. Sau vài tháng, có mấy đồng chí bảo anh em chúng tôi là nên nói với Bác Tô rút kinh nghiệm. Chúng tôi thấy phải lẽ, và đã báo cáo với Bác. Bác nhận ra ngay, vừa nghe xong, Bác liền bảo: "Anh em nói đúng. Từ nay tôi tự kìm chế, không làm thế nữa. Tôi sẽ rất ít hoặc không phát biểu ở Bộ Chính trị, có ý kiến gì thì đề nghị riêng với đồng chí Tổng Bí thư, gặp việc quan trọng, thì viết thư ngắn gửi Bộ Chính trị hoặc Ban Chấp hành Trung ương. Đó cũng chỉ là những gợi ý, còn quyền hạn và trách nhiệm quyết định là của Bộ Chính trị, của Trung ương". Trong hơn 10 năm, tức là hơn hai nhiệm kỳ làm Cố vấn, chúng tôi nghĩ Bác Tô đã làm đúng như điều mình nói.

Cho đến hôm nay, anh em chúng tôi vẫn chưa nghĩ được rằng Bác Tô đã mất.

Qua nhiều năm tháng giúp việc Bác, biết bao kỷ niệm vui

buồn, nói làm sao, viết làm sao cho hết. Máy trang trên đây, chỉ như một nén hương thành kính dâng lên Bác.

Có một câu nói của một nhà văn, đại ý: Số nợ còn mắc chưa trả được cuộc đời, khối lượng dự định dở dang chưa hoàn thành, khi một con người lìa trần, là một dấu hiệu đáng tin cậy về phẩm chất và sự phong phú của con người ấy. Người nào trước khi ra đi đã làm xong mọi dự định, thu xếp hoàn tất mọi bề, thì quả là nhẹ nhàng, gọn ghẽ, song chưa chắc đã là tốt đẹp nhất.

Như Bác Tô thường nói với những đồng chí ở gần mình, vào tuổi 94, Bác cảm thấy mình còn mắc nhiều món nợ với dân, với Đảng, với con người, Bác còn những công trình dở dang, những dự định chỉ mới vừa phác họa.

Lúc này, chắc Bác Tô đã được gặp Bác Hồ. Trong cuốn sách đầu tiên của Anh viết về Bác Hồ, Anh kể rằng khi gặp lại Bác Hồ ở Trung Quốc năm 1940, sau 14 năm xa cách kể từ khi dự lớp huấn luyện của Bác Hồ năm 1926 ở Quảng Châu, Bác Hồ đã bảo Anh:

- Trông chú không có gì khác trước.

Lần này cũng vậy, chắc Bác Hồ lại vẫn bảo Anh:

- Trông chú không có gì khác trước.

Bởi vì Phạm Văn Đồng vẫn như thế, vẫn là người học trò xuất sắc của Bác Hồ, người con trung hiếu của dân tộc, người bạn tình nghĩa của bạn bè quốc tế, Bác Tô của đồng chí, đồng bào.

Mãi mãi là như thế, thừa Anh Tô, thừa Bác Tô.

ĐỒNG CHÍ PHẠM VĂN ĐỒNG MỘT NHÂN CÁCH LỚN

*Hoàng Quốc Dũng kể
Lê Thọ Bình ghi*

Nếu nói đồng chí Phạm Văn Đồng là vị Thủ tướng lâu năm nhất trong lịch sử thế giới hiện đại (32 năm, từ năm 1955-1987) thì Hoàng Quốc Dũng là Thư ký lâu đời nhất của một Thủ tướng Chính phủ. Với ông, Thủ tướng Phạm Văn Đồng vừa là Thủ trưởng, vừa là người cha, người anh, một nhân cách lớn, một tấm gương lớn. Gặp ông tại trụ sở Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam, nơi ông là Phó Chủ tịch Thường trực, kiêm Tổng thư ký, ông bồi hồi nhớ lại:

MỘT NGÀY CỦA THỦ TƯỚNG PHẠM VĂN ĐỒNG

"Anh Tô bắt đầu một ngày mới thường rất sớm, sớm hơn những người khác. 4 giờ 30 phút, Anh dậy tập thể dục chừng 15-20 phút. Vừa tập vừa nghe bản tin thế giới do Bộ Ngoại giao tổng hợp ghi lại trên băng cátxét. 6 giờ, Anh bắt đầu làm việc nghe tôi báo cáo tổng hợp tình hình chính trị - kinh tế - xã hội - quốc phòng - an ninh của đất nước trong 24 giờ qua và báo cáo lịch làm việc trong ngày của Anh. Anh nghe rất

chăm chú và bao giờ cũng rất cặn kẽ những thông tin mà Anh quan tâm. Sau đó Anh bắt đầu giải quyết công việc. Xem xét, ký các văn bản đã được chuẩn bị sẵn. Nếu hôm nào họp Bộ Chính trị hoặc họp Chính phủ, Anh đi họp, còn không Anh đều sắp xếp để đi cơ sở. 11 giờ, Anh trở về văn phòng, ăn trưa và nghỉ ngơi. Anh Tô không bao giờ ngủ trưa. 13 giờ, Anh bắt đầu làm việc trở lại bằng việc nghe thông báo tình hình cụ thể của buổi sáng và những công việc phát sinh cần giải quyết ngay. 14 giờ, Anh dự các cuộc họp, hoặc của Bộ Chính trị, hoặc của Chính phủ hoặc với một bộ, ban, ngành nào đó. Nếu không dự họp, Anh Tô giải quyết những công việc của người đứng đầu Chính phủ cho tới 17 giờ. Kết thúc một ngày làm việc, Anh Tô đi bộ chừng 1 giờ đồng hồ rồi nghỉ ngơi và ăn tối. Buổi tối Anh Tô dành riêng để đọc. Anh đọc rất nhiều từ các tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin, các loại sách nghiên cứu tới sách khoa học kỹ thuật, văn học trong nước và nước ngoài. Anh rất giỏi tiếng Pháp. Bạn bè, các nhà khoa học, xã hội học, nhà văn, nhà nghiên cứu nước ngoài thường tặng Anh sách viết bằng tiếng Pháp. Anh đọc rất nhiều các tác phẩm, công trình nghiên cứu bằng nguyên bản tiếng Pháp đó. *Le Monde* (Thế giới), là tờ báo tiếng Pháp được Anh rất ưa thích. Anh nói từ tờ báo này Anh tổng hợp được nhiều tin tức, sự kiện thế giới thú vị. 21 giờ 30 phút, Anh Tô đi ngủ.

Sau này, khi thôi giữ cương vị người đứng đầu Chính phủ chuyển sang làm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng, thời gian biểu của Anh Tô bớt căng thẳng hơn. Công việc chủ yếu của Anh giờ đây chỉ tập trung vào nghiên cứu trên bình diện chiến lược các vấn đề chính trị - xã hội - kinh tế - ngoại giao và giáo dục. Buổi sáng Anh thức dậy muộn hơn một chút: vào khoảng 5 giờ 30 phút. Thời gian làm việc buổi sáng

bắt đầu vào lúc 7 giờ. Buổi tối Anh vẫn dành cho công việc mà Anh yêu thích là đọc sách, báo. Sau này do tuổi cao, sức yếu, mắt lại kém không tự đọc được nữa, anh em phục vụ thường tự nguyện đọc cho Anh nghe. Phải nói rằng Anh Tô là người đọc rất nhiều và có một trí nhớ tuyệt vời. Chúng tôi giúp Anh viết bài, đọc cho Anh nghe. Anh bảo trích các câu nói của Mác, Lênin. Anh nói câu đó ở trang nào, tập nào, chúng tôi chỉ việc giở sách ra và chép vào.

NGƯỜI BẠN LỚN CỦA GIỚI TRÍ THỨC

Anh Tô đặc biệt coi trọng giới trí thức. Có thể nói Anh đã làm tất cả những gì có thể làm được cho giới trí thức nước nhà. Tôi được biết Anh rất yêu quý nhà triết học tài ba, nhưng lận đận Trần Đức Thảo. Anh thường cho chúng tôi mời Trần Đức Thảo tới nhà chơi. Cũng có lần Anh đích thân tới tận nhà ông Trần Đức Thảo. Họ ngồi nói chuyện với nhau hàng giờ bằng cả tiếng Việt lẫn tiếng Pháp. Ông Trần Đức Thảo bị bệnh dạ dày hành hạ. Biết rõ điều đó, Anh Tô đi lại với ông thường xuyên, chăm lo giúp đỡ ông cả về vật chất lẫn tinh thần. Ngày ông Thảo qua đời, Anh Tô buồn lắm. Anh cứ day dứt mãi như có điều gì còn chưa làm được tốt hơn nữa cho Trần Đức Thảo.

Với nhà nông học Lương Định Của, Anh cũng coi như một người bạn tâm giao. Anh thường mời Lương Định Của và vợ con vào Phủ Thủ tướng và có lần tới tận khu tập thể Kim Liên để thăm vợ người Nhật và các con của anh Của. Những ý tưởng lớn thường được hình thành từ những cuộc "tranh luận bình đẳng" giữa hai người: Thủ tướng Chính phủ và nhà khoa học.

TRẦN TRỞ CÙNG NÔNG DÂN

Tôi còn nhớ một lần vừa tới Phủ Thủ tướng, anh Cửa hằm hằm tức giận: "Làm thế này thì phí sức quá, không cơ giới được đâu". Thì ra anh Cửa vừa từ ruộng lúa, nơi bà con đang gieo cấy về. Anh Tô và anh Cửa tranh luận với nhau khá lâu. Tôi nghe Anh Tô nói: "Thì tôi cũng thấy như vậy. Bà con nông dân, nhất là chị em phụ nữ, bỏ ra nhiều sức quá mà năng suất lúa lại không cao. Nhưng là nhà khoa học phải nghĩ ra cách gì đi chứ!".

Thế là sau đấy trên đồng ruộng Việt Nam xuất hiện giống lúa mới năng suất cao. Rồi thì bắt đầu phương thức cấy lúa mới: cấy thẳng hàng. Ban đầu chưa quen dân còn phải căng dây cấy cho thẳng. Thế là máy cào cỏ hay như chúng tôi thường gọi đùa là "cơ giới hoá" - cào cỏ bò kéo của anh Cửa được đưa vào áp dụng. Vì vậy việc làm cỏ cho lúa vừa nhanh vừa đỡ tốn sức rất nhiều. Lại một lần Anh Tô xuống Viện Cây lương thực của anh Cửa (ở Hải Dương). Thấy loại dưa chuột, Anh Tô hỏi: "Tại sao dưa này bé thế?". Anh Cửa trả lời: "Có hai loại dưa chuột: loại bé, nhưng ruột chắc, ở phương Tây họ muối vào lọ để ăn và bán. Còn loại to nhưng ruột thì lại rỗng". Anh Tô nói: "Tại sao anh không nghiên cứu để tạo ra một giống dưa vừa to nhưng ruột lại chắc?". Lại tranh luận "nảy lửa". Và kết quả là giống dưa leo, dưa lê nổi tiếng ra đời.

Vụ lúa xuân nổi tiếng của giáo sư Bùi Huy Đáp được coi như là bước ngoặt trong nền nông nghiệp nước nhà cũng được ra đời từ những lần đi thực tế và "tranh cãi" giữa Anh Tô và anh Đáp. Nhiều lần Anh Tô cứ trần trở: "Một năm 2 vụ lúa: mùa và chiêm thì ổng quá. Tại sao không khai thác tiềm năng của đất nhiều hơn nữa?". Một lần đi Thái Bình, Anh Tô

đã trao đổi với anh Ngô Duy Đông, Bí thư Tỉnh uỷ Thái Bình lúc đó. Tuy nhiên người biến giấc mơ và ý tưởng của Thủ tướng thành hiện thực là Bùi Duy Đáp. Vụ lúa xuân ra đời được thử nghiệm rồi phát triển đại trà trên đồng ruộng miền Bắc.

Với Vĩnh Phú (cũ), nơi được coi là "sản sinh" ra "khoán hộ" thì lại khác. Trong quỹ thời gian đi thực tế của mình, Anh Tô dành nhiều nhất cho các chuyến về Vĩnh Phú và người mà Anh Tô trực tiếp nghe và nói chuyện nhiều nhất là Bí thư Kim Ngọc. Tôi còn nhớ có lần hai người nói chuyện với nhau trong phòng anh Kim Ngọc tới 22 giờ. Đây là một trường hợp ngoại lệ vì Anh Tô thường đi ngủ lúc 21 giờ 30 phút. Nhưng tiếc là xu thế ủng hộ "khoán hộ" lúc bấy giờ đã không thắng thế. Tuy nhiên Anh Tô vẫn có cách làm riêng của mình. Một lần về thăm bà con nông dân xã Liên Trung, huyện Đan Phượng, tỉnh Hà Tây, sau khi nghe báo cáo về tình hình sản xuất của địa phương và thăm hỏi bà con, Anh đã giới thiệu kinh nghiệm "khoán hộ" của nông dân Vĩnh Phú. Anh nhấn mạnh: "Bà con ở Vĩnh Phú họ làm như vậy đây. Kết quả tốt lắm. Bà con Hà Tây nghiên cứu xem có áp dụng được không thì làm". Cứ như thế "khoán hộ" có một sức sống mãnh liệt, lan toả đi khắp nơi và cuối cùng nó được thừa nhận như một lẽ đương nhiên.

Với bốn phạm là người đứng đầu Chính phủ suốt 32 năm liền, Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã một lòng một dạ lo cho dân, cho nước. Còn với chúng tôi, những người phục vụ, Anh vẫn chỉ là Anh Tô nhân hậu, vị tha và vô cùng mực thước. Anh vừa là anh, là chú, là cha. Anh rất ân cần, chu đáo. Ngày Tết, ngày lễ bao giờ Anh cũng có quà cho vợ con chúng tôi. Cháu bé chào đời cũng được "Ông Tô" cho món quà "5 thước lụa". Anh Tô của chúng tôi là như thế! Thủ tướng Phạm Văn Đồng của chúng ta là như thế!

HAI NĂM CÔNG LỚN TÌNH SÂU

Trương Quang Lộc

Cuối tháng 11 năm 1946, Anh Tô được cử về Nam Trung Bộ với trọng trách đại diện Trung ương Đảng và Chính phủ. Cùng thời gian này, Xứ uỷ và Uỷ ban hành chính Trung Bộ cùng các cơ quan, đơn vị trực thuộc giải thể chia đôi lực lượng, một phần ra Bắc Trung Bộ lập Liên khu IV, phần còn lại vào Nam Trung Bộ lập Liên khu V, chuẩn bị cùng cả nước đi vào cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp xâm lược.

Đây là thời điểm lịch sử trọng đại đặt ra cho Tổ quốc ta, nhân dân ta những thử thách hết sức ngặt nghèo, đòi hỏi ở Anh một tinh thần trách nhiệm cao, một ý chí kiên cường, một tấm lòng nhiệt thành và một tầm nhìn xa rộng của một nhà lãnh đạo công tác độc lập, xa sự chỉ đạo của Trung ương.

Được sự hợp tác và cộng tác nhiệt tình, đầy trách nhiệm và có hiệu quả của Liên khu uỷ, Uỷ ban kháng chiến hành chính Liên khu V đứng đầu là đồng chí Nguyễn Duy Trinh, và cụ Huỳnh Thúc Kháng, đặc phái viên của Chính phủ đã vào đây trước Anh không lâu, suốt hơn hai năm, từ cuối năm 1946 đến đầu năm 1949, Anh đã lãnh đạo công cuộc kháng chiến, kiến quốc ở khu vực này của đất nước đạt nhiều thành tích vẻ vang, phát huy đến cao độ nội lực của quân và dân

Liên khu V, góp sức cùng cả nước vượt qua biết bao gian khổ, khó khăn trong những năm đầu.

Vừa đặt chân đến "thủ phủ kháng chiến" của miền Nam Trung Bộ lúc ấy là thị xã Quảng Ngãi, Anh đã cùng đồng chí Nguyễn Duy Trinh tổ chức truyền đạt cho cấp Liên khu và cấp tỉnh Nghị quyết "Kháng chiến và kiến quốc" của Trung ương, làm cho đảng viên và cán bộ toàn Liên khu nhận thức đúng tình hình và nhiệm vụ mới, chuẩn bị tư tưởng sẵn sàng bước vào thời kỳ đẩy thủ thách cam go, cùng toàn dân đứng lên cứu nước.

Với tư duy "nhìn toàn rừng nhưng vẫn thấy từng cây" được lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc rèn luyện từ những ngày thụ huấn ở Quảng Châu (Trung Quốc), Anh đã vạch ra một cách khái quát nhưng cụ thể các mặt công tác, chỉ rõ mối quan hệ khăng khít giữa kháng chiến và kiến quốc, giữa các tỉnh có chiến tranh trực tiếp và những tỉnh vùng tự do. Anh lấy câu "Thực túc, binh cường" để nhắc nhở khắc phục tư tưởng phiến diện có thể xảy ra chỉ coi trọng việc cầm vũ khí ra mặt trận mà coi nhẹ việc xây dựng hậu phương.

Trong truyền đạt triển khai nghị quyết, Anh Tô luôn đề cập vấn đề tản cư. Anh chỉ ra rằng, giặc Pháp tiến hành chiến tranh xâm lược bao giờ cũng nhằm đánh chiếm trước tiên các thành phố, lấy các thành phố làm địa bàn đứng chân rồi dùng chiến thuật "vét dầu loang" lấn chiếm dần ra các vùng lân cận. Cũng như đồng bào nông thôn và miền núi, đồng bào các đô thị cũng là những người yêu nước, mong muốn độc lập tự do. Giặc Pháp đánh chiếm các đô thị, trừ những người do hoàn cảnh, điều kiện riêng bắt buộc phải ở lại dưới ách thống trị của Pháp, một số lớn đồng bào phải tản cư vì không chấp nhận sống trong ách kìm kẹp của chúng. Họ tản cư đi đâu? Tất nhiên họ ra vùng tự do. Việc tản cư sẽ

diễn ra ào ạt, có lúc, có nơi xảy ra rối loạn. Chính quyền và lực lượng công an, lực lượng dân quân du kích các vùng tự do cần cố gắng đưa việc tản cư này vào tổ chức. Cụ thể là phải định hướng cho họ đến đâu, đến đó sinh sống bằng cách gì, quan tâm đến sức khoẻ của họ, đến việc học hành của con cái họ, v.v.. Người tản cư là người buôn bán, thợ thủ công, dân nghèo chuyên đi làm thuê kiếm sống, không biết làm nghề nông. Có thể một số trong họ chuyển sang làm rẫy, làm ruộng, chăn nuôi, nhưng số đông chắc sẽ theo nghề cũ. Phải hết sức chú ý đến vấn đề này, làm sao cho họ đến nơi ở mới không có mặc cảm sống nơi đất khách quê người, vẫn cảm nhận được cái ấm áp của tình nghĩa đồng bào. Anh nhấn mạnh: người tản cư là người dân tự nguyện bỏ nhà, bỏ cửa, gánh chịu hy sinh, họ cần và xứng đáng với tình nghĩa đồng bào đó.

Qua việc truyền đạt triển khai nghị quyết "Kháng chiến kiến quốc", cán bộ và nhân dân Liên khu V bắt đầu nhận thấy ở Anh Tô một trí tuệ toàn diện, chín chắn, sâu sắc và một tấm lòng ưu ái đối với đồng bào.

Sau đợt công tác chuẩn bị tư tưởng cho cán bộ chủ chốt cấp Liên khu và cấp tỉnh, Anh Tô cùng Liên khu uỷ V khẩn trương đẩy mạnh công tác tổ chức nhằm đào tạo và bồi dưỡng cấp tốc cán bộ, nhất là cán bộ phụ trách chủ yếu các ngành công tác của Đảng và của chính quyền theo đúng tinh thần chỉ thị "Công việc khẩn cấp bây giờ" của Chủ tịch Hồ Chí Minh mà Anh luôn có trong hành trang của mình.

Tiếp theo lớp huấn luyện do đồng chí Hoàng Quốc Việt tổ chức, phụ trách và trực tiếp giảng dạy trước khi thành lập cấp Liên khu được gọi là "Lớp Hoàng Quốc Việt", một lớp huấn luyện chính trị và lý luận được gọi là "Lớp Phạm Văn Đồng" được mở ra cho toàn Liên khu, đào tạo cán bộ giảng

dạy cho hàng loạt lớp huấn luyện của các tỉnh và các huyện. Ngoài phân triết học và chính trị kinh tế học Mác - Lênin, các lớp huấn luyện này còn có một chuyên đề thiết thực về "các ngành công tác" đảng và chính quyền. Trên cơ sở tạo được những cán bộ đầu tiên mà mọi người gọi vui là những chiếc "máy cái", thông qua Liên khu uỷ, Anh đã chỉ thị củng cố Ban Đảng vụ và Ban Huấn học, giao cho hai ban này cùng phối hợp tổ chức việc đào tạo và bồi dưỡng cán bộ.

Do được tiến hành một cách hợp lý, khoa học theo từng bước vững chắc, chỉ trong thời gian hai năm 1947-1948, công tác tổ chức cán bộ đã cung cấp cho các cấp, các ngành từ tỉnh đến cơ sở một lực lượng cán bộ tương đối có chất lượng đủ đảm trách công việc kháng chiến, kiến quốc trong toàn Liên khu cũng như ở từng địa phương trực thuộc.

Công tác chính trị tư tưởng và công tác tổ chức cán bộ được triển khai đi vào nền nếp, đánh dấu bước khởi đầu tốt đẹp quá trình cống hiến của Anh Tô trên cương vị đại diện của Trung ương Đảng và Chính phủ ở Nam Trung Bộ.

Bước sang năm 1947, dưới sự lãnh đạo toàn diện và thiết thực của Anh, cả vùng tự do rộng lớn của Liên khu V, trong đó có tỉnh Quảng Ngãi dấy lên ý chí tự xây dựng Liên khu thành pháo đài kiên cố ngăn giặc và đánh giặc, đồng thời thành hậu phương chiến lược tiếp sức nuôi dưỡng cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc ở miền Nam.

Về xây dựng quốc phòng

Những người dân Liên khu V thời ấy nay còn sống, chắc không ai quên phong trào tòng quân giết giặc, tự nguyện nhập ngũ của thanh niên, ý thức nghĩa vụ và vinh dự của mọi người được lên đường giết giặc lập công. Trên cơ sở đó, mô hình ba thứ quân được manh nha từ thời du kích Ba Tơ

đã sớm hình thành ở huyện lực lượng bán tập trung tiến lên lực lượng tập trung quy mô ban đầu là trung đội sau lên đại đội; ở tỉnh lực lượng tập trung quy mô tiểu đoàn tiến lên trung đoàn; theo phương thức "Động vi linh, tĩnh vi dân", luôn có lực lượng du kích, dân quân rải khắp làng xã, các địa bàn xung yếu nhất là ven biển, hình thành theo dọc bờ biển một "lá chắn" dày đặc, vững chắc sẵn sàng đẩy lùi các cuộc đổ bộ càn quét của giặc.

Việc bổ sung quân số cho các đơn vị chính quy của Liên khu là trách nhiệm của các địa phương được thực hành bằng hai phương thức đón quân và tuyển quân trực tiếp. Sở quân giới Liên khu bảo đảm việc trang bị và sửa chữa vũ khí cho lực lượng vũ trang, quản lý một mạng lưới xưởng quân giới rải khắp các huyện Quảng Ngãi, trong đó các xưởng quân giới Từ Nhại, Lý Văn Bé ra đời rất sớm. Theo phương châm vừa nghiên cứu, sản xuất, vừa đào tạo cán bộ, công nhân, hai xưởng quân giới "đàn anh" này đã lần lượt hình thành một hệ thống xưởng nhỏ có năng lực tự tạo các loại vũ khí thô sơ như mìn, lựu đạn đồng thời làm vệ tinh cho các xưởng "đàn anh". Nguyên liệu cho hệ thống các xưởng này là sắt, thép, đồng, nhôm, v.v. được thu bằng nhiều nguồn trong đó có sự quyên góp của nhân dân được động viên ngay từ những ngày đầu toàn quốc kháng chiến. Nguồn cung cấp còn là do lặn mò tận đáy sông đáy biển, tháo gỡ các tàu chiến của Nhật và Đồng minh bị đánh đắm từ thời Chiến tranh thế giới thứ hai. Đặc biệt từ năm 1948, được sự chỉ đạo táo bạo của Anh Tô, Liên khu V đã mở được con đường giao thông với Hồng Kông, thu mua từ đó về những vật tư cần thiết cho việc chế tạo vũ khí.

Luôn quan tâm đến sản xuất vũ khí, nhất là các loại vũ khí mới do các xưởng tự nghiên cứu chế tạo hay chế tạo theo

mẫu từ Việt Bắc gửi vào, Anh Tô nhiều lần đến tận cơ sở sản xuất dự các cuộc thử vũ khí mới. Với những lần thành công, Anh hết lời khen ngợi và khích lệ; riêng những lần không thành công, Anh thường nán lại, cùng các đồng chí phụ trách và cán bộ kỹ thuật tìm hiểu nguyên nhân và động viên anh em đừng nản lòng, tiếp tục nghiên cứu và có quyết tâm thì sẽ chế tạo được. Anh thường nói: "Cái mới ở bất kỳ lĩnh vực nào cũng không xuất hiện một cách dễ dàng. Cái mới chỉ xuất hiện từ quyết tâm và sự kiên trì của người sáng tạo ra nó".

Cảm thông sâu sắc với các chiến sĩ ngoài mặt trận, Anh Tô hết lòng chăm lo việc chỉ đạo xây dựng hậu phương quân đội. "Hội mẹ, chị chiến sĩ" được thành lập khắp các xã thôn. Các phong trào "Mùa đông binh sĩ", "Chiếc áo trấn thủ cho người tiền phương", "Chiếc khăn tay cho anh bộ đội" luôn là sự lo liệu của các giới đồng bào, đặc biệt là của phụ nữ. Kỷ niệm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9, ngày Quốc tế Lao động 1-5, ngày sinh Bác Hồ, phong trào "Thư ra tiền tuyến", "Lá thư cho chiến sĩ" được đẩy lên rầm rộ khắp các trường học, các tổ chức nam, nữ thanh niên. Tết âm lịch, các mẹ các chị quyên góp nếp, đậu, đường, mè v.v. để lo "Tết tiền phương cho chiến sĩ. Bộ đội vừa lập công trở về luyện tập và an dưỡng ở đâu, ở đó sôi nổi không khí những ngày hội quân dân thăm thiết. Có một "tổ" hay một tiểu đội Vệ quốc đoàn cùng sống trong nhà là vinh dự và niềm vui lớn của gia đình.

Tuy hồi ấy chưa có khái niệm về "nền quốc phòng toàn dân", nhưng rõ ràng trong những năm 1947-1948 ở Liên khu V, nền quốc phòng toàn dân thực tế đã được hình thành. Đó là một trong những thành tựu xuất sắc của Liên khu V, gắn liền với sự chỉ đạo sáng tạo của người đại diện Trung ương Đảng và Chính phủ ở đây mà tỉnh Quảng Ngãi được coi là địa phương tiến hành xây dựng sớm nhất và vững chắc nhất.

Về xây dựng kinh tế

Từ những ngày đầu kháng chiến, Quảng Ngãi đã có phong trào sản xuất tự cấp tự túc giỏi. Tiếp theo là tỉnh Quảng Nam rồi cả Liên khu V, được cả nước đánh giá cao.

Sự đánh giá đó quả thật không quá đáng. Về nông nghiệp, ngay trong những ngày cuối năm 1946, tức là sau khi Anh Tô về công tác tại đây không lâu, khắp các vùng quê đâu đâu cũng sôi nổi phong trào "vòng lang kháng chiến", "hàng mì kháng chiến", "luống rau kháng chiến", "con gà kháng chiến", v.v.. "Bài ca tự túc của Dương Minh Minh ra đời ở đây rất sớm, mở đầu bằng các câu: "Lúa khoai ta gắng trồng - Sườn non đến bờ sông...". Trong thực tế, lúa khoai không chỉ làm ra đến bờ sông. Khoai lang, củ mì đã lan ra tới các bờ cát ven biển, nhờ một loại phân hỗn hợp làm từ lá chuối tươi, các loại phân xanh, trộn nhào với đất thịt được tải từ trong đồng ra, được che chắn bằng "hàng rào" lá chuối, lá dứa dại khô chống cát.

Quảng Ngãi có câu ca dân gian "Đồng nào sâu cho bằng đồng Thi Phổ - Thỏ nào cao cho bằng thỏ Ba Tư...". Thỏ Ba Tư và các huyện miền núi không được "nghỉ" như trước đây mà đã được đào đảo lên để trồng củ mì, củ lang trong phong trào quảng canh song song với phong trào thâm canh, đưa lại kết quả khả quan bằng đủ các loại phân tro nước tiểu, phân chuồng được ủ theo kỹ thuật tiên tiến với lá keo, lá điền thanh, v.v..

Quảng Ngãi là tỉnh đất hẹp, mật độ dân số cao, trước Cách mạng Tháng Tám 1945 đã xấp xỉ 100 người trên một cây số vuông, hàng năm phải mua thêm gạo của miền trong. Vậy mà sau vài năm đầu đánh Pháp, Quảng Ngãi không những đủ lương thực cho dân trong tỉnh mà còn nuôi nổi hàng hai, ba trung đoàn đến luyện quân và an dưỡng, ngoài

ra, còn có chút ít lương thực gửi giúp các địa phương bạn. Đồng bào các dân tộc không những không còn đói cơm mà cũng không còn nhạt muối như trước nữa. Đây không phải là một phép màu nào khác ngoài tầm tư duy "lão thực" và sự chỉ đạo sáng suốt tài ba của Anh Tô kết hợp với sự chỉ đạo của Liên khu uỷ và Uỷ ban kháng chiến hành chính Liên khu V.

Về thâm canh, Anh Tô là người bạo tay trong việc dùng phân bắc vào Quảng Ngãi đầu tiên, sau đó vào cả Liên khu. Bài về nổi tiếng của Nguyễn Đình nhân đề "Vàng của nhà nông" viết theo ý kiến chỉ đạo của Anh Tô đã có tác dụng lớn nâng cao nhận thức về sử dụng phân bón vào quần chúng nông dân, đưa đến sáng kiến làm "hố xí hai ngăn" bắt đầu từ xã Phổ Cường (huyện Đức Phổ, Quảng Ngãi) sau đó lan dần ra khắp tỉnh Liên khu. Với sáng kiến này, xã Phổ Cường được coi là xã kiểu mẫu đầu tiên về sản xuất nông nghiệp, và cái sáng kiến "hố xí hai ngăn" được Bộ trưởng Y tế lúc đó là bác sĩ Phạm Ngọc Thạch cho phổ biến ra toàn quốc. "Hố xí hai ngăn" sau này được công nhận là một trong các sáng kiến tốt về công trình vệ sinh được nhân dân tích cực hưởng ứng.

Vấn đề quảng canh cũng là một ý tưởng rất mới của Anh. Từ năm 1947, khi xác định bắt đất trung du và miền núi phải cho sản phẩm cả trồng trọt và chăn nuôi, cùng với thâm canh tăng năng suất cây trồng, Anh Tô đã rất quan tâm chỉ đạo việc chăn nuôi, nhất là phát triển đàn heo, đàn trâu bò để vừa lấy thịt, vừa có nguồn phân chuồng dồi dào phục vụ thâm canh cây lương thực. Anh đã chủ trương cho mở rộng nông trại tại Làng Trá (huyện Sơn Hà, Quảng Ngãi) thuộc xã Sơn Cao ngày nay, điều một lực lượng lớn tới đây khai phá đất rừng thành đất nông nghiệp trồng lúa, bắp, mì, lang, đậu các loại và nuôi trâu. Trong năm đầu tiên, diện tích khai phá

chưa nhiều, nhưng rõ ràng nông trại Làng Trá là mô hình đầy hứa hẹn. Tiếc rằng sau khi Anh Tô trở ra Trung ương, lực lượng lao động không được tăng cường, nông trại không còn tồn tại nữa.

Trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, Liên khu V, đặc biệt là Quảng Ngãi, đã gây tiếng vang không nhỏ.

Tờ bạc "Tín phiếu" ra đời năm 1947, được in bằng giấy tự túc, tuy không trắng nhưng khá láng và bền. Tờ giấy tự túc đó đến 1948 cũng đã tiến lên đủ để in sách, báo, sổ sách, giấy tờ, thoả mãn nhu cầu học tập của đông đảo học sinh. Nhờ đẩy mạnh sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, người dân đóng đồ gỗ, làm nhà, có cái đình; người dân cần may mặc, có vải tám, vải ta truyền thống, lại có thứ vải mới đẹp, bền là vải Sita rất được ưa chuộng; người dân cần thắp sáng, có dầu dừa, dầu phụng "tinh chế" để ăn; người dân cần đi gàn, có xe ngựa, đi xa có "cam nhôm ray" thay cho tàu hoả. Không kể các cơ sở sản xuất của quốc phòng, chỉ tính riêng Quảng Ngãi đã có hàng chục xí nghiệp và cơ sở sản xuất hàng tiêu dùng.

Ngoài các nhu cầu thiết yếu nhất cho cuộc sống, bó chè tươi, rê thuốc bồi, tán đường, v.v. chưa hề vắng bóng trong sinh hoạt hằng ngày. Lại có chè gói "Kim Việt", thuốc lá "Trường Xuân", "Bộ Đội" bao bì vuông vắn, nhãn hiệu in màu, có kẹo đậu phụng, kẹo mè đóng gói, in nhãn hẵn hoi, cùng với viên đá lửa, viên ký ninh vượt qua hàng rào kiểm soát của bộ máy chiếm đóng của Pháp. Những mặt hàng nêu trên tuy còn ở dạng thô sơ, chưa đẹp, chưa nhiều nhưng đã làm thất bại âm mưu bao vây kinh tế của kẻ thù; người dân sống trong vùng tự do Liên khu V cảm thấy gần như vẫn giữ được cuộc sống bình thường, trong khi đất

nước đã đi vào kháng chiến.

Thành tích trên đây vẫn tiếp tục được phát huy trong những năm sau khi Anh Tô trở ra Việt Bắc, do Liên khu uỷ V tiếp tục chỉ đạo theo hướng đã xác định ngay từ đầu, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Anh.

Về giáo dục

Thấm nhuần sâu sắc tư tưởng của Bác Hồ về giáo dục, ngay từ khi vừa đặt chân lên mảnh đất quê hương, trong bốn bề lo liệu, Anh Tô vẫn quan tâm sâu sắc đến việc dạy và học cho trẻ em, cho người lớn, cho cán bộ nhất là cán bộ cơ sở đa số vốn xuất thân từ gia đình nghèo, thiếu điều kiện học hành.

Vấn đề xoá nạn mù chữ được Anh đặt lên hàng đầu. Theo phương châm "người biết chữ dạy người chưa biết chữ, người biết chữ nhiều dạy người biết chữ ít", "có lớp dạy học ở lớp, không có lớp dạy học ở nhà, ban ngày không học được thì học ban đêm...", phong trào bình dân học vụ đã dấy lên ở khắp các thôn làng, ngọn đèn đi kiếm chữ đêm đêm rực sáng ở khắp thôn cùng ngõ hẻm trong vòng một năm rưỡi tính từ lúc Anh Tô về Quảng Ngãi đã xoá được nạn mù chữ.

Cùng với xoá mù chữ, Anh Tô đã yêu cầu các địa phương phải đồng thời tổ chức bổ túc văn hoá, vì "*thoát mù chữ chưa phải là thoát đói*". Theo sự chỉ đạo tích cực đó, hàng loạt Trường Bổ túc văn hoá bậc tiểu học đã được khai giảng tại hầu hết các huyện, trong đó Trường Kiến thức của huyện Mộ Đức được mở sớm nhất, học sinh của trường không chỉ là cán bộ thôn, xã, huyện mà còn có học sinh từ Quảng Nam, Phú Yên và Khánh Hoà được Việt Minh các nơi đó giới thiệu.

Nổi lên như những điểm sáng là Trường Trung học bình dân miền Nam Trung Bộ mà Anh Tô là Hiệu trưởng danh dự và Trường Trung học bình dân quân đội Liên khu V. Học

sinh hai khoá học các trường này là nguồn bổ sung cán bộ đáng kể cho các ngành, các cấp trong toàn Liên khu. Đến tận ngày nay, nhiều học sinh cũ của hai trường này và một vài trường tiểu học bình dân xưa vẫn đang giữ những cương vị cao trong Đảng và Nhà nước.

Thông qua Sở Giáo dục Liên khu, Anh đã chủ trương phát triển ngành học phổ thông chính quy một cách nhanh chóng đến bất ngờ. Trước Cách mạng Tháng Tám 1945 ở Quảng Ngãi chỉ có hai trường cấp II, tổng cộng khoảng 7-8 lớp học. Vậy mà, dưới chế độ mới, đến năm 1947-1948, hầu hết các huyện trong tỉnh đều có trường phổ thông cấp II quốc lập. Sau đó chẳng bao lâu, một loạt trường dân lập lại mọc lên, đủ chỗ cho con em nhân dân đến học. Trường cấp II công lập (hồi đó thường gọi là trường chuyên khoa) mang tên Lê Khiết cũng mở ra cùng lúc. Cũng như hai trường Trung học Bình dân, Trường Trung học cấp III Lê Khiết đã đào tạo được nhiều người sau này trở thành cán bộ có trình độ học vấn cao, có năng lực đảm trách nhiều ngành khoa học kỹ thuật. Anh Tô trần trở, suy nghĩ nhiều về chương trình học: cần bớt môn nào, tăng nội dung và thời lượng cho môn nào, cơ cấu các môn nên thế nào, v.v.: Người viết bài này có thời gian phụ trách một trường tiểu học bình dân huyện, đã được Anh gọi đến hỏi và góp ý kiến về các vấn đề trên.

Nhìn chung, suốt trong thời gian Anh Tô công tác ở Liên khu V, nền giáo dục của Liên khu phát triển hết sức rực rỡ: cả hai ngành giáo dục bình dân và giáo dục phổ thông đều được quan tâm xây dựng. Về quy mô có trường, có lớp, có nhóm học. Về tính chất có quốc lập, có dân lập, có tư thực. Thời gian học có giờ chính quyền cho ngành học phổ thông, có ban trưa, ban tối cho ngành học bình dân. Một nền giáo dục phong phú, đa dạng, nhiều loại hình cùng phát triển một cách đồng bộ như

thể được hình thành và phát ra từ một trí tuệ sáng suốt.

Sẽ là thiếu sót nếu không kể đến tác dụng của sự giáo dục chung cho toàn xã hội mà Anh Tô đã có nhiều công sức xây dựng. Sự giáo dục chung đó được tiến hành bằng công tác tuyên truyền báo chí và các cuộc mít tinh, các lễ kỷ niệm. Nội dung không chỉ đề cập đến các vấn đề chính trị, mà còn có cả các vấn đề địa lý, lịch sử, các phong trào đấu tranh chống ngoại xâm từ cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng đến Hội nghị Diên Hồng, từ khởi nghĩa Lê Lợi đến phong trào Cần Vương, tiểu sử các nhân vật lịch sử Việt Nam, v.v.. Thời đó, dự mít tinh, dự lễ kỷ niệm, người tham dự có thái độ nghiêm túc như người học sinh ngồi trong lớp học. Dân trí Liên khu V cũng nhờ đó được nâng lên.

Anh Tô còn có một nỗi lo khác nữa là làm sao cho văn học nghệ thuật Liên khu V đơm hoa kết quả. Tiếc rằng Anh không còn thời gian để làm nhiều cho ước vọng đó. Dù sao, Anh cũng đã đặt những viên đá đầu tiên với sự ra đời của một số tác phẩm của Khương Hữu Dụng, Nguyễn Viết Lâm, Phạm Hồ, Lưu Trùng Dương... Việc khi Anh trở về Trung ương còn tặng lại cho chi hội văn nghệ Liên khu V toàn bộ số tiền nhuận bút tác phẩm đầu tay của Anh nhan đề *Hồ Chủ tịch, hình ảnh của dân tộc* để làm giải thưởng văn nghệ đủ nói lên mối quan tâm thật đáng quý của Anh.

Nhìn lại công việc Anh đã làm cho mảnh đất quê hương trong những buổi đầu, người dân Quảng Ngãi đều thấy những việc làm đó ngày nay vẫn còn phát huy tác dụng. Càng tự hào về Anh, chúng ta càng cảm phục và vô cùng biết ơn Anh, người học trò xuất sắc của Bác Hồ, người con ưu tú của dân tộc Việt Nam và vinh dự thay cho mảnh đất Cẩm Thành được là chiếc nôi đã sinh trưởng ra Anh.

NHỮNG KỶ NIỆM VÀ BÀI HỌC

Nguyễn Gia Nùng

Không biết tự bao giờ, khi bắt đầu được làm quen với giới văn học, nghệ thuật, tôi đã thấy các bậc đàn anh trong giới như Tố Hữu, Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên, Nguyễn Tuân, Nguyễn Thành Long...mỗi khi nhắc đến Thủ tướng Phạm Văn Đồng đều gọi bằng cái tên triu mến, thân mật, đầy nể trọng: Anh Tô. Sau này do điều kiện và yêu cầu nghề nghiệp, được trực tiếp gặp gỡ, nghe nói chuyện, làm việc với Thủ tướng... tôi càng thấy rõ cách gọi trên đây thật đặc biệt với một trong những người lãnh đạo cao nhất của Đảng và Nhà nước, nhưng lại rất tự nhiên, xuất phát từ tình cảm thiêng liêng, gần gũi của mọi người, dường như không thể khác với Thủ tướng.

Điều nổi bật, dễ nhận thấy ở con người Phạm Văn Đồng là một trí tuệ uyên bác, tấm lòng nhân ái, cởi mở và tác phong hành động rất thiết thực, cụ thể.

Tôi còn nhớ rất rõ lần đầu tiên được gặp Thủ tướng. Đó là vào khoảng cuối năm 1964, lúc ấy tôi đang là cán bộ biên tập của Nhà xuất bản Lao động, Tổng Công đoàn Việt Nam, được phân công lên theo dõi viết về công trình thủy điện Thác Bà, một công trình thủy điện lớn nhất miền Bắc lúc ấy do Liên Xô giúp xây dựng, đang ở vào giai đoạn thi công nước rút.

Các đồng chí lãnh đạo cao nhất của Đảng và Nhà nước ta, đặc biệt là Thủ tướng Phạm Văn Đồng rất quan tâm và theo dõi rất sát tiến trình xây dựng công trình này. Tôi được cùng các đồng chí trong Ban lãnh đạo công trường đón Thủ tướng ngay tại hiện trường hố móng, nơi đang có nhịp độ thi công khẩn trương nhất. Với dáng đi rất nhanh nhẹn, sau khi đi thăm nơi ăn ở, gặp gỡ, trò chuyện với một số công nhân, cuộc nói chuyện của Thủ tướng với các đại biểu cán bộ, công nhân được tổ chức ngay tại hiện trường. Trước đó chưa đầy 6 tháng đồng chí cũng đã lên thăm công trường nên lần này gặp lại, mở đầu buổi nói chuyện, đồng chí tươi cười hỏi:

- So với 6 tháng trước đây có tiến bộ nhiều không các đồng chí?

Tất cả ồ lên vui vẻ nhưng không ai dám trả lời. Thủ tướng nhắc lại:

- Sao? Có tiến bộ nhiều chớ?

Tiếng ồn ào càng nổi lên nhưng vẫn không có ai dám đứng lên trả lời.

- Vậy thì chắc là không có gì tiến bộ? - Đồng chí cao giọng hỏi: - Nào, ai đồng ý với ý kiến là không có gì tiến bộ thì giơ tay cho biết.

Tiếng cười nói xôn xao nhưng cũng không có ai giơ tay.

Khó quá!

- Khó trả lời quá, thưa Thủ tướng!

Nghe mấy tiếng kêu vọng lên, Thủ tướng cười lớn, quay sang đồng chí Vũ Nhất, người chịu trách nhiệm cao nhất của Ban chỉ đạo công trường:

- Khó thì để ông này trả lời vậy.

Tất cả ồ lên cười, vỗ tay nhiệt liệt. Đồng chí Vũ Nhất từ từ tiến lại trước micrô:

- Thưa Thủ tướng! Có tiến bộ nhiều ạ. Vâng, anh chị em

công nhân, cả cơ giới và thủ công đều tiến bộ rất nhiều nhưng lãnh đạo thì chưa theo kịp.

Tiếng vỗ tay, cười nói lại ran lên bốn phía.

- Đúng vậy không các đồng chí? - Thủ tướng cũng cười, quay về phía đám đông.

- Đúng lắm!

- Đúng như thế ạ, thưa Thủ tướng!

Nhiều tiếng trả lời từ phía dưới vang lên.

Thủ tướng gật đầu nói với đồng chí Vũ Nhất:

- Vậy lần sau tôi lên, lãnh đạo ở đây phải tiến kịp phong trào của công nhân, các đồng chí có làm được không?

- Khó lắm ạ! - Đồng chí Vũ Nhất trả lời - Thưa Thủ tướng, đây là việc rất khó nhưng chúng tôi xin hứa là cố gắng. Rất cố gắng.

Thủ tướng gật đầu, vẻ trầm ngâm. Tiếp đó đồng chí khen ngợi phong trào thi đua phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, khắc phục khó khăn của công nhân, cán bộ kỹ thuật và chỉ ra một số thiếu sót trong việc còn lãng phí ngày công, giờ công, nguyên vật liệu, chưa tận dụng được công suất máy một cách hợp lý.

Chuyển sang phần nói đến việc chăm lo đời sống cho cán bộ, công nhân, đồng chí lại hỏi:

- So với năm trước, đời sống có được cải thiện hơn không?

Tiếng trả lời ran lên bốn phía. Một công nhân đã đứng tuổi mạnh dạn đứng lên:

- Thưa Thủ tướng, chưa cải thiện được bao nhiêu. Có phần còn kém hơn năm trước ạ!

- Thật vậy sao? - Thủ tướng quay hỏi các đồng chí lãnh đạo công trường đang đứng phía sau - Ở đây các đồng chí có tổ chức tăng gia không? Nếu có thì cách tổ chức tăng gia như thế nào?

Khi nghe trả lời là công trường có phát động phong trào tăng gia tự cải thiện và thành tích tăng gia được coi là có nhiều hiệu quả, Thủ tướng cười lớn:

- Vậy sao đời sống lại không được cải thiện?

Tất cả ô lên, nhiều tiếng cười vì thấy câu trả lời Thủ tướng lại tự mâu thuẫn với nhau. Thủ tướng nhắc Ban lãnh đạo công trường và tổ chức công đoàn phải đặc biệt coi trọng công tác tăng gia để góp phần cải thiện bữa ăn cho cán bộ, công nhân vì nếu chỉ trông chờ vào Nhà nước cung cấp thì với số lượng người lớn như thế lại ở phân tán trên một diện rộng của núi rừng, giao thông đi lại khó khăn, khó mà đáp ứng nổi, nhất là trong mùa mưa bão. Với những cán bộ, công nhân có thời gian làm việc lâu ở công trường, có thể đưa cả vợ con lên làm những công việc phụ của công trường và tổ chức tăng gia tự cải thiện. Công trường có điều kiện tăng gia mà không làm là một thiếu sót lớn. Thủ tướng cho biết cả Bác Hồ và bản thân Thủ tướng khi ở căn cứ Việt Bắc cũng luôn dành thời gian để tăng gia. Có những bữa ăn, Bác Hồ đãi khách bằng sản phẩm tăng gia của Bác. Khách rất cảm động vì không chỉ được thưởng thức món ăn mà còn nhận được bài học rất quý về tình cảm và ở con người Bác.

Đồng chí phụ trách tổ chức công đoàn của công trường đã đứng ra hứa với Thủ tướng sẽ làm tốt việc này và báo cáo kết quả với Thủ tướng trong những lần sau.

Buổi nói chuyện của Thủ tướng với cán bộ, công nhân công trường diễn ra thật đầm ấm, thân mật và rất cụ thể, thiết thực. Khi nghe báo cáo là có những văn nghệ sĩ đã lên tìm hiểu thực tế công trường để sáng tác, đặc biệt có họa sĩ Lưu Công Nhân đã tình nguyện lên "bám trụ" lâu dài và đã có nhiều tác phẩm về công trường từ những ngày đầu, Thủ tướng tỏ ra rất vui, nhắc các đồng chí lãnh đạo công trường

quan tâm tạo điều kiện để các văn nghệ sĩ có thể tìm hiểu và sáng tác tốt về Thác Bà, một công trình có giá trị kinh tế lớn gắn bó với tình hữu nghị Việt - Xô.

Lần thứ hai được gặp Thủ tướng cũng để lại cho tôi một ấn tượng thật sâu sắc. Lần này thời gian gặp gỡ Thủ tướng cũng được lâu hơn. Đó là tại Hội nghị công nhân ngành than cuối năm 1968, được tổ chức ở vùng mỏ Quảng Ninh ngay bên bờ vịnh Hạ Long do đích thân Thủ tướng chủ trì. Đây là một hội nghị thật đặc biệt, phần nào gợi nhớ Hội nghị Diên Hồng, dù ở đây chỉ tổ chức riêng cho ngành than. Vào thời điểm ấy, cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân do đế quốc Mỹ tiến hành ở miền Bắc đang ở giai đoạn ác liệt nhất. Vừa phải đương đầu với cuộc chiến tranh phá hoại với quy mô chưa từng có của một siêu cường là đế quốc Mỹ, vừa phải lo "hạt gạo cắn làm tư", chi viện cho chiến trường B, C, K... đời sống của nhân dân miền Bắc lúc này đặc biệt khó khăn, nhất là đời sống cán bộ, công nhân ngành than, một ngành mà từ hạt muối, ngọn rau đều phải dựa vào sự cung cấp của Nhà nước. Sản lượng than ở thời điểm này cũng ở mức sa sút chưa từng có. Nhưng "Tổ quốc cần than như con thơ cần sữa mẹ", ngành than sa sút kéo theo những khó khăn chồng chất cho nhiều ngành kinh tế khác. Phải bằng mọi cách vực dậy ngành than, nâng cao mức sản xuất để đáp ứng yêu cầu trong nước và xuất khẩu. Thủ tướng Chính phủ đã đứng ra trực tiếp chỉ đạo cùng với tỉnh Quảng Ninh tổ chức Hội nghị công nhân ngành than nhằm đánh giá thực chất tình hình, tìm ra những biện pháp tháo gỡ. Do mục đích hội nghị như vậy nên thành phần các đại biểu được chọn về tham dự cũng không giống với bất cứ một hội nghị nào trước đó. Đại biểu của mỏ nào được đi dự phải do chính công nhân mỏ đó bầu lên theo tỷ lệ số cán bộ, công nhân chứ không phải cứ là cán

bộ lãnh đạo thì được đi họp. Do được hướng dẫn tiêu chuẩn đại biểu phải là những người ưu tú trong công nhân, cán bộ, làm được, nói được, xứng đáng là người đại diện cho tập thể trực tiếp đi làm việc với Thủ tướng và các bộ, ngành có liên quan nên việc bình bầu ở các mỏ diễn ra khá chặt chẽ, nghiêm túc. Có mỏ Bí thư Đảng uỷ, Giám đốc không được bầu đi dự. Hội nghị diễn ra trong ba ngày. Cùng dự với Thủ tướng còn có thủ trưởng các bộ, ngành có liên quan như Bộ Công nghiệp nặng, Bộ Thương nghiệp, Lâm nghiệp, Địa chất, v.v. và lãnh đạo tỉnh Quảng Ninh. Trong ngày đầu, đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn cũng về dự. Chưa bao giờ tôi được dự một cuộc gặp mặt giữa những người lao động bình thường với những người lãnh đạo cao nhất của Đảng và Nhà nước lại diễn ra trong không khí thân mật, gần gũi, chân thực với tinh thần dân chủ được hết sức đề cao như thế. Thủ tướng Phạm Văn Đồng trực tiếp chủ trì hội nghị, nghe từng đại biểu nói lên những khó khăn, trở ngại, bức xúc của đơn vị và cá nhân mình trong sản xuất, đời sống, nêu những kiến nghị với các cơ quan có trách nhiệm của Đảng và Nhà nước, kể cả những cấp cao nhất. Thủ tướng yêu cầu mọi phát biểu đều phải đi vào những vấn đề thật cụ thể, thiết thực, xuất phát từ thực tiễn cơ sở, tránh những ý kiến dài dòng, chung chung. Cần phải làm gì, làm như thế nào để có thể đưa mức sản xuất than lên cao, đảm bảo đời sống cho người lao động trong hoàn cảnh khó khăn vừa sản xuất vừa phải sẵn sàng chiến đấu hiện nay? Câu hỏi lớn này bao trùm, xuyên suốt nội dung hội nghị mà từng đại biểu và cả hội nghị phải tìm ra giải đáp. Không chỉ nghe, mà những gì chưa cụ thể, rõ ràng, Thủ tướng còn đề nghị các đối tượng, kể cả người nói và những người có liên quan phải trả lời công khai ngay trong hội nghị. Tôi nhớ rất rõ một số trường hợp tiêu biểu. Khi một

vị Phó Giám đốc phụ trách sản xuất ở một mỏ vào loại lớn nêu lên những yếu kém chung của ngành, Thủ tướng hỏi luôn: "Thế còn ở đơn vị và bản thân anh có những yếu kém đó không? Nếu có thì giải quyết như thế nào?". Anh ta nêu mấy con số nói lên những hiện tượng tiêu cực ở nơi này, nơi khác, Thủ tướng hỏi: "Những con số đó có xác thực không? Anh lấy chúng ở đâu hay chỉ nghe nói?". Vị Phó Giám đốc này đã loay hoay trên diễn đàn, có thể thấy trên cái trán bóng của anh ta ướt đẫm mồ hôi. Cuối cùng vì không có những căn cứ cụ thể để trả lời, anh ta đành xin lỗi "sẽ nghiên cứu sau" để rời diễn đàn trong những tiếng ô lên của hội nghị. Một cán bộ lãnh đạo ở một mỏ khác nêu tình trạng trang bị bảo hộ lao động cho công nhân bị thiếu trầm trọng, đặc biệt là thợ hầm lò, phải mấy người mới được một đôi ủng. Thủ tướng đề nghị anh ta dừng lời và mời người đại diện cơ quan chịu trách nhiệm trang bị bảo hộ lao động của Bộ cho biết trong thời gian qua đã cung cấp được bao nhiêu đôi ủng cho mỏ đó. Con số được cung cấp và con số được nhận do người đang phát biểu đưa ra có một khoảng cách biệt khá xa. Thủ tướng yêu cầu cần làm rõ ngay số ủng bị thất thoát để tìm cách xử lý thích hợp. Bất ngờ, đại biểu ngành Bưu điện của địa phương nơi có mỏ đứng lên thưa với Thủ tướng và hội nghị là ngay trong tháng công nhân được phát trang bị bảo hộ lao động thì Bưu điện địa phương đã phải nhận chuyển hàng trăm đôi ủng về nông thôn, chưa kể số ủng đang được "bán chui", lúc nào cũng có thể mua được với giá cao. Những lỗ hổng thất thoát đã được làm rõ. Thì ra những thiếu thốn ở đây không chỉ do khâu cung cấp mà còn do ý thức trách nhiệm, chỉ thấy lợi ích nhỏ trước mắt làm mờ đi lợi ích lâu dài, lớn hơn của chính những người lao động. Với cách làm việc như thế, quả thật hội nghị có sức hấp dẫn lớn, suốt thời

gian hội nghị hầu như không có đại biểu nào bỏ cuộc và cánh nhà văn, nhà báo chúng tôi tha hồ ghi chép, thấy sáng ra rất nhiều điều mà những chuyến đi thực tế riêng lẻ không thể nào có được. Các bộ, ngành có liên quan và tỉnh Quảng Ninh đều cử những người có trách nhiệm cao nhất, kéo theo những chuyên viên chủ chốt, bởi khi công nhân nêu thắc mắc, kiến nghị liên quan đến ngành nào, Thủ tướng đều yêu cầu nơi đó phải có trả lời. Các câu trả lời đều phải nêu rõ: Điều gì sai phải sửa và sửa như thế nào? Điều gì công nhân nêu không đúng, cần đính chính lại? Điều gì có thể làm được ngay? Điều gì chưa rõ hoặc đã rõ nhưng chưa đủ điều kiện làm, sẽ nghiên cứu trong bao lâu để trả lời hoặc thực hiện?

Càng về sau, hội nghị càng sôi nổi, đi vào những vấn đề cốt lõi, gay gắt nhất. Ngày thứ ba, khi tổng kết hội nghị, Thủ tướng nói: "Cho đến lúc này, chắc còn nhiều đại biểu muốn phát biểu. Nhưng như thế cũng là tạm đủ, tôi đau đầu lắm rồi, mong các đồng chí tha cho. Bây giờ ta tổng kết lại coi thực chất tình hình như thế nào và cần phải làm những gì, làm như thế nào. Đã nói điều gì tôi quyết tâm làm bằng được. Nhưng tôi cũng nói thật điều này - gơ tay chỉ về phía đại diện lãnh đạo các bộ, ngành có liên quan, Thủ tướng nó tiếp - kết quả làm được đến đâu chủ yếu lại do các ông này. Vì vậy, không chỉ về phía bản thân tôi, Chính phủ mà cả mọi người có mặt ở đây, cả cán bộ, công nhân vùng mỏ phải có trách nhiệm theo dõi, giám sát việc thực hiện và nêu những vấn đề phát sinh để cùng giải quyết.

Tổng kết của Thủ tướng rất rõ ràng, nêu những vấn đề có thể kết luận, vấn đề cần nghiên cứu, điều tra, tìm hiểu thêm, đặc biệt là những gì cần làm ngay sau hội nghị, những việc đó giao cho ai, thực hiện như thế nào, giám sát việc thực

hiện ra sao. Thủ tướng đặc biệt quan tâm đến đời sống của người thợ mỏ và nêu lên những giải đáp rất cụ thể, có thể nói là rất mới ở thời điểm ấy. Thủ tướng nói: Nghề thợ mỏ, nhất là thợ hầm lò phải làm việc rất vất vả, cực nhọc nên thời gian người thợ nghỉ ngơi, bồi dưỡng sức khỏe ở gia đình là đặc biệt quan trọng, cần quan tâm. Do vậy, phụ nữ ở mỏ không nhất thiết ai cũng phải làm Nhà nước, mà có thể và cần ở nhà để chăm sóc sức khỏe, đời sống gia đình cho chồng con mình đi làm. Trong khi Nhà nước chưa có điều kiện lo được đầy đủ cho người thợ thì điều này quan trọng lắm. Mùa đông, từ dưới lò sâu trở về nhà, người thợ lò cần có nước nóng để tắm, có khi cần một ly rượu nhỏ cho ấm người, những thứ này không ai chăm lo tốt bằng người vợ, người mẹ. Từ đó phải tính đến đồng lương của người thợ mỏ, sao cho không chỉ đủ để nuôi sống bản thân anh ta mà còn nuôi được cả vợ con nữa. Đây là một yêu cầu chính đáng.

Buổi sáng tiếp theo, trước khi rời vùng mỏ, Thủ tướng có buổi nói chuyện với cán bộ, công nhân và nhân dân tại sân vận động Hồng Gai. Đây là buổi mít tinh chào mừng thắng lợi của Hội nghị công nhân ngành than và mừng Thủ tướng về thăm nên nhân dân các nơi về dự rất đông, từ sáng sớm cả sân vận động đã đông kín người. Tất nhiên công tác bảo vệ cũng được đặt ra rất chặt chẽ, nghiêm ngặt. Cùng với hàng ghế của đoàn chủ tịch cuộc mít tinh và lễ đài Thủ tướng sẽ đứng ra nói chuyện, những đại biểu được xếp đứng hai bên cánh gà của lễ đài cũng được chọn lọc rất kỹ, có phù hiệu riêng vì đây được coi như một hàng rào bảo vệ lễ đài. Cánh nhà báo chúng tôi được xếp cùng với một số đại biểu đứng ở cánh gà phía bên trái, ngay sát lễ đài. Trước khi buổi mít tinh chính thức khai mạc, Thủ tướng sắp bước ra lễ đài,

chúng tôi phải xử lý một tình huống đột xuất xảy ra. Không hiểu bằng cách nào một người đàn ông đứng tuổi, mặc áo xanh công nhân đã lách qua được hàng rào bảo vệ của công an tới chỗ chúng tôi, xin được cho vào gặp trực tiếp Thủ tướng. Điều này là không thể được nhưng báo với công an để ngăn cản, chúng tôi cũng thấy là không nên. Mặc dù đã cố can gián, người đàn ông vẫn nhất định khăng khăng không chịu rút lui, nói đã đến được đây phải gặp được Thủ tướng mới thôi. Thấy trong tay người đó cầm một bì thư, chúng tôi gạn hỏi mãi mới được trả lời. Thì ra anh ta là một thợ lò lâu năm, ở bậc cao, làm việc dưới lò sâu rất vất vả nên theo chế độ, mỗi tháng anh được cấp phiếu mua 2 kilôgam thịt để bồi dưỡng (người lao động bình thường thời gian ấy chỉ được 3 lạng mỗi tháng). Nhưng không biết vì lý do gì đã nhiều tháng nay gia đình anh không thể mua được một lạng thịt nào. Có tháng chờ mua không được, sợ phiếu quá hạn, buộc lòng anh phải đổi phiếu cho mấy cán bộ làm việc ở cơ quan lãnh đạo tỉnh để lấy phiếu mua trứng và đậu phụ. Tất nhiên những ông cán bộ nhận đổi phiếu kia sẽ mua được thịt không mấy khó khăn. Đây là điều bất công không thể chấp nhận được. Người thợ lò này đã làm đơn lên Thủ tướng kèm theo mấy cái phiếu đã được đổi để làm bằng chứng. Mấy ngày nay, theo dõi bên ngoài Hội nghị công nhân ngành than do đích thân Thủ tướng chủ trì, công nhân, cán bộ và nhân dân vùng mỏ rất phấn khởi, tin tưởng, thấy có thể nói lên mọi sự thật, cả những oan ức, bất công mà mình phải chịu đựng. Người thợ lò này nói thêm: Trường hợp của anh ta không phải là cá biệt mà đã thành phổ biến ở vùng mỏ, nên việc anh trình lên Thủ tướng không chỉ vì quyền lợi cá nhân mà là của phần lớn công nhân ngành than hiện nay. Vấn đề của anh đưa ra thật

bức xúc, chính đáng. Nhưng để anh ta lên gặp Thủ tướng vào lúc này là rất không nên, ảnh hưởng đến an ninh trật tự chung và nhất là chúng tôi đâu có quyền làm việc ấy. Chúng tôi đành thuyết phục anh: chúng tôi là những nhà báo, chúng tôi sẽ nhận chuyển đơn này đến tận Thủ tướng ngay sau cuộc mít tinh này và chắc chắn sẽ có hồi âm. Còn bây giờ, tốt nhất là anh hãy lùi về chỗ của mình, không nên để lực lượng an ninh đến can thiệp. Cuối cùng, anh ta nghe lời và chúng tôi làm đúng như đã hứa.

Khi tiếp xúc với chúng tôi, Thủ tướng không quên dặn dò: Báo chí cần phải đi sâu vào đời sống, sản xuất, chiến đấu của công nhân và nhân dân lao động để phát hiện những nhân tố mới, đồng thời phê phán những hiện tượng tiêu cực với thái độ khách quan, trung thực để góp phần hữu ích cho xã hội bằng ngòi bút của mình.

Kết quả của Hội nghị công nhân ngành than là rất to lớn, mang lại nhiều bài học rất bổ ích. Tôi cứ lấy làm tiếc và không hiểu tại sao những năm sau này, đặc biệt là trong quá trình đổi mới hiện nay, chúng ta lại chưa có được những hội nghị và những cuộc đối thoại thẳng thắn, thiết thực, bổ ích như thế giữa những người có trách nhiệm cao nhất với những người dân bình thường để góp phần giải quyết những vấn đề lớn lao, bức xúc đặt ra một cách có hiệu quả nhất.

Nhớ lại hai mẩu chuyện xưa, càng thêm kính phục, biết ơn và tiếc thương vô hạn đồng chí Phạm Văn Đồng, người học trò xuất sắc của Bác Hồ, người con ưu tú của dân tộc Việt Nam, của quê hương núi Ấn sông Trà nay đã lên cõi vĩnh hằng, ung dung và thanh thản. Không chỉ là một nhà chính trị lớn, một lãnh tụ của Đảng và Nhà nước ta có nhiều công lao, cống hiến vô cùng to lớn, Anh Tô - Bác Đồng còn là tấm

gương sáng về trí tuệ, rèn luyện, đạo đức, với tấm lòng nhân ái bao la, mãi mãi là người Bác, người Cha, người Anh lớn, luôn sống mãi trong lòng mỗi người Việt Nam nhiều thế hệ.

VỀ QUAN HỆ CỦA PHẠM VĂN ĐỒNG VỚI BÁC HỒ

*TS. Nguyễn Quý**

Trên con đường từ một thanh niên yêu nước trở thành một chiến sĩ cách mạng, rồi một người cộng sản, một trong những nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng và Nhà nước, Phạm Văn Đồng có một trong những "cơ may lớn" của cuộc đời mình là được gặp, được học tập và làm việc với Bác Hồ. Mỗi quan hệ giữa lãnh tụ Hồ Chí Minh với những học trò xuất sắc của mình, trong đó có Phạm Văn Đồng thể hiện quan hệ tuyệt vời giữa những người cộng sản, gợi ta nhớ đến tình bạn đẹp như "thần thoại" của C. Mác và Ph. Ăngghen mà V.I. Lênin từng ca tụng.

Năm 1925, khi đang theo học năm thứ hai ban tú tài Trường Bưởi (nay là Trường phổ thông trung học Chu Văn An, Hà Nội), Phạm Văn Đồng đã tham gia cuộc đấu tranh đòi thực dân Pháp thả Phan Bội Châu và để tang Phan Châu Trinh. Việc này bắt nguồn từ lòng yêu nước, chứ theo Phạm Văn Đồng, - "cũng không biết ai là người tổ chức, lãnh

* Phó Viện trưởng Viện Hồ Chí Minh-Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

đạo"¹. Sau đó Phạm Văn Đồng bị nhà cầm quyền thực dân theo dõi, thẩm vấn và đui học. Đồng chỉ nhớ lại: "Khi tôi tham gia bãi khoá, cảnh sát gọi tôi lên mấy lần. Nó hỏi tên, họ, quê quán, gia đình. Chắc là nó làm hồ sơ theo dõi, nhưng mình ngây thơ không biết. Mà lúc đó có thấy nó theo dõi rình rập gì đâu, chính cảnh sát, mật thám cũng khinh thường chúng tôi, thế mà sau đó nhiều người, trong đó có tôi lại bị nó đui học"².

Bị đui học, Phạm Văn Đồng vẫn ở lại Hà Nội và gặp Trương Quang Trọng, bạn cùng quê cũng bị đui học vì tham gia bãi khoá. Hai người bàn bạc tìm bắt mối tiếp tục hoạt động. Trong lúc ấy, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên được thành lập và phát triển mạnh mẽ ở Hà Nội. Phạm Văn Đồng là một trong những thanh niên yêu nước được Hội vận động và đưa sang học lớp huấn luyện cách mạng do Nguyễn Ái Quốc tổ chức tại Quảng Châu.

Cuối năm 1926, một đoàn thanh niên Việt Nam gồm khoảng 20 - 30 người ở nhiều tỉnh, trong đó có Phạm Văn Đồng, bằng nhiều con đường khác nhau theo đường liên lạc bí mật lần lượt sang Trung Quốc. Hành trình của Phạm Văn Đồng từ ga Hàng Cỏ đến Lạng Sơn theo đường sắt, rồi đi bộ vượt biên giới Việt - Trung sang Long Châu (Quảng Tây). Từ Long Châu, đoàn đi tàu thuỷ đến Quảng Châu, song do tàu bị đắm, Phạm Văn Đồng được vớt lên bị cảm nặng nên không thể vào lớp học ngay được, mà phải chờ đến lớp sau cùng học với Nguyễn Danh Đới và nhiều đồng chí khác.

Tại lớp học, lần đầu tiên Phạm Văn Đồng được gặp đồng

1, 2. Phạm Văn Đồng: Bài nói chuyện với cán bộ cơ quan tỉnh Quảng Ngãi, ngày 25-7-1989. Tài liệu lưu tại Tổ nghiên cứu lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Quảng Ngãi.

chí Vương. Anh nhận ra ngay đồng chí Vương chính là Nguyễn Ái Quốc, bởi vì trong những năm học ở Trường Quốc học Huế, Anh đã bí mật được xem một tờ báo Pháp có in ảnh của Người. Anh vô cùng phấn khởi được gặp một lãnh tụ mà Anh rất cảm phục về tấm gương hoạt động yêu nước và về những bài báo có sức làm lay động lòng người, giục già thanh niên tham gia đấu tranh giải phóng dân tộc. Ở lớp học, Phạm Văn Đồng lắng nghe, suy nghĩ về những lời giảng của Nguyễn Ái Quốc và các giảng viên khác và được công nhận là một trong những học viên xuất sắc. Trong thời gian này, Phạm Văn Đồng được Nguyễn Ái Quốc giao viết và đọc lời chào mừng bằng tiếng Pháp khi Đoàn đại biểu của Quốc tế cộng sản đến thăm lớp huấn luyện của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Theo Phạm Văn Đồng và một số đồng chí cùng lớp thì bài viết nói về mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam và cách mạng Pháp đã gây được ấn tượng tốt với Đoàn đại biểu Quốc tế Cộng sản cũng như với các học viên.

Vào khoảng đầu năm 1927, sau khi lớp học kết thúc, Phạm Văn Đồng được Tổng bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên giữ lại làm công tác đối ngoại. Anh có dịp thuận lợi để gặp gỡ thường xuyên với Nguyễn Ái Quốc và tình cảm giữa hai thầy trò - đồng chí càng thêm khăng khít.

Nhớ lại thời kỳ này, Phạm Văn Đồng kể rằng: "Lớp học ít người nên có điều kiện gặp gỡ giảng viên, cơ hội để đi sâu vào nhiều vấn đề, vẫn là vấn đề độc lập dân tộc, chủ nghĩa quốc tế, vô sản hoá... Lúc đó, Nguyễn Ái Quốc nói theo từ ngữ xưa, nhưng nội dung là một thời. Người dạy và người học có mối quan hệ rất chân tình, giảng viên nói lời nào là vào trong đầu lời đó... Con người Nguyễn Ái Quốc có sức thuyết phục sâu

sắc, sức truyền cảm mạnh mẽ lắm"¹.

Tình cảm, quan hệ ban đầu giữa Nguyễn Ái Quốc và Phạm Văn Đồng trong thời gian này tuy ngắn, song đã để lại trong Anh một ấn tượng sâu sắc làm cơ sở cho sự phát triển ngày càng vững chắc mối quan hệ sau này giữa Anh với Bác Hồ.

Từ 1927 đến 1940, Phạm Văn Đồng phải trải qua nhiều gian khổ trong cuộc đời cách mạng, bị bắt giam trong các nhà tù đế quốc, nhưng rồi hai người lại được gặp nhau. Đó là khi Phạm Văn Đồng và Võ Nguyên Giáp được Đảng cử sang Trung Quốc gặp Nguyễn Ái Quốc ở Thuý Hồ (Côn Minh) vào một ngày đẹp trời tháng 6 năm 1940. Vừa bước xuống thuyền, Phạm Văn Đồng đã nhận ra ngay đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Bác tươi cười chào hai người, chỉ Phạm Văn Đồng và Võ Nguyên Giáp nói vui:

- Chú Đồng vẫn thế, không thay đổi mấy. Còn chú này... đẹp như một cô gái vậy.

Về cuộc gặp gỡ này, Võ Nguyên Giáp nhớ lại: "Bác và chúng tôi rời thuyền lên bờ, vừa đi dạo quanh hồ vừa nói chuyện. Bác hỏi chúng tôi về những khó khăn khi đi đường, hỏi tình hình trong nước gần đây, hỏi tình hình Mặt trận Dân chủ và hỏi chuyện chúng tôi làm báo. Bác nói:

- Các đồng chí ra được thế này là tốt. Vài ngày nữa sẽ bố trí công tác cho các đồng chí.

... Cho mãi về sau này, được công tác trực tiếp với Bác, tôi vẫn giữ lại nguyên vẹn cái cảm giác như ngày gặp Bác lần đầu tiên trên bờ Thuý Hồ. Ở Bác, trước sau vẫn là vẻ giản dị

1. Phạm Văn Đồng: *Bài nói chuyện với một số cán bộ Viện Hồ Chí Minh*, ngày 22-11-1989. Tài liệu lưu tại Viện Hồ Chí Minh. Học Viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

và trong sáng ấy. Tôi nghĩ, con người vĩ đại thường là con người lúc nào cũng giản dị"¹.

Đối với Phạm Văn Đồng, cảm giác được gặp lại Bác thật vô cùng sung sướng, cảm động. Anh không ngờ sau bao nhiêu năm xa cách mà Bác vẫn nhớ. Có thể nói, cuộc tái ngộ này mở ra một giai đoạn mới trong quan hệ Hồ Chí Minh - Phạm Văn Đồng và từ đó sự giáo dục, chỉ dẫn trực tiếp của Bác Hồ đã có ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển nhân cách và tài năng của Phạm Văn Đồng.

Được làm việc với Bác Hồ, nghe Bác giảng giải về cuộc kháng chiến của nhân dân Trung Quốc chống quân phiệt Nhật, về thủ đoạn của Quốc dân Đảng Trung Quốc..., Phạm Văn Đồng hiểu sâu sắc hơn tình hình và nhiệm vụ và quyết tâm thực hiện công tác được giao.

Phạm Văn Đồng và Võ Nguyên Giáp được Bác Hồ cử đi Diên An để học Trường Quân chính của Hồng Quân công nông, nhưng do tình hình thế giới thay đổi nhanh chóng, phát xít Đức đã đánh chiếm nước Pháp, trên đường đi hai người lại nhận được điện "không đi Diên An nữa, quay lại chờ ở Quế Lâm, chuẩn bị về nước". Lúc này, Bác Hồ nhận định: Chiến tranh thế giới thứ hai nổ ra, phát xít Đức chiếm Pháp là một cơ hội tốt cho nhân dân Việt Nam vùng lên tổng khởi nghĩa giành độc lập. Vì vậy, những người cách mạng Việt Nam ở nước ngoài phải nhanh chóng về nước trực tiếp lãnh đạo nhân dân đấu tranh chuẩn bị giành chính quyền.

Với bí danh Lâm Bá Việt, Phạm Văn Đồng cùng Võ Nguyên Giáp (bí danh Dương Hoài Nam) và các đồng chí khác được giới thiệu với Lý Tế Thâm - Chủ nhiệm Tổng hành

1. Võ Nguyên Giáp: *Những chặng đường lịch sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, tr.24.

dinh Tây Nam của chính quyền Tưởng Giới Thạch để tìm cách về nước càng nhanh càng tốt. Tuy nhiên, Bác Hồ cũng căn dặn: "Trong việc giao dịch với Quốc dân Đảng không mong chi nhiều. Điều chủ yếu là làm sao cho chúng không cản trở công việc của ta. Phải hết sức bí mật. Về chuyện "Hoa quân nhập Việt" đừng chỉ nhìn mặt thuận lợi. Hiện nay chỉ có Hồng quân Liên Xô và Hồng quân Trung Hoa mới là những đội quân anh em, mới là đồng minh thật sự của ta"¹.

Với tư cách Phó chủ nhiệm cơ quan Việt Nam độc lập đồng minh hội, theo thư giới thiệu của Nguyễn Ái Quốc, khoảng cuối năm 1940, Lâm Bá Kiệt (Phạm Văn Đồng) tiếp xúc với một số nhà văn tiến bộ Trung Quốc, xúc tiến thành lập "Trung - Việt văn hoá công tác đồng chí hội" để giới thiệu, tuyên truyền văn hoá, lịch sử để nhân dân hai nước hiểu biết nhau hơn, cùng đoàn kết chống Nhật.

Tháng 2 năm 1941, Bác Hồ về nước, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp và một số đồng chí khác ở lại Tỉnh Tây (Trung Quốc) tiếp tục hoạt động. Phạm Văn Đồng thường xuyên báo cáo và nhận chỉ thị của Đảng và của Nguyễn Ái Quốc từ trong nước gửi ra. Sau đó, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp có nguy cơ bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt vì hoạt động cộng sản. Theo chỉ thị của Đảng, vào cuối năm 1941, các đồng chí nhanh chóng rút về nước cùng tham gia xây dựng căn cứ địa Việt Bắc. Nhớ lại thời kỳ này, đồng chí Phạm Văn Đồng kể: "Nhận được chỉ thị của Bác, từ Tỉnh Tây trở về Cao Bằng, tôi tham gia các lớp huấn luyện cán bộ và xây dựng phong trào theo kiểu vết dầu loang, từ Cao Bằng sang Tuyên Quang, Hà Giang. Nhưng việc chính được giao là phụ trách báo Việt Nam độc lập. Bài thì Bác và tôi viết, viết không để

1. Võ Nguyên Giáp: *Những chặng đường lịch sử*, *Sđd*, tr.31-32.

ai biết, không được ký tên. Bác là người làm cách mạng lâu năm, việc giữ gìn bí mật của Bác là vô cùng hệ trọng. Bác thường nhắc không được để lại bút tích, dấu vết. Minh hoạt động không chỉ có mặt thám trong nước mà mặt thám quốc tế cũng luôn luôn rình mò. Chết sống là như vậy, phải tuyệt đối giữ bí mật"¹.

Trong những năm ở Pác Bó, Phạm Văn Đồng được sống gần Bác Hồ, được sự chỉ đạo của Người, đồng chí đã góp phần xây dựng phong trào cách mạng, củng cố và phát triển vùng giải phóng, chuẩn bị Tổng khởi nghĩa. Cách mạng Tháng Tám thành công, Phạm Văn Đồng được Đảng và Bác Hồ giao nhiều nhiệm vụ quan trọng trong Đảng và Nhà nước: Bộ trưởng Tài chính, Đại diện Trung ương Đảng và Chính phủ tại miền Nam Trung Bộ, Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Ngoại giao, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ... Bất kỳ ở cương vị nào, đồng chí cũng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao... Sự trưởng thành của Phạm Văn Đồng cũng như của nhiều cán bộ lãnh đạo của Đảng và Nhà nước được gần gũi Bác Hồ, gắn liền với sự giáo dục, rèn luyện của Người, với tình cảm thân yêu của lãnh tụ đối với các chiến sĩ cách mạng là những cộng sự gần gũi của mình.

Tình cảm, lòng kính yêu Bác Hồ của Phạm Văn Đồng được thể hiện ở việc học tập tinh thần và đạo đức cách mạng của Người, ở phong cách sống và làm việc hằng ngày, của bản thân đồng chí. Chúng ta không ai có thể cầm được nước mắt, khi nhìn nét mặt đau thương của đồng chí trong lễ tang của Bác Hồ.

Phạm Văn Đồng đã dồn tất cả tâm tư, suy nghĩ, tình cảm, lòng kính yêu vô hạn của mình nghiên cứu và giới thiệu

1. Phạm Văn Đồng: *Nói chuyện với một số cán bộ Viện Hồ Chí Minh*, Tài liệu đã dẫn.

sự nghiệp và tư tưởng Hồ Chí Minh. Những ý tưởng sâu sắc của đồng chí về cuộc đời, tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh chứng tỏ Phạm Văn Đồng không chỉ am hiểu mà còn có tấm lòng yêu thương vô hạn đối với người thầy, người đồng chí vĩ đại của mình, thể hiện lòng hiếu thảo, truyền thống của dân tộc trong quan hệ "cha - con", "thầy - trò". Xin được nhấn mạnh rằng, *những trang sách mà Phạm Văn Đồng viết về Bác Hồ là sự cụ thể hoá mối quan hệ thân thiết giữa Bác Hồ và Phạm Văn Đồng*. Đọc những trang sách này, chúng ta được hiểu rõ hình ảnh, hiểu sâu tư tưởng Bác Hồ để quyết tâm noi theo gương Bác, vận dụng sáng tạo tư tưởng Bác vào cuộc sống; không những thế, chúng ta còn được thấy hiện lên bóng dáng của Phạm Văn Đồng - người học trò gần gũi, xuất sắc của Người.

PHẠM VĂN ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU VỀ HỒ CHÍ MINH

PGS. Trường Lưu

Trong số những chính khách và nhà khoa học nghiên cứu về đề tài Hồ Chí Minh, trước tiên phải nói đến Phạm Văn Đồng. Như ông tự nhận: ông là người "*có may mắn được ở gần Hồ Chí Minh trong nhiều năm qua, qua nhiều giai đoạn của cách mạng Việt Nam, từ lớp huấn luyện chuẩn bị thành lập Đảng ở Quảng Châu (Trung Quốc) đến những ngày cuối cùng trước khi Hồ Chí Minh qua đời*". Do những điều kiện thuận lợi đó, và với tấm lòng kính yêu vô hạn đối với vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc, ông là người đầu tiên có tác phẩm nghiên cứu về Hồ Chí Minh. Đó là cuốn *Hồ Chủ tịch, hình ảnh của dân tộc*, xuất bản năm 1947, trong kháng chiến chống Pháp ở chiến trường Nam Trung Bộ. Có thể gọi đây là tiểu luận văn hoá hay tuỳ bút chính trị, nhưng chính xác hơn, tác giả đã kết hợp hai thể tiểu luận và tuỳ bút, trên cơ sở nghiên cứu cụ thể con người, cuộc đời và sự nghiệp một vĩ nhân độc đáo, chẳng những hiếm thấy trong lịch sử dân tộc mà với cả thế giới. Mặc dầu thiếu giấy và phương tiện in ấn khó khăn, chiến trường chia cắt, tác phẩm vẫn được in ra với khối lượng tương đối lớn, phát hành đến cả chiến trường Nam Bộ.

Vào thời điểm những năm đầu sau Cách mạng Tháng Tám 1945, mấy ai có thể hiểu tường tận phong cách, phong độ, sự lịch lãm, tâm hồn, trí tuệ, bản lĩnh, tình yêu nhân dân bao la và tài trí thao lược trên nhiều phương diện của Hồ Chí Minh như Phạm Văn Đồng đã trần thuật và miêu tả trong tác phẩm này. Lần đầu tiên trong ngôn ngữ Việt Nam xuất hiện một danh từ "lão thực", gắn với đức độ, nhân cách và sự giản dị khi tác giả nói đến Hồ Chí Minh và đặc điểm của các bậc vĩ nhân. "Vĩ nhân thật sự bao giờ cũng giản dị, lão thực. Đã cầu kỳ là thiếu bản lĩnh, cố làm trò để đánh lừa thiên hạ và hậu thế. Vua Nghiêu, vua Thuấn, chúa Giêsu là những người giản dị, lão thực. Ông Lênin, ông Tôn Văn, thánh Găngđi cũng là những người giản dị, lão thực. Bậc đại khoa học, đại văn hào cũng vậy. Trái lại, Hitle là một kẻ gian hùng. Còn Mút-xô-lini chỉ là một thằng hề". Hồ Chí Minh là một cuộc đời "khắc khổ, cần lao và tranh đấu" nên cái lão thực ấy đã mang theo cái dáng vẻ đặc biệt của bậc siêu phàm, như vượt ra ngoài cái thông thường của đức tính "cần - kiệm - liêm - chính"; do đó vượt qua sức tưởng tượng của mọi người về một nguyên thủ quốc gia. Không phải khắc khổ theo kiểu nhà tu hành và thanh tao theo kiểu nhà hiền triết ẩn dật, mà giản dị thanh bạch theo đời sống còn khổ nghèo của nhân dân.

Không ít người đã ví Hồ Chí Minh như một ông tiên và cho rằng "mắt Người có hai con ngươi, và tin rằng vì chỗ đó, Người là một ông thánh"! Sinh trưởng trong một đất nước có bề dày của nền văn minh nông nghiệp, lại lâu ngày chịu ảnh hưởng bởi những thần thoại, cổ tích, dã sử, trong dân gian có những truyền thuyết mang tính huyền bí về Hồ Chí Minh trong những năm đầu sau Cách mạng Tháng Tám 1945, là điều dễ hiểu. Mặt khác phải thấy rằng, bao nhiêu chí sĩ, hào

kiệt đã xả thân vì nước kể từ khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, nhưng rốt cuộc chỉ có Hồ Chí Minh mới là bậc anh hùng duy nhất chiến thắng được giặc ngoài thù trong, xây dựng được nền độc lập cho Tổ quốc, thì lòng ngưỡng vọng của nhân dân càng bồi đắp thêm cho truyền thuyết. Phạm Văn Đồng đã phân tích: "Mắt Hồ Chủ tịch cũng như mắt mọi người, sáng hơn mắt mọi người nhiều lắm đã đành, nhưng sáng hơn vì Người biết nhìn, nên nhìn thấy những cái mọi người không nhìn thấy: hiện tại, tương lai, cái nhỏ, cái to; do đó Hồ Chủ tịch là người Việt Nam hơn người Việt Nam nào hết".

Ba mươi năm sống xa Tổ quốc, giao tiếp với nhiều dòng tư tưởng, văn hoá, sống với đủ loại người trên các châu lục, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn thuần tuý giữ được cốt cách của con người Việt Nam: từ ngôn ngữ, những lời ví von đến mùi vị các món ăn, phong tục tập quán của người dân quê. Ngày Tết, Người không quên mừng tuổi cho người hàng xóm và trẻ em, tuy chỉ có mấy đồng xu nhưng cũng "bọc giấy hồng đơn cẩn thận, tươm tất". Làm thơ, Người thích lối ca dao, "*vì ca dao là Việt Nam, cũng như núi Trường Sơn, hồ Hoàn Kiếm hay Đồng Tháp Mười vậy*". Hình ảnh và tinh hoa một dân tộc bất khuất có hàng ngàn năm văn hiến thu nhỏ trong một con người, và con người Hồ Chí Minh với tài kinh bang tế thế hiện đại, đã thúc đẩy một dân tộc từ bị áp bức, đói nghèo và lạc hậu, từng bước sánh vai với bè bạn năm châu.

Do có dịp sống gần gũi Chủ tịch Hồ Chí Minh, Phạm Văn Đồng đã thấu hiểu mọi sinh hoạt của Người và ghi nhận nó, với tình cảm hết sức nồng nàn lẫn sự kính phục sâu xa, nên truyền vào người đọc một sự hấp dẫn, cả niềm đam mê đặc biệt. Trong thời gian ở Trung Quốc, vị lãnh tụ ấy sáng nào cũng đi bộ; và khi cần thiết, có thể đi bộ ngày này qua ngày

khác mỗi ngày trên dưới 50 km. Thường xuyên luyện tập cơ thể để có sức khoẻ hoạt động cách mạng, và dù bận rộn đến đâu với công việc hằng ngày, Người vẫn sắp xếp thì giờ để luyện tập cơ thể, kể cả thói quen tắm sông dù tiết trời mùa đông. Những ngày ở chiến khu Việt Bắc trước Tổng khởi nghĩa năm 1945, sáng sớm Người tập thể dục, chiều tà Người làm vườn và đi vác củi cho dân bản mường - nơi đặt căn cứ địa cách mạng. Người đặt ra ý thức nghiêm túc phòng bệnh hơn chữa bệnh, nên ít khi dùng đến thuốc và biến các bác sĩ phục vụ cho mình thành cán bộ văn phòng nhiều hơn là thầy thuốc chữa bệnh. Có những việc không tốn thời gian nhưng đòi hỏi phương pháp dưỡng sinh khoa học. Người kiên trì thực hiện đều đặn và thành nếp, như không ăn no, không ngủ trưa, bóp hòn đá trong lòng bàn tay để luyện gân tay, v.v.. Sinh hoạt giản dị đi đôi với tác phong giản dị, nhưng giản dị đến mức cả nguyên thủ quốc gia lẫn kiều bào đến thăm cùng ngồi xuống sàn nhà để nói chuyện - như thời gian ở Pari, lúc Người là thượng khách của Chính phủ Pháp (1946) - thì thật hiếm có trên đời. Ngoài Phạm Văn Đồng, không ai có thể biết được những chi tiết đó...

Đánh giá một bậc vĩ nhân, trước hết là nhìn vào sự cống hiến to lớn của người đó đối với dân tộc và nhân loại, nhưng không thể bỏ qua phong cách, đức độ gắn với sự nghiệp vĩ nhân. Cái nọ là nguyên nhân của cái kia và ngược lại; và cả hai cùng tô đậm nét cho sự nghiệp kỳ vĩ của vĩ nhân. Nếu danh nhân văn hoá Nguyễn Trãi không có nếp sống thanh đạm và thanh cao của bậc hiền triết với tấm lòng thiết tha đến "dân đen", thì tư tưởng nhân nghĩa của ông chắc sẽ khác đi và khó bề trở thành chủ nghĩa nhân văn Đại Việt tiêu biểu, như chúng ta đã biết. Những vĩ nhân thực sự vĩ nhân, phong cách, đức độ vượt lên trên cái thông thường một cách

tự nhiên, lại càng đối lập cái tầm thường của những kẻ giả danh "cao cả" hòng che lấp cái danh cái lợi thấp kém. Từ Nguyễn Trãi đến Hồ Chí Minh, cách nhau đến hơn năm thế kỷ, đặc điểm dân tộc và thời đại, tinh thần văn hoá và tư tưởng nhân văn đều khác nhau theo bối cảnh lịch sử, nhưng tấm lòng vì đại nghĩa dân tộc, tình yêu thương con người và đồng bào, đồng loại, vẫn xuyên suốt lịch sử. Những nét bình sinh của Hồ Chí Minh mà Phạm Văn Đồng nhấn mạnh trong tác phẩm *Hồ Chủ tịch - hình ảnh của dân tộc*, là nhằm khẳng định mối quan hệ hữu cơ giữa sự nghiệp với đạo đức vĩ đại trong cuộc đời một vĩ nhân hiếm thấy xưa nay.

Vào thời điểm những năm sau Cách mạng Tháng Tám 1945, trong ngôn luận Việt Nam khái niệm và quan niệm văn hoá chưa thật hoàn chỉnh và sâu sắc như sau này, nhưng Phạm Văn Đồng với tầm vóc nhà văn hoá lớn, lại chịu ảnh hưởng bởi cách nhìn văn hoá của Hồ Chí Minh, thông qua các tác phẩm trên đây đã góp phần quan trọng trong việc xác định mối ràng buộc khăng khít giữa văn hoá và tư tưởng; rằng văn hoá và nhà văn hoá bao giờ cũng là sản phẩm của một dân tộc cụ thể, dù được tiếp nhận tinh hoa từ đâu. Cái cụ thể của vĩ nhân Hồ Chí Minh không tách rời với đặc điểm dân tộc, với lý tưởng cứu nước cứu dân mà Người dắt dẫn và mở đường cho dân tộc. Hình ảnh một dân tộc toả sáng trong một con người, và con người ấy trong tác phẩm của Phạm Văn Đồng, đã đặt một niềm tin vững chắc trong lúc cả dân tộc đang quyết chiến và quyết thắng thực dân Pháp. Từ tác phẩm này, một giải thưởng văn nghệ mang tên Phạm Văn Đồng đã ra đời trong kháng chiến ở Nam Trung Bộ do Chi hội Văn nghệ Liên khu V tổ chức. Sau này, tác phẩm còn được tái bản nhiều lần và in chung trong tác phẩm: *Tổ quốc ta, nhân dân ta, sự nghiệp ta và người nghệ sĩ* (Nhà xuất bản Văn học).

Phạm Văn Đồng không những là người học trò xuất sắc mà hơn thế nữa, còn là người thân cận sống liền nhà với Chủ tịch Hồ Chí Minh trong cùng khuôn viên, từ sau khi Chính phủ ta tiếp quản thủ đô cho đến khi quả tim Người ngừng đập. Sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, Phạm Văn Đồng vừa như một bức xúc lớn, vừa có ý thức trách nhiệm cao, vừa sự thôi thúc của nhà văn hoá lớn đã tiếp tục nghiên cứu và công bố nhiều công trình về Hồ Chí Minh. Chỉ riêng Nhà xuất bản Sự thật trước đây và hiện nay là Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, từ năm 1963 đến năm 1998, đã xuất bản của Phạm Văn Đồng 7 tác phẩm về loại đó:

- *Hồ Chủ tịch lãnh tụ của chúng ta (1963).*

- *Chủ tịch Hồ Chí Minh, tinh hoa và khí phách của dân tộc, lương tâm của thời đại (1970).*

- *Hồ Chủ tịch, hình ảnh của dân tộc, tinh hoa của thời đại (1974).*

- *Hồ Chí Minh - một con người, một dân tộc, một thời đại, một sự nghiệp (1990).*

- *Hồ Chí Minh - Quá khứ, hiện tại và tương lai (2 tập - 1991).*

- *Hồ Chí Minh và con người Việt Nam trên con đường dân giàu, nước mạnh (1993).*

- *Những nhận thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh (1998).*

Đó là chưa kể tác phẩm: *Hồ Chủ tịch, người sáng lập, rèn luyện và lãnh đạo Đảng ta (1945)*, mà Phạm Văn Đồng là đồng tác giả với Tôn Đức Thắng và Trường Chinh. Cũng chưa tính vào đây *Tuyển tập Văn học* của Phạm Văn Đồng, do Nhà xuất bản Văn học ấn hành, trong đó có phần trích từ các tác phẩm viết về Hồ Chí Minh. Nhìn tổng quát lại, Hồ Chí Minh là một trong những đề tài chính yếu nhất trong gần 80 tác phẩm của Phạm Văn Đồng đã công bố, viết về nhiều lĩnh vực

khác nhau (chính trị, pháp luật, ngoại giao, kinh tế, văn hoá, giáo dục...). Cho đến nay, Phạm Văn Đồng là nhà văn hoá có nhiều đầu sách nghiên cứu nhất về toàn bộ cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh. Đọc các tác phẩm sau này của ông, ta thấy tác giả một mặt mở rộng và bổ sung về những gì mà ở các công trình trước ông chưa có dịp nói đến; mặt khác, qua những dòng sử biên niên của một vĩ nhân qua các giai đoạn hoạt động cứu nước cứu dân, tác giả rút ra những nhận định khoa học về Hồ Chí Minh: từ một sự nghiệp ảnh hưởng đến một dân tộc, tác động đến thời đại, và từ đặc điểm dân tộc và thời đại ảnh hưởng đến một con người có lý tưởng và chí hướng phi thường, có dũng khí và đạo đức vô song. Đồng thời, đó cũng là những khẳng định chính xác, những kết luận và bài học sâu sắc cho sự nghiệp cách mạng lâu dài của dân tộc.

Các luận điểm của Phạm Văn Đồng khi phân tích, đánh giá Hồ Chí Minh sở dĩ có sức thuyết phục cao vì luận điểm của ông luôn xuất phát từ thực tiễn, từ cốt tuỷ của vấn đề, trên cơ sở một cái nhìn biện chứng và cộng cảm, lại được thể hiện bằng một lối văn chính luận khúc chiết và chặt chẽ. Các giá trị tổng quát ở đây còn là phương pháp luận về tính hệ thống, về cái mực thước, liều lượng trong mối quan hệ giữa khách thể của hoàn cảnh và chủ thể làm biến đổi hoàn cảnh. Chẳng hạn khi ông nói về *"Hành trình của Hồ Chí Minh làm nổi rõ dân tộc là chỗ xuất phát, là đối tượng và địa bàn hoạt động"*. Có nghĩa là, chủ nghĩa Mác-Lênin được vận dụng một cách sáng tạo, thúc đẩy lịch sử tiến lên, dân tộc *"dần dần biến đổi về chất và lớn lên, làm sống lại và phát huy truyền thống trong quá khứ, làm chủ hiện tại và xây dựng tương lai của mình"*. Thực tiễn cách mạng Việt Nam hơn nửa thế kỷ qua đã chứng minh điều đó. Hoặc khi ông phân tích: "Trong

luận điểm về cách mạng của Hồ Chí Minh, trung tâm là luận điểm về con người". Thiết nghĩ không có nhận định nào chính xác hơn. Đối với Hồ Chí Minh, con người đã trở thành vấn đề con người. Tất cả đều bắt đầu từ con người và con người làm ra tất cả. Toàn bộ các mục tiêu, cứu cánh, phương tiện và động lực cách mạng đều ở trong con người. Hồ Chí Minh đã từng khẳng định: "*Lòng thương yêu của tôi đối với nhân dân và nhân loại không bao giờ thay đổi*". Vì con người, Hồ Chí Minh đã trọn đời hy sinh, chiến đấu cho độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội. Theo Phạm Văn Đồng, "tư tưởng về con người như thể quán xuyên trong đường lối và giải pháp cách mạng, trong đánh giặc cũng như trong xây dựng, trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân cũng như trong cách mạng xã hội chủ nghĩa". "Hồ Chí Minh là người Việt Nam hơn bất kỳ người Việt Nam nào khác", còn vì "luận điểm về con người thể hiện ngay trong con người Hồ Chí Minh, con người lao động, con người cách mạng, con người lý tưởng, con người của hành động, con người luôn luôn vươn lên phía trước". Hồ Chí Minh không đứng trên cao nhìn xuống mà xếp mình ngang tầm con người và cùng bước đi: với con người; không đứng ngoài nhìn vào con người mà cùng cảnh ngộ với con người, cùng cảm thông, chia sẻ và lo toan mọi vấn đề của con người. Và cuối cùng, Hồ Chí Minh bao trùm lên mỗi cuộc đời con người, dắt dìu họ giành lại độc lập cho đất nước, tô điểm cho cuộc sống mỗi ngày thêm cao đẹp.

Với tinh thần đổi mới, Phạm Văn Đồng đề cập thẳng đến một nét đặc trưng cơ bản trong tư duy biện chứng của Hồ Chí Minh mà đối với nhiều người trong những hoàn cảnh nào đó thường e ngại! Khi tiếp thu học thuyết Mác, Nguyễn Ái Quốc tức Hồ Chí Minh từ khá sớm đã nói:

- "Cuộc đấu tranh giai cấp ở Phương Đông không giống như ở phương Tây... dù sao cũng không thể cấm bổ sung "cơ sở lịch sử" của chủ nghĩa Mác bằng cách thêm vào những tư liệu Mác thời mình không thể có được...";

- "Mác đã xây dựng học thuyết của mình trên một triết lý nhất định của lịch sử, nhưng lịch sử nào? Lịch sử châu Âu mà châu Âu là gì? Đó chưa phải là toàn thể nhân loại";

- "Xem xét lại chủ nghĩa Mác về cơ sở lịch sử của nó, củng cố nó bằng dân tộc phương Đông".

Qua những câu trích dẫn trên đây, Phạm Văn Đồng đã nâng cao vai trò và tài năng của Hồ Chí Minh, chẳng những trong việc vận dụng một cách sáng tạo mà còn là người phát triển học thuyết Mác - Lênin từ thực tiễn cách mạng Việt Nam. Định hướng xã hội chủ nghĩa trong xây dựng đất nước theo cơ chế thị trường và mở rộng cánh cửa giao lưu với thế giới như hiện nay, do Đảng ta lãnh đạo, là một bổ sung vào học thuyết Mác và tiếp tục phát triển tư duy biện chứng trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Phạm Văn Đồng trích dẫn một câu của Hồ Chí Minh ngay sau ngày Cách mạng Tháng Tám thành công: *"Nước Việt Nam dành sự tiếp nhận thuận lợi cho đầu tư của các nhà tư bản, nhà kỹ thuật nước ngoài trong tất cả các ngành của mình; Nước Việt Nam sẵn sàng mở rộng các cảng, sân bay và đường sá giao thông cho việc buôn bán và quá cảnh quốc tế; Nước Việt Nam chấp nhận tham gia mọi tổ chức hợp tác kinh tế quốc tế dưới sự lãnh đạo của Liên hiệp quốc. Nghĩa là, "Đường cách mệnh của Hồ Chí Minh, trong hướng nhìn xa của nó về tương lai có chứa đựng thời kỳ hiện nay, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Tuy rằng Hồ Chí Minh không thể đề ra một cách cụ thể mục tiêu, phương hướng và sự diễn biến của thời kỳ này, song những chủ trương lớn của Đại hội lần thứ VIII*

của Đảng, đúng là theo tư tưởng Hồ Chí Minh và phương pháp luận của tư tưởng Hồ Chí Minh.

Rõ ràng, sự phấn đấu cho nước Việt Nam "hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh" của Hồ Chí Minh, với khẩu hiệu "Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh" hiện nay, không thể đi chệch khỏi sự hoà nhập quốc tế, mà gần đây ta gọi là xu thế "toàn cầu hoá". Hội nhập theo cách làm của Việt Nam và với định hướng xã hội chủ nghĩa của Việt Nam. Vì thế, trong tác phẩm *Văn hoá và đổi mới*, Phạm Văn Đồng đã viết: *Chúng ta đang gánh vác một trọng trách chưa có trong tiền lệ, chúng ta đang đi trên một con đường chưa có bản đồ*". Điều đó càng khẳng định, cách mạng xã hội chủ nghĩa Việt Nam phát triển từ bản chất sáng tạo của tư tưởng Hồ Chí Minh không thể sao chép một cách giáo điều lý thuyết kinh điển về chủ nghĩa xã hội khoa học. Bài học của sự làm xơ cứng học thuyết Mác - Lênin dẫn đến tai hoạ như thế nào, ai cũng có thể thấy được sau khi Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu tan rã. Phương châm "Dĩ bất biến ứng vạn biến" của Hồ Chí Minh có thể vận dụng trong mọi hoàn cảnh theo yêu cầu của thực tiễn cách mạng.

Dù đề cập bất cứ vấn đề cơ bản nào trong đạo đức và tư tưởng Hồ Chí Minh: từ các luận điểm về cách mạng và Đảng mácxít-lêninnít, về lý luận và hành động, về di sản và bài học cần phát huy, về cách nhìn đối với thế giới và thế đứng của Việt Nam, về tiền đồ và sức mạnh dân tộc, v.v. theo ánh sáng soi đường của Hồ Chí Minh, Phạm Văn Đồng hầu như đều hướng vào tinh thần văn hoá, bởi cốt lõi của nó là sáng tạo và nhân văn. Như một nguyên lý được khẳng định và đã trở thành một điểm sáng xuyên suốt các công trình về Hồ

Chí Minh của ông: "Một con người, một dân tộc, một thời đại, một sự nghiệp, đó là bốn nhân tố lịch sử, tác động qua lại đa dạng và quện chặt vào nhau, bắt đầu từ một con người và cuối cùng thể hiện trong một sự nghiệp Hồ Chí Minh". Tâm hồn nghệ sĩ trong ông lồng vào tư duy và phong cách nhà chính luận, hình tượng hoá những cái tưởng chừng khô khan, càng làm cho cái nguyên lý trên đây thêm sinh động và sắc nét. Ông gọi các chính sách, chủ trương và con đường chính trị của Hồ Chí Minh là sông lớn, "nơi hội ngộ của nhiều suối nhỏ, sông con, phát nguyên ở bất cứ nơi nào vào lúc nào. Suối chảy thành sông nhưng phải gặp sông thì suối mới khỏi khô cạn. Gặp sông, cùng chung một dòng, cùng nhuộm một màu với trời và đất". Phác hoạ một hình ảnh cô đúc về Hồ Chí Minh, ông ví đó là "con chim phượng hoàng của núi Trường Sơn với tâm mắt thấu suốt từ lưu vực sông Hồng - quê hương buổi đầu của dân tộc - đến lưu vực sông Cửu Long giàu hoa quả và trí dũng; và từ nước ta nhìn ra khắp bốn biển năm châu, tâm mắt xuyên qua thời gian đón tương lai tươi sáng của dân tộc và của loài người", v.v..

Những đoạn văn như thế có khá nhiều trong các công trình nghiên cứu - tiểu luận - về Hồ Chí Minh của Phạm Văn Đồng. Đó là một thế mạnh trong phương pháp tư duy và luận điểm của ông, khi cần khắc hoạ chiều sâu của một bản chất, một sự việc, một đặc điểm hành động, một hiện tượng... Điều quan trọng là ông sử dụng bút pháp ấy một cách rất đúng liều lượng - cần và đủ - để đảm bảo tính lý luận và chất nghiên cứu quán xuyên trong từng công trình.

Riêng với tư tưởng văn hoá thẩm mỹ của Hồ Chí Minh, Phạm Văn Đồng là một trong những nhà văn hoá lớn có cái nhìn thấu đáo nhất và lý giải có cơ sở thực tiễn cao. Theo ông

"hai người bạn đời luôn luôn cùng sống với Bác" trong suốt bao năm tháng là con người và thiên nhiên. Không thể có cách lý giải nào hay hơn khi ta nghĩ tới một con người với tâm hồn, đức độ và một lý tưởng đã trở thành chủ nghĩa nhân văn như Hồ Chí Minh. Trước đây Phạm Văn Đồng chỉ mới nói đến một mặt trong nhận định chung ấy, tức cảnh sống thanh đạm giữa núi ngàn chiến khu gắn với tính cách giản dị của Bác; sau này ông càng thấy rõ tình yêu con người và thiên nhiên đã phản ánh sâu sắc trong thơ Bác, và trong ngôi nhà sàn ở Phủ Chủ tịch. Hồ Chí Minh không ham làm thơ và dành nhiều thời gian cho thơ, nhưng khi nảy ra cảm hứng và hoàn cảnh cho phép, Bác vẫn sáng tạo nên những vần thơ đẹp. Tập thơ *Nhật ký trong tù*, sáng tác trong nhà tù Quảng Tây (Trung Quốc) và những bài thơ sáng tác ở chiến khu Việt Bắc trước Tổng khởi nghĩa 1945 và trong kháng chiến chống Pháp, với những khía cạnh phong phú về con người, thiên nhiên và nghệ thuật, đã là một sản phẩm tinh thần vô giá trong kho tàng văn hoá, văn học hiện đại Việt Nam Phạm Văn Đồng cảm nhận: "Một chất thơ thấm đượm tình người và cuộc sống của con người, có cốt cách Việt Nam và phương Đông, đặc biệt thanh cao và tao nhã, toả ra từ sự nghiệp và bình sinh của Hồ Chí Minh. Nhà lý luận, nhà hành động, con người ấy bao giờ cũng thơ, cũng chan chứa, lúc thâm trầm, luôn luôn dung dị, thơ sử thi, thơ anh hùng ca, thơ trữ tình, như chính cuộc đời nhà thơ vậy". Các anh hùng, hào kiệt dân tộc trước đây, dù công việc ở triều chính hay cầm quân đi dẹp giặc, đều ít nhiều có làm thơ, vừa nói lên sự nghiệp anh hùng, vừa ý thức tự hào dân tộc và tự cường văn hoá dân tộc. Hồ Chí Minh cũng thế, tuy thời đại đã thay đổi, hoàn cảnh dân tộc đã khác xưa nhiều lần, do đó

ý thức tự hào và tự cường dân tộc cũng mang theo nội dung mới. Nhưng dù mới như thế nào, cốt cách dân tộc với một cái gì rất Việt Nam, vẫn xuyên suốt thời gian.

Thông qua Hồ Chí Minh, nền văn hiến hàng ngàn năm của dân tộc được bảo tồn và phát huy mạnh mẽ. Phạm Văn Đồng nêu rõ: Không ai khác ngoài Hồ Chí Minh đã mở đầu và góp phần quan trọng trong việc hiện đại hoá ngôn ngữ và câu văn Việt Nam. Suốt đời, Người bền bỉ chiến đấu trên mặt trận văn hoá, báo chí "với một văn phong đa dạng, nhiều sắc thái mà điểm nổi bật là tính quần chúng, cách suy nghĩ và diễn đạt dân gian để đi sâu vang vọng trong lòng người, gợi mở những tư tưởng lớn lao, thúc đẩy những việc làm tốt đẹp, bằng những lời lẽ giản dị, giàu hình tượng, nói lên được điều lớn bằng những chữ nhỏ". Chịu ảnh hưởng quan niệm văn chương và phương pháp tư duy trong ngôn ngữ của Hồ Chí Minh - không phải chỉ là một thông tin của người cầm bút mà là một quá trình tác động đến người đọc, mang lại hiệu quả của bài viết - Phạm Văn Đồng cũng góp phần to lớn trong việc giữ gìn sự trong sáng tiếng Việt cũng như nâng cao phương pháp và chất lượng giảng dạy môn văn và tiếng nước ngoài. Ông lập luận: "Qua kinh nghiệm đã thấm sâu vào tâm trí chúng ta, kinh nghiệm trải qua hàng ngàn năm lịch sử phát triển một nền văn học rất phong phú, cũng như qua nhận thức khoa học mỗi ngày một rõ hơn và sâu hơn nhờ có sự phân tích ngôn ngữ học, chúng ta thấy rằng, tiếng Việt là một ngôn ngữ có bản sắc, bản lĩnh trong sáng độc đáo của nó, và cái giàu, cái đẹp thật là đặc sắc của nó". Con người biết yêu lịch sử dân tộc thì con người cũng biết yêu tiếng nói của dân tộc mình. Bảo vệ sự trong sáng của ngôn ngữ, bảo vệ cái hay, cái đẹp của nó, cũng như hoàn thiện và nâng cao

ngôn ngữ theo trình độ dân trí phát triển không ngừng, là một trọng trách của người cầm bút. Cũng như Phạm Văn Đồng quan niệm rằng *"đổi mới là văn hoá và văn hoá là đổi mới"*; vì *"đổi mới và văn hoá quan hệ mật thiết với tư tưởng Hồ Chí Minh như hình với bóng"*.

Trở lại một số vấn đề trên đây, tuy chưa phải và chưa thể đề cập đến nhiều mặt các luận điểm của Phạm Văn Đồng thể hiện trong các công trình tiểu luận và nghiên cứu của ông về Hồ Chí Minh, nhưng là những vấn đề sát hợp với yêu cầu phát huy tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng nền văn hoá tiên tiến và đậm đà bản sắc dân tộc. Đúng như ông đã nói: *"Hồ Chí Minh là học thuyết gắn với cây đời, không tách biệt, cây đời luôn luôn tươi xanh, học thuyết luôn luôn đổi mới; phong trào cách mạng là nguồn làm nên lý luận cách mạng và luôn luôn soi sáng phong trào cách mạng. Từ buổi đầu và từng diễn biến của phong trào cách mạng Việt Nam đều được hướng dẫn bằng tư duy lý luận; thực tiễn và lý luận làm giàu lẫn nhau, thực tiễn càng phát triển, lý luận càng phong phú. Khi cần được diễn đạt, lý luận không mang hình thức luận văn mà thường thể hiện trong những bài viết, bài nói hàm súc, với những câu đúc kết ngắn gọn, có khi là bài thơ"*. Đó là lý luận theo phong cách giản dị của Hồ Chí Minh. Và đó là một trong những nét độc đáo của Người. Nếu Hồ Chí Minh vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin một cách sáng tạo soi rọi vào thực tiễn dân tộc và bối cảnh thế giới, đưa cách mạng Việt Nam thắng lợi từng bước, đẩy tới giai đoạn như hiện nay; thì Phạm Văn Đồng lại từ thể đúng của tư tưởng Hồ Chí Minh, kết hợp với phương pháp luận nhận thức mácxít - léninnít mà lý giải các mặt về tư tưởng, đạo đức, nhân cách, tài năng, tâm hồn và sự nghiệp của Hồ Chí Minh. Việt Nam

thu hút sự quan tâm của toàn thế giới, vì Việt Nam có Hồ Chí Minh, con người huyền thoại của thế kỷ XX. Các công trình tiểu luận - nghiên cứu của Phạm Văn Đồng về Hồ Chí Minh càng khẳng định thêm vị trí và vai trò của người anh hùng giải phóng dân tộc và danh nhân văn hoá thế giới Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc trước đây và xây dựng chủ nghĩa xã hội trong giai đoạn hiện nay.

Và chỉ riêng với các công trình nghiên cứu về Hồ Chí Minh, Phạm Văn Đồng đã là một học giả uyên thâm, một danh nhân văn hoá của dân tộc.

PHẠM VĂN ĐỒNG VỚI VIỆC TÌM HIỂU TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Thạc sĩ Bùi Thị Thu Hà -
Thạc sĩ Trương Công Huỳnh Kỳ***

Tư tưởng Hồ Chí Minh được hình thành và phát triển gắn với phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng chủ nghĩa xã hội của Việt Nam và phong trào cách mạng thế giới. Tư tưởng Hồ Chí Minh có ý nghĩa lịch sử và thời đại to lớn, đó là di sản vô cùng quý báu đối với nhân dân Việt Nam và thế giới. Việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh là một nhiệm vụ cấp bách mà Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ VII (1991) đã đề ra, vì "Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động".

Việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh đã bắt đầu từ trước, những năm gần đây được triển khai, phát triển mạnh mẽ và đạt được nhiều kết quả lớn, được vận dụng vào mọi lĩnh vực cách mạng, trở thành một môn học lý luận cơ bản trong các trường Đảng, Đại học và Cao đẳng.

* Giáo viên, Phân viện Hà Nội - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

** Cán bộ giảng dạy Trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Ngãi.

Phạm Văn Đồng là một trong số ít người nghiên cứu đầu tiên và sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh. Bởi vì, đồng chí sống gần gũi, am hiểu Bác Hồ và bỏ ra nhiều công sức tiến hành việc nghiên cứu với tinh thần cách mạng và khoa học. Chúng ta cần nhấn mạnh rằng, Phạm Văn Đồng đã nghiên cứu sớm và nhiều về Hồ Chí Minh. Nếu quyển *Hồ Chủ tịch, hình ảnh của dân tộc* xuất bản năm 1947 ở miền Nam Trung Bộ trong thời kháng chiến chống thực dân Pháp mở đầu việc nghiên cứu Hồ Chí Minh của Phạm Văn Đồng thì quyển *Những nhận thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh* (Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998) là một trong những quyển sách cuối cùng của Phạm Văn Đồng. Quyển *Những nhận thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh* là quyển sách kết thúc công cuộc nghiên cứu Hồ Chí Minh nói chung, tư tưởng Hồ Chí Minh nói riêng của đồng chí và đúng như đồng chí viết cho mình mà cũng là lời căn dặn đối với chúng ta "... sự kết thúc một cuốn sách có khi đồng thời là mở ra những suy nghĩ mới, những luận điểm mới, có khi cả một vùng trời mới".

Đúng như vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ là một kho tàng vô giá đối với dân tộc và nhân loại, đối với hôm nay mà cả đối với mai sau, vì "*Thế giới còn đổi thay nhưng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh còn sống mãi*"¹. Cùng với các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước, Phạm Văn Đồng đã đặt cơ sở "*Góp phần tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh*"².

Khi nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh, Phạm Văn Đồng

1. Võ Nguyên Giáp: *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr. 358.

2. "*Góp phần tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh*", Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1993.

"... không thể không nói tới con người Hồ Chí Minh"; vì, chỉ khi nào "trình bày đầy đủ hơn về con người Hồ Chí Minh thì mới có thể làm sáng tỏ tư tưởng Hồ Chí Minh về nhiều mặt"¹. Qua gần chục công trình nghiên cứu về Hồ Chí Minh của Phạm Văn Đồng, chúng ta dễ dàng nhận thấy việc tìm hiểu con người và tư tưởng không tách rời nhau, dĩ nhiên liều lượng mỗi phần cũng khác nhau, tùy theo chủ đề, mục tiêu của sách. Quyển *"Hồ Chủ tịch, hình ảnh của dân tộc"* khi trình bày về cuộc đời và sự nghiệp của một chiến sĩ cách mạng lỗi lạc qua những sự kiện cụ thể làm cho người đọc nhận thấy tầm tư tưởng của một con người "lão thực" rất đỗi gần gũi, thân thương mà những bài học của Người đối với mọi người có thể "dễ" tuy cũng "khó" (đòi hỏi nỗ lực, quyết tâm) thực hiện. Ở đây, *phương pháp lịch sử là chính được kết hợp với phương pháp lôgích*, để miêu tả một nhân vật vĩ đại và rút ra những khái quát - lý luận về phong cách, đạo đức, tư tưởng... một cách giản dị song khá sâu sắc, phù hợp với trình độ của dân chúng lúc bấy giờ.

Quyển *Những nhận thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh* là một chuyên luận có giá trị khoa học cao trong việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh. Song giá trị của công trình lý luận lại dựa trên những thành tựu nghiên cứu cụ thể về cuộc đời, sự nghiệp của Hồ Chí Minh và là sự tổng hợp, khái quát những ý tưởng được trình bày trong các tác phẩm nổi tiếng đã xuất bản của Phạm Văn Đồng, như *Hồ Chí Minh - một con người, một dân tộc, một thời đại, một sự nghiệp* (1990), *Hồ Chí Minh - Quá khứ, hiện tại và tương lai* (1991), *Hồ Chí Minh và con người Việt Nam trên con đường dân giàu nước*

1. Phạm Văn Đồng: *Những nhận thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh*, *Sđd*, tr, 7.

mạnh (1993), và *Văn hoá và đổi mới*. Những tác phẩm này được thực hiện trên cơ sở *vận dụng phương pháp lôgic là chủ yếu, kết hợp với phương pháp lịch sử*.

Vận dụng một cách nhuần nhuyễn phương pháp luận nghiên cứu về kết hợp phương pháp lịch sử và phương pháp lôgic, Phạm Văn Đồng đã đạt được kết quả trong nghiên cứu cuộc đời, sự nghiệp của Hồ Chí Minh một cách cụ thể, sinh động và từ đấy đồng chí rút ra những vấn đề cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh một cách chính xác, có sức thuyết phục, nêu những phương hướng và biện pháp cụ thể vận dụng có hiệu quả trong thực tiễn.

Qua các công trình khoa học của Phạm Văn Đồng, đặc biệt quyển *Những nhận thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh*, chúng ta có thể nêu lên một số vấn đề chủ yếu sau đây về tư tưởng Hồ Chí Minh mà đồng chí đặt ra và giải quyết thấu đáo:

Về "*Quá trình hình thành và nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh*", trước tiên Phạm Văn Đồng đã "*đặt câu hỏi Hồ Chí Minh là ai lúc ra đi tìm đường cứu nước?*" để nhận thấy một cách "*lịch sử*" bối cảnh cụ thể lúc Hồ Chí Minh ra đi tìm đường cứu nước và sự phát triển hợp lôgic sự chuyển biến về tình cảm, tư tưởng, nhận thức, hành động của Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh. điều này đã tránh được sai sót của một số người "*áp đặt*", khiên cưỡng trong việc khẳng định Hồ Chí Minh "*dại diện cho dân tộc, giai cấp "công nhân" khi ra đi tìm đường cứu nước*". Phạm Văn Đồng trình bày ngắn gọn hoàn cảnh đất nước, quê hương, gia đình, "*dần dần đã làm chín muồi trong tư tưởng và tình cảm của người thanh niên Nguyễn Tất Thành*

* Từ đây những câu dùng trong dấu "..." đều trích trong cuốn *Những nhận thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh* đã dẫn.

mong muốn mãnh liệt đi tìm con đường cứu nước, cứu dân, nhất định không thể sống cuộc đời mất nước, mất độc lập, tự do. Đó cũng là ý nguyện chung của toàn thể dân tộc và của mỗi người dân Việt Nam lúc bấy giờ".

Để trả lời câu hỏi mà nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước đặt ra "Vì sao Hồ Chí Minh không đi Đông du theo cụ Phan Bội Châu mà đi sang phương Tây?", Phạm Văn Đồng có một đáp án hợp lý: "Người thanh niên Nguyễn Tất Thành với sự nhạy cảm và sự sáng suốt lạ lùng dần dần thấy rõ tất cả những xu hướng cứu nước thời ấy đều không đem lại và không thể đem lại kết quả mong muốn. Sự thật ngày càng chứng minh điều đó. Vậy phải đi tìm con đường khác để tới những chân trời mới. Một điều rất có ý nghĩa là lúc Nguyễn Tất Thành thấy cụm từ Tự do, Bình đẳng, Bác ái thì cậu muốn biết đằng sau nó là cái gì! Đương nhiên lúc bấy giờ, Nguyễn Tất Thành không thể không đọc hoặc không nghe nói về những nhà tư tưởng lớn của phương Tây. Vậy thì con đường là đi đến phương Tây đây bí ẩn với tất cả những triển vọng chưa lường hết được. Sự nghiệp của Hồ Chí Minh bắt đầu từ đây. Vận mệnh lớn của nước, của dân gắn bó mật thiết với một quyết định mà lịch sử đã chứng minh là sáng suốt phi thường"

Cách giải quyết vấn đề của Phạm Văn Đồng phù hợp với thực tế khách quan của bối cảnh lịch sử Việt Nam và thế giới cùng với nhận thức, tư tưởng của Hồ Chí Minh lúc bấy giờ. Điều này dẫn tới lôgic về việc quyết định đi tìm con đường cứu nước mới vào thời điểm cần có sự quyết định. Cũng từ đó nhận rõ công lao to lớn đầu tiên của Hồ Chí Minh đối với dân tộc là gắn cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới, xác định con đường cứu nước đúng đắn.

Về "*Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh*", Phạm

Văn Đồng đã nhất trí với nhiều ý kiến đã nêu, tuy có một điểm khác về cách sắp xếp các vấn đề trong nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh. Theo Phạm Văn Đồng, trình tự các vấn đề như sau:

- Về độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội.
- Về Đảng Cộng sản.
- Về mặt trận dân tộc thống nhất.
- Về nhà nước.
- Về nhân dân.
- Về chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Như vậy, Phạm Văn Đồng đã nêu những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh rất thiết thực đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam và đóng góp vào sự phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin trong thời đại mới, phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam và các dân tộc khác có những điểm tương đồng về tình hình, nhiệm vụ như Việt Nam. Khi trình bày nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh, Phạm Văn Đồng nhấn mạnh đến "*phép biện chứng thiên biến vạn hoá*" trong việc thực hiện nhiệm vụ giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội: "Trong tư tưởng Hồ Chí Minh độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội gắn hữu cơ với nhau. Ở đây có một điều rất giàu ý nghĩa lý luận cũng như tác dụng thực tiễn cần phải làm rõ là trong tư tưởng Hồ Chí Minh cũng như trong quá trình cách mạng Việt Nam, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội đã hình thành ngay từ đầu và ngày càng hoà quyện vào nhau, không nên có cách nhìn thiên lệch, coi nặng, coi nhẹ, có hơn, có kém. Ở nước ta cũng như ở nước ngoài, có một số người hiểu Hồ Chí Minh và tư tưởng của Người hoặc nặng về giải pháp dân tộc, hoặc nặng về học thuyết Mác - Lênin. Đối với chúng ta cách nhìn thiên lệch như vậy chỉ có thể đưa đến

những sai lầm có khi nghiêm trọng trong nhận thức và hành động".

Những nội dung cơ bản mà Phạm Văn Đồng nêu lên và nhấn mạnh có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong công cuộc bảo vệ và xây dựng Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ngày nay.

Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh với tư cách là một khoa học - triết học - học thuyết - Phạm Văn Đồng đã khái quát những nguyên tắc phương pháp luận và phong cách Hồ Chí Minh. Tuy mới là "những suy nghĩ bước đầu" song những điều mà Phạm Văn Đồng rút ra từ tư tưởng Hồ Chí Minh rất lý thú và bổ ích. Đó là quyết tâm hành động "để vươn lên thực hiện ba cuộc giải phóng: giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người" và phải tránh "những sai phạm không thể chấp nhận được và cái giá phải trả có khi rất nặng nề và đau đớn". Đó là những quan điểm: "nắm vững và vận dụng quy luật của cách mạng, diễn biến của lịch sử thời và thế". Đó là quan điểm "dĩ bất biến ứng vạn biến" mà Hồ Chí Minh rất coi trọng và vận dụng một cách sáng tạo có hiệu quả. Đó là quan điểm "lý luận và thực tiễn".

Khi trình bày về phương pháp luận của tư tưởng Hồ Chí Minh, Phạm Văn Đồng gắn với việc tìm hiểu vấn đề "Phong cách của con người Hồ Chí Minh với tầm vóc lịch sử của nó trong toàn bộ quá trình cách mạng Việt Nam từ đầu thế kỷ đến nay". Phạm Văn Đồng đã mô tả phong cách Hồ Chí Minh ở những nét rất "dân dã" song vô cùng cao thượng và đẹp đẽ của một nhân cách, tiêu biểu của dân tộc có truyền thống lâu dài, bản sắc độc đáo, tiêu biểu cho một nền văn hoá mới, tương lai sán lạn.

Khi trình bày những vấn đề về nguồn gốc, quá trình hình thành và nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh, Phạm

Văn Đồng mong ước ai cũng hiểu rõ ý nghĩa và giá trị biết bao quý báu và đẹp đẽ, từ đó mà mọi người chúng ta phải cố gắng hiểu nó và vận dụng nó một cách có hiệu quả nhất trong cuộc sống và hoạt động cách mạng của mình.

Vì vậy, Phạm Văn Đồng rất chú trọng trong việc "Vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước". Đồng chí nhấn mạnh, học tập Hồ Chí Minh phải hành động theo mục tiêu cách mạng của Đảng, theo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh một cách sáng tạo, có hiệu quả. Đây là một cuộc đấu tranh gay go phức tạp, phải qua ba thử thách lớn: "Một là, phấn đấu khắc phục những khó khăn về mọi mặt, tạo những thuận lợi cho sự phát triển của nền kinh tế quốc dân"; "Hai là, về cơ bản đẩy lùi những tệ nạn và những hiện tượng tiêu cực xã hội, xây dựng môi trường xã hội lành mạnh"; "Ba là, thực hiện một cách vững vàng việc hội nhập với nền kinh tế khu vực và thế giới".

Từ việc tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh và việc vận dụng vào thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ngày nay, Phạm Văn Đồng khẳng định lòng tin vững chắc vào *"thời đại Hồ Chí Minh, thời đại hưng thịnh nhất trong lịch sử nước ta"*. Đây là niềm tin có cơ sở khoa học thực tiễn đòi hỏi những điều kiện cần thiết và cấp thiết để biến niềm tin thành hiện thực. Đó là xây dựng tư tưởng, đạo đức theo phương pháp Hồ Chí Minh và lời dạy của Người trong đó có lời dạy đối với những cán bộ lãnh đạo *"phải là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân"*.

Vững tin vào dân tộc, vào Đảng, vào Hồ Chí Minh, Phạm Văn Đồng đặt kỳ vọng vào "Các thế hệ tương lai của dân tộc Việt Nam ta với sức bật mà ngày nay không ai lường hết được sẽ viết những trang sử bằng chữ vàng về quá trình nói

trên của thời đại Hồ Chí Minh, thời đại hiện thực nhất trong lịch sử nước ta".

Việc nghiên cứu, giới thiệu và phổ biến tư tưởng Hồ Chí Minh cũng thể hiện lòng mong ước của Phạm Văn Đồng qua đây nhấn nhủ các thế hệ người Việt Nam trong đó có đồng bào quê hương Quảng Ngãi của mình, mãi mãi sống, chiến đấu, lao động và học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại, thực hiện *Di chúc* của Người "*xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới*"¹.

1. *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Hà Nội, 1989, tr. 50.

PHẠM VĂN ĐỒNG - NHÀ HOẠT ĐỘNG NGOẠI GIAO XUẤT SẮC

*Đặng Văn Thái**

Trong lịch sử dựng nước và giữ nước, nhân dân ta có truyền thống kết hợp tài tình đấu tranh quân sự và đấu tranh ngoại giao mà Nguyễn Trãi là một điển hình tiêu biểu. Truyền thống này được Hồ Chí Minh kế thừa và phát triển, là một bộ phận quan trọng trong tư tưởng của Người về dân tộc và giải phóng dân tộc.

Tiếp thụ truyền thống dân tộc, quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh, Phạm Văn Đồng đã hoạt động xuất sắc trên lĩnh vực công tác ngoại giao, đã có những cống hiến quan trọng vào thắng lợi của cách mạng trong những thời kỳ có tính quyết định đối với vận mệnh của đất nước kể từ sau Cách mạng Tháng Tám 1945 đến nay.

Sau Hiệp định sơ bộ ngày 6 tháng 3 năm 1946, thực hiện giải pháp "hoà để tiến" của Ban Thường vụ Trung ương Đảng, theo đề nghị của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, một phái đoàn Quốc hội nước ta gồm 10 đại biểu, do Phó Trưởng ban Thường trực Quốc hội Phạm Văn Đồng dẫn đầu,

* Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

sang thăm nước Pháp từ ngày 25 tháng 4 đến ngày 15 tháng 5 năm 1946. Trước khi lên đường, Phạm Văn Đồng được Bác Hồ căn dặn phải làm sao để thắt chặt tình thân thiện giữa hai dân tộc Việt - Pháp và làm cho các chính giới nhất là nhân dân Pháp, hiểu rõ hơn cuộc đấu tranh chính nghĩa của Việt Nam.

Nắm vững nhiệm vụ vô cùng khó khăn phức tạp trong việc "đi sứ" sang một "nước người" đang âm mưu xâm chiếm nước ta, Phạm Văn Đồng đã cùng các thành viên trong phái đoàn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Vốn am hiểu sâu sắc tiếng Pháp, nền văn minh Pháp, Phạm Văn Đồng và các thành viên của phái đoàn đã giữ đúng tư cách đại biểu của nhân dân một nước độc lập, tranh thủ cảm tình của nhân dân lao động và trí thức Pháp, khơi dậy lòng tự hào, tinh thần yêu nước, hướng về Tổ quốc của Việt kiều, sinh sống trên đất Pháp. Có thể xem chuyến đi thăm Pháp của phái đoàn Quốc hội Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là một trong những hoạt động ngoại giao đầu tiên đã nâng cao địa vị của nước Việt Nam độc lập trên trường quốc tế, tranh thủ được sự đồng tình ủng hộ của nhân dân Pháp, đặt cơ sở cho việc củng cố, nâng cao tình hữu nghị giữa nhân dân hai nước.

Tiếp đó, ngày 31 tháng 5 năm 1946, Phạm Văn Đồng được cử làm Trưởng phái đoàn Chính phủ Việt Nam dự Hội nghị Phôngtennoblô (Fontainebleau) để giải quyết những vấn đề do Hiệp định sơ bộ ngày 6 tháng 3 năm 1946 đặt ra. Phái đoàn cùng lên đường một ngày với Chủ tịch Hồ Chí Minh khi Người sang thăm Pháp theo lời mời của Chính phủ Pháp với tư cách thượng khách. Tuy không tham dự Hội nghị Phôngtennoblô, song Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn theo dõi và chỉ đạo sát sao các hoạt động của phái đoàn.

Hội nghị Phôngtennoblô khai mạc ngày 6 tháng 7 năm 1946. Đây là hội nghị quốc tế đầu tiên mà đoàn đại biểu Việt

Nam tham gia để giải quyết những vấn đề quan trọng liên quan đến vận mệnh của Tổ quốc. Đó là các vấn đề: địa vị của Việt Nam trong khối Liên hiệp Pháp, quan hệ giữa Việt Nam với các nước, tổ chức Liên bang Đông Dương, vấn đề thống nhất ba kỳ, việc trưng cầu dân ý ở Nam Bộ, những vấn đề kinh tế, văn hoá...

Trong diễn văn đọc tại phiên khai mạc Hội nghị, đáp lời của Trưởng phái đoàn Pháp Mác Anđrê (Max André), Phạm Văn Đồng tỏ lòng cảm ơn Chính phủ và đoàn đại biểu Pháp, khẳng định nền độc lập của Việt Nam là do nhân dân Việt Nam giành được. Ông cũng thẳng thắn nêu rõ "quân đội Pháp lại kéo vào, cuộc chiến tranh lại bùng nổ", và nêu rõ: "Chúng tôi muốn cộng tác, vì chúng tôi yêu mến Tổ quốc của chúng tôi, cho nên chúng tôi muốn cộng tác với nước Pháp, trong một đại gia đình gồm những nước dân chủ, tự do"¹.

Cuộc đàm phán ở Phôngtennoblô đã thất bại, vì phía Pháp vẫn ngoan cố theo đuổi âm mưu xâm lược Việt Nam. Trong quá trình đàm phán, họ vi phạm Hiệp định sơ bộ đã ký kết ngày 6 tháng 3 năm 1946 tổ chức Hội nghị Đà Lạt, mang danh nghĩa "*Hội nghị Đông Dương*", liên tục gây hấn và khiêu khích. Phạm Văn Đồng đã phản kháng kịch liệt những ý đồ này và tuyên bố cuộc Hội nghị Phôngtennoblô tạm đình chỉ.

Cuộc kháng chiến chống Pháp đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, sau 9 năm đã đạt tới đỉnh cao là chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ. Theo đề nghị của Liên Xô tại Hội nghị ngoại trưởng các nước Liên Xô, Anh, Pháp, Mỹ họp ở Beclin ngày 25 tháng 1 năm 1954, một hội nghị quốc tế được triệu

1. Những câu trong ngoặc kép là câu trong diễn văn của Phạm Văn Đồng. Trích theo "Nhật ký hành trình của Hồ Chủ tịch, Bốn tháng sang Pháp", Đ.H. viết, trong *Hồ Chí Minh Toàn tập*, tập 4, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 325-411.

tập ở Giơnevơ, có sự tham dự của đại diện nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa và các bên hữu quan ở Đông Dương để bàn chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình.

Phó Thủ tướng, kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Phạm Văn Đồng được cử làm Trưởng phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tại Hội nghị. Với tư thế đại diện cho một dân tộc vừa chiến thắng lẫy lừng ở Điện Biên Phủ, Phạm Văn Đồng công bố chính sách khoan hồng của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đối với tù binh Pháp bị bắt ở chiến trường. Đồng thời, Phạm Văn Đồng đã khẳng định sự tồn tại thực, vững mạnh của "*bóng ma Việt Minh*", đang đối diện với phái đoàn Pháp và tuyên bố lập trường của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà về việc lập lại hoà bình ở Đông Dương. Theo ông, công việc này phải là một giải pháp toàn bộ về chính trị và quân sự cho cả Việt Nam, Lào, Campuchia trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của từng nước ở Đông Dương.

Được sự chỉ đạo sát sao, kịp thời của Trung ương Đảng, Chính phủ và Bác Hồ, được sự ủng hộ của Liên Xô, Trung Quốc và dư luận quốc tế, đặc biệt của nhân dân Pháp, với tài trí của Phạm Văn Đồng và các thành viên của phái đoàn Việt Nam, cuộc "đấu trí" trên mặt trận ngoại giao, tuy diễn ra gay go và phức tạp, đã kết thúc thắng lợi. Phạm Văn Đồng và thành viên của phái đoàn ta đã giữ vững lập trường, linh hoạt, mềm dẻo tiến hành 8 phiên họp toàn thể và 23 phiên họp riêng để đến ngày 21 tháng 7 năm 1954 các Hiệp định đình chỉ chiến sự ở Việt Nam, Lào, Campuchia được lần lượt ký kết. Bản tuyên bố cuối cùng được đại diện các nước dự hội nghị chấp thuận cam kết chính thức. Đại diện Mỹ không ký bản Tuyên bố chung song bày tỏ tôn trọng các hiệp định.

Hiệp định Giơnevơ 1954 là một thắng lợi to lớn của nhân dân Việt Nam trên con đường đấu tranh cho độc lập, tự do,

tiến lên chủ nghĩa xã hội, mà sự đóng góp của Phạm Văn Đồng và phái đoàn Việt Nam thật là không nhỏ.

Miền Bắc hoàn toàn giải phóng. Đồng chí Phạm Văn Đồng kiên quyết đấu tranh đòi Pháp, Mỹ và chính quyền Sài Gòn nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định Giơnevơ, nghiêm khắc tố cáo những hành động vi phạm nghiêm trọng Hiệp định như khủng bố, bắn giết, giam cầm những người kháng chiến cũ, không tổ chức tổng tuyển cử nhằm chia cắt lâu dài đất nước..., kêu gọi cộng đồng quốc tế ủng hộ Việt Nam đấu tranh thống nhất Tổ quốc và xây dựng đất nước.

Với cuộc đấu tranh anh dũng của nhân dân Việt Nam, với uy tín của Chủ tịch Hồ Chí Minh và tài năng của Phạm Văn Đồng, hoạt động đối ngoại của Việt Nam ngày càng thu được nhiều thắng lợi: mở rộng quan hệ ngoại giao với nhiều nước trên thế giới, tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của các chính phủ và nhân loại tiến bộ, kể cả phần lớn nhân dân Mỹ, góp phần củng cố sự đoàn kết giữa nhân dân các nước châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ latin, đấu tranh cho hoà bình, độc lập dân chủ và tiến bộ xã hội.

Tiếp đó, trên cương vị Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, đồng chí Phạm Văn Đồng hết lòng chăm lo công tác ngoại giao, đặc biệt cùng Bộ Chính trị Trung ương Đảng chỉ đạo phái đoàn ta tại Hội nghị Pari về Việt Nam, buộc Mỹ phải rút hết quân về nước. Đây là một thắng lợi quan trọng, tạo điều kiện cho quân và dân ta tiến hành Tổng tiến công và nổi dậy giải phóng hoàn toàn miền Nam Việt Nam vào mùa Xuân 1975.

Sau ngày đất nước thống nhất, là Thủ tướng Chính phủ rồi Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Phạm Văn Đồng đã góp phần to lớn vào sự nghiệp đấu tranh cho hoà bình, hữu nghị và tiến bộ giữa các dân tộc, nâng cao uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

Bằng uy tín của mình, Phạm Văn Đồng luôn quan tâm theo dõi từng bước phát triển của phong trào đấu tranh cho độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội của nhân dân Á, Phi theo tinh thần Hội nghị Băngđung và phong trào các nước không liên kết.

Tại Hội nghị cấp cao lần thứ năm của phong trào các nước không liên kết họp ở Côlômbô (Xri Lanca, 1976), Phạm Văn Đồng nêu rõ các nước sau khi đấu tranh giải phóng khỏi ách thực dân phải dựa vào sức mình kiên quyết giành lại chủ quyền về kinh tế, thực hiện cải cách dân chủ và xã hội để động viên tiềm lực của nhân dân xây dựng đất nước thoát khỏi sự thống trị của chủ nghĩa thực dân mới. Vấn đề đồng chí nêu ra phù hợp với yêu cầu và nguyện vọng của những nước mới giành được độc lập về mặt chính trị, vươn lên làm chủ nền kinh tế của mình, được dư luận hoan nghênh nhiệt liệt.

Tại hội nghị cấp cao lần thứ sáu các nước không liên kết họp tại La Habana (Cuba, 1979), đồng chí khẳng định: "Phong trào chúng ta có sứ mệnh lịch sử là cổ vũ và tăng cường cuộc đấu tranh kiên cường và tất thắng của các dân tộc chống chủ nghĩa đế quốc dưới mọi hình thức biểu hiện của nó, nhằm hoàn thành độc lập về chính trị, kinh tế, văn hoá, xây dựng cuộc sống mới thật sự tự do, thiết lập một trật tự kinh tế quốc tế mới công bằng và hợp lý, bảo vệ hoà bình và an ninh của các dân tộc. Đó là mục tiêu cơ bản và là nội dung chủ yếu của chính sách không liên kết".

Cũng trên diễn đàn này, Phạm Văn Đồng nhiệt liệt chào mừng thắng lợi của nhân dân Campuchia anh hùng trong việc lật đổ chế độ diệt chủng - một tai hoạ lớn chưa hề có trong lịch sử đất nước chùa tháp cũng như nhiều dân tộc khác. Thay mặt nhân dân và Chính phủ Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đồng chí bày tỏ sự đồng tình ủng hộ những

thắng lợi của nhân dân các nước giành độc lập dân tộc chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa Apácthai, chủ nghĩa Xiôn, chủ nghĩa bá quyền bảo vệ hoà bình và tiến bộ xã hội.

Tại Hội nghị cấp cao lần thứ bảy các nước không liên kết họp tại Niu Đêli (Ấn Độ, 1983), Phạm Văn Đồng một lần nữa khẳng định: "Nhân dân Việt Nam trước sau như một, kiên quyết đứng về phía nhân dân Á, Phi, Mỹ La tinh trong cuộc đấu tranh chống sự đô hộ, nô dịch và bóc lột của chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc và mọi hình thức áp bức khác"¹.

Là một nhà cách mạng kiên cường, một chiến sĩ quốc tế, người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Phạm Văn Đồng đã có nhiều cống hiến quan trọng giải quyết mâu thuẫn trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, trong quan hệ giữa các nước xã hội chủ nghĩa. Trong các cuộc thăm hữu nghị các nước xã hội chủ nghĩa, với tư cách người đứng đầu Chính phủ Việt Nam, Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, đồng chí luôn bày tỏ mong muốn của Đảng và nhân dân Việt Nam được góp phần tăng cường khối đoàn kết quốc tế trên tinh thần quốc tế vô sản chân chính, và tự mình đã kiên trì hoạt động cho mục đích cao cả ấy.

Trong lịch sử đấu tranh ngoại giao của Việt Nam từ sau cách mạng Tháng Tám thành công, nổi lên một nhà hoạt động ngoại giao lỗi lạc mà tên tuổi gắn liền với thắng lợi của cách mạng Việt Nam nửa sau thế kỷ XX, đó là Phạm Văn Đồng.

1. Phạm Văn Đồng, *Sđd*, tr. 286.

PHẠM VĂN ĐỒNG LÀ NHÀ VĂN HOÁ CỦA NON SÔNG ĐẤT NƯỚC TA

*GS, TSKH. Phương Lưu**

Quảng Ngãi quê tôi thường được bà con, bạn bè khắp nước nhắc đến như một nơi rất giàu truyền thống yêu nước và cách mạng. Quả đúng như vậy! Nhưng còn kia, nằm hai bên bờ sông Trà Khúc, hai ngọn Thiên Bút và Thiên Ấn, vươn lên cao, án ngữ từ hai phía nam bắc tỉnh lỵ mãi mãi tượng trưng cho nơi đây còn là một miền quê văn vật. Cũng quả như vậy. Lịch sử còn ghi chép lại, tuy không nhiều, nhưng cũng không ít những nhà khoa bảng, những nhân tài đã góp phần vun đắp cho nền văn hiến Đại Việt. Và trong thế kỷ XX, nơi đây đã sinh ra một người con kiệt xuất Phạm Văn Đồng, mà trên một ý nghĩa nhất định, đã hun đúc kết tinh được cả hai truyền thống đó.

Phạm Văn Đồng trước hết là một chiến sĩ cách mạng, một chính khách đã vươn lên đến tầm cỡ quốc tế. Ông sinh vào năm 1906, quê xã Đức Tân, huyện Mộ Đức, trong một thôn ven đường quốc lộ số 1 xuyên suốt thân dài của đất nước. Sớm cảm nhận môi nhục mất nước, 18 tuổi, ông đã tham gia hoạt động cách mạng. Bốn năm sau, tức vào năm

* Trường đại học Sư phạm Hà Nội.

1929, ông đã được bầu vào Kỳ bộ Nam Kỳ và tiếp theo là Tổng bộ của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Nhưng chỉ mấy tháng sau ông bị bắt, bị toà án thực dân kết tội 10 năm tù và đày ra Côn Đảo. Đến năm 1936, khi Mặt trận Bình dân Pháp lên cầm quyền, ông đã được trả tự do, tiếp tục hoạt động ở Hà Nội, Sài Gòn. Đến năm 1940, ông lại bí mật sang Trung Hoa, gặp lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, được Người cử về nước tham gia xây dựng căn cứ địa cách mạng ở vùng biên giới Việt - Trung. Trước ngày Tổng khởi nghĩa (8-1945), tại Đại hội Quốc dân ở Tân Trào, ông đã được bầu vào Ủy ban Dân tộc Giải phóng toàn quốc. Sau Cách mạng Tháng Tám, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thành lập, ông được cử giữ chức Bộ trưởng Tài chính trong Chính phủ. Tháng 5 năm 1946, ông làm Trưởng phái đoàn thân thiện của Quốc hội Việt Nam đi thăm nước Cộng hoà Pháp, và cuối tháng 5, lại làm Trưởng phái đoàn của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đàm phán với Chính phủ Cộng hoà Pháp tại Hội nghị Phôngtenoblô. Kháng chiến toàn quốc bùng nổ, ông được cử làm Đặc phái viên của Đảng và Chính phủ tại miền Nam Trung Bộ. Sau khi trở ra Việt Bắc, vào tháng 8 năm 1949, ông được cử làm Phó Thủ tướng Chính phủ. Tháng 5 năm 1954, ông kiêm nhiệm chức Bộ trưởng Ngoại giao, và được cử làm Trưởng đoàn Chính phủ ta tại cuộc hoà đàm Giơnevơ về Đông Dương. Tháng 9 năm 1954, ông được cử giữ chức Thủ tướng Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, và sau đó là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Ông giữ cương vị ấy trong suốt 32 năm (đến năm 1982 đổi là Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng) và có lẽ là người giữ cương vị Thủ tướng lâu nhất trên thế giới. Năm 1947, ông được bầu là Ủy viên dự khuyết, và năm 1949 là Ủy viên chính thức của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Từ năm 1951, trải qua

các kỳ Đại hội II, III, IV, V, trong suốt 35 năm, ông liên tục được bầu là Ủy viên Bộ Chính trị, trong Đại hội VI (năm 1986) và Đại hội VII (1991), ông là Cố vấn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Trong suốt quá trình hoạt động cách mạng, Phạm Văn Đồng quan tâm đến mọi lĩnh vực chính trị, quân sự, kinh tế, ngoại giao, xây dựng Đảng... đã cống hiến lớn lao vào sự nghiệp cách mạng vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội. Ở đây, chỉ xin nói riêng về sự quan tâm của ông về xây dựng và phát huy vai trò của văn hoá văn nghệ. Hiển nhiên, đó vốn cũng là đặc điểm chung của không ít nhà lãnh đạo Đảng và Nhà nước ta. Nhưng chỗ đặc sắc của Phạm Văn Đồng là sự quan tâm ấy được biểu hiện ở bất cứ cương vị nào, trong bất cứ hoàn cảnh nào, nhất quán trước sau và trên rất nhiều phương diện.

Ngay từ năm 1947, khi thay mặt Trung ương chỉ đạo phong trào kháng chiến ở miền Nam Trung Bộ, ông đã nhiệt tình động viên văn nghệ sĩ gây dựng phong trào văn hoá - văn nghệ kháng chiến của Liên khu V. Cho mãi đến gần nửa thế kỷ sau, trong dịp Tết Giáp Tuất, đầu năm 1994, ông đã chân tình trao đổi chung quanh câu chuyện đổi mới trong văn nghệ hiện nay (Văn học - nghệ thuật và đổi mới). Từ khi lĩnh trọng trách đứng đầu Chính phủ, sự quan tâm của ông đến công tác văn hoá càng biểu hiện rõ nét. Ông liên tiếp tham dự và phát biểu ý kiến ở các Hội nghị văn hoá toàn miền Bắc, Hội nghị tổng kết đợt di thực tế của văn nghệ sĩ, và các đợt học tập Nghị quyết của văn nghệ sĩ: "Công tác văn hoá của chúng ta" (1956); "Muốn phát triển văn hoá phải giải quyết vấn đề gì?" (1957); "Công tác văn hoá là công tác tư tưởng" (1959); "Tình hình cách mạng và nhiệm vụ của văn nghệ" (1960); "Tổ quốc ta, nhân dân ta, sự nghiệp ta và người

nghệ sĩ" (1962); "Văn nghệ ta cần có những tác phẩm lớn" (1973), v.v.. Ông còn trao đổi với từng giới nghệ sĩ như nhạc sĩ, văn sĩ: "Đảng và nhân dân đòi hỏi nghệ sĩ phải có tâm hồn người chiến sĩ cách mạng" (1962); "Thư gửi Đại hội nhà văn lần thứ ba" (1983). Ông bàn đến một yếu tố và đồng thời cũng là một di sản văn hoá cơ bản là tiếng nói: "Tiếng Việt, một công cụ cực kỳ lợi hại trong cuộc cách mạng tư tưởng và văn hoá" (1979), v.v.. Ông quan tâm đến những lĩnh vực văn hoá đặc thù: "Phải nắm vững nội dung tư tưởng và nội dung cụ thể của công tác văn hoá quần chúng" (1960); "Công tác văn hoá các dân tộc ít người" (1977); "Tổ quốc chung, quê hương riêng" (1978), v.v..

Tất cả những biểu hiện trên diễn ra trong những năm kháng chiến và sau ngày đất nước thống nhất. Khói lửa chiến tranh không hề làm đứt quãng sự quan tâm liên mạch và thuỷ chung đó của ông, điều đó đặc biệt thể hiện trong bài phát biểu "Hiểu biết, khám phá và sáng tạo phục vụ Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội" (1968) tại Đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ tư diễn ra trước cuộc Tổng tiến công Mậu Thân ở miền Nam chỉ có mấy ngày. Còn lưu mãi ấn tượng mạnh mẽ là buổi làm việc ở Viện Văn học bên hồ Hoàn Kiếm, Thủ tướng cùng với giới nghiên cứu ngôn ngữ và văn học bàn bạc trao đổi chung quanh vấn đề "Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt" (1966) ngay trong những ngày Hà Nội chốc chốc lại vang lên còi báo động phòng không, trong cấp 1, tiếng gầm rú xa xa của không lực Hoa Kỳ.

Và rải đều từng khoảng thời gian, ông lại dành tâm huyết viết về những vị anh hùng của dân tộc mà phần lớn đồng thời cũng là những danh nhân văn hoá, như vua Hùng, Nguyễn Trãi, Nguyễn Đình Chiểu, và đặc biệt là Hồ Chí Minh. Ông viết về Hồ Chí Minh sớm nhất, ngay từ năm

1947, khi còn chỉ đạo phong trào kháng chiến của miền Trung (*Hồ Chủ tịch, hình ảnh của dân tộc*) càng về sau càng viết dồn dập như nhằm đáp ứng cho một nhu cầu ngày càng bức thiết của lịch sử tìm hiểu về Hồ Chí Minh và tư tưởng, sự nghiệp của Người: *Hồ Chí Minh - quá khứ, hiện tại và tương lai; Hồ Chí Minh, một con người, một dân tộc, một thời đại, một sự nghiệp; Hồ Chí Minh và con người Việt Nam trên con đường dân giàu nước mạnh*, v.v.. Nếu cần nói một câu ngắn gọn về những tác phẩm này, thì đó là một tầm nhìn văn hoá toàn diện và sâu thẳm đối với lãnh tụ kính yêu của dân tộc.

Đứng trên tầm cao rộng của toàn dân tộc để nhìn nhận, bàn bạc về mọi vấn đề văn hoá, Phạm Văn Đồng vẫn không quên phong trào văn hoá văn nghệ cách mạng của miền Nam, của quê hương Quảng Ngãi. Trong những năm chống Mỹ, cứu nước, tại trụ sở cơ quan đại diện Mặt trận Dân tộc Giải phóng và của Chính phủ lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam giữa lòng thủ đô Hà Nội, ông đã hơn một lần gặp gỡ đồng viên anh chị em văn nghệ sĩ miền Nam tập kết ra Bắc. Và cuối năm 1993, ở Viện Bảo tàng Cách mạng, anh chị em văn nghệ sĩ Liên khu V còn lại trên đất Bắc đã quây quần chung quanh bậc cao niên đến gần "cửu thập cổ lai hy", mất mờ tóc bạc, để cùng nhau ôn lại những bài học xây dựng phong trào văn hoá văn nghệ trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ ở miền Trung, những bài học mà tôi, thuộc thế hệ sau này được nhìn rõ các gương mặt đàn anh rạng rỡ, không ai là không xúc động, tự hào.

Nói đến những ý tưởng của Phạm Văn Đồng, không thể không đề cập cách nhìn của ông về văn hoá văn nghệ, cho dù không thể nào tránh khỏi sơ lược. Trước hết, ông nhấn mạnh tầm quan trọng của văn hoá đến mức như trong một dự báo: "Đến một lúc nào đó, sau này chỉ còn làm hai công tác kinh tế

và văn hoá". Tất nhiên nhận định này là hướng về tương lai. Nhưng nói về ngày mai, trên một ý nghĩa nào đấy, cũng là một cách nói cho hôm nay, tức là vào lúc bấy giờ, cách đây dễ thường đến gần ba thập kỷ. Đây là một cách nhìn đây viễn kiến, cho dù lúc bấy giờ ngay về mặt kinh tế trên thực tế cũng chưa được coi trọng đúng mức. Còn giờ đây, nghĩa là ở trong thời tương lai của thời điểm câu nói trên, khi kinh tế đã được thật sự coi trọng, thì ý kiến trên của ông lại càng có ý nghĩa thời sự! Hoạt động chính trị và hoạt động trên bất cứ phương diện nào, kể cả làm kinh tế với văn hoá cao và văn hoá thấp là khác nhau, có văn hoá và vô văn hoá lại càng hoàn toàn khác nhau. Có lẽ theo tinh thần đó, mà trong công trình "Văn hoá và đổi mới", ông đã đặt toàn bộ công cuộc đổi mới trên một tầm nhìn văn hoá và viết: "Đổi mới phải bắt nguồn và bắt rễ từ mảnh đất văn hoá: truyền thống văn hoá của dân tộc, tinh hoa văn hoá của thời đại... từ mảnh đất văn hoá đó, sự nghiệp đổi mới, bao quát mọi lĩnh vực từ kinh tế, xã hội đến hệ thống chính trị của nước ta, ngày càng mở rộng và phát triển theo chiều cao và bề sâu".

Ông đánh giá văn học - nghệ thuật như là một phương diện kết tinh của văn hoá nói chung: *"Trong các hình thái, các phương tiện hoạt động của chúng ta trên mặt trận tư tưởng, thì văn học nghệ thuật là một hình thức, một phương tiện về mặt nào đó có khả năng làm công tác tốt nhất, vì nó rộng rãi nhất, sâu sắc nhất và bền bỉ nhất, dễ đi sâu vào tư tưởng, tâm hồn con người"*. Nhưng với ông, trước hết: *"Nghệ thuật phải thực sự là nghệ thuật"*. Đọc mấy câu thơ của Nguyễn Công Trứ *"Gió trăng chứa một thuyền đầy, Của kho vô tận biết ngày nào vơi"*, ông đã thốt lên: *"nghệ thuật đẹp quá"*. Cho nên có gì là lạ khi ông yêu cầu cao, rất cao: "Những tác phẩm chúng ta mong muốn cần phải có giá trị tư tưởng

đầy đủ, và phải có giá trị nghệ thuật đầy đủ, nếu yêu cầu cao nhất thì mặt nào cũng phải trăm phần trăm"; "Không có giá trị nghệ thuật thì không thể là tác phẩm nghệ thuật được! Nó là con số không! Bởi vì một tác phẩm không có giá trị nghệ thuật là không có nghĩa gì hết".

Văn nghệ là công việc sáng tạo tinh thần tinh vi và phức tạp, cho nên ông cho rằng: "Làm cái nghề khác, không có tài cũng có thể làm được việc. Nhưng làm văn học nghệ thuật mà không có tài thì khó làm nên việc lắm. Tôi nghĩ không biết có đúng không, nhưng theo tôi, nếu không có tài năng gì đặc biệt, thì anh nên đi làm việc khác, chứ làm văn nghệ khổ lắm". Tất nhiên tài năng không thể chỉ dựa vào những năng khiếu thiên bẩm, mà phải rèn luyện công phu, tích lũy lâu dài. Ông kêu gọi phải khơi nguồn cảm hứng ngay trong ba cái vốn - vốn sống, vốn chính trị và vốn văn hoá. Nhưng tất cả phải đạt đến độ kết tinh thành bản lĩnh và phong cách riêng. Ông nói: "Phải lắng nghe cái gì sâu xa nhất trong con người mình, bồi dưỡng cho mình một bản lĩnh vững vàng, một phong cách độc đáo, vì nghệ thuật không phải là sản xuất hàng loạt như sản xuất công nghiệp... Lúc một người không có cái gì là riêng của mình, thì phải thấy ở người đó chẳng có gì hết". Đây là vấn đề then chốt nhất trong sáng tác văn nghệ.

Về phong cách riêng thì như vậy, còn về nguyên tắc hoặc phương pháp sáng tác chung thì sao? Phạm Văn Đồng nói: "Còn về phương pháp sáng tác thì đó là vấn đề của các đồng chí. Không thể nào gò bó các đồng chí. Thước đo là người đọc, người xem thích hay không thích". Tất nhiên, thì thoảng ông cũng có nói đến chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa, nhưng là nói thế này: "Phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa tôn trọng và khuyến khích những phong cách rất khác nhau,

nhiều màu nhiều vẻ, phong phú như bản thân cuộc sống".

Người ta đã bàn nhiều đến bản chất xã hội của văn nghệ bằng lắm thứ "tính" khác nhau. Nhưng với Phạm Văn Đồng, bao trùm lên tất cả là tính dân tộc. Chính ông và dường như chỉ có ông mới đặt mối tương quan giữa văn nghệ với dân tộc rất độc đáo như một đẳng thức: "*Văn học - nghệ thuật là dân tộc*". Bởi vì về một phương diện nào đó nghệ thuật là để phản ánh và biểu hiện cái đẹp, mà Tổ quốc, dân tộc là đẹp nhất. Ông viết: "Đối với dân tộc Việt Nam ta, và chắc chắn đối với bất cứ dân tộc nào cũng vậy, Tổ quốc bao giờ cũng là nhân tố kích thích sâu sắc nhất, đẹp đẽ nhất, vì nó đúng đắn nhất". "Con người, đời sống, cuộc chiến đấu của Việt Nam, tất cả những cái này là tuyệt đẹp". Văn học - nghệ thuật có nhiệm vụ phản ánh và sáng tạo để biểu dương những vẻ đẹp, những cái cao quý đó của dân tộc. Theo ông: "Sáng tạo trên cơ sở hiện thực của dân tộc, vốn cũ của dân tộc, biểu dương cái đẹp đẽ nhất của dân tộc"; "Cái cao quý nhất của một đất nước, một dân tộc là ở giá trị văn hoá, giá trị tinh thần... Văn học-nghệ thuật có nhiệm vụ và có tác dụng to lớn trong việc sáng tạo nên những giá trị cao quý ấy". Phản ánh và sáng tạo như vậy trong thực tế, văn học - nghệ thuật cũng đã trở thành một trong những vẻ đẹp của dân tộc. Ông nói: "Người ta đánh giá những tác phẩm của chúng ta đúng với giá trị của nó..., nó có màu sắc rất quý và rất đẹp của dân tộc Việt Nam... Cái đẹp mà người ta khen là cái vốn của dân tộc". Cũng như Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong khi bàn bạc về văn hoá - văn nghệ hầu như ông rất ít nhắc đến tính đảng, mà lại say sưa nói đến tính dân tộc, như vậy cũng không có gì lạ. Chính trong "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản", Mác và Ăngghen đã từng nhấn mạnh rằng giai cấp công nhân và Đảng của nó phải "tự mình trở thành dân tộc". Cho nên, nhìn nhận bất cứ vấn đề

gì, trong đó có văn hoá - văn nghệ trên cơ sở lợi ích và danh dự chân chính tối ưu của dân tộc, thì đó chính là biểu hiện sâu sắc nhất của tính đảng.

Phạm Văn Đồng trò chuyện với nghệ sĩ rất "nghệ sĩ", nghĩa là trao đổi, bàn bạc, tâm tình, đối thoại, chứ không áp đặt. Thật ra đây cũng là nguyên lý chung của văn hoá, khoa học, một lĩnh vực mà tối kỵ là cái lối mệnh lệnh: "*Chân lý đây rồi, hãy quỳ gối xuống*". Cái điều tối kỵ ấy, có nơi, có lúc đã xảy ra trước đây dễ thường đến phần tư thế kỷ, khi nghe thuật lại, ông có nhận xét đại ý: Đọc của giới mácxít Liên Xô thấy rất khuôn thước, nhưng đọc của giới mácxít Pháp thì gồ ghề, gợn mở, giàu tính tranh biện. Nghe ông nói, tôi như cảm nhận được một thoáng suy tư của ông hồi ấy, nhưng không biết có đích xác hay không. Song có một điều chắc chắn là chính ông đã bày tỏ là không nên kết luận vội vã: "*Đôi với những cái còn cao siêu phức tạp, chưa rõ, tôi nghĩ mình dè dặt thì hơn*", tránh rơi vào tình trạng "không biết trời cao đất rộng thế nào".

Phạm Văn Đồng bàn về văn hoá - văn nghệ cũng rất "*văn nghệ*". Ông có được nhiều câu văn, đoạn văn quá hay, đến mức các bậc nghệ sĩ của ngôn từ cũng phải thốt lên: "Ý sâu lời đẹp" (Hoài Thanh); "cây đời mãi mãi xanh tươi" (Xuân Diệu). Hãy lấy thí dụ riêng về mối quan hệ giữa văn nghệ với hiện thực đời sống. Ông cho rằng cuộc sống vốn có "cái mùi, cái vị, cái hương của nó", nó vốn "nên thơ, nên nhạc, nên họa"; "Làm sao tâm hồn... của người nghệ sĩ lộng gió, lộng ánh sáng, lộng màu sắc, lộng hương vị của sự nghiệp ta". Hơn ba mươi năm sau, trở lại vấn đề này trong vận hội mới, ông lại viết: "Ông phải sống và phát triển dựa vào hoa và hoa cũng nhờ ông để kết trái... Văn học - nghệ thuật đối với cuộc sống con người cũng có quan hệ qua lại đẹp đẽ như vậy... Hãy

làm con ong đi tìm hoa và đổi mới không thiếu hoa, hoa thơm ngày càng nhiều, hoa độc cũng không thiếu, chính vì vậy mà chất mật tinh thì lại càng quý". Rất nhất quán, nhưng luôn luôn tươi tắn và mãi mãi trẻ trung một tấm lòng, một tâm nhìn đằng sau những câu văn của Phạm Văn Đồng.

Trong luận bàn về văn hoá - văn nghệ, Phạm Văn Đồng viết đi liền với nói, và hầu như với ông, viết và nói là một, cho nên lại càng không sao quên được cái giọng điệu của ông, một giọng điệu kết tinh của nhiều tầng văn hoá. Khi ông nói (và kể cả lúc ông cười nữa), âm vang bên ngoài một chất giọng rần rỏi, xen chút thô dã, nhưng lại hàm chứa bên trong, tận đáy sâu thẳm tâm tình của người dân xứ sở "khúc ruột miền Trung": thẳng thắn, cương nghị, bộc bạch. Tất cả hoà nhập rất nhanh chóng, nhuần nhuyễn và bền chặt một tính cách toàn Việt: chân tình, nồng thắm và tinh tế. Giọng điệu đầy chất văn hoá ấy lại được bồi đắp thêm cái khúc chiết, rành rọt, xuyên thắm một màu sắc duy lý phương Tây, đồng thời điểm xuyết bằng những ý vị thâm thúy của phương Đông.

Lộng gió nhiều phương trời văn hoá, lại thấm đượm cái dòng mạch của nhiều thế hệ ông cha, Phạm Văn Đồng là một trong những gương mặt tiêu biểu cho văn hoá thời nay của dân tộc. Nhân cách văn hoá ấy vốn được bén rễ từ miền đất của núi Ấn, sông Trà của quê tôi, không trộn lẫn vào đâu được.

SUY NGÂM TỪ NHỮNG Ý TƯỞNG VỀ VĂN HOÁ - VĂN HỌC - NGHỆ THUẬT CỦA BÁC PHẠM VĂN ĐỒNG

*Hồng Nhân**

Bác Phạm Văn Đồng, người con ưu tú của quê hương Quảng Ngãi, là một nhà chính trị xuất sắc, một nhà văn hoá lớn của nước ta. Bác đã có rất nhiều bài nói, bài viết về văn hoá nói chung và văn học - nghệ thuật nói riêng, cả lý luận và thực tiễn, với sự am hiểu tinh tế, sâu sắc.

Theo Bác Phạm Văn Đồng, trong con người sinh vật, con người xã hội chiếm một vai trò quan trọng. Bác từng chỉ rõ: "Làm cho đời sống tâm hồn phong phú, tươi đẹp là phần rất quan trọng trong đời sống con người... Ta xây dựng chủ nghĩa xã hội là để đem lại đời sống vật chất ngày càng tốt đẹp". "Đời sống của con người, giá trị con người, cái đẹp dễ nhất của con người không phải hoàn toàn ở vật chất mà còn ở tinh thần, tư tưởng, tình cảm và tâm hồn". Như vậy, chúng ta không thể chỉ coi trọng vật chất mà không chú ý đến tinh thần hay chỉ chú ý đến tinh thần mà coi nhẹ vật chất. Chủ nghĩa xã hội là tốt đẹp thật sự thì dân không thể đói, cán bộ không thể nghèo. Chủ nghĩa xã hội không thể là một xã hội

* Nguyên Giám đốc Sở Văn hoá thông tin Quảng Ngãi.

giàu tiền bạc, nhiều hàng hoá, nhưng bất công, tham nhũng, giết người man rợ, coi thường luật lệ giao thông, thiếu quy tắc sống lành mạnh trong từng gia đình.

Đã có thời kỳ chúng ta chỉ quan tâm đến lý lịch gia đình, chú ý đến giai cấp xuất thân, chú ý lý giải về quan điểm tư tưởng của từng người, coi nhẹ mặt tình cảm và tâm hồn của từng người. Bác Phạm Văn Đồng nhắc nhở: Con người ngoài đời sống cụ thể còn có giá trị, phẩm chất, con người không chỉ được biết đến ở mặt tư tưởng mà còn phải có cả tâm hồn và tình cảm.

Đảng ta luôn coi trọng nhân tố tinh thần, tư tưởng. "Chúng ta nhận rõ nhân tố kinh tế là cơ sở, nhưng không bao giờ chúng ta coi nhẹ nhân tố tư tưởng, nhân tố tinh thần, nhất là khi nhân tố tư tưởng, tinh thần thuận với sự phát triển của lịch sử". Chính vì thế mà những năm qua, trong khi chủ trương phát huy luật giá trị, phát triển kinh tế nhiều thành phần, đẩy mạnh sản xuất hàng hoá, cho phép tư bản nước ngoài đầu tư vào Việt Nam, đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ đối ngoại, Đảng đã đặc biệt quan tâm xây dựng và "phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc", xây dựng và chỉnh đốn Đảng. Vừa có đời sống vật chất cao, vừa có đời sống văn hoá tốt đẹp, theo Bác Phạm Văn Đồng, đây là "*bài toán lớn nhất của thời đại này*".

"Dân tộc Việt Nam có truyền thống coi trọng phẩm chất, coi trọng những giá trị đạo đức, giá trị tinh thần của con người". Nước ta nghèo, kinh tế ta lạc hậu mà ta đã thắng được hai đế quốc to, giành lại độc lập tự do cho Tổ quốc thì bài học về sức mạnh của con người, của dân tộc là đặc biệt quan trọng "Nói cho cùng, chúng ta chiến thắng đế quốc Mỹ bằng cái gì? Chủ yếu bằng con người, bằng phẩm giá, giá trị của con người, bằng những truyền thống của dân tộc Việt Nam ta".

Bác Phạm Văn Đồng đánh giá cao giá trị của văn hoá, văn học - nghệ thuật, vì "trên trái đất này có gì quý hơn những giá trị nhân văn chân chính do những nền văn hoá và văn minh các dân tộc tạo nên". Các tác phẩm bất hủ của Các Mác, Lênin, Hồ Chí Minh, Đidờrô, Víchto Huygô, Lép Tônxtôi, Khuất Nguyên, Đỗ Phủ, Thi Nại Am, Tago, Lê Quý Đôn, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, v.v. sẽ còn lại mãi với thời gian và trái đất. Bác căn dặn: "Mức sống là quan trọng, đồng thời chúng ta phải thấy ý nghĩa rất quan trọng của kiểu sống". Có kiểu sống có văn hoá và kiểu sống không có văn hoá. Kiểu sống văn minh và kiểu sống man rợ. Lẽ nào chỉ căn cứ mức thu nhập mà chấp nhận kiểu sống của những tên sâu mọt, tha hoá biến chất, mất hết tính người.

Bác Phạm Văn Đồng coi văn hoá, văn học - nghệ thuật là vũ khí sắc bén có hiệu quả trước mắt và lâu dài nhằm phục vụ đời sống tinh thần, tình cảm của con người, cải tạo cái cũ, xây dựng cái mới tốt đẹp hơn: "Công tác văn học nghệ thuật là một loại công tác tư tưởng có khả năng đi sâu vào ý nghĩ, tình cảm của con người và có giá trị lâu dài, bền bỉ. Trong các hình thức, phương tiện hoạt động của chúng ta trên mặt trận tư tưởng thì văn học - nghệ thuật là một hình thức, một phương tiện hoạt động, về một mặt nào đó, có khả năng làm công tác tư tưởng tốt nhất và bền bỉ nhất, dễ đi sâu vào tình cảm, ảnh hưởng sâu sắc vào tư tưởng tâm hồn". Không chỉ có Tuyên ngôn độc lập mới giáo dục tinh thần yêu nước, mà những Bình Ngô đại cáo, Hịch tướng sĩ, văn thơ Nguyễn Trãi, Nguyễn Đình Chiểu, Phan Bội Châu, Tố Hữu, các bài *Tiến quân ca*, *Du kích Ba Tơ*, *Trường ca Sông Lô*, các tượng đài Ngô Quyền, Trần Hưng Đạo, Hồ Chí Minh, Điện Biên Phủ... cũng giúp cho chúng ta tăng thêm lòng yêu đất nước, quê hương. "Văn học - nghệ thuật là thức ăn tinh thần.

Người ta cần ăn để sống, đời sống cũng cần thơ ca. Và thơ ca phải góp phần vào thắng lợi của sự nghiệp đấu tranh của quần chúng nhân dân, đem lại no cơm ấm áo. Ngược lại cuộc đấu tranh cách mạng không ngừng phát triển và cơm áo ngày càng sung túc càng làm nảy nở bông hoa văn nghệ và vang lừng thơ ca. Trước đây, ngục tù Pháp, bom đạn Mỹ không tiêu diệt được thơ ca, ngược lại càng làm cho thơ ca phát triển đến mức có lúc tiếng hát át tiếng bom, góp phần quan trọng đánh thắng quân thù.

Trong khi đánh giá cao vị trí của văn học - nghệ thuật, Bác Phạm Văn Đồng cũng đề ra những yêu cầu rất cao ở công tác văn hoá, văn học - nghệ thuật, ở người văn nghệ sĩ. Bác đặc biệt quan tâm đến cái mới trong văn học - nghệ thuật và vai trò năng động chủ quan của người nghệ sĩ. Bác nói: "*Cái mới là đối tượng, là nội dung, là mục tiêu của nghệ sĩ*". Vậy cái mới là gì? Cái mới ở đâu? Làm sao nhìn thấy cái mới để diễn tả nó? Bác đã phân tích thấu đáo điều này: "Cái mới chính là cái đẹp. Diễn tả cái mới, cái đẹp này bằng nghệ thuật của mình để phản ánh thời đại, ca ngợi cái tốt, cái hay, cái đẹp của sự nghiệp ta làm cho dân ta ngày càng thêm phấn khởi, hăng say như người chiến thắng, tiến lên làm những sự nghiệp phi thường. Thấy cho được cái mới là điều khó, vì có cái mới đương hiện ra, chưa hình thành, mới chỉ là cái nụ, hoặc là cái mầm non, nhưng dồi dào nhựa sống và sức mạnh, nhất định sẽ vươn lên và chiến thắng".

Nhìn về quê hương Quảng Ngãi, có thể thấy một ví dụ điển hình. Đó là xã Tịnh Bình (Sơn Tịnh), một xã toàn đồng gieo và đồi núi, không có một con suối, dòng sông nào chảy qua. Cho đến sau hai năm giải phóng, đồng bào ở đây phải tối ăn khoai di ngủ, sáng ăn củ đi làm. Một ý tưởng mới đề ra: Sao ta không vắt đất ra nước thay trời làm mưa, biến

đồng gieo thành ruộng cấy. Nhiều người không tin, có người dè bủ. Nhưng rồi Đảng uỷ quyết, giới văn hoá thông tin ở đây kẻ khâu hiệu, vẽ pa nô, sáng tác ca dao, hò vè, liên tục phổ biến các bài hát "Hò Kẻ Gõ", "Em đi làm thủy lợi"... từ đó đập Hóc Khế, hồ Đá Chông và hàng trăm giếng nước ra đời, tưới cho trên 300 ha từ gieo một vụ đến cấy hai, ba vụ/năm, xưa nay chưa từng có. Đây là một đề tài mà văn học - nghệ thuật không thể bỏ qua.

Để viết được cái mới, Bác Phạm Văn Đồng yêu cầu người nghệ sĩ "phải nhạy cảm với đời sống. Người ta cần cái gì, người ta mong cái gì mà anh có thể giải quyết cho người ta những cái gì? "Và nhất là luôn luôn phải có đầu óc sáng tạo. Hiện nay, trên bước đường tiến tới chúng ta lại càng phải sáng tạo. Vì sao? Vì chủ nghĩa xã hội không phải cái gì trừu tượng, cũng không phải là cái khung, có thể rập khuôn theo bất cứ nước nào". Chúng ta thừa nhận và hoan nghênh sự sáng tạo trong nhiều tác phẩm của nhiều văn nghệ sĩ trong các lĩnh vực thơ, văn, hội hoạ, sân khấu, điện ảnh... nhưng không thể chấp nhận một số bài thơ phá thể, tác tị mà đa số người đọc không hiểu, không thuộc, một số bài báo cũng như tượng đài đã gây phản cảm. Về điểm này, Bác Phạm Văn Đồng thường nhắc lại lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Viết cho ai, viết để làm gì?" và Bác nói thêm "thước đo là người đọc, người xem thích hay không thích".

Bác Phạm Văn Đồng yêu cầu nghệ sĩ phải dũng cảm, quyết tâm trong đấu tranh chống cái cũ, cái lạc hậu, cái tiêu cực. "Cái khó nhất của chuyên chính vô sản không phải đánh quân thù mà là khắc phục, là chống cái lạc hậu, cái bảo thủ, chống kiểu làm ăn cũ kỹ". Chúng ta có kinh nghiệm chống ngoại xâm hàng ngàn năm, nhất là kinh nghiệm đánh giặc và viết về đề tài chiến tranh trong nửa thế kỷ vừa qua.

Nhưng về đấu tranh chống cái cũ, cái tiêu cực, ta còn đang tìm cách tiến hành và đang tìm cách thể hiện. Bác Phạm Văn Đồng lưu tâm đặc biệt đến vai trò chủ thể trong sáng tạo nghệ thuật của người nghệ sĩ. Ở đây không thể gò ép, bó buộc, mệnh lệnh. Đây là lĩnh vực của tài năng, của bản lĩnh, của kiên trì, lĩnh vực của các quá trình sáng tạo bí ẩn, tế nhị của người nghệ sĩ, chưa thể đòi hỏi có ngay. Bác nói: "Không thể ép được, không thể vội được. Không nên tưởng là trong hoạt động văn học - nghệ thuật, trong đời sống sáng tác của những người làm văn học - nghệ thuật có thể có biện pháp gì, có cách phù phép nào đó giúp cho mình giản đơn, dễ dàng, nhanh chóng có một tác phẩm hay mà không phải tốn nhiều công sức. Không có đâu. Văn học và nghệ thuật là công trình về tài năng. Thiên tài là một công trình lâu dài vô cùng. Có khi là một công trình của một đời người, công trình của nhiều đời người, nhiều thế hệ". Đối với người nghệ sĩ, ngoài vốn chính trị, vốn sống, vốn tri thức là các điều kiện tối thiểu, Bác Phạm Văn Đồng nhiều lần nhấn mạnh cần phải có tài năng và công phu, tâm hồn và linh hồn, cảm hứng và bản lĩnh. Lương tâm là cái riêng của người nghệ sĩ, là nhiệt tình của người nghệ sĩ với Tổ quốc và cách mạng. Muốn làm xúc động, lay động tình cảm hàng triệu quần chúng, trước hết, văn nghệ sĩ phải là người có tình cảm lớn, cao đẹp, biết cùng khóc, cùng cười, cùng yêu, cùng ghét với quần chúng. Một tâm hồn giá lạnh làm sao thổi được ngọn lửa ấy vào tác phẩm văn học - nghệ thuật của mình. Bác Phạm Văn Đồng cho rằng "công tác văn học nghệ thuật thiên về tình cảm. Các đồng chí làm công tác tư tưởng bằng cách gây tình cảm". Tôi hiểu rằng gây tình cảm ở đây là để nâng cao tư tưởng và hành động cách mạng cho hàng triệu con người.

Bác còn nói: "Đối với nghệ sĩ, trí thức xã hội chủ nghĩa là

phải làm việc theo lương tâm của mình, theo chức năng của mình". Cái lương tâm ấy phải phấn đấu rèn luyện mới có. Để có lương tâm, bản lĩnh, theo Bác Phạm Văn Đồng người nghệ sĩ phải có vốn chính trị, phải có vốn sống, vốn tri thức. "Người làm văn nghệ phải học, phải đọc, phải nghiên cứu, phải suy nghĩ về vốn cũ của nước ta, của thế giới; phải đọc, phải nghiên cứu, suy nghĩ về những tác phẩm kinh điển lớn của nước ta và thế giới". Có lẽ chính vì thế chức năng của nghệ thuật là hiểu biết, khám phá, sáng tạo. Bác Phạm Văn Đồng đã nêu hiểu biết lên hàng đầu. Phấn đấu để có tác phẩm lớn thực sự thì phải hiểu biết nhiều lắm. "Nghệ thuật là một sự hiểu biết, văn học là một sự hiểu biết, khoa học là một sự hiểu biết, hiểu biết cao sâu lắm. Và đồng thời khám phá sáng tạo, hiểu biết sâu chùng nào thì khám phá, sáng tạo cao chùng ấy". Bác chú ý cả hai mặt: nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật. "Hai mặt chủ yếu của văn học - nghệ thuật là nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật. Đã nói đến văn học - nghệ thuật thì phải thấy nội dung tư tưởng rất quan trọng, nhưng đồng thời giá trị nghệ thuật cũng rất quan trọng. Ta đòi hỏi hai mặt đó đều phải tốt trăm phần trăm". "Viết văn, thơ phải cố gắng viết cho hay. Vừa qua tôi nhìn thấy nhiều cuốn sách, bài văn cầu thả mà theo tôi là không thể dung thứ được". Bác nhắc tiếp "Nội dung tư tưởng có tốt đi nữa, nếu không có giá trị nghệ thuật, thì không thành một tác phẩm nghệ thuật".

Bác Phạm Văn Đồng khẳng định từ rất sớm vai trò của nhân dân trong sáng tạo văn hoá, nghệ thuật. "Chúng ta, những người theo chủ nghĩa Mác - Lênin, trong tư tưởng, tâm hồn và tình cảm, chúng ta tin vào lực lượng sáng tạo không bờ bến của quần chúng nhân dân. Người anh hùng chân chính là nhân dân. Người sáng tạo tất cả của cải vật

chất và văn hoá là nhân dân. Lần đầu tiên trong lịch sử loài người, con người sáng tạo ra lịch sử của mình một cách tự giác dưới sự lãnh đạo của Đảng của giai cấp công nhân, vũ trang bằng chủ nghĩa Mác - Lênin". Chính vì thế, Bác Phạm Văn Đồng rất chú ý việc đi vào nhân dân để có vốn sống sâu sắc, chú ý đến sự sáng tạo của tập thể quần chúng tất cả các dân tộc trên đất nước Việt Nam. Phong trào văn hoá - văn nghệ quần chúng từ điệu múa sắc bùa ở Đức Phổ, Mộ Đức đến giọng hát bội, hò bài chòi ở thị xã, từ tiếng công chiêng của Trà Bồng đến võ thuật ở Sơn Tịnh, Bình Sơn đều được Bác Phạm Văn Đồng quan tâm sâu sắc.

Bác Phạm Văn Đồng luôn chú ý đến sự giàu đẹp của tiếng Việt và yêu cầu bảo vệ sự trong sáng của tiếng Việt. Nó là vốn quý của dân tộc Việt Nam. "Tiếng Việt của chúng ta rất giàu. Tiếng ta giàu bởi đời sống muôn màu, đời sống tư tưởng và tình cảm dồi dào của dân tộc ta, bởi kinh nghiệm đấu tranh lâu đời và phong phú... Tiếng Việt chúng ta phản ánh sự hình thành và trưởng thành của xã hội Việt Nam và của dân tộc Việt Nam... Tiếng Việt chúng ta rất đẹp". Ấy thế mà người đọc, người xem rất phiền lòng khi thấy trên nhiều tác phẩm văn học, báo chí đã dùng xen nhiều từ Hán, tiếng Anh, tiếng Pháp không cần thiết. Vì chú ý vấn đề dân tộc của văn hoá, văn học - nghệ thuật, Bác Phạm Văn Đồng đã viết những trang đầy xúc động đánh giá rất cao về Nguyễn Trãi, Nguyễn Đình Chiểu và nhất là về Hồ Chí Minh, hình ảnh của dân tộc Việt Nam.

Bác Phạm Văn Đồng đã tiên đoán rằng, hiện nay chúng ta đã có bốn công tác: kinh tế, văn hoá, nội chính, quân sự. Nhưng "đến một lúc nào đó, sau này chỉ còn làm hai công tác: kinh tế và văn hoá. Cho mãi đến chủ nghĩa cộng sản vẫn còn làm hai công tác: kinh tế và văn hoá". Lời khẳng định tầm

quan trọng của công tác văn hoá - nghệ thuật cũng là mơ ước lâu dài về một nhân loại không còn chiến tranh, không còn xâm lược, không còn bóc lột, chỉ còn những con người toàn diện thực sự sống trong tình bằng hữu. Đẹp thay một ước mơ và cảm ơn Bác Phạm Văn Đồng về lời tiên đoán, khẳng định to lớn này.

Đánh giá cao vai trò của văn hoá, của văn học - nghệ thuật và vị trí của giới văn nghệ sĩ yêu nước và cách mạng, Bác Phạm Văn Đồng đã lĩnh hội sâu sắc điều mà Bác Hồ đã từng chỉ rõ ngay từ khi Người viết *Nhật ký trong tù*:

*"Người tuy chỉ một chú gà thường
Báo sáng ngày ngày tiếng gáy vang
Một tiếng, toàn dân bừng tỉnh mộng
Công người đâu có phải là xoàng".*

Là một người đứng đầu Chính phủ gần 40 năm, Bác Phạm Văn Đồng dù bận trăm công ngàn việc vẫn quan tâm xây dựng nền văn hoá dân tộc, nền văn học - nghệ thuật cách mạng với nhiều ý tưởng sâu sắc, những ý kiến chỉ đạo rất cụ thể và quý báu. Giới văn nghệ sĩ và trí thức cả nước luôn coi Bác là một nhà lãnh đạo sáng suốt, một người Anh thân thiết, mãi mãi dành cho Bác lòng quý mến và biết ơn.

ĐỒNG CHÍ PHẠM VĂN ĐỒNG VÀ VĂN NGHỆ LIÊN KHU V

Phạm Phú Phong

Văn chương nghệ thuật là tài sản chung của mọi người chứ không phải của riêng một vùng đất, một địa phương, một dân tộc nào. Song hoàn cảnh chia cắt của kháng chiến và đặc trưng văn hoá tinh thần của vùng đất "khúc ruột miền Trung" đã tạo nên diện mạo văn nghệ kháng chiến Liên khu V, ghi tạc vào lịch sử văn học nước ta một dấu son đầy ấn tượng, hoành tráng và rất đáng tự hào. Đời sống kháng chiến cả về vật chất lẫn văn hoá tinh thần và cuộc kháng chiến chống Pháp đã gắn liền với tên tuổi của đồng chí Phạm Văn Đồng, nhà cách mạng, nhà lý luận văn hoá - nghệ thuật, người sản sinh ra nền văn học cách mạng một vùng đất.

Năm 1926, ông được đưa sang dự lớp học ở Quảng Châu (Trung Quốc) do đồng chí Nguyễn Ái Quốc tổ chức nhằm đào tạo thế hệ cách mạng đầu tiên ở nước ta. Trải qua nhiều cương vị công tác, khi toàn quốc kháng chiến bùng nổ, ông được cử là đặc phái viên của Trung ương Đảng và Chính phủ tại Liên khu V. Ngoài công việc lãnh đạo kháng chiến, ông còn là tác giả, là nhà lý luận văn hoá - văn nghệ và đã ân cần động viên văn nghệ sĩ phấn đấu xây dựng phong trào văn nghệ cách mạng ở địa phương. Chính dịp này, ông viết

cuốn *Hồ Chủ tịch, hình ảnh của dân tộc*. Đây là tác phẩm đầu tiên viết về Chủ tịch Hồ Chí Minh, giúp cho đông đảo nhân dân hiểu biết, kính yêu vị lãnh tụ kiệt xuất của dân tộc và cách mạng.

Trong hồi ký *Những bước thử nghiệm của một lớp người viết chúng tôi*, nhà văn Nguyễn Thành Long cho rằng: *Hồ Chủ tịch, hình ảnh của dân tộc* của Phạm Văn Đồng là tác phẩm đầu tiên của văn học kháng chiến được xuất bản tại đây (Liên khu V) năm 1947, sau đó mới đến những tác phẩm như *Ca dao kháng chiến* của Nhật Tỉnh, *Du kích về làng* của Trọng Xuân Lâm, *Từ đêm mười chín* của Khương Hữu Dụng, *Lúa non* của Phạm Hồ, *Nhân dân một lòng* của Tế Hanh, *Con trâu* của Nguyễn Văn Bổng, *Bát cơm Cụ Hồ* của Nguyễn Thành Long... Viết đôi với ông cũng là công tác cách mạng. Muốn động viên anh em viết, ông viết trước. Điều đáng lưu ý là, sau khi tác phẩm được xuất bản, được Nhà xuất bản miền Nam của Chi hội văn nghệ trả mấy trăm đồng tín phiếu tiền nhuận bút, ông giao cả cho Hội, tạm gửi vào Ngân hàng kháng chiến, lấy tiền lãi hàng năm làm giải thưởng tặng cho các tác phẩm xuất sắc. Anh chị em văn nghệ sĩ yêu quý nghĩa cử đó của ông nên gọi giải thưởng văn nghệ Liên khu V là *Giải thưởng Phạm Văn Đồng*.

Các tác phẩm được trao giải này từ năm 1952-1954 là: *Con trâu* của Nguyễn Văn Bổng, *Bát cơm Cụ Hồ* của Nguyễn Thành Long, *Nhân dân một lòng* của Tế Hanh, *Ca dao kháng chiến* của Nguyễn Hồ, tập thơ *Người lính* của Lưu Trùng Dương...

Chăm lo cho đời sống văn nghệ của một vùng, ông quan tâm cả về đời sống vật chất của văn nghệ sĩ và động viên giúp đỡ một cách thường xuyên về mặt tinh thần. Nguyễn Văn Bổng kể rằng, tất cả những cuộc họp của văn nghệ sĩ

"cuộc họp nào anh cũng có mặt" (hồi ký *Con đường từ Liên Khu V ra Việt Bắc*). Không những thế, ông còn tham gia đọc tác phẩm của anh em và góp ý cho anh em sửa chữa. Trong hồi ký *Đường đi Cực Nam*, Tế Hanh kể rằng, ông có sáng tác bài thơ *Hồ Chí Minh* đăng trên báo *Tiền phong* trước khi kháng chiến bùng nổ. Đến khi về dạy ở Trường Trung học bình dân, một lần ông đến nói chuyện cho học viên, có tặng cho nhà trường cuốn *Hồ Chủ tịch, hình ảnh của dân tộc*. Tế Hanh đã chép bài thơ của mình tặng lại với lời đề tặng: "*Kính tặng đồng chí Phạm Văn Đồng, hình ảnh Bác Hồ ở Khu V*". Một thời gian sau, Tế Hanh nhận được bài thơ của mình đã được đồng chí Phạm Văn Đồng sửa chữa nhiều chỗ. Nhà thơ viết: Bây giờ tôi không thể nhớ nguyên văn bài thơ, cũng như những chỗ đồng chí ấy góp ý, sửa chữa, nhưng chỉ riêng câu này là hoàn toàn của đồng chí ấy: Trong cả rừng nhưng vẫn thấy từng cây".

Trước khi rời Khu V trở ra Việt Bắc, ông còn để lại những tình cảm với anh em văn nghệ Khu V. Trong tác phẩm: *Miền Nam Trung Bộ, đất thơ trong kháng chiến* Nguyễn Viết Lâm kể rằng: Vào dịp này, tôi không thể không trân trọng nhớ đến đồng chí Phạm Văn Đồng... Một đồng chí liên lạc đưa cho tôi một phong bì lớn. Giở ra xem, đó là một tập tài liệu bằng tiếng Pháp gồm có một bài viết về I. Erenbua của Gran Risa Bloc, hai bài viết về Pôn Lănggiơvanh của F. Quyri và G. Cônhiô, một bài nghiên cứu về nền giáo dục nghệ thuật Liên Xô của G. Bilie. Ở trang đầu, có mấy dòng chữ viết tay: "Kính tặng anh Nguyễn Viết Lâm mấy bài mà tôi càng đọc càng thích. Tôi biết anh đã đọc mấy bài này rồi, nhưng muốn tặng anh chút quà, tôi không tìm thấy ở đây cái gì hơn. Ngày 25 tháng 2 năm 1949. Phạm Văn Đồng"...

Còn bao nhiêu lời kể của các nhà văn, nhà thơ kháng

chiến như Lưu Trùng Dương, Đào Xuân Quý, Giang Nam, Nguyễn Hồ, Nguyễn Ngọc, Phan Tứ, Vương Linh, Trinh Đường, Phạm Khánh Cao... hoặc thế hệ sau như Thanh Thảo, Thanh Quế, Cao Duy Thảo, Ngô Thế Oanh... về kỷ niệm và sự quan tâm đến sự phát triển của nền văn nghệ vùng Liên Khu V. Tôi đã nhiều lần đọc nhận xét của ông về tiểu thuyết của Phạm Khánh Cao. Trong suốt những năm làm Thủ tướng Chính phủ, ông luôn quan tâm đến đội ngũ sáng tác ở đây, ông đọc tất cả các tác phẩm của anh em viết về vùng đất này, trong đó phần lớn là do anh em văn nghệ sĩ gửi tặng và có cả những người "quên" hoặc không dám gửi tặng thì ông tự mua và đọc, nhận xét, sau đó gửi lời nhận xét đến tác giả. Khi tuổi đã cao, mắt yếu không còn đọc được chữ, ông vẫn nhờ con cháu hoặc thư ký của mình đọc thu vào máy ghi âm, để đêm đêm ông mở máy ra nghe. Thật hiếm thấy một nhà lãnh đạo chính trị nào quan tâm đến văn nghệ của vùng đất Khu V một cách thường xuyên, bền bỉ, thủy chung như đồng chí Phạm Văn Đồng.

Văn chương, nghệ thuật là vô hạn nhưng đời người là hữu hạn. Trái tim đầy nhiệt huyết của ông đối với nền văn nghệ nước nhà đã ngừng đập. Là thế hệ hậu sinh, là người đã từng nhận được lời khuyên "*Nên đi sâu vào nghiên cứu văn học Liên Khu V, từ đó mà toả ra nhận thức hết tầm vĩ đại lớn lao của văn học nước nhà*", tôi viết mấy dòng này và xin kính cẩn nghiêng mình tiễn đưa ông về nơi an nghỉ cuối cùng. Con người suốt đời quan tâm đến văn chương nghệ thuật ấy đã ra đi. Nhưng trí tuệ và tấm lòng của ông vẫn còn mãi cùng với văn chương nghệ thuật.

CỔ THỦ TƯỚNG PHẠM VĂN ĐỒNG VỚI NGHỆ SĨ MÚA

GS,TSKH. Lâm Tô Lộc

Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã đi xa. Bác để lại sự thương tiếc vô hạn cho toàn dân cũng như cho những nghệ sĩ múa đã được gặp Bác lúc sinh thời, qua các buổi biểu diễn phục vụ. Cảm nghĩ chung của các nghệ sĩ là Thủ tướng xem múa rất sành. Có lần Bác xem biểu diễn nghệ thuật của Đoàn ca múa nhân dân trung ương, Nghệ sĩ nhân dân Thuý Quỳnh và nghệ sĩ ưu tú Anh Nghiêm biểu diễn múa Cung (trích từ kịch múa Trung Quốc "Hội Tiểu đao") nhân dịp Bác chiêu đãi Thủ tướng Chu Ân Lai và đoàn đại biểu Chính phủ nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa. Bác nhận xét: "Hai đồng chí múa rất tốt, giống Trung Quốc. Theo tôi các đồng chí đã hiểu múa Trung Quốc. Hiểu được nội dung điệu múa và biểu diễn như vậy là tốt lắm!"

Tiếp đó, Thủ tướng Chu Ân Lai cũng khen ngợi và hỏi hai nghệ sĩ học múa ở đâu, học có lâu không ? Sự nhận xét thống nhất của hai vị Thủ tướng chứng tỏ rằng Bác Phạm Văn Đồng rất sành về nghệ thuật múa. Sự khen chê đúng chỗ làm cho diễn viên thêm phấn khởi và kính phục. Được Bác Đồng khen, Nghệ sĩ nhân dân Thuý Quỳnh rất xúc động, đêm hôm đó không sao ngủ được.

Trong lịch sử Việt Nam những vị tướng am hiểu nghệ thuật rất hiếm: "Chiêu Văn Vương Trần Nhật Duật - một trong ba người có công đánh thắng quân Nguyên (Trần Hưng Đạo, Trần Quang Khải và ông) - là một tướng tài văn võ song toàn, hào phóng độ lượng biết nhiều thứ tiếng như tiếng Trung Quốc, tiếng các dân tộc Chăm, Dao và sành về ca vũ nhạc. Ông sửa lại những điệu ca vũ"¹.

Nghệ sĩ nhân dân Chu Thuý Quỳnh kể lại: Trước khi đáp máy bay sang Ấn Độ học múa, nghệ sĩ đã đến chào Thủ tướng. Người căn dặn: "Cháu đi học múa ở một đất nước có nền văn hoá lâu đời, nhất là nghệ thuật múa. Họ có nền văn minh sớm với nhiều công trình văn hoá nổi tiếng. Cháu hãy nghiên cứu học tập để nắm vững tinh hoa, nghệ thuật múa Ấn Độ. Khi nào cháu học xong trở về, Bác sẽ xem những điệu múa của cháu".

Thuý Quỳnh tâm niệm đó là một phương hướng học tập ở nước ngoài mà thời gian đã chứng minh sự đúng đắn của phương hướng ấy. Những lần biểu diễn phục vụ khách nước ngoài cũng như những lần các đoàn nghệ thuật hát múa Việt Nam chuẩn bị ra nước ngoài biểu diễn, Thủ tướng Phạm Văn Đồng luôn luôn căn dặn vấn đề gìn giữ bản sắc dân tộc và trong nhiệm vụ đối ngoại, Nhà hát ca múa nhạc Việt Nam cố gắng đi đúng phương châm dân tộc, hiện đại, kể cả khi các hoạt động sáng tác, biểu diễn múa chuyển sang cơ chế thị trường. Tuy bận những việc quốc gia đại sự, Thủ tướng vẫn chăm chút đến những tài năng trẻ của đất nước. Sự quan tâm của Bác không chỉ dừng lại ở những lời nhắc nhở, động viên mà còn thể hiện ở những biện pháp tích cực. Nghệ sĩ

1. Theo *Đại Việt Sử Ký toàn thư*, truyện Trần Hưng Đạo và bài tựa Lĩnh Nam dật sử.

nhân dân Thuý Quỳnh luôn ghi nhớ công ơn của Bác đã tạo điều kiện rất tốt cho mình được trở lại Ấn Độ học múa sau khi về nước chịu tang chồng. Nghệ sĩ ưu tú Mạnh Hùng nhớ lại lúc bấy giờ chị gặp muôn vàn khó khăn, tưởng chừng như không vượt qua nổi như chồng ốm thập tử nhất sinh mà mình phải đi học xa, chồng mất thì vấn đề con thơ sẽ giải quyết như thế nào, tiền đâu mua vé máy bay sang Niu Đêli để học tiếp hai năm nữa. Chính trong những lúc khó khăn ấy chị mới thấy hết công ơn của Đảng và Nhà nước, cụ thể là của Thủ tướng Phạm Văn Đồng. Bác đã làm việc với Bộ Văn hoá Thông tin và nghệ sĩ Thuý Quỳnh được nhà nước cấp vé máy bay sang Ấn Độ học tiếp.

Không phụ lòng tin của Thủ tướng, Nghệ sĩ Thuý Quỳnh đã phấn đấu học thật giỏi. Có lần Thủ tướng sang Ấn Độ dự Hội nghị các nước không liên kết, chị xin phép được báo cáo với Bác kết quả học tập của mình. Xem múa xong Thủ tướng rất hài lòng vì đã chọn đúng người đưa ra nước ngoài đào tạo. Học viện Trivanni Kalasengam và Shriram Bharata Natyam Kalakendrateno cấp cho chị ba chứng chỉ về kết quả thực tập khoa học xuất sắc¹. Mới sau một năm học chị đã được báo "Người yêu nước" ở Ấn Độ ca ngợi ở bài "Một ngôi sao múa từ bầu trời phương Đông" qua buổi biểu diễn báo cáo của chị. Sau ba năm hoàn thành khoá học trở về, buổi trình diễn gần hai tiếng đồng hồ về múa Ấn Độ với phần thuyết minh xuất

1. Theo chế độ thực tập sinh khoa học - một hình thức đào tạo bồi dưỡng sau đại học, khi học viên đã kết thúc việc nghiên cứu thực tập một chuyên đề, Học viện cấp chứng chỉ. Ba chứng chỉ nói trên là chứng chỉ về ba chuyên đề: Kathak, Bharata Natyam và Odissi Kathak là múa cổ điển miền Bắc Ấn Độ, Bharata Natyam là múa cổ điển miền Nam Ấn Độ, Odissi là múa truyền thống của một vùng văn hoá đặc sắc.

xú các vũ điệu, tên gọi và ngữ nghĩa từng động tác (từ nét mặt, khoé mắt đến thế chân, thế ngón tay...) làm cho Thủ tướng rất hứng thú xem. Bác còn bắt chước làm theo một vài điệu bộ. Điều đó có ý nghĩa động viên rất lớn đối với Nghệ sĩ nhân dân Thuý Quỳnh. Thủ tướng hiểu ngôn ngữ nghệ thuật Ấn Độ - đất nước của một nền văn hoá múa đặc sắc vào bậc nhất phương Đông. Những người xem biểu diễn hôm ấy rất kính phục Thủ tướng - một nhà văn hoá lớn không trọng văn khinh nghệ, có trình độ thưởng thức nghệ thuật cao, làm cho các nghệ sĩ phải tự nhủ hãy nghiêm túc lao động nghệ thuật, phát huy trí lực trong khi múa. Nhìn những giọt mồ hôi lăn trên gò má diễn viên, Thủ tướng rất thông cảm sự vất vả của lao động nghệ thuật múa. Thủ tướng thường thăm hỏi đời sống của diễn viên và giúp đỡ họ khắc phục những khó khăn trong cuộc sống đời thường.

Sau khi chồng mất, Nghệ sĩ nhân dân Thuý Quỳnh sống với con thơ trong một căn phòng hẹp, dột nát của khu tập thể. Nghe đồng chí Hoàng Quốc Dũng - trợ lý của Thủ tướng - báo cáo về đời sống khó khăn của diễn viên, đặc biệt của những nghệ sĩ tài hoa, Thủ tướng làm việc với Bộ chủ quản và các nghệ sĩ nổi tiếng thời bấy giờ như Đặng Thái Sơn, Chu Thuý Quỳnh, Hải Ninh được cấp nhà ở. Sự quan tâm đến đời sống diễn viên của Thủ tướng càng làm cho các nghệ sĩ trẻ thêm kính yêu. Trong tình cảm của họ có sự kính trọng đối với lãnh tụ và sự yêu thương đối với một người cha. Các nghệ sĩ Đặng Thái Sơn, Trà Giang, Thuý Quỳnh quý Thủ tướng như cha và ngược lại Người cũng coi các nghệ sĩ ấy như con - những người con trong đại gia đình văn hoá.

Có lần Chu Thuý Quỳnh đan tặng Thủ tướng một chiếc khăn quàng. Vật tặng cũng nhỏ thôi nhưng lời cảm ơn của Thủ tướng làm cho nghệ sĩ ghi nhớ mãi: "Cảm ơn cái khăn -

một, cảm ơn đôi bàn tay - mười, còn cảm ơn tấm lòng thì vô kể." Của một đồng, công một nén, Thủ tướng biết quý sức lao động của con người bỏ ra khi người đan gửi tất cả tấm lòng kính trọng và biết ơn đối với vị lãnh đạo nhà nước đã giúp đỡ một gia đình nghệ sĩ vượt qua những khó khăn rất lớn trên con đường nghệ thuật. Những lần vào Phủ Chủ tịch biểu diễn phục vụ, các nghệ sĩ múa biết được nhu cầu thưởng thức nghệ thuật của Thủ tướng. Bác thích xem những điệu múa dân gian đặc sắc và thường tìm hiểu đặc điểm văn hoá dân tộc của những điệu múa ấy. Có khi Thủ tướng vừa xem vừa giải thích cho các Thượng khách nước ngoài ngồi xem bên cạnh. Được giới thiệu, khách càng hứng thú xem đến hết những điệu múa. Nhiều khi xem xong một vũ khúc Thủ tướng hỏi xuất xứ, có diễn viên không trả lời được. Bác thích xem các nghệ sĩ Thuý Quỳnh, Mạnh Hùng, Anh Nghiêm, Phùng Nhạn biểu diễn vì ngoài việc múa đẹp, có hồn, họ còn hiểu biết những điệu mà họ trình diễn.

Ngôn ngữ múa không cần phiên dịch cho nên những điệu múa dân gian các dân tộc Việt Nam là nhịp cầu hữu nghị đưa các nước bạn đến với nước ta, tăng cường sự hiểu biết của các đoàn khách chính phủ đối với đất nước có bốn nghìn năm văn hiến. Là một nhà ngoại giao lịch lãm, Thủ tướng đã dùng sức mạnh của văn hoá dân tộc để tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ của bạn bè năm châu đối với cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

Mặc dù bận trăm công nghìn việc, Thủ tướng vẫn dành thời gian, cùng các cán bộ và nhân viên phục vụ của văn phòng Chính phủ, xem múa vào tối thứ bảy. Những điệu múa tươi vui, nhẹ nhàng, những cuốn phim Việt Nam giúp Bác thư giãn sau một tuần làm việc mệt nhọc. Sinh hoạt văn

hoá trong Phủ chủ tịch rất thân mật đậm ấm, không có sự phân biệt đối xử đối với người biểu diễn phục vụ. Được dự những bữa cơm thanh đạm của Thủ tướng, các diễn viên múa rất đỗi ngạc nhiên vì họ không ngờ rằng một vị đứng đầu Nhà nước sống một cách bình dị như vậy. Nghệ sĩ nhân dân Thuý Quỳnh phát biểu: "Được gần gũi Bác Hồ, Bác Đồng tôi càng thấy rõ nhân cách của những người cộng sản chân chính, những nhà văn hoá lớn". Được sống và làm việc gần Chủ tịch Hồ Chí Minh, Thủ tướng Phạm Văn Đồng trở thành một khuôn mẫu về cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Những phẩm chất đạo đức ấy thể hiện trong cuộc sống đời thường của Thủ tướng. Đứng bên cạnh Bác, các nghệ sĩ tự thấy mình bé nhỏ. Trong thời kỳ đổi mới, Thủ tướng vẫn dõi theo sự phát triển của nghệ thuật múa dân tộc. Chấp thuận đề xuất của Bộ trưởng Bộ Văn hoá Nguyễn Văn Hiếu rằng, Nghệ sĩ nhân dân Chu Thuý Quỳnh rất cần cho công tác lãnh đạo nhà hát ca múa nhạc Việt Nam, Thủ tướng khuyên nghệ sĩ nên nhận nhiệm vụ giám đốc nhà hát và trên cương vị mới này vẫn có điều kiện thực hiện ước mơ xây dựng những chương trình múa phương Đông của mình. Thủ tướng thường căn dặn vị nữ giám đốc này không ngừng nâng cao trình độ nghiệp vụ và phấn đấu có nhiều tác phẩm hay trên cơ sở phát triển nghệ thuật truyền thống.

Với lòng tôn kính đối với một vị lãnh đạo kiệt xuất của Đảng và Nhà nước, Nghệ sĩ nhân dân Chu Thuý Quỳnh, khi tiễn đưa Bác về nơi an nghỉ cuối cùng, đã có mấy vần thơ:

Bác đã đi xa với tổ tiên

Non sông đất nước mãi không quên

Bác ra đi - tới chân trời mới

Bác Hồ vẫn gọi đó Bác ơi

Trời cao biển rộng hồn sông núi

*Tình Bác bao la với muôn người
Con xin vĩnh biệt Bác - Bác ơi
Nhớ thương một nén hương mờ khói
Tiễn biệt Bác đi nước mắt rơi
Ở trên trần thế vọng theo Bác
Mãi miệt trời xanh Bác vẫn cười
Cháu con gọi Bác mãi Bác ơi!*

PHẠM VĂN ĐỒNG VỚI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC

GS, TS. Phan Ngọc Liên

Trong công lao to lớn về nhiều mặt của Phạm Văn Đồng đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc, nổi lên sự đóng góp vào sự nghiệp "trồng người". Có lẽ, một trong những ảnh hưởng lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với Phạm Văn Đồng là sự nhận thức ý nghĩa của giáo dục đối với đất nước, và sự quan tâm đến công tác giáo dục. Trong nhiều bài viết, bài nói của mình, Phạm Văn Đồng thường nhắc lại một "ham muốn tột bậc" của Bác Hồ là làm sao cho "ai cũng được học hành". Trong nhiều năm ở cương vị đứng đầu Chính phủ, Ủy viên Bộ Chính trị, Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng và những năm cuối đời, đồng chí Phạm Văn Đồng luôn băn khoăn suy nghĩ về một câu nói của Bác Hồ: "Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu"¹. "Cần hiểu câu nói này của Bác Hồ như thế nào để có chiều rộng và chiều sâu đích đáng, về trước mắt và lâu dài? Phải chăng, đây là đòi hỏi lịch sử và cơ hội lịch sử phát triển giáo dục đến mức cao nhất, với tất cả những cống hiến quý báu của nó đối với dân tộc Việt Nam ta trong thời đại Hồ Chí Minh, từ nay cho đến những thế hệ mai sau, nhằm bù đắp lại biết bao điều dân tộc Việt Nam ta

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.8.

chưa làm được, chưa có được trong quá trình lịch sử đã qua"¹.

Vấn đề đặt ra đã được Phạm Văn Đồng góp phần giải quyết trong hoạt động thực tiễn cũng như về lý luận. Ở đây, chúng tôi xin nêu một số điểm chủ yếu về những đóng góp to lớn của đồng chí đối với sự nghiệp giáo dục.

Trước ngày cuộc kháng chiến bùng nổ trên toàn quốc (19-12-1946), Phạm Văn Đồng là Đại diện của Trung ương Đảng và Chính phủ tại miền Nam Trung Bộ. Trong một buổi nói chuyện với chúng tôi về cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Bác cho biết "một trong những thời gian mà tôi làm việc say sưa, hứng thú nhất. Đó là do trách nhiệm nặng nề được giao, cộng với tình cảm quê hương. Chỉ trong một thời gian ngắn trong điều kiện kháng chiến gian khổ ở một vùng đất mà đa phần dân chúng nghèo đói, thất học lại tự túc được lương thực, vải mặc, các lớp bình dân học vụ mở khắp nơi, trường học được xây dựng nhiều hơn. Thế là chúng ta bước đầu làm được điều Bác Hồ dạy là chống giặc ngoại xâm, giặc đói, giặc dốt. Kỳ lạ, kỳ lạ thật. Chỉ có Đảng, Bác Hồ, nhân dân mới làm được!"

Đúng như vậy, trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp ngoài những thành tựu về kinh tế, chính trị, quân sự... nhân dân Quảng Ngãi cũng đạt được nhiều kết quả to lớn trên lĩnh vực giáo dục: Quảng Ngãi là một trong những tỉnh đầu tiên của cả nước xoá được nạn mù chữ; Trường Trung học Lê Khiết, Trường Trung học bình dân đã cung cấp cho đất nước nhiều nhà chính trị, quân sự, quản lý, các giáo sư, tiến sĩ tài năng.

Từ tháng 10 năm 1955 đến cuối năm 1987, trên cương vị

1. Phạm Văn Đồng: *Về vấn đề giáo dục - đào tạo*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999, tr.14-15.

là Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, Phạm Văn Đồng đã trực tiếp chỉ đạo hai cuộc cải cách giáo dục (1956 và 1981), đóng góp nhiều ý kiến có giá trị cho việc xây dựng chương trình biên soạn sách giáo khoa, cải tiến phương pháp dạy học, xây dựng cơ sở vật chất cho nhà trường. Khẩu hiệu nổi tiếng của đồng chí: *"Trường ra trường, lớp ra lớp, thầy ra thầy, trò ra trò, dạy ra dạy, học ra học"*, trở thành mục tiêu phấn đấu của ngành giáo dục về đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học, xây dựng trường sở sạch đẹp, có nhiều thầy giỏi, trò ngoan. Phạm Văn Đồng trở thành người thầy, người bạn đồng nghiệp thân thương của các thầy, cô giáo, học sinh, sinh viên các trường đại học và phổ thông. Đồng chí đến thăm nhiều trường thuộc các cấp học, ở mọi miền của đất nước. Đồng chí động viên, đánh giá: *"Nghề dạy học là một nghề cao quý trong các nghề cao quý nhất"*, biểu dương khen thưởng những học sinh đạt được thành tích cao trong học tập, trong các kỳ thi học sinh giỏi trong và ngoài nước. Trường đại học Sư phạm Hà Nội được Bác Phạm Văn Đồng nhiều lần về thăm, dự giờ giảng, trao đổi khoa học với cán bộ giảng dạy, góp ý với lãnh đạo trường, trồng cây lưu niệm trên sân trường. Thầy và trò Trường đại học Sư phạm Hà Nội đề nghị Bác nhận làm Giáo sư danh dự của trường, và được phép lập *"Quỹ học bổng Phạm Văn Đồng"*. Vốn khiêm tốn và thận trọng, Bác hỏi cận kề: *"Giáo sư danh dự làm gì?", "Làm sao gây được "Quỹ học bổng" và sẽ sử dụng ra sao?"*. Bác hỏi: *"Tôi phải biết rõ để nhận lời và đã nhận lời thì phải làm thực sự, chứ không là danh nghĩa"*.

Phạm Văn Đồng là một nhà lý luận về giáo dục. Chúng ta có thể tìm thấy tư duy sâu sắc, những tư tưởng mới, những giải pháp mạnh dạn, thiết thực của đồng chí trong nhiều bài nói, bài viết trong lĩnh vực này.

Đồng chí suy nghĩ liên tục, triệt để, lắng nghe ý kiến của nhiều người, nhất là cán bộ ngành giáo dục, đòi hỏi họ phải nghiêm túc thực hiện những lời dạy của Bác Hồ, quan điểm, đường lối giáo dục của Đảng. Thật cảm động biết bao, ở tuổi 90 mà đồng chí vẫn đi thăm trường, dự lớp, trao đổi với giáo viên phổ thông, giảng viên đại học về các vấn đề: "Giáo dục - quốc sách hàng đầu, tương lai của dân tộc", về giáo dục ở bậc phổ thông và bậc đại học xoay quanh chủ đề "*Dạy ai?*", "*Dạy cái gì?*", "*Dạy như thế nào?*"... Đó là "*mục tiêu đào tạo*", "*nội dung và phương pháp giáo dục*", những vấn đề dường như quá "cổ điển", ai cũng có thể hiểu và nghĩ đến, song thực tế lại không phải đơn giản như vậy. Theo đồng chí "nói thì dễ nhưng làm thì khó, về bất cứ việc gì cũng đều như vậy, làm cho được giáo dục là quốc sách hàng đầu, tương lai của dân tộc lại càng khó về nhiều mặt"¹. Muốn giải quyết vấn đề "có ý nghĩa lý thuyết và thực tiễn rất thiết thực" cần phải "*luôn luôn coi trọng giáo dục, ham mê giáo dục, coi đó là nhân tố có tầm quan trọng bậc nhất góp phần không chỉ làm nên sự nghiệp của một con người, mà còn là động lực làm nên lịch sử của một dân tộc, của cả loài người*"².

Đọc quyển *Về vấn đề giáo dục - đào tạo* được viết trong mấy năm cuối đời của đồng chí, chúng ta càng thấy rõ hơn tấm lòng, tầm vóc, chiều sâu trong suy nghĩ của Phạm Văn Đồng với giáo dục. Hơn thế nữa, qua đồng chí chúng ta càng thấm thía với lời dạy của Bác Hồ trong Di chúc: "*Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết*"³. Chúng ta tiếp nhận trong tác phẩm cuối cùng của Phạm Văn Đồng về giáo dục: "... những ý kiến, những

1, 2. Phạm Văn Đồng: *Về vấn đề giáo dục - đào tạo*, Sđd, tr.6-7.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, tập 12, tr.510.

trần trở suy tư, những lời nhắn nhủ thế hệ trẻ, những giải pháp đề ra. Trong cuốn sách quan trọng này là những đóng góp quý giá của tác giả cho vấn đề giáo dục - đào tạo của đất nước ta"¹.

Qua nhiều tác phẩm của Phạm Văn Đồng, đặc biệt trong quyển *Về vấn đề giáo dục - đào tạo* chúng ta có thể rút ra một số luận điểm quan trọng của đồng chí về giáo dục sau đây:

Thứ nhất: Ý nghĩa, tầm quan trọng của "Giáo dục nói cho cùng là rèn luyện con người, vũ trang cho con người những hiểu biết và kỹ năng nhằm đảm đương những công việc ích nước, lợi nhà trong từng thời gian của lịch sử dân tộc"². Vì vậy, đối với chúng ta ngày nay, giáo dục phải là "Quốc sách hàng đầu; điều này "Có nghĩa là sự nghiệp giáo dục và chính sách giáo dục của Đảng và Nhà nước ta có tầm quan trọng hàng đầu, các cơ quan có thẩm quyền và mọi người, mọi tầng lớp nhân dân trong cả nước đều phải coi trọng như vậy và phải làm đúng như vậy"³.

Thứ hai: Giáo dục, trước hết là giáo dục phổ thông phải thuộc về trẻ em, để "phát huy tất cả những gì trong sáng, lành mạnh, những triển vọng tốt đẹp, đồng thời bằng mọi cách, từ mọi phía (nhà trường, thầy giáo, cô giáo, gia đình cha mẹ, bà con, địa phương, Đoàn thanh niên, Hội thanh niên, Hội phụ nữ, môi trường xung quanh), làm hết sức nhằm vào việc dạy và học ở phổ thông"⁴.

Thứ ba: Phương pháp dạy, học là điều cơ bản để thực hiện mục tiêu đào tạo, chuyển tải nội dung, làm sao cho

1. Phạm Văn Đồng: *Về vấn đề giáo dục - đào tạo*, sđd.

2. Sđd, tr.9.

3. Sđd, tr.10-11.

4. Sđd, tr.38.

"người học suy nghĩ, tìm tòi, hiểu rộng hơn điều thầy nói, mở rộng từ đây và năng lực sáng tạo của người học"¹. Tiến hành phương pháp dạy, học như vậy (trái ngược với kiểu dạy nhồi nhét, kinh viện) sẽ "khơi dậy cái vốn trí tuệ có thể còn tiềm ẩn ở trong mỗi em, kể cả những em trong đời sống bình thường hình như rất kém thông minh".

Trong các ý tưởng cụ thể cho sự phát triển giáo dục nhanh chóng, vững chắc của Phạm Văn Đồng, chúng tôi chỉ ghi lại một vài điểm nhằm làm rõ tâm vóc, tấm lòng của Bác đối với sự nghiệp giáo dục. Có thể nhận thấy rằng từ thực tiễn giáo dục cách mạng Việt Nam, quan điểm, đường lối giáo dục của Đảng và tâm tư duy, sự hiểu biết, quan niệm của bản thân Bác Phạm Văn Đồng đã tiếp cận được lý luận hiện đại, tiên tiến của giáo dục thế giới, góp phần phát triển khoa học giáo dục nước ta và đưa lại hiệu quả cao cho việc xây dựng nền giáo dục Việt Nam.

1. *Sđd*, tr.47-48.

BÁC PHẠM VĂN ĐỒNG - MỘT NHÀ LÃNH ĐẠO ĐẶC BIỆT QUAN TÂM ĐỐI VỚI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO

*Nhà giáo ưu tú Hoàng Trương**

Chúng ta ai cũng biết Bác Phạm Văn Đồng, người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh là một nhà chính trị lỗi lạc, nhà ngoại giao tài ba, nhà văn hoá lớn của đất nước. Sau khi Bác Đồng qua đời, nhiều hãng thông tấn nước ngoài đưa tin đậm nét về Bác với nội dung: Nguyên Thủ tướng Phạm Văn Đồng, nhà lãnh đạo có uy tín lớn của Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam, một chiến sĩ cộng sản kiên cường, một nhà ngoại giao vĩ đại, nhà văn hoá lớn của Việt Nam trong thế kỷ XX. Hãng thông tấn Roitơ ca ngợi "Nguyên Thủ tướng Phạm Văn Đồng là gương mặt và tiếng nói của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trong thời kỳ chiến tranh Việt Nam, ông đã dùng tài ngoại giao siêu phàm của mình để góp cho sự nghiệp giải phóng và thống nhất đất nước oanh liệt của nhân dân Việt Nam".

Cả cuộc đời mình, Bác Đồng luôn luôn quan tâm đến sự

* Chủ tịch Hội Khuyến học tỉnh Quảng Ngãi, nguyên Phó giám đốc Sở Giáo dục tỉnh Nghĩa Bình, nguyên Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

nghiệp giáo dục - đào tạo. Trong những ngày đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp đầy khó khăn gian khổ, từ cuối năm 1946, được Trung ương Đảng và Chính phủ cử làm đại diện của Đảng, Chính phủ tại miền Nam Trung Bộ, Bác Đồng với nhiều công việc bề bộn, vẫn nghĩ đến việc mở mang sự nghiệp giáo dục. Cùng với việc chống giặc đốt, thi đua xoá mù chữ, Bác Đồng đã sớm đề xuất việc mở Trường Trung học phổ thông Lê Khiết và Trường Trung học bình dân miền Nam Trung Bộ. Bác nói: Chỉ có lòng yêu nước, tinh thần cách mạng, đức hy sinh thì cũng chưa đủ để làm một "công bộc của dân". Ở Khu V lúc ấy cần một đội ngũ cán bộ, đảng viên có tri thức. Cán bộ, đảng viên không thể nào cấp sách đi học như ở trường trung học phổ thông. Do vậy, Bác Đồng đã quyết định thành lập Trường Trung học cho cán bộ, lấy tên là Trường Trung học bình dân miền Nam Trung Bộ, đặt tại Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi cho học viên là cán bộ ở các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà, Bình Thuận, Nghệ An vào hoạt động ở chiến trường Khu V về học. Thầy Nguyễn Tiên, một nhân sĩ trí thức làm Hiệu trưởng. Bác Đồng người sáng lập được mời làm Hiệu trưởng danh dự. Sau lễ khai giảng, Bác Đồng đã giảng bài đầu tiên: "Trung với nước, hiếu với dân", đúng với truyền thống giáo dục Việt Nam là "Tiên học lễ, hậu học văn".

Sau này, trên cương vị là Thủ tướng Chính phủ, Bác Đồng luôn luôn quan tâm chăm lo phát triển sự nghiệp giáo dục của đất nước. Bác nói: "Giáo dục là bộ phận khăng khít của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, và nhìn về lâu dài thì đây là bộ phận rất quan trọng, bởi lẽ nói cho cùng, chiến lược của chúng ta là chiến lược con người - nhân tố quyết định tất cả". Bác Đồng cũng đã từng nói: "Nền giáo dục quốc dân phải đào tạo cho xã hội những chiến sĩ xây dựng và bảo

vệ Tổ quốc, những người sáng tạo ra những giá trị vật chất và giá trị văn hoá, mở mang các ngành nghề, sử dụng hết lao động, đất đai, rừng biển và mọi năng lực sản xuất trong từng địa phương lớn, nhỏ và trong cả nước, góp phần vào sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa của dân tộc. Những giá trị vật chất bao quát các lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân và góp phần quyết định vào quá trình phát triển của xã hội loài người. Những giá trị văn hoá bao quát các lĩnh vực khoa học - kỹ thuật, văn học - nghệ thuật có tác dụng ngày càng to lớn đối với nền kinh tế, văn hoá và đời sống con người".

Khi làm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bác Đồng đã nói: "Có vấn đề rất quan trọng là thực hiện công bằng về quyền lợi giáo dục, nghĩa là tạo điều kiện cho người nghèo được học tập... Để thực hiện mong muốn tột bậc của Bác Hồ là " ai cũng được học hành". Đồng thời nhất quyết không được quên việc bồi dưỡng nhân tài, trước mắt và trọng điểm là nhân tài cho các lĩnh vực mũi nhọn, kịp chiếm lĩnh những đỉnh cao trên con đường đi tắt lên hiện đại hoá và công nghiệp hoá sớm. Trong khi làm những việc rất quan trọng đó, đừng coi nhẹ vấn đề giáo dục lý tưởng, truyền thống và đạo đức dân tộc trong việc "Trồng người" mà trong những năm gần đây bị coi quá nhẹ".

Bác Đồng nhấn mạnh: "Chúng ta phải dần dần làm cho xã hội Việt Nam trở thành một xã hội trong đó mọi người đều có lòng ham muốn và có điều kiện học tập". Bác Đồng cũng đánh giá rất cao vai trò nhà giáo, khi Bác nói: "Nhân dân ta có truyền thống tôn trọng và đề cao nghề dạy học. Các thầy giáo, cô giáo ở tất cả các trường hãy xứng đáng với vị trí cao quý của nghề mình". Để có thể phát triển mạnh mẽ sự nghiệp giáo dục, có chất lượng cao phải có một đội ngũ giáo viên giỏi, đồng bộ và đầy đủ để từng bước phổ cập và nâng

cao chất lượng giáo dục, phải hết sức chăm lo đào tạo và bồi dưỡng giáo viên, phải tuyển chọn những học sinh giỏi, có phẩm chất tốt vào học các trường sư phạm. Bác căn dặn: "Toàn ngành giáo dục và từng nhà trường cần tích cực thực hiện chương trình bồi dưỡng và tự bồi dưỡng của thầy giáo, cô giáo về nghiệp vụ và đặc biệt là về phẩm chất và đạo đức".

Để có thể đưa sự nghiệp giáo dục phát triển nhanh và vững chắc, Bác nhắc nhở: "Các cấp ủy Đảng, chính quyền các tỉnh, thành phố, huyện, quận, xã, phường, các xí nghiệp, hợp tác xã, các đoàn thể quần chúng, cả xã hội và toàn dân ta cần nhận rõ công lao và cống hiến của các thầy giáo, cô giáo, hết sức coi trọng, nâng cao vị trí xã hội, tạo điều kiện cho việc giảng dạy, cải thiện đời sống vật chất và văn hoá của các thầy giáo, cô giáo".

"Tôi mong rằng những điều tôi nói trên đây không những chỉ được các đồng chí trong ngành giáo dục quan tâm, mà còn được các đồng chí có trách nhiệm trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, các đoàn thể quần chúng..., chú ý đúng mức".

BÁC PHẠM VĂN ĐỒNG VỚI HUẾ VÀ TRƯỜNG QUỐC HỌC

*Nguyễn Tống**

Vùng đất Huế và Trường Quốc học đối với Bác Phạm Văn Đồng có một tình cảm sâu nặng, hằn vào trong ký ức những kỷ niệm vui buồn khó phai nhòa. Trong cuộc họp mặt của thầy trò cũ Quốc học tại Hà Nội ngày 4 tháng 2 năm 1983, Bác Phạm Văn Đồng tâm sự: "Tôi ở Huế đến 11 năm từ hồi còn bé và đã học ở Huế từ thời tiểu học. Tôi nghĩ rằng non sông đất nước ta đẹp đẽ, hùng tráng, nhưng không đâu phong cảnh xinh đẹp và nên thơ bằng thành phố Huế. Tôi thuộc khoá học sinh Quốc học từ năm 1920, có lẽ thuộc loại xưa nhất. Truyền thống Quốc học thật là đẹp. Tình cảm thầy trò Trường Quốc học thật là quý. Từ cuộc gặp mặt này, tôi suy nghĩ là rồi đây chúng ta cần phải phát huy làm sao nuôi dưỡng cho thế hệ con em chúng ta giữ được đạo nghĩa thầy trò, tình bạn học, từ đây mà hun đúc cho chúng ta chí khí làm nên bao sự nghiệp lớn lao".

Lòng yêu nước và tinh thần tự tôn dân tộc ở Bác Phạm Văn Đồng đã hình thành trong những ngày học ở Trường Quốc học. Sự kiện Bác kể sau đã nói lên điều đó: "Đang giờ

* Giáo viên Trường Quốc học Huế

sinh vật (sciences naturelles), chúng tôi học với bà giáo người Pháp. Trước khi học bài mới, bà giáo kiểm tra bài cũ, nhan đề là: "Fruit sec - (quả khô)". Bà giáo gọi một bạn lên bục. Anh chàng này không học bài nên lên bục thì đứng trơ ra như phỗng, không nói được gì. Bà giáo mắng và nói mỉa mai: "Vous êtes sec comme un fruit sec" (Anh cũng khô như một quả khô). Lúc đó không biết thế nào, tôi buột miệng đứng dậy, nói: "Et madame, vous êtes si spirituelle" (Và thưa bà, bà chơi chữ thật là thông minh và tế nhị). Tôi khen bà ta thông minh và tế nhị, chơi chữ tài. Ngờ đâu bà ta lại nổi giận, chắc là trách tôi có ý nghĩ gì khác, rồi bà phạt tôi, ghi vào sổ phạt. (Cahier de consigne). Thế đấy các đồng chí ạ. Chuyện đó đã lâu rồi nhưng tôi vẫn còn nhớ, nhớ để mà cố học, không để bị người ta khinh rẻ. Đó chỉ là câu chuyện vui đùa, nhưng dù sao cũng là một bài học.

Những năm đầu của thập kỷ hai mươi, chính quyền thực dân Pháp đã ra sức ngăn cản, bưng bít những tư tưởng tiến bộ cách mạng, nhồi nhét rao giảng cho thế hệ thanh niên, học sinh chúng ta những bài học phản động như môn sử ký Việt Nam lại có bài "Les bienfaits de la France" (công ơn của nước Pháp). Thầy Lê Xuân Phương dạy ở Quốc học đã bỏ không giảng bài này. Các học sinh như Tạ Quang Bửu, Võ Nguyên Giáp "sung sướng được đọc báo *Le Paria* (Người cùng khổ) của Nguyễn Ái Quốc do chính các thầy người Việt bí mật và trân trọng mang về".

Người học sinh Phạm Văn Đồng lại biết đến Bác Hồ qua một bức chân dung. Bác Đồng kể lại: "Tôi bắt đầu gặp Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh là qua một bức ảnh. Hồi đó tôi học năm thứ tư Thành chung ở Trường Quốc học Huế. Một hôm, tôi được xem ảnh một người còn trẻ, đội mũ phớt tròn, là kiểu mũ thường dùng lúc bấy giờ ở châu Âu. Con

người trong ảnh toát ra sức hấp dẫn lạ lùng. Hồi đó mọi người chuyên tay cho nhau xem ảnh đều biết là ảnh Nguyễn Ái Quốc, với những tin từ Pháp truyền về làm nổi bật hoạt động của Người ở Pháp. Đây là sự kiện quan trọng trong đời tôi. Những sự kiện về sau càng làm tôi có ấn tượng sâu sắc về lần đầu tiên ấy". Sự kiện này dẫn dắt bước chân của Bác Đồng rời Huế, ra Hà Nội học, rồi tìm đến Quảng Châu dự lớp học của đồng chí Vương - Nguyễn Ái Quốc tổ chức giảng dạy vào mùa thu năm 1926. Từ đó, Bác dẫn thân trên con đường đấu tranh cách mạng cho đến cuối đời.

Do biến động của lịch sử và sự cuốn hút của nhiệm vụ cách mạng, mãi sau ngày đất nước thống nhất, sau bốn mươi năm dài xa Huế, Bác Phạm Văn Đồng mới có điều kiện trở lại mái trường xưa. Trong dịp này, Bác đã tặng trường bức chân dung với bút tích Bác ghi và ký ngày 8 tháng 12 năm 1976 để bổ sung tư liệu xây dựng phòng truyền thống lúc này còn rất thiếu.

Trong dịp Trường Quốc học chuẩn bị lễ kỷ niệm một thế kỷ thành lập, đồng thời đón Huân chương Độc lập tổ chức vào ngày 23 tháng 10 năm 1996, Bác Phạm Văn Đồng đã ghé thăm Huế, thăm trường vào sáng ngày 3 tháng 5 năm 1996. Tôi tin rằng những ai được tiếp xúc với Bác trong lần này đều lưu lại những ấn tượng sâu sắc. Ở vào tuổi chín mươi, đời làm cách mạng trải qua nhiều gian khổ, sức khoẻ Bác Phạm Văn Đồng lúc này giảm sút nhiều, nhưng tinh thần minh mẫn kỳ lạ. Tám giờ năm phút, xe Bác dừng ở sân trường. Chậm rãi đi lên thêm tượng đài người học sinh Nguyễn Tất Thành, Bác Đồng kính cẩn trầm tư tưởng niệm về người thầy vừa là người đồng chí vừa là người đồng môn - Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại. Sau đó, Bác Phạm Văn Đồng đến mảnh vườn trường phía trái, vun trồng thêm một cây ngâu, điểm

thêm một nụ cười yêu mến vào không gian Quốc học, góp thêm một màu xanh hy vọng cho tương lai. Xong việc, Bác thông thả trở lại hội trường, trong sự chan hoà giao cảm giữa bậc tiền bối với những kẻ hậu sinh. Tôi có cảm giác rằng đằng sau đôi kính râm mát, tiềm thức xa xăm của Người hiện về như cuốn phim dĩ vãng một thời học trò dồi dào sinh lực và cháy bỏng mộng ước lý tưởng lớn lao, áp ủ dưới mái trường uy nghi hồng tươi hy vọng.

Bác đón nhận những đứa cháu thân thương ở Trường Quốc học kính cẩn dâng lên những đoá hoa trí tuệ, tôn vinh thêm truyền thống Quốc học trăm năm và góp phần tăng thêm niềm tự hào chính đáng cho miền đất Huế đã từng một thời là xứ kinh kỳ văn hiến. Bác nghe mà cất lên những trang cười sáng khoái tán dương ha hả.

Lớp cháu chất ngày hôm nay, đang sống trong bối cảnh thanh bình và lạc quan thời mở cửa. So với thời của Bác thì đã thuận lợi và hạnh phúc nhiều lắm lắm. Thời ấy ngay cả tính mạng của Bác cũng khó bảo toàn, sá gì là những vương bện vật chất tầm thường. Trong tư thế người lính cảm tử, Bác đã từng đối mặt với những tên thực dân đế quốc sen đầm dầu sỏ, chiến thắng chúng để giành lại màu xanh thanh bình trên quê hương, góp phần mở ra một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên Hồ Chí Minh rực rỡ tên vàng.

Bác đề nghị được nghe những ý kiến trung thực, mạnh dạn của các cháu. Người thì thưa với Bác rằng việc học ngày nay do ảnh hưởng của cơ chế thị trường, có nhiều khoản đóng góp nên con em thành phần lao động nghèo sẽ rơi vào bất kham. Kể thì nhận xét khoa học kỹ thuật ngày nay tiến nhanh như vũ bão mà phương pháp giảng dạy, điều kiện học tập còn lạc hậu, cũ kỹ! Có người lại băn khoăn về đồng lương hữu hạn mà cuộc sống lại lắm nhu cầu nên không tránh khỏi hiện tượng "tay ngoài dài hơn tay trong"... nhiều người giỏi

rời Huế đi tìm "miền đất hứa".

Bác ghi nhận tất cả những bản khoản chân thành trên. Người đứng dậy, nêu lên một số vấn đề rõ ràng mạch lạc, đồng thời yêu cầu các cháu trả lời như sau:

- Tâm nguyện của Bác Hồ trước đây là: "Ai cũng được học hành". Vậy "Ai" đó là ai? Ai học, ai dạy?

- Thường có phải con em nhà nghèo là học giỏi phải không? Đúng không?... Vậy thì, làm thế nào để các cháu đó có điều kiện học tập?

- Có hiện tượng con nhà giàu học kém nhưng muốn có bằng là có bằng! Đó là một sự bất công cần phải xoá bỏ. Đúng không?

Những vấn đề Bác đặt ra ngỡ là đơn giản nhưng quả thật đó là một cuộc kiểm tra vấn đáp nan giải mà chúng tôi không ai được điểm tối ưu. Tệ hơn, có người còn bị Bác phê là đang mắc căn bệnh hình thức lễ nghi cổ hủ, chúc tụng rườm rà, dông dài giải thích, lãng phí thì giờ.

Bác lại đứng dậy. Như một "Vị tổ sư" đang vận dụng tâm pháp để khai thông tâm hồn cho đám đệ tử tối tăm bế tắc là chúng tôi. Bác nói:

- Ai học? Tất cả mọi người đều phải học, càng học càng thấy mình dốt vì cái bề tri thức của nhân loại quá mênh mông. Có đúng không? Phải vận dụng mọi hình thức giáo dục để mọi người đều được học. Và phải tự học, phải học tập tấm gương tự học của Bác Hồ. Nhà trường dạy cái gì? Không phải dạy cái gì trên trời dưới đất mà không gắn gì với quê hương đất nước. Không phải chỉ truyền thụ tri thức mà quên đi việc giáo dục ý thức và lòng đam mê học tập ở các cháu, để khi ra đời chúng vẫn có ý thức học tập để bổ sung kiến thức. Nhà trường và địa phương phải có biện pháp lưu giữ nhân tài, nhưng trước hết phải giáo dục cho các cháu lòng tự hào

và yêu mến quê hương. Có như thế, chúng mới tự nguyện gắn bó và góp phần xây dựng Huế thêm giàu đẹp. Huế là một vùng đất đẹp vào bậc nhất của Tổ quốc, là di sản văn hoá của thế giới. Đó là niềm tự hào của những người con xứ Huế. Không có con sông nào trên đất nước đẹp hơn sông Hương. Đó là một bài thơ tuyệt vời. Trước khi chia tay, Bác tặng Trường Quốc học, tặng nhân dân Huế mấy chữ "Thiên nhiên đẹp, xã hội đẹp, con người đẹp".

Các cán bộ bảo vệ lo cho sức khoẻ của Bác, định bố trí để Bác nghỉ. Với tình cảm lưu luyến mái trường xưa, Bác xúc động nói:

- Ai muốn về thì cứ về trước. Tôi còn muốn ở lại, còn muốn nghe các cháu nói những điều đáng nói.

Bác nói:

- Các cháu có suy nghĩ gì về phương pháp giảng dạy hay không? Bây giờ không thể như xưa, các cháu phải thay đổi cách dạy, phải thay đổi về mối quan hệ thầy trò. Có như thế mới phát huy được tính tích cực chủ động sáng tạo ở học sinh.

Bác dặn thêm rằng:

- Các cháu phải nhớ thiên nhiên Huế đẹp vô cùng, phải làm cho xã hội cũng đẹp. Muốn vậy, phải giáo dục được những con người đẹp. Nếu chỉ thiên nhiên đẹp mà xã hội và con người không đẹp thì thiên nhiên ấy cũng vô nghĩa; hay nói cách khác, nếu con người không đẹp thì chỉ làm thiên nhiên sớm tàn tạ mà thôi.

9 giờ 15 phút, Bác nói lời chia tay với mọi người cũng bằng một lời căn dặn:

- Chúc các cháu phấn đấu, các đồng chí phấn đấu làm cho Huế trở thành thành phố đẹp, xã hội đẹp, con người đẹp. Trong cái đẹp này có cái đẹp về giá trị văn hoá, có cái đẹp về trí tuệ thông minh. Phải không nào? Muốn có trí tuệ thông

minh thì phải học, phải giỏi, có phải không? Cái này là tự mình tạo cho mình chứ không phải trời cho đâu. Dầu trời cho đi nữa nhưng không tự đào tạo thì nó cũng mai một đi thôi. Chúc các đồng chí phấn đấu theo hướng như vậy, và trở thành cái nôi so với các nơi khác; so với hai đầu thì còn nghèo, nhưng chỉ nghèo về vật chất chứ còn giàu về giá trị văn hoá, giá trị tinh thần, giàu về phẩm chất con người. Có cơ hội tôi sẽ trở lại thăm trường, xem lời các đồng chí hứa, các đồng chí làm như thế nào!

Sau lần đó, Bác Phạm Văn Đồng không có điều kiện trở lại trường, thăm lại Huế... Bác đã đi vào cõi vĩnh hằng. Nhưng trong tâm thức người dân Huế và thầy trò Trường Quốc học vẫn hiện rõ phong thái trầm tĩnh, nụ cười sáng khoái của Bác Phạm Văn Đồng trong những lần thăm Huế, thăm trường, đồng thời ghi nhớ một cách sâu sắc và nguyện phấn đấu làm theo lời căn dặn chân tình tha thiết của Bác để ngày càng bảo đảm cho Huế giữ được một thiên nhiên đẹp, một xã hội đẹp và con người đẹp, không phụ lòng kỳ vọng của Bác trước lúc đi xa.

những thí nghiệm khoa học khác không cần máy móc mà chỉ cần sự quan sát kỹ lưỡng của mắt và tai. Đây là một thí nghiệm khoa học rất thú vị và cũng rất đơn giản. Chúng ta có thể làm thí nghiệm này ngay tại phòng thí nghiệm của mình. Hãy thử làm thí nghiệm này và bạn sẽ cảm nhận được sự kỳ diệu của nó.



**Đồng chí Phạm Văn Đồng thăm Trường Quốc học Huế,
ngày 3 tháng 5 năm 1996**

... nói chuyện với mọi người cũng rất vui. Ông nói lời chia tay với mọi người cũng rất vui. Ông nói lời chia tay với mọi người cũng rất vui.

... nói chuyện với mọi người cũng rất vui. Ông nói lời chia tay với mọi người cũng rất vui. Ông nói lời chia tay với mọi người cũng rất vui.

BÁC PHẠM VĂN ĐỒNG, MỘT "NHÂN VẬT ĐẶC BIỆT"

*Trần Văn Thận**

Tự thân những hoạt động trong cuộc đời Bác Phạm Văn Đồng đã khẳng định Bác là nhà chính trị lỗi lạc, nhà ngoại giao xuất sắc, nhà văn hoá uyên thâm, nhà giáo dục tài ba. Bác là một nhân cách lớn của Việt Nam, của thế giới. Là học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Bác Đồng cũng là một trong những người cầm lái kiên cường đưa sức mạnh của toàn dân - đã được Đảng khơi dậy - làm nên những kỳ tích trong lịch sử đất nước trong thế kỷ XX đúng như đôi câu đối của nhà thơ Tế Hanh mừng Bác thượng thượng thọ 90 xuân:

Tô điếm non sông Nam Bắc

Ôm trùm thế kỷ hai mươi.

Báo chí đã nói nhiều về Bác Phạm Văn Đồng, về từng mặt công lao của Bác. Ở đây tôi chỉ xin đề cập đến đóng góp của Bác đối với các tỉnh miền Nam Trung Bộ, chủ yếu là giáo dục, tập trung vào những năm đầu kháng chiến chống Pháp. Đi vào một điểm nhỏ, một khu vực nhỏ, với thời gian ngắn, theo tôi dễ làm rõ tầm nhìn chiến lược, tài năng tổ chức và

* Nguyên Phó hiệu trưởng Trường đại học Sư phạm Quy Nhơn.

lãnh đạo, tấm lòng nhân hậu giàu tình người, tình đời - những tố chất làm nên một nhân cách lớn.

Với cương vị là đặc phái viên của Trung ương Đảng và Chính phủ tại miền Nam Trung Bộ từ cuối năm 1946 đến đầu năm 1949, Bác Phạm Văn Đồng đã bắt tay ngay vào việc lãnh đạo chống ba thứ giặc: giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm. Nhưng tình hình "nước sôi lửa bỏng" của miền Nam Trung Bộ thời đó là phải chống ngay âm mưu của giặc ngoại xâm đang bằng kế hoạch tốc chiến, tốc thắng đánh chiếm cả miền Nam Việt Nam. Nhờ sự chi viện của Trung ương và tinh thần chiến đấu anh dũng cầm chân địch của đồng bào và chiến sĩ Nam Bộ, Bác đã cùng Liên Khu uỷ V lãnh đạo nhân dân chiến đấu đánh bại kế hoạch của địch đánh chiếm các tỉnh miền Trung Trung Bộ còn lại, chặn đứng quân Pháp ở phía bắc Quảng Nam và nam Bình Định, tạo cơ sở để xây dựng thành vùng tự do làm hậu phương chi viện cho toàn miền. Rẻo đất miền Trung nhỏ hẹp, với núi cao, biển rộng, bị hải, lục, không quân hùng mạnh của địch bao vây bốn phía vẫn hiên ngang tồn tại là một vùng tự do suốt trong 9 năm kháng chiến chống Pháp. Kẻ địch cam chịu thất bại, chỉ còn biết đánh phá bằng đường không, đường biển theo kiểu kẻ cướp hoặc "cháy dãi đứng nhìn". Thành công đó còn do công lao của các đồng chí lãnh đạo tiếp sau, nhưng phải ghi công to lớn trong buổi ban đầu cho Bác. Miền Nam Trung Bộ vốn là những tỉnh thuần nông, đất xấu, thiên nhiên khắc nghiệt, nghèo nàn, nạn đói luôn luôn uy hiếp. Chính Bác là người trực tiếp phát động phong trào trồng rau ngắn ngày, đắp ụ trồng lang, nuôi gà kháng chiến, v.v., trồng dâu nuôi tằm, trồng bông dệt vải, ... phát hành tín phiếu, tiện cho việc mua bán trao đổi, tiến lên giải quyết cái ăn, cái mặc, thuốc chữa bệnh, giấy bút học hành, không chỉ tự cung, tự cấp mà còn

đủ sức chi viện cho các chiến trường để kháng chiến lâu dài. Nhắc lại những vấn đề này, năm 1966, Bác Đồng đã nói: "... Chỉ trong một thời gian ngắn trong điều kiện kháng chiến gian khổ ở một vùng đất mà đa phần dân chúng nghèo đói, thất học lại tự túc được lương thực, vải mặc, các lớp bình dân học vụ mở khắp nơi, trường học được xây dựng nhiều hơn, ... Kỳ lạ, kỳ lạ thật, chỉ có Đảng, Bác Hồ, nhân dân mới làm được"¹. Với đức tính khiêm tốn, Bác không bao giờ nói về mình, nhưng ai cũng biết rõ công lao đặt cơ sở ban đầu của Bác là không nhỏ!

Đối với giáo dục, Bác Đồng cũng rất giống Bác Hồ ở chỗ suốt đời canh cánh bên lòng về sự nghiệp trồng người. Cho đến lúc tuổi cao sức yếu Bác vẫn không thôi lặn lội đến thăm các trường; trao đổi với các thầy giáo, sinh viên; viết sách viết báo, phát biểu những suy nghĩ có tính chất chỉ đạo của mình về giáo dục - đào tạo. Mỗi lần đi công tác hay về thăm quê hương, Bác không bao giờ quên đến thăm các trường. Các trường từ Quảng Nam đến Khánh Hoà như Trường đại học sư phạm, Ngoại ngữ Đà Nẵng, Đại học Sư phạm Quy Nhơn, các Trường Trung học phổ thông Nha Trang, Quốc học Quy Nhơn, v.v. đều in dấu chân Bác. Các trường phổ thông Trung học chuyên Lê Khiết, phổ thông Trung học Trần Quốc Tuấn còn có vinh dự đón tiếp Bác đến thăm nhiều lần. Và bất cứ ở trường nào Bác cũng ân cần dặn dò nhiều điều cho thầy, cho trò và trường nào cũng trân trọng ghi lại những huấn thị sâu sắc, chí tình của Bác.

Xin trở lại những năm đầu chống Pháp. Hồi đó, với Bác Đồng cả ba thứ giặc cần phải chống, giặc nào cũng phải ra sức chống, chống quyết liệt bằng tất cả sức mình, nhưng

1. GS, TS. Phan Ngọc Liên - Tạp chí *Cảm Thành* số 24, tr.72.

chống giặc dốt là cái cơ bản vì như Bác viết: "... Trong khi chống giặc đói, giặc ngoại xâm rất khẩn trương, chúng ta vẫn coi trọng việc chống giặc dốt vì biết rằng có chống được giặc dốt mới tạo điều kiện chống được giặc ngoại xâm và giặc đói, ..."¹. Với nhận thức ấy, trên mặt trận chống giặc dốt, Bác Đồng đã thể hiện rõ một tầm nhìn chiến lược, một trí tuệ sáng suốt và một tài năng tổ chức lãnh đạo tuyệt vời cả cho trước mắt và lâu dài.

Về lâu dài, Bác chỉ đạo việc mở các trường tiểu học khắp nơi. Bác đến Trường Lê Khiết, trường trung học phổ thông đầu tiên trong lịch sử Quảng Ngãi đang gặp khó khăn về thiếu giáo viên, thiếu bàn ghế, thiếu điều kiện giảng dạy, học tập, thăm hỏi và tạo mọi điều kiện ổn định chỗ ăn, chỗ ở nơi sơ tán để tiến hành giảng dạy. Đến khi Bác về nhận nhiệm vụ ở Trung ương thì hầu hết các xã trong vùng tự do Liên khu V đã có trường tiểu học hoàn chỉnh và trường Lê Khiết cũng có đủ các lớp bậc cao đẳng tiểu học. Đó là thành tựu xuất sắc chưa bao giờ có dưới thời phong kiến, thực dân. Riêng các học sinh Trường Lê Khiết về sau một số đã trở thành những tướng lĩnh trong chống Pháp, chống Mỹ, các nhà khoa học có tên tuổi giảng dạy và lãnh đạo các trường đại học, các vụ, viện khoa học kỹ thuật trong cả nước trước đây và hiện nay.

Về trước mắt, Bác đã chỉ đạo việc phát động một phong trào xoá mù chữ mạnh mẽ, rộng khắp. Các lớp bình dân học vụ mở trưa, mở tối, tận hang cùng ngõ hẻm để vừa dạy chữ, dạy tính kết hợp với giáo dục lòng yêu nước, quyết tâm kháng chiến chống xâm lược Pháp, phổ biến kỹ thuật ba sới

1. Phát biểu của đồng chí Phạm Văn Đồng - Kỷ yếu, I "Ngôi trường bình dân ấy" tr.10.

hai lạnh, làm phân, đắp ụ trong lao động sản xuất và kêu gọi tiết kiệm chống lãng phí... Sau đó không lâu nhiều xã, nhiều huyện hoàn thành công tác xoá mù chữ, đặc biệt tỉnh Quảng Ngãi là một trong những tỉnh đi đầu trong việc xoá mù chữ sớm nhất trong cả nước.

Bác Đồng đã thành lập Trường Trung học bình dân Nam Trung Bộ - một nhà trường mà đồng chí Hà Đăng, nguyên là một học sinh cũ của trường, đã dùng liên tiếp bốn từ "đặc biệt": "Một nhà trường đặc biệt, được mở ra trong một hoàn cảnh đặc biệt, dành cho một đối tượng khá đặc biệt, người sáng lập ra nó lại là một nhân vật đặc biệt, ..." trong lời phát biểu nhân cuộc họp kỷ niệm thành lập trường ngày 5 tháng 5 năm 1995. Hoàn cảnh đặc biệt như thế nào, người sáng lập là ai thì mọi người đã rõ. Còn một nhà trường đặc biệt thì quả là đặc biệt thật, vì chưa bao giờ có trước đó trong lịch sử giáo dục cả nước. Bác Đồng vừa là người sáng lập viên vừa là Hiệu trưởng danh dự của trường. Bác mời nhà trí thức Nguyễn Tiên đứng ra làm Hiệu trưởng trực tiếp chỉ đạo mọi vấn đề. Với danh nghĩa là hiệu trưởng danh dự Bác theo dõi, góp ý, hướng dẫn, nhưng không làm ảnh hưởng đến quyền hạn của Hiệu trưởng. Chương trình cao đẳng tiểu học bốn năm chỉ học trong hai năm có đầy đủ các môn Văn, Sử, Địa, Toán, Lý, Hoá, Sinh vật, Nhạc, Hoạ, Thể dục lại có hai môn Bạch thoại và Kinh tế chính trị học, vì như Bác giải thích, giáo dục thì phải toàn diện, nhưng kháng chiến kiến quốc khẩn trương không thể ngồi lâu trên ghế nhà trường. Kỷ cương nền nếp của nhà trường thật chặt chẽ. Quan hệ thầy trò thật mẫu mực, "thầy ra thầy", "trò ra trò".

Về *đối tượng đặc biệt* thì cũng đúng là *khá đặc biệt*. Học sinh được tuyển vào trường đều ở tuổi thanh niên trở lên, có người đã có vợ, có con và đều là những cán bộ hay cốt cán của

cơ quan đoàn thể cách mạng, có người đã là chủ tịch, phó chủ tịch huyện, bí thư tỉnh uỷ hơn hẳn các thầy dạy của mình cả về tuổi tác và cương vị xã hội. Họ là những người đủ các tỉnh từ Quảng Nam - Đà Nẵng đến cực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, có cả những người quê ở Quảng Trị, Thừa Thiên đều có trình độ văn hoá thấp. Bác Đồng giải thích: *"Muốn làm người, muốn làm cách mạng cần phải học. Có trình độ văn hoá mới làm cán bộ cách mạng tốt được"*¹. Toàn là những vấn đề rất mới, rất lạ, rất khó khăn đối với những trí thức làm thầy giáo của nhà trường hồi bấy giờ. Vì thế dù bận trăm công nghìn việc trong một thời kỳ lịch sử đặc biệt, Bác Đồng đã góp phần chiêu tập thuyết phục các thầy giáo, góp ý việc soạn thảo chương trình, giúp tháo gỡ mọi khó khăn về tài liệu, sách vở, cả việc ăn, việc ở cho thầy giáo, cho học trò trong những lần di chuyển. Bác đã lên lớp ngay bài dạy đầu tiên "Trung với nước, hiếu với dân" trong buổi lễ khai giảng vào ngày 6 tháng 9 năm 1947 cho 300 học viên khoá đầu. Có thể nói rằng bài giảng đó, Bác Đồng đã định hướng rõ cho việc giảng dạy và học tập của nhà trường. 6 chữ vàng ấy được viết thành khẩu hiệu lớn treo ở phòng chính của nhà trường và thầy giáo Nguyễn Thiện Tụng, sau là Hiệu trưởng tiếp theo đã coi nhà trường là: "một lò giáo dục có định hướng"². Sau đó nhiều lần Bác đến nói chuyện với giáo viên và học sinh về nhiều vấn đề, trong đó có vấn đề niềm tin. Với những lý lẽ, dẫn chứng lịch sử đầy thuyết phục, Bác kết luận: "Trung với nước, hiếu với dân" phải gắn liền với Niềm tin. Mất Niềm tin khi gặp khó khăn nguy hiểm thì làm sao giữ

1. Kỷ yếu I, tr.7.

2. Kỷ yếu II, "Sáng mãi một tên trường", tr.157.

được lòng "*Trung với nước, hiếu với dân được...*"¹. Bình luận về việc định hướng giáo dục của Trường Trung học bình dân Nam Trung Bộ thời ấy, người viết: "Một lời thưa" mở đầu cho tập kỷ yếu "*Ngôi trường bình dân ấy*" đã có một khái quát cô đúc, sâu sắc và khá hay: "... *Định cái lòng, rèn cái chí mà mở cái trí. Tổ quốc, nhân dân cần những người con giàu trí mà sâu đức. Đây là chất ngọt, chất thơm, chất bổ cho những mùa nở hoa, ra quả kế tiếp nhau*"²...

Các bậc hiền triết thường bảo: Muốn xem xét một nhân cách lớn đến mức nào, ngoài việc xem xét những việc lớn có tính chất lịch sử mà họ đã làm, còn phải xem xét những việc làm hằng ngày rất nhỏ của họ. Về mặt này, chúng ta thấy Bác Đồng có những việc làm hằng ngày, sao mà giàu tình đời, tình người đến như vậy. Biết các nhà trí thức làm thầy giáo còn bỡ ngỡ khi bước vào con đường cách mạng, Bác ân cần động viên, thăm hỏi, từng bước dẫn dắt họ đem tài năng, trí thức của mình phụng sự Tổ quốc, nhân dân. Bất cứ thầy giáo nào cũng khâm phục tinh thần tôn trọng trí thức, biết sử dụng nhân tài ngay trong việc đối xử hằng ngày của Bác. Thầy giáo Nguyễn Trọng Tám cũng như nhiều thầy giáo khác luôn nhắc đến những ấn tượng sâu sắc về những lần được Bác "đến tận nhà thăm cả vợ chồng các nhà giáo, bé cháu nhỏ, ân cần như người anh cả, ..." ³. Đáng suy nghĩ biết bao khi đọc bức thư từ trời Âu của một thầy giáo vì hoàn cảnh đã ra ở nước ngoài từ lâu, nay đã gần 80 tuổi viết thư về cõi mở tấm lòng khi nghe có cuộc họp kỷ niệm thành lập trường: "... *Cả một khoảng đời thơ trẻ đã hiện ra trước mắt,*

1. Kỷ yếu I, tr. 34.

2. Kỷ yếu II "tr. 4.

3. Kỷ yếu II, tr. 159.

*đoạn đời mà chúng ta nhiệt tình đóng góp cùng Tổ quốc, nhân dân với mong ước chung sức đem lại những gì tốt đẹp nhất cho đất nước, cho dân sinh, cho nhân tình của con người và xã hội Việt Nam. Thời gian cùng các anh dạy ở Trường Trung học bình dân miền Nam Trung Bộ là thời gian đẹp mà tôi không bao giờ quên được nó*¹ với những hứa hẹn sẽ làm mọi việc để gắn bó cộng đồng người Việt ở nước ngoài với cội nguồn, và hứa sẽ trở về cố quốc để thăm bạn bè, học trò cũ.

Không rõ Bác Đồng thu xếp thế nào để có thời gian không những đến dự lễ khai giảng, bế giảng, nói chuyện, và ân cần dặn dò trong các buổi tiễn đưa từng đoàn học sinh xung phong đi các chiến trường mà còn chăm sóc đến từng cảnh ngộ của những học sinh gặp khó khăn. Anh Lê Văn từ Thừa Thiên vào, anh Phạm Khánh Cao từ chiến khu Ô Rô cực Nam Trung Bộ ra đều nhắc lại những kỷ niệm sâu sắc về những lần Bác đến thăm, tự tay bưng bát cháo hành đang nóng, nhỏ nhẹ động viên từng người ăn cho nhanh qua cơn cảm sốt. Chỉ có thể giải thích những hành động đó của Bác là hành động cần phải có của người cha, của người thầy, của người Hiệu trưởng mẫu mực.

Trường Trung học bình dân miền Nam Trung Bộ theo tôi còn có thêm hai cái "đặc biệt" nữa: Thời gian tồn tại đặc biệt và hiệu quả cũng rất đặc biệt.

Thông thường khi nghĩ đến một nhà trường là nghĩ đến hàng chục, hàng trăm năm tồn tại. Trên thực tế, Trường Trung học bình dân miền Nam Trung Bộ chỉ tồn tại có 5 năm với 3 khoá đào tạo. Khai giảng khoá đầu vào tháng 9 năm 1947, bế giảng và giải thể trường vào tháng 5 năm 1951. Nếu máy móc tính theo thời gian thì 5 năm là rất ngắn, cực ngắn

1. Kỷ yếu I, tr.94.

đối với một nhà trường. Nhưng 50 năm đã trôi qua, Trường Trung học bình dân Nam Trung Bộ vẫn tồn tại, đẹp đẽ, nguyên vẹn trong tâm khảm của mỗi thầy giáo, học sinh. Mặt khác nhiều người khẳng định một cách đúng đắn rằng, tuy nó không có tiền bối nhưng có hậu duệ nối tiếp là các Trường Bổ túc công nông, Bổ túc văn hoá trong suốt mấy chục năm qua. Suy rộng hơn ta thấy nó còn là một "gợi ý" rất sớm, từ lâu cho những gì là "xã hội học tập", "học tập suốt đời" mà cả thế giới và đất nước ta mới đặt ra trong thiên niên kỷ sắp đến - thiên niên kỷ quyết định sự hơn kém nhau dựa vào thế mạnh nước nào giành được nhiều tri thức hơn. Và như vậy Trường Trung học bình dân Nam Trung Bộ là một mô hình sáng tạo có giá trị rộng lớn và bền lâu trong lịch sử!

Còn nói về hiệu quả đào tạo của nhà trường thì phải nói là hiệu quả rất đặc biệt. Hơn 1.000 học sinh trong 3 khoá sau khi ra trường đều xung phong đến các chiến trường Hạ Lào, Đông Miên, cực Nam Trung Bộ, Bình Trị Thiên, v.v. và hơn 1.000 con người đó là hơn 1.000 thanh thép vĩnh cửu góp phần xây dựng toà lâu đài Độc lập, Tự do, Chủ nghĩa xã hội vững bền, kiên cố cho Tổ quốc Việt Nam từ đó đến nay. Từ mái trường ra đi với hành trang kiến thức mới, họ nhanh chóng trở thành quân nhân, cán bộ địch hậu, nhà văn, nhà báo, thi sĩ, nhạc sĩ, ... và dù làm việc gì họ cũng đều là chiến sĩ một lòng "trung với nước, hiếu với dân" cho đến hơi thở cuối cùng.

Có người đã nói bằng hình ảnh: "1.000 anh chị ấy là 1.000 cây cao bóng cả, sum suê cành lá, cây trái rộ hoa, dù có được gia thêm màu mỡ nào đi nữa, thì điểm xuất phát vẫn vốn từ mùa gieo hạt ấy". Đúng như vậy, vì bất cứ ai trong số học sinh cũ cũng coi Trường Trung học bình dân Nam Trung Bộ chính là cái bệ phóng cho mình.

Thế là có đến sáu điều "đặc biệt" khi nói đến Trường

trung học bình dân Nam Trung Bộ, trong đó có một điều đặc biệt, một nhân vật đặc biệt đã làm nên năm điều đặc biệt kia: Bác Phạm Văn Đồng, con người đã cống hiến cả đời mình cho những việc to lớn với tầm vóc cả nước, đâu phải chỉ riêng cho một số tỉnh của miền Nam Trung Bộ, cho một ngôi trường... Nhưng như đã nói, lấy một việc nhỏ, một giai đoạn để đi sâu vào từng việc làm của Bác và hiệu quả của nó để thấy rõ tầm vóc và tấm lòng của Bác đối với cách mạng, đối với nhân dân.

"Tư tưởng kiên định rõ ràng, chủ trương, biện pháp sáng tạo, linh hoạt xuất phát từ một trí tuệ thông minh sắc sảo hơn người, tài năng tổ chức thuyết phục thì không mấy ai bằng được, tác phong nghiêm nghị nhưng gần gũi, thân thương, giản dị nhưng cao đẹp, hết lòng vì Dân vì Đảng..." đó là tổng hợp những gì mà các thầy giáo, học trò Trường Trung học bình dân Nam Trung Bộ đã nghĩ và nói về Bác Phạm Văn Đồng, người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhà cách mạng kiên cường, nhà văn hoá uyên bác, một "nhân vật đặc biệt" đã làm nên những "điều đặc biệt".

PHẦN THỨ BA

QUÊ HƯƠNG
NGHĨA NẶNG TÌNH SÂU

**PHÁT BIỂU CỦA ĐỒNG CHÍ
PHẠM VĂN ĐỒNG TẠI BUỔI LÀM VIỆC VỚI
TỈNH ỦY QUẢNG NGÃI
(NGÀY 4 THÁNG 3 NĂM 1999)**

Thưa đồng chí Bí thư Tỉnh uỷ,

Thưa các đồng chí,

Lần này tôi về thăm tỉnh nhà sau Hội nghị Trung ương 6 với hai nội dung: Những vấn đề của nông nghiệp, nông thôn và nông dân và những vấn đề cơ bản và cấp bách của công tác xây dựng Đảng trong tình hình hiện nay. Đặc biệt là vừa qua Trung ương đã có chủ trương xây dựng nhà máy lọc dầu số 1 ở Dung Quất cùng với sự hình thành khu công nghiệp lớn ở vùng này.

Tôi cũng như các đồng chí, đồng bào tỉnh nhà và có thể nói cả miền Trung, xem đây là cơ hội quý báu, bởi vậy Đảng bộ và nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phải ra sức động viên mọi lực lượng để tận dụng cơ hội hiếm có này đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế - xã hội, tiến lên thành một tỉnh trung bình và trên cái đà đó mà phát triển nhanh hơn.

Trước hết, chúng ta hãy nhìn lại thời gian qua đã để ra những gì và đã làm được gì?

Kể từ Đại hội lần thứ XIV của Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (năm 1991) chúng ta đã để ra ba vùng kinh tế lớn, đó là vùng đồng bằng, vùng trung du - miền núi và vùng biển, cùng với

các chương trình hành động. Đến Đại hội lần thứ XV (năm 1996) chúng ta đề ra 8 chương trình:

1. Chương trình phát triển nông nghiệp, nông thôn;
2. Chương trình phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp;
3. Chương trình phát triển mía đường;
4. Chương trình phát triển kinh tế-xã hội trung du, miền núi;
5. Chương trình phát triển thủy sản;
6. Chương trình phục vụ khu công nghiệp Dung Quất;
7. Chương trình phát triển thương mại, dịch vụ, kinh tế đối ngoại;
8. Chương trình đào tạo phát triển nguồn nhân lực và giải quyết các vấn đề bức xúc của xã hội.

Phải khẳng định rằng các chương trình đề ra trên đây là đúng và cơ bản phù hợp với Nghị quyết Trung ương 6 (lần 1). Việc tổ chức thực hiện các chương trình này chỉ mới bắt đầu từ ba, bốn năm gần đây, đạt những thành tựu bước đầu quan trọng, góp phần phát triển kinh tế với tốc độ tăng 8,1% (năm 1998), đời sống nhân dân ổn định, mặc dù gặp biết bao khó khăn về thiên tai.

Đó là sự cố gắng của cơ quan lãnh đạo của Đảng, sự tổ chức điều hành của chính quyền, sự hoạt động của các tổ chức quần chúng từ tỉnh đến cơ sở và sự lao động cần cù, dũng cảm của nhân dân tỉnh nhà.

Tuy nhiên, hiệu quả của các chương trình chưa cao và chưa đồng đều, chưa tương xứng với tiềm năng rất phong phú và đa dạng về con người và tài nguyên thiên nhiên của tỉnh. Chương trình phát triển nông nghiệp, nông thôn, chương trình mía đường, chương trình phục vụ khu công nghiệp Dung Quất kết quả có khá hơn nhưng cũng có một số vấn đề cần tiếp tục giải quyết.

Chương trình nông nghiệp, nông thôn: năng suất cây trồng, vật nuôi chưa cao, hiệu quả còn thấp và sản phẩm hàng hoá chưa nhiều. Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn tuy có được cải thiện nhưng còn ở mức thấp, chưa tạo được nhiều việc làm do phát triển ngành, nghề ở nông thôn quá chậm.

Chương trình mía đường: tuy vẫn phát triển nhưng chưa có chuyển biến lớn trong việc xây dựng các vùng nguyên liệu; diện tích, năng suất, sản lượng mía năm sau cao hơn năm trước không đáng kể và có nguy cơ nông dân bỏ cây mía, trồng cây khác có hiệu quả hơn.

Chương trình phục vụ khu công nghiệp Dung Quất: mới chỉ lo việc quy hoạch giải toả, đền bù, di chuyển dân đến khu ở mới, mà chưa chú ý đúng mức đến công việc làm ăn lâu dài của bà con nông dân, ngư dân. Chưa chú ý đến những lĩnh vực hậu cần như quy hoạch các vùng sản xuất thực phẩm (thịt, rau, sữa, trứng...), cây ăn quả, khu vui chơi giải trí, đào tạo nguồn nhân lực, v.v..

Kém nhất có lẽ là các chương trình phát triển kinh tế - xã hội trung du, miền núi; thuỷ sản; thương mại, dịch vụ và kinh tế đối ngoại.

Nguyên nhân của tình hình trên một phần do mấy năm liên bão lụt liên tiếp diễn ra, song chủ yếu là phần chủ quan, một thời gian dài nhận thức của lãnh đạo về các chủ trương chưa nhất trí, đến khi đạt được sự nhất trí và đề ra các chương trình thì sự lãnh đạo, chỉ đạo lại chưa tập trung với quyết tâm cao và vì vậy mà chưa đem lại hiệu quả thiết thực cho nhân dân. Công tác kiểm tra, đôn đốc chưa sâu, trúng và có hiệu lực, chưa phát hiện và đúc kết những kinh nghiệm của các điển hình tiên tiến, chưa tạo ra được phong trào quần chúng rộng rãi.

Nghị quyết Trung ương 6 (lần 1) đã chỉ rõ những vấn đề cần giải quyết trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Các đồng chí cần quán triệt nghị quyết này; liên hệ với tình hình tỉnh nhà, rà lại các chương trình xem cần điều chỉnh, bổ sung những gì... cho phù hợp và nhất là để thực hiện tốt hơn. Điều có ý nghĩa quyết định mà chúng ta cần nhấn mạnh là khâu tổ chức điều hành thực hiện các chương trình nhằm đem lại hiệu quả tương xứng.

Nhân đây tôi muốn nhấn mạnh việc đào tạo nguồn nhân lực bằng mọi biện pháp, mọi quy mô, mọi trình độ... nhằm thực hiện các chương trình nói trên, đưa đến dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Tôi gợi ý có thể mở rộng các trường cao đẳng hiện có thành trường đa hệ đào tạo các loại ngành, nghề cần thiết cho yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trước mắt và lâu dài.

Ở đây đòi hỏi cơ quan lãnh đạo của tỉnh phải có sự nhất trí cao về các chủ trương, đoàn kết một lòng, chung lưng đấu cật, động viên toàn Đảng bộ và toàn dân thực hiện cho được những chương trình mục tiêu; phát triển các ngành, nghề đem lại cuộc sống vật chất, văn hoá ngày càng cải thiện cho người dân, từ đó giảm bớt số người ở nông thôn vào thành phố kiếm sống.

Cơ quan điều hành là Ủy ban nhân dân phải có bộ tư lệnh chung và tư lệnh từng chương trình, chỉ đạo thực hiện sát sao, cụ thể, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, những vướng mắc về chính sách, về cơ chế nhằm thúc đẩy công việc tiến lên nhanh hơn, mạnh hơn, đều hơn. Phải tổ chức việc sơ kết, tổng kết và nhân rộng các mô hình và gây thành phong trào quần chúng học tập và làm theo các gương "*người tốt, việc tốt*".

Thực hiện những điều trên đây đòi hỏi một cách bức xúc và sâu sắc sự đoàn kết nội bộ thực sự, thực lòng giữa các

đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, giữa Ban Thường vụ Tỉnh uỷ với Uỷ ban nhân dân tỉnh, giữa các đồng chí trong Uỷ ban nhân dân với nhau mà hạt nhân là các đồng chí chủ chốt. Từ đó mà thực hiện đoàn kết từ trên xuống dưới, từ trong Đảng ra ngoài nhân dân, ý Đảng, lòng dân là một, dân tin Đảng, Đảng vì dân. Đoàn kết là điều kiện, là nhân tố phát huy trí tuệ, phát huy sức mạnh và quyết định mọi thắng lợi; đoàn kết cũng là sự mong muốn thiết tha của Đảng bộ, của nhân dân, cho nên mọi người chúng ta phải có ý thức giữ gìn sự đoàn kết nội bộ như giữ gìn con người của mắt mình, làm ngược lại là có tội.

Như vậy phải thực hiện nghiêm chỉnh Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), tiến hành tự phê bình và phê bình trong Đảng bộ với tinh thần thương yêu nhau, như *Di chúc* của Bác đã dạy; phải nói thẳng, nói thật, nói hết mọi điều với nhau; không né tránh, không nể nang, không vụ lợi. Trước hết, đồng chí Bí thư Tỉnh uỷ phải là người nêu gương tốt về tự phê bình và phê bình, rồi lần lượt đến các đồng chí khác. Sau đợt này có thể tổ chức rút kinh nghiệm, mở rộng dần đến các tổ chức Đảng trong toàn tỉnh cho đến cơ sở.

Phải làm chặt chẽ, có trọng tâm trọng điểm, không làm ô ạt, làm hình thức, làm lướt, làm đối.

Tôi tin rằng qua cuộc vận động tự phê bình và phê bình này mà thanh toán các loại tiêu cực: tham nhũng, lãng phí, quan liêu, ức hiếp dân... làm cho Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, đoàn kết nội bộ tốt hơn, tin cậy nhau hơn, công việc có kết quả hơn, xây dựng được đội ngũ cán bộ thực sự "*Cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, xứng đáng là người lãnh đạo và là đày tớ thật trung thành của nhân dân*".

Với tinh thần đó, với tình cảm đó, tôi chúc Đảng bộ và

nhân dân tỉnh nhà phát huy truyền thống cách mạng kiên cường, đoàn kết, phấn đấu mỗi năm tiến thêm một bước, từ tỉnh phát triển kém lên tỉnh phát triển trung bình và trở thành tỉnh khá trong cả nước.

Chúc các đồng chí và đồng bào thắng lợi.

THƯ GỬI CÁC ĐỒNG CHÍ LÃNH ĐẠO HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 1997

Thân ái gửi các đồng chí lãnh đạo huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi,

Tôi đã nhận được bức thư của đồng chí Chủ tịch Võ Mười. Tôi rất vui mừng lúc nghe đọc bức thư trình bày những công việc của các đồng chí, những thành tựu rất đáng phấn khởi cùng với những yếu kém và thiếu sót cần khắc phục.

Căn cứ vào những hiểu biết của tôi đối với tình hình của huyện nhà cũng như đối với tình hình của các huyện gần xa trong cả nước, tôi có mấy gợi ý như sau, mong các đồng chí suy nghĩ, thảo luận và vận dụng:

1. Phải ra sức phát huy những thành tựu đã đạt được, nhất là những thành tựu do dân làm nên và đem lại lợi ích thiết thực đối với nhân dân, đồng thời cố gắng thấy hết những yếu kém và khuyết điểm nhất là từ các cơ quan có chức có quyền của huyện nhằm dần dần khắc phục cho bằng được những yếu kém và khuyết điểm đó. Chỉ có như vậy mới tạo ra thế và lực để tiến lên đạt những thành tựu mới quan trọng hơn nữa.

2. Trong toàn bộ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn và nông dân thì điều cơ bản nhất, có

tâm quan trọng to lớn về mọi mặt là động viên nhân dân phát huy những khả năng tiềm tàng của huyện, kiên trì phấn đấu khôi phục và phát triển những ngành nghề truyền thống và tạo nên những ngành nghề mới, làm ra những sản phẩm mới, đem lại nguồn thu nhập mới, từ đó không ngừng cải thiện đời sống vật chất, văn hoá và tinh thần của nhân dân, nhất là nhân dân lao động. Đây là điều quan trọng bậc nhất đòi hỏi những cố gắng suy nghĩ và sáng tạo, làm thử và mở rộng, có khi phải kinh qua những bước thăng trầm mới tìm thấy được những gì là có ý nghĩa bền vững và lâu dài hợp với tình hình về mọi mặt của huyện nhà.

3. Hai điểm trên đây là một quá trình đấu tranh cách mạng: quá trình phát huy quyền dân chủ, quyền làm chủ của nhân dân lao động, của các tầng lớp nhân dân trong huyện; quá trình người lãnh đạo làm người đầy tớ thật trung thành của nhân dân theo lời dạy của Bác Hồ; quá trình cơ chế tổng hợp Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ phấn đấu vươn lên ngang tầm với tình hình mới và nhiệm vụ mới của huyện nhà, đóng góp phần tích cực nhất của mình đối với công việc chung của tỉnh.

4. Tôi đặc biệt nhấn mạnh một điều mà lúc gặp đồng chí Võ Mười tôi có nói là trong việc huy động lực lượng của nhân dân: nhân lực, vật lực, tài lực dùng vào việc công ích, các đồng chí phải tính toán để động viên rất đúng mức, hợp với khả năng của nhân dân và từ đó được nhân dân ủng hộ. Đồng thời trong việc sử dụng các lực lượng nói trên, nhất là lực lượng vật chất, tiền và của thì phải công khai công bố rất rõ rệt và đầy đủ để nhân dân theo dõi, kiểm tra và tham gia ý kiến vào việc sử dụng. Làm trái những điều trên đây, nghĩa là ép dân và lạm dụng sự đóng góp của dân dùng vào việc riêng của người có chức có quyền thì nhất định nhân dân sẽ

có phản ứng và không còn tin cậy ở các cơ quan có chức có quyền. Chắc các đồng chí cũng biết có chỗ làm sai những điều nói trên đưa đến hậu quả cực kỳ xấu về mọi mặt. Cho nên tốt nhất là phải sáng suốt thấy trước và tránh trước, như vậy là chủ động, là làm theo ý dân, từ đó mà phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Tôi thân ái gửi đến các đồng chí và đồng bào trong huyện những tình cảm tốt đẹp nhất của tôi.

Thân ái,

PHẠM VĂN ĐỒNG

PHÁT BIỂU VỚI BÀ CON, CÔ BÁC TRONG DÒNG HỌ PHẠM

Thưa bà con, cô bác và những người thân trong họ Phạm,

Hôm nay, tôi rất vui mừng có cơ hội về thăm quê hương, thăm bà con, cô bác, người thân trong họ.

Trước hết, tôi kính cẩn nghiêng mình trước anh linh các bậc Tổ tiên họ Phạm đã dày công vun đắp cho dòng họ ta từ đời này qua đời khác sinh hoa, kết quả cho đến ngày nay.

Tôi thân ái gửi đến bà con, cô bác, mọi người thân trong dòng họ những tình cảm và những lời chúc mừng nồng nhiệt nhất. Chúc mọi người, mọi gia đình làm ăn sinh sống ngày càng no ấm, hoà thuận và tươi vui, góp phần cống hiến xứng đáng của mình vào việc xây dựng nông thôn mới ở quê nhà.

Tôi tha thiết kêu gọi các bậc cha mẹ trong mọi gia đình chăm lo giáo dục con cháu của mình để chúng từ thế hệ này đến thế hệ khác tiếp tục phát huy truyền thống tốt đẹp của cha ông và của dân tộc, kế tục sự nghiệp cách mạng, góp phần làm cho dân giàu, nước mạnh, tiến lên chủ nghĩa xã hội, mục tiêu phấn đấu của cả dân tộc.

Tháng 8 năm 1991

PHẠM VĂN ĐỒNG



Cán bộ và nhân dân Quảng Ngãi đón đồng chí Phạm Văn Đồng
về thăm quê, năm 1976



Đồng chí Võ Đức Huy, Bí thư Tỉnh uỷ thay mặt
Ban Thường vụ Tỉnh uỷ báo cáo tình hình Quảng Ngãi
với đồng chí Phạm Văn Đồng, tháng 3 năm 1998

Tháng 8 năm 1991

PHẠM VĂN ĐỒNG



**Đồng chí Phạm Văn Đồng làm việc với cán bộ lãnh đạo
tỉnh Quảng Ngãi, tháng 3 năm 1999**

Quảng Nam. Các người quản lý của Vimed (tên), xây dựng
nhanh chóng về mọi mặt, lấy đó làm hậu phương vững chắc,
động viên sức người, sức của phục vụ cho phía trước.

Trong bối cảnh đó, ít số ai trong cấp lãnh đạo của Khu V

* Nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra
Trung ương, nguyên Bí thư Tỉnh ủy Nghĩa Bình, nguyên Bí thư
Tỉnh ủy Quảng Ngãi.



Các đồng chí nguyên là giáo viên, học viên Trường Trung học
bình dân Nam Trung Bộ chúc mừng sinh nhật đồng chí
Phạm Văn Đồng, tháng 3 năm 1999

PHẠM VĂN ĐỒNG VỚI QUÊ HƯƠNG QUẢNG NGÃI

*Đỗ Quang Thắng**

DƯỚI MÁI TRƯỜNG TRUNG HỌC BÌNH DÂN MIỀN NAM TRUNG BỘ

Bác Phạm Văn Đồng được Trung ương Đảng và Chính phủ cử vào làm đại diện tại miền Nam Trung Bộ từ cuối năm 1946 với nhiệm vụ trọng đại cấp bách: triển khai cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện chống xâm lược Pháp. Một mặt, Bác khẩn trương chỉ đạo cuộc phản công đẩy lùi các mũi tiến công của địch từ Đà Nẵng vào, từ Nha Trang ra, từ Buôn Ma Thuột xuống, đồng thời phát động chiến tranh du kích phía sau lưng địch; mặt khác, gấp rút củng cố chính quyền non trẻ vừa mới giành được ở các tỉnh vùng tự do (gồm nam tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên), xây dựng nhanh chóng về mọi mặt, lấy đó làm hậu phương vững chắc, động viên sức người, sức của phục vụ cho phía trước.

Trong bối cảnh đó, ít có ai trong cấp lãnh đạo của Khu V

* Nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, nguyên Bí thư Tỉnh ủy Nghĩa Bình, nguyên Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

lại nghĩ đến một chủ trương cụ thể, chính xác và kịp thời như Bác Đồng: đó là xây dựng Trường Trung học bình dân miền Nam Trung Bộ, mà đối tượng chiêu sinh chủ yếu là cán bộ lãnh đạo cấp tỉnh, huyện (có cả Bí thư Tỉnh uỷ, Huyện uỷ đương chức), ở độ tuổi trên dưới 20, trình độ văn hoá đã qua bậc tiểu học. Số lượng khoá đầu (1947-1949) là 300 học sinh (trong đó có một số ở Bình Trị Thiên).

Chương trình và mục tiêu đào tạo nhằm đạt kiến thức văn hoá tương đương bậc Thành chung, thêm vào đó là kiến thức lý luận cơ bản về kinh tế - chính trị học, triết học, ngoại ngữ (Bạch thoại), vừa là điều kiện cần thiết để cán bộ đáp ứng được nhiệm vụ trước mắt vừa là tiền đề để cán bộ có thể vươn tới xa hơn.

Để làm được điều đó, Bác Đồng chú trọng đầu tiên đến đội ngũ thầy giáo. Bác đã bàn với các địa phương và các ngành của khu, kể cả quân sự, chọn kỹ và rút một số cán bộ có trình độ đại học, tú tài, nhà văn, nhà giáo có kinh nghiệm về cho trường. Đi liền với đó là vấn đề sách giáo khoa mà hồi đó ngoài sự giúp đỡ của Sở Giáo dục Liên khu V, sự chi viện của Bộ Giáo dục (từ Việt Bắc) và Khu IV, thì mỗi giáo viên phụ trách bộ môn phải tự mình biên soạn, nhất là các môn Văn, Sử, Kinh tế - chính trị, Triết học. Bác cũng tham gia tích cực với Ban giám hiệu và các thầy giáo về phương pháp dạy và học sao cho sát hợp với đối tượng học sinh này.

Trường Trung học bình dân miền Nam Trung Bộ không chỉ là một mẫu hình mới về giáo dục - đào tạo mà còn là một biểu hiện đẹp về thực hiện phương châm "vừa kháng chiến vừa kiến quốc", "tự lực cánh sinh".

Bằng tinh thần "dựa vào sức dân là chính", cấp uỷ và chính quyền địa phương đã xây dựng trường này trong một

thời gian ngắn tại xã Hành Phước, huyện Nghĩa Hành, tuy mái tranh, vách đất nhưng cũng khá đàng hoàng.

Bác Đồng vừa là người sáng lập, vừa là Hiệu trưởng danh dự. Ngày khai giảng rất trang nghiêm, Bác thay mặt Đảng và Nhà nước dặn dò học sinh, thầy giáo thấy rõ trách nhiệm của mình trong việc dạy và học, xác định mục tiêu học là để phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân tốt hơn, nhiều hơn nữa. Bác nhấn mạnh đoàn kết giữa học sinh với nhau, đoàn kết giữa thầy và trò, chuẩn bị sẵn sàng nhận bất cứ nhiệm vụ gì khi Tổ quốc cần. Khẩu hiệu chung cho cả nhà trường "*Trung với nước, hiếu với dân*" và bài học đầu tiên Bác dành cho nhà trường cũng tập trung vào chủ đề này.

Bác quan tâm từ việc chung của nhà trường đến đời sống và công tác của thầy giáo, đặc biệt với các thầy xa quê hương, đã có gia đình. Bác đã bàn với cấp uỷ và chính quyền địa phương phối hợp cùng Đảng uỷ nhà trường tìm mọi cách giúp đỡ. Những điều này đã ảnh hưởng tích cực đến sự đoàn kết gắn bó của toàn trường.

Ở lớp tôi, một hôm thầy Thu Tịnh đang giảng môn Sinh, học sinh đang chăm chú nghe và ghi chép. Bỗng nhiên, thầy xăm xăm đi thẳng đến chỗ Lê Hãn (bạn học ngồi sát cạnh tôi, quê Quảng Trị) và hỏi: "*Tại sao anh không ghi chép?*". Hãn lúng túng chưa kịp trả lời, thầy chộp ngay quyển vở của Hãn quan sát nhanh và nói: "*Anh không có giấy để ghi chép à?*" và lập tức thầy quay lên bàn mang xuống cho Hãn tập giấy trắng của mình. Việc làm của thầy Tịnh làm cho cả lớp sững sốt. Riêng tôi thì rất thương Hãn vì lòng tự trọng và rất trách mình về sự hời hợt, không hiểu sâu hoàn cảnh của bạn (Hãn mới từ Khu IV vào, khoảng giữa niên khoá, tuy học rất tốt nhưng làm sao chuẩn bị đầy đủ như học sinh ở vùng tự do; Hãn đã tâm sự với tôi rằng đang ở quê nhà thì "*được người*

của chú Đồng ra Khu IV, tổ chức đưa vào đây". Ôi! cái tiếng gọi "*chú Đồng*" mới tha thiết làm sao!). Cố nhiên câu chuyện xảy ra ở lớp tôi, Đảng uỷ nhà trường biết ngay và đã có cách giải quyết thoả đáng, không chỉ riêng đối với bạn Hân mà còn đối với các học sinh khác cùng cảnh ngộ.

Trường đi vào nền nếp nhưng học được khoảng 6 tháng thì trường sở bị đại bác địch từ biển bắn vào, tuy thiệt hại về tính mạng không đáng kể nhưng cơ sở vật chất bị tổn thất nặng. Mục tiêu đã lộ, trường phải di chuyển ngay. Một khó khăn đột xuất! Tưởng chừng như gián đoạn hẳn việc học hành. Nhưng với nghị lực sẵn có của toàn trường, với sự giúp đỡ tận tình của nhân dân địa phương, chỉ sau hơn mười ngày, địa điểm mới đã được chuẩn bị xong. Việc dạy và học lại tiếp tục...

Năm thứ nhất tuy có trở ngại nhưng chương trình vẫn thực hiện có kết quả. Sang năm thứ hai, mọi việc đều có kinh nghiệm hơn. Một không khí dạy và học tận tình, có chất lượng và toàn khoá đã kết thúc thắng lợi.

Mùa hái quả ban đầu đã đến. Tháng 7-1948, theo yêu cầu của bạn Lào, Bác Đồng đã bàn với Liên khu uỷ V chọn 20 học sinh Trường Trung học bình dân miền Nam Trung Bộ tham gia vào đơn vị tình nguyện làm cán bộ dân vận đi giúp bạn. Kể cả số học sinh ra trước và sau khi tốt nghiệp, Trường Trung học bình dân miền Nam Trung Bộ đã cung cấp cho các chiến trường cực Nam, Tây Nguyên và theo yêu cầu của bạn hàng trăm cán bộ sơ cấp và trung cấp. Và nếu cộng cả 3 khoá (1947-1951) thì đã có đến 1.000 cán bộ được đào tạo từ nhà trường này, toả ra phục vụ trên các chiến trường Bình Trị Thiên, Tây Nguyên, cực Nam Trung Bộ, các lĩnh vực công tác. Riêng số đi giúp bạn có tất cả 68 đồng chí. Những cán bộ này, phần lớn tham gia cả hai cuộc kháng chiến chống Pháp

và chống Mỹ, đã quyết bám đất bám dân, miệt mài tận tụy, phấn đấu kiên cường, hoàn thành nhiệm vụ. 52 đồng chí đã hy sinh dũng cảm.

Trên các nẻo đường công tác, trong các ngành phục vụ khác nhiều cựu học sinh Trường Trung học bình dân đã đạt thành tích xuất sắc. Trong số đó có người được tập kết ra Bắc sau năm 1954, tiếp tục đi học ở các trường đại học trong nước và nước ngoài, trở thành những nhà khoa học, nhà kinh tế, những kiến trúc sư, kỹ sư, thạc sĩ, tiến sĩ, nhà văn, nhà báo, nhà thơ, nhạc sĩ, sĩ quan cao cấp trong quân đội và công an nhân dân.

Thực tế này chứng minh một cách hùng hồn rằng Bác Phạm Văn Đồng không chỉ nghĩ điều bức xúc trước mắt mà đã nghĩ đến 10 năm, 20 năm sau. Và trong vấn đề giáo dục - đào tạo, đáng chú ý là Bác đã nói rất nhiều về dạy và học, về thầy và trò. Mỗi khi Bác đến thăm một tỉnh, thành phố nào, bao giờ Bác cũng dành thời gian đi thăm trường mẫu giáo, trường phổ thông, trường đại học (nếu có) và sau đó bao giờ Bác cũng gợi ý với các đồng chí lãnh đạo cần chú ý đến một loại hình giáo dục đào tạo khác mà đối tượng là những người quá tuổi, thiếu điều kiện theo học các trường lớp chính quy ở cấp trung học và đại học.

Năm 1992, khi tôi đã về công tác ở ngành Kiểm tra Trung ương Đảng, nhân lễ kỷ niệm 45 năm ngày thành lập Trường Trung học bình dân miền Nam Trung Bộ, Ban liên lạc "*cựu học sinh và giáo viên*" của trường đã tổ chức một cuộc họp mặt ở trụ sở Báo *Nhân dân*, gồm một số cựu học sinh và thầy giáo đã nghỉ hưu hoặc đang công tác tại Hà Nội. Hôm đó Bác Phạm Văn Đồng cũng đến dự. Phấn khởi, tự hào về mái trường xưa, về sự trưởng thành, cống hiến của mỗi người, tất cả đều hướng về Bác, người đã tận tình chăm sóc

và đặt niềm tin vào những con người đã dạy và đã học... và suốt đời đã làm đúng những điều chỉ bảo của Bác 45 năm trước. Bác đánh giá đúng thành tích, cống hiến của những con người ấy, nhưng lại nhấn mạnh: *"Tôi nghĩ nếu như một sự kiện nào đó trong lịch sử còn có ý nghĩa, còn được nhắc đến, thì điều đó còn mang tính thời sự, còn có tác dụng đối với hoạt động của con người, của xã hội. Nếu không như vậy, thì lịch sử chỉ là "lịch sử", một khúc cụt của dòng sông lớn - và thời gian càng trôi đi, khúc cụt lịch sử ấy càng bị khuất lấp, lãng quên!"*.

Ôi thật là thâm thúy!

Và Bác Phạm Văn Đồng là như thế!

BÁC PHẠM VĂN ĐỒNG VỚI CÔNG TRÌNH THUYẾT LỢI THẠCH NHAM

Tháng 8 năm 1982, tôi được chuyển về công tác ở Nghĩa Bình, trong thời điểm sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V, khi toàn Đảng bộ Nghĩa Bình đang chuẩn bị cho Đại hội lần thứ III của tỉnh, vừa phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch 1982 vừa chuẩn bị cho vụ lúa Đông Xuân 1982-1983.

Cũng giống như các tỉnh Tây Nguyên, ở vùng duyên hải miền Trung, Trung ương và tỉnh đã làm xong việc khảo sát, quy hoạch và đang từng bước thực hiện bố trí lại sản xuất, phân bố lại lao động theo hướng chú trọng cả ba vùng: đồng bằng, trung du miền núi, biển.

Tỉnh Nghĩa Bình, về kinh tế, trên cơ sở lương thực đủ ăn và có dự trữ, đang phát triển mạnh cây công nghiệp và cây đặc sản, phát triển đánh bắt hải sản... tạo nguồn nguyên liệu

cho công nghiệp chế biến và thủ công nghiệp, đẩy mạnh ngành dịch vụ, thương mại (chú ý xuất khẩu) và du lịch.

Về cơ sở hạ tầng sản xuất, trước và sau Đại hội Đảng bộ tỉnh đã có sự chuẩn bị cho việc xây dựng hai công trình trọng điểm: thủy lợi Thạch Nham và thủy điện Vĩnh Sơn.

Thật ra, vấn đề thủy lợi đối với tỉnh Nghĩa Bình đã trở thành bức xúc ngay từ đầu; ở nơi nào, vào lúc nào, cả lãnh đạo và nhân dân cũng đề cập đến, nhưng làm cỡ nào (nhỏ, vừa hay lớn) và bằng cách nào thì chưa có lời giải đáp thống nhất.

Từ khi có phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm" thì ý Đảng, lòng dân đã gặp nhau. Tỉnh uỷ và Uỷ ban nhân dân tỉnh đã quyết định triển khai ngay việc xây đập Thuận Ninh (phía tây huyện Phù Cát) và Lại Giang (huyện Hoài Nhơn), hai công trình cỡ vừa ở phía Bình Định; đồng thời chuẩn bị cho dự án thủy điện Vĩnh Sơn (Vĩnh Thạnh).

Riêng về dự án "*Thạch Nham*", ý tưởng này nảy sinh ra từ quê hương của những "*bờ xe nước*", những cánh đồng lúa dọc hai bên bờ sông Trà Khúc xanh tươi ngay cả trong mùa khô hạn và nỗi lo toan của người dân Quảng Ngãi: bờ xe nước đã đưa dòng nước hiền hoà của sông Trà vào đồng ruộng, tạo ra bát cơm, cuộc sống cho họ, nhưng qua bao đời, không sao chế ngự được nó khi nó trở nên hung dữ? Và cứ mỗi mùa lũ đến, bờ xe nước hoặc bị cuốn trôi, hoặc phải dỡ đi rồi làm lại, tốn phí biết bao! Mà bờ xe nước thì cũng chỉ tưới được một số cánh đồng ở gần sông, tác dụng rất hạn chế!

Từ sau ngày giải phóng, Bác Đồng về thăm quê hương, thăm tỉnh uỷ, đã thấu hiểu điều này. Nhưng đây là công trình lớn. Phải khảo sát, thiết kế tổng thể và chi tiết, tính toán rất kỹ về điều kiện khả thi. Bác Đồng, lúc này là Chủ

tịch Hội đồng Bộ trưởng, trước trách nhiệm chung đối với cả nước, Bác phải dựa vào các ngành cơ quan có trách nhiệm.

Thường vụ Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh đã cùng với Bộ Thủy lợi, Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước có nhiều cuộc họp để đi đến một sự nhất trí cao, không chỉ trên chủ trương mà phải có một "*luận chứng kinh tế - kỹ thuật*" có căn cứ khoa học, đem lại hiệu quả chắc chắn, có tính khả thi.

Vào khoảng tháng 10-1984, tôi và đồng chí Tô Đình Cơ, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh ra Quảng Ngãi gặp Bác Đỗ Mười, hồi đó là Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, báo cáo tình hình và kết quả công tác chuẩn bị đối với thủy lợi Thạch Nham, sau đó hướng dẫn Bác Đỗ Mười đi thực địa. Trời mưa, đường có đoạn lầy lội, gần đến địa điểm, xe không đi được nữa, Bác Đỗ Mười phải xắn cao quần, lội qua một đoạn ngập nước, đi bộ tiếp 200m mới lên đến điểm cao, từ đó nhìn ra địa thế bao quát và nghe cán bộ của Bộ Thủy lợi trình bày về phương án tối ưu chọn vị trí của đập dâng... Trên đường về, Bác Mười còn hỏi rất nhiều điều nữa. Thật là một chuyến đi vất vả nhưng tận lực tận tình. Rất tiếc những tư liệu về phim, ảnh của chuyến đi này đã không giữ được. Sáng hôm sau, trước khi từ giả chúng tôi, Bác Đỗ Mười còn xem lại lần cuối rồi ký vào bức điện gửi Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Phạm Văn Đồng.

Tôi biết rằng, Bác Đỗ Mười và Bác Phạm Văn Đồng đã nhất trí với nhau về dự án đã chuẩn bị. Vấn đề còn lại là vốn đầu tư. Bối cảnh lúc này không giống như lúc Tỉnh uỷ Quảng Nam quyết định xây dựng công trình thủy lợi Phú Ninh (Tam Kỳ) là lúc ta đã có đối tác nước ngoài và sự viện trợ quốc tế. Theo dự toán, với giá cố định thời điểm ấy, vốn cho toàn bộ công trình phải đến 1,04 tỷ đồng Việt Nam. Bây giờ thì ngân sách Nhà nước Trung ương không thể kham hết.

Cách hợp lý nhất, hiện thực nhất là *"trên và dưới cùng làm, Nhà nước và nhân dân cùng làm"*.

Thường trực Hội đồng Bộ trưởng triệu tập đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra Hà Nội bàn và quyết định. Với quyết tâm mà Tỉnh uỷ và Hội đồng nhân dân tỉnh Nghĩa Bình đã thông qua, đồng chí Tô Đình Cơ đã nhanh chóng nhất trí và chấp nhận cơ chế góp vốn theo tỷ lệ 4/6 (Trung ương đầu tư 60%, Nghĩa Bình góp 40%).

Quyết định chính thức về phía Hội đồng Bộ trưởng bắt đầu từ đó.

Ngày 3 tháng 4 năm 1985, tại Quy Nhơn, nhân lễ trao Huân chương Sao vàng cho Đảng bộ và nhân dân tỉnh Nghĩa Bình, thay mặt Đảng và Nhà nước, Bác Phạm Văn Đồng đã chỉ rõ: *"Xây dựng tỉnh Nghĩa Bình thành một tỉnh giàu và mạnh, một tỉnh có đời sống vật chất và văn hoá tinh thần ngày càng tươi sáng và được cải thiện, xứng đáng là tỉnh đáng yêu đáng quý của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, mỗi người làm việc bằng hai, một phần cho hiện tại, một phần cho mai sau"*. Những lời nói đó vừa là động viên vừa là khẳng định hướng phấn đấu của một Đảng bộ, một tỉnh đã có truyền thống anh hùng trong lao động sản xuất và chiến đấu chống xâm lược.

Tại Quảng Ngãi, công trình thuỷ lợi Thạch Nham sau đó đã tiến hành lễ động thổ, phát động khí thế chung và chuẩn bị ra quân trên toàn tuyến. Gay cán nhất cho đến lúc này là ta vẫn chưa xử lý xong một tình huống hiểm hóc ở phía hạ lưu đập chính: Một cái hẻm sâu trong lòng sông, cái hẻm đã có bao huyền thoại, mà khi khảo sát ta đã tìm thấy xác người chết bị nhận chìm dưới đó. Cùng với một số cán bộ khảo sát thiết kế, cán bộ thi công, đồng chí Kỳ - Viện trưởng Viện thiết kế Bộ Thuỷ lợi đã ra lệnh đắp đê bao quanh chỗ hẻm,

dùng nhiều máy bơm đổ nước ra ngoài và cho đào sâu xuống, đào cho đến khi chính tay Viện trưởng sờ tận đáy của hẻm sâu, sau đó với sự hợp đồng chính xác đã dùng kỹ thuật lấp kín nó. Cuộc chiến đấu này diễn ra trong đêm mưa, dưới sự chứng kiến của cán bộ lãnh đạo tỉnh và nhân dân địa phương.

Tình huống hiểm hóc và sự phân vân của một số người được giải quyết. Lệnh thi công tại công trình đầu mối được ban ra. Trên các công trình rộn ràng tấp nập.., hàng ngàn người mà phần lớn là của Liên hiệp Xí nghiệp xây dựng Thủy lợi II của Bộ do Tổng Giám đốc Nguyễn Nam chỉ huy, gồm đa số người Nghệ - Tĩnh và một số tỉnh phía Bắc đã sát cánh cùng với cán bộ, công nhân địa phương lao vào công việc của mình, bên cạnh các loại máy xúc, máy đào, xe cơ giới vận chuyển, máy trộn bê tông ì ầm, vang động suốt ngày.

Trong khi ở đầu mối, việc thi công đang tiếp tục, thì ở kênh chính Nam khi bắt tay vào đã gặp ngay trở ngại là phải đào xuyên qua núi đá và đất cao lạnh trải dài mấy kilômét (sau này ở kênh chính Bắc cũng phải đào xuyên qua những bãi đá rộng, dài không kém khó khăn) không thể tránh hay đi vòng được nữa, mà chỉ có thể khắc phục bằng tinh thần dũng cảm, bền bỉ, sáng tạo của con người. Có công nhân đã bỏ mình trong lao động. Nhưng quyết tâm vẫn cao. Vấn đề đặt ra là năng suất. Thường xuyên theo dõi, Bộ Thủy lợi đã cùng với địa phương bàn biện pháp đẩy nhanh tiến độ. Bộ trưởng Nguyễn Cảnh Dinh và các Thứ trưởng Trần Nhơn, Trần Giới thường vào làm việc với tỉnh Nghĩa Bình, các huyện phía Bắc và các đơn vị thi công.

Tháng 7 năm 1987, Bác Đồng về thăm Thạch Nham vào lúc toàn công trường đang hăng say lao động. Bác gặp Ban chỉ đạo, cán bộ chỉ huy thi công hỏi thăm tình hình, gặp một số công nhân, thăm hỏi động viên mọi người và nhắc nhở cán bộ

lãnh đạo tỉnh Nghĩa Bình và các huyện phía bắc phải cố gắng hết sức mình, không được ỷ lại vào Trung ương.

Thế rồi ngày mong đợi đã đến.

Ngày 26 tháng 2 năm 1989, lễ chặn dòng sông Trà Khúc đã được tiến hành. Dự lễ có đông đủ các vị khách Trung ương, các đồng chí lãnh đạo tỉnh Nghĩa Bình, Bộ Thủy lợi, đại biểu các tỉnh bạn, các huyện phía bắc tỉnh, các đơn vị thi công Liên hiệp Xí nghiệp xây dựng Thủy lợi II, Liên hiệp Xí nghiệp xây dựng Thủy lợi IV, Tổng Giám đốc Lương Viên, đơn vị chủ lực tham gia vào đợt nước rút ở công trình đầu mối, đơn vị xây dựng Thủy lợi tỉnh Nghĩa Bình (giám đốc là đồng chí Tửu), các đơn vị thi công các huyện. Theo lệnh của đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và dưới sự chỉ huy của Tổng Giám đốc Lương Viên, những rọ đá đã được tới tấp thả xuống lấp dòng... đánh dấu một ngày lịch sử: đưa nước sông Trà vào phục vụ lợi ích của đại bộ phận nhân dân Quảng Ngãi.

Và cũng từ đó, các kênh chính bắc, nam và các kênh nhánh vươn ra xa, vượt qua sông Vệ (ở phía nam) và sông Trà Bồng (ở phía bắc) - bằng xi phông đưa nước tươi đến cả tây và đông hai huyện Sơn Tịnh, Bình Sơn, đến cả Mộ Đức và bắc Đức Phổ, điều mà nhân dân chưa từng nghĩ tới.

Nhân dân Quảng Ngãi với mức sống như hiện nay, chắc không một ai còn nghi ngờ gì về chân lý *"lòng dân mà không có Đảng, có chính quyền cách mạng thì mãi mãi không thoát được kiếp ngựa trâu, thoát được đói nghèo"*.

Nhân dân Quảng Ngãi đánh giá cao sự tham gia tích cực của các ngành Trung ương nhất là Bộ Thủy lợi, Viện khảo sát thiết kế đối với công trình có ý nghĩa lịch sử này.

Sau khi tách tỉnh, Bác Phạm Văn Đồng về thăm lại quê hương, đã mấy lần Bác trở lại công trình đầu mối Thạch Nham.

Nhân cuộc họp với những người nông dân sản xuất giỏi ở Quảng Ngãi sau khi tách tỉnh Bác đã nói:

"Chúng ta phải nhớ rằng công trình thủy lợi Thạch Nham chia làm nhiều bước và đến lúc này là bước quyết định nhất... chúng ta hãy tính, nếu công trình đem tưới sớm hơn một năm thì kết quả của nó tốt đẹp biết chừng nào! Công trình Thạch Nham có hai phần việc: Phần của Bộ Thủy lợi và phần của tỉnh.

Rất đáng tiếc là phần của tỉnh làm chậm!"

Như chúng ta đã biết, Bác Đồng bao giờ cũng chống thói thoả mãn, ỷ lại, mệt mỏi, thiếu tinh thần năng động sáng tạo, luôn hằng hái xúc tới một cái đích cao hơn, xa hơn!

Tiếc rằng sau này do mắt kém, Bác không còn nhìn được cảnh vật của toàn bộ công trình và những cánh đồng lúa, đồng mía xanh mướt ở tận tây Sơn Tịnh, đông và tây Bình Sơn cũng như tận Tà Câu (Đức Phổ), cũng không thấy được nước Thạch Nham đang phục vụ cho việc xây dựng hiện nay ở Dung Quất và tương lai cho cả Khu công nghiệp lớn ở vùng này, góp phần mở ra một tương lai tươi sáng cho quê hương Quảng Ngãi.

NHỚ VỀ NGƯỜI ANH LỚN CỦA QUẢNG NGÃI

*Trần Kiên**

KỶ NIỆM VỀ LỚP HỌC CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN

Tôi may mắn được gặp Anh Phạm Văn Đồng lần đầu tiên vào cuối năm 1947.

Từ lâu, khi còn là một thanh niên mới lớn phải đi làm thuê, vào tận Mộ Đức quê Anh để gặt lúa sớm, tôi đã nghe danh tiếng của "cậu Tú". Rồi được biết Anh sinh trưởng trong một gia đình công chức, đến với cách mạng rất sớm và trở thành đại biểu Quốc hội (khoá I) của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Nhưng mãi đến lúc này tôi mới được gặp Anh.

Năm ấy, tôi đi bộ đội Nam tiến, hoạt động ở vùng địch hậu, thuộc Tiểu đoàn Lương Ngọc Quyến. Tôi được cấp trên cho đi học lớp lý luận chính trị do đồng chí Phạm Văn Đồng triệu tập tại Hoài Nhơn (Bình Định). Nghe được cử đi học, tôi mừng lắm, song trong lòng cũng không ít nỗi lo! Mừng vì đi học sẽ có dịp gặp đồng chí Phạm Văn Đồng để biết mặt một con người nổi tiếng ở quê hương Quảng Ngãi của mình; nhưng lo là đi học sẽ phải xa đơn vị và trình độ văn hoá thấp

* Nguyên Ủy viên Ban Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đảng.

(mới lớp ba) sợ không theo học nổi. Tôi mạnh dạn đến gặp anh Tạ Tường, nguyên chính trị viên Trung đội Ấm Loan (thuộc Đội du kích Ba Tơ) trước đây để xin ý kiến. Anh Tạ Tường khuyên tôi: Đi học tốt lắm, hãy quyết tâm đi học đi, đừng ngại... ! Thế là tôi vui vẻ đến Hoài Nhơn để nhập học.

Tại lớp học, lần đầu tiên được học về lý luận, tôi được nghe Anh Đồng giảng bài về nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin; về giá trị tư tưởng - chính trị của triết học; về kinh tế - chính trị học; về chủ nghĩa xã hội,... Anh nói về công lao của Lênin trong việc phát triển và bổ sung chủ nghĩa Mác; về tư tưởng của Lênin trong việc đấu tranh giai cấp, giành chính quyền; về thiên tài của Lênin đã lãnh đạo giai cấp vô sản Nga đấu tranh cách mạng giành thắng lợi bằng cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917. Anh nói về chiến lược, chiến thuật và sách lược của Lênin trong việc lãnh đạo thành công chính quyền cách mạng ở Nga còn non trẻ những năm 1917-1921. Lênin đã đấu tranh xây dựng quan điểm về Đảng kiểu mới, phê phán quan điểm coi Đảng chỉ là "câu lạc bộ", đảng viên không cần sinh hoạt Đảng. Anh giảng nhiều nội dung, nhưng tôi nhớ nhất ở các bài giảng của Anh là không được giáo điều, không phải học một cách máy móc, câu chữ mà chủ yếu là nắm cái tinh thần và phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lênin. Học phải độc lập suy nghĩ và phải liên hệ với thực tế. Học đi đôi với hành. Đảng viên phải chấp hành Nghị quyết của Đảng, phải chống lại thói hư tật xấu, chống chủ nghĩa cá nhân, không được xa rời quần chúng, phải luôn trau dồi đạo đức của người cách mạng...

Mãn khóa, tôi đến chào Anh để về đơn vị. Anh ân cần hỏi tôi về sức khỏe, đã tiếp thu được cái gì? Điều gì chưa hiểu hãy cứ nói thật cho Anh nghe. Tôi thật thà nói hết những nhận thức, hiểu biết của mình sau khi học. Anh cười rất hiền

và nắm tay tôi nói: Cậu tiếp thu vậy là tốt đấy, cố gắng về công tác cho tốt và hãy vận dụng những nội dung bài học vào thực tế công tác của mình.

Những bài học đầu tiên ấy, cho đến bây giờ, suốt cả cuộc đời gần 70 năm theo Đảng đi làm cách mạng, tôi vẫn còn nhớ mãi, kiểm nghiệm và liên hệ với thực tế bây giờ tôi thấy vẫn đúng và có giá trị.

Lần thứ hai, tôi được gặp Anh tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III năm 1960 tại Hà Nội. Cần nói thêm là trong hai năm 1954, 1955, tôi được tổ chức phân công ở lại miền Nam, làm Bí thư Ban cán sự Tỉnh uỷ Kon Tum (thuộc Liên tỉnh 4 gồm Kon Tum, Đắc Lắc, Gia Lai). Đảng bộ Liên tỉnh 4 cử tôi, anh Bảy Hữu, anh Hồng Châu đi dự Đại hội Đảng. Khi biết anh em tôi ra, Anh Đồng liền mời ba chúng tôi đến thăm và nghe báo cáo tình hình các tỉnh Khu V cho Anh nghe. Anh Bảy Hữu báo cáo tình hình tỉnh Quảng Nam, Quảng Trị, Thừa Thiên. Anh Hồng Châu báo cáo ba tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, còn tôi báo cáo về Kon Tum, Đắc Lắc, Gia Lai. Anh hỏi cận kề trường hợp hy sinh của anh Trương Quang Tuân trong Đoàn anh Hai Già, anh Văn, đi công tác từ miền Bắc vào Khu V sang Campuchia để vào Nam Bộ như thế nào? Tôi kể Anh nghe tình cảnh đồng bào miền Nam nói chung, các tỉnh Khu V nói riêng, Mỹ - Diệm lê máy chém của luật 10/59 đi các nơi giết dân lành đầu rơi máu chảy. Nhiều nơi cơ sở cách mạng phải bật ra khỏi dân. Đồng chí Trương Quang Tuân mất vì sốt rét ác tính, trong tình hình hồi ấy không cứu chữa được. Tôi trực tiếp chôn cất anh ở vùng T3 giáp ranh ba tỉnh Quảng Ngãi, Quảng Nam, Kon Tum. Nghe tình hình đồng chí Tuân mất, đồng bào miền Nam bị Mỹ-Diệm tàn sát, Anh Đồng bùi ngùi muốn rơi nước mắt, không khí trong phòng nặng nề, không ai nói lời nào. Các đồng chí

phục vụ đem xôi vò nóng và đường lên ăn giữa buổi, nhưng vì đau buồn, xúc động ai cũng chỉ ăn qua quýt rồi đứng dậy.

Sau giờ giải lao, Anh dặn dò anh em chúng tôi: Tình hình hiện nay (1960), chúng ta phải xác định: Đế quốc Mỹ và bọn tay sai Ngô Đình Diệm là kẻ thù trực tiếp, nó phản bội không thực hiện Hiệp định Giơnevơ, đang tiến hành tổ cộng, sát hại đồng chí, đồng bào ta. Chúng ta phải vạch rõ tội ác của chúng cho nhân dân biết, phải đấu tranh chính trị, vũ trang, kết hợp ba mũi giáp công để tiêu hao, tiêu diệt địch, phải làm chủ từng phần, tiến lên làm chủ toàn miền, giải phóng miền Nam. Cuộc kháng chiến tuy lâu dài gian khổ, ác liệt đấy nhưng nhất định phải thắng lợi!

Lời căn dặn của Anh cũng là mệnh lệnh của Đảng nên đường lối chỉ đạo của Nghị quyết 15 của Trung ương, là chiến lược chiến thuật của Đảng ta trong giai đoạn mới dùng vũ trang để diệt địch, chuẩn bị mở ra một giai đoạn mới ở miền Nam nói chung, Nam Trung Bộ và Tây Nguyên nói riêng. Đây cũng là mong ước của chúng tôi, của nhân dân trong giai đoạn lịch sử của đất nước. Những lời chỉ bảo của một người Anh lớn luôn nhắc nhở động viên tôi suốt cả chặng đường gian khổ, ác liệt để cùng với cấp uỷ và chính quyền các địa phương Liên khu V và Tây Nguyên lãnh đạo nhân dân đấu tranh đến ngày toàn thắng.

NGƯỜI LO "VỐN RỪNG" CHO TỔ QUỐC

Mấy năm đầu sau giải phóng miền Nam 1975, tôi chưa có dịp được làm việc trực tiếp với Anh. Đến năm 1979, khi về công tác tại Bộ Lâm nghiệp thì tôi mới thường xuyên được gần gũi với Anh Phạm Văn Đồng, lúc này Anh đang là Thủ tướng Chính phủ. Dù bận nhiều việc, nhưng Anh vẫn luôn

dành cho tôi những tình cảm thân tình, sâu nặng và rất quan tâm đến công việc của chúng tôi. Một điều mà tôi nhớ mãi, đến nay vẫn không thể nào quên là những lo toan, suy nghĩ, những lời dặn dò, chỉ bảo của Anh về việc chăm lo xây dựng, bảo vệ và phát triển "vốn rừng" cho Tổ quốc.

Đạo ấy, cứ hàng quý, hàng năm, Anh Đồng thường gọi anh em lâm nghiệp chúng tôi lên báo cáo tình hình của ngành cho Chính phủ và cho Anh biết. Nhiều lần Anh gặp tôi và trao đổi về vấn đề khai thác, chế biến những nguồn đặc sản của rừng chúng ta như thế nào có ích lợi cho đất nước. Đặc biệt Anh hết sức quan tâm đến việc xây dựng và bảo vệ "vốn rừng". Anh thường nói: Đây là nguồn của cải vô cùng quý giá của chúng ta. Nếu lâm nghiệp của ta chỉ lo khai thác, chế biến nguồn rừng không là không đủ mà phải hết sức coi trọng nuôi trồng và bảo vệ vốn rừng. Nếu chỉ biết khai thác mà không lo nuôi trồng, bảo vệ rừng thì lấy đâu nữa để mà khai thác? Đó là chưa nói đến bao nhiêu hậu quả xấu khác do ta không biết coi trọng "vốn rừng" từ hôm nay. Tôi biết các đồng chí có chủ trương lo xây dựng và bảo vệ "vốn rừng" là đúng. Tôi nghĩ việc này không chỉ có ý nghĩa bây giờ mà còn có ý nghĩa cho hàng chục, hàng trăm năm cho đất nước mai sau. Nếu ta không làm từ bây giờ thì mai kia con cháu chúng ta sẽ không còn có chút "vốn liếng" nào nữa. Các cậu nghĩ, thế có phải là chúng ta mắc tội với con cháu không nào? !...

Anh Đồng luôn dặn dò chúng tôi: Có chủ trương bảo vệ, xây dựng "vốn rừng" là hay đấy, nhưng điều quan trọng là phải đi sâu vào việc tổ chức thực hiện như thế nào cho tốt. Vào rừng khổ lắm đấy ! Trồng với chăm sóc rừng và khoanh nuôi rừng đâu có phải là dễ. Những việc đó phải bàn, có cách làm thế nào đây mới làm được, chứ không phải là chuyện dễ đâu ! Phải suy nghĩ kỹ và làm cho bằng được. Chúng ta phải

có trách nhiệm đối với rừng. Đó là trách nhiệm đối với sự sống còn của nhân dân và đất nước ta.

Nhiều lần Anh hỏi chúng tôi về rừng Tây Bắc, rừng ở Khu IV, Khu V như thế nào? Rừng ở miền Đông, miền Tây Nam Bộ, rừng ngập mặn... ra sao? Các đồng chí phải đi sâu vào nghiên cứu cho thật kỹ và bàn cách chăm lo bảo vệ, phát triển vốn rừng phù hợp với từng nơi, từng loại. Công việc này quan trọng lắm đấy, và cũng rất nhiều khó khăn. Nhưng có quyết tâm thì việc gì ta cũng có thể làm được. Tranh thủ sự chỉ đạo của Anh, tôi thưa rằng: Trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc ta đã thực hiện nuôi trồng rừng và chế biến tài nguyên rừng có kế hoạch. Còn ở miền Nam thì rừng bị tư nhân khai thác chẳng có kế hoạch gì, cũng chưa nuôi trồng, chăm sóc, bảo vệ gì. Và do thảm họa của chất độc hoá học mà bọn Mỹ rải xuống để tàn phá rừng hòng tiêu diệt lực lượng cách mạng, nên hậu quả để lại làm cho tỷ lệ che phủ bị thu hẹp và vốn rừng bị huỷ hoại ghê gớm lắm. Nghe tôi trình bày, Anh nói thêm: "Lại còn lụt lội nữa chứ!".

Ngày ấy, Anh Đồng thường đã để thời gian đến thăm Bộ Lâm nghiệp. Anh ân cần hỏi thăm sức khoẻ, gia đình và cuộc sống của cán bộ và nhân viên chúng tôi. Anh rất hiểu và thông cảm với những khó khăn của chúng tôi và động viên tất cả anh em chúng tôi hãy vượt qua khó khăn, thiếu thốn và tình hình phức tạp ở biên giới phía Bắc cũng như ở biên giới phía Tây Nam đang diễn ra lúc bấy giờ để hoàn thành nhiệm vụ được giao. Nhất là Anh luôn nhắc nhở phải coi trọng xây dựng và bảo vệ, phát triển vốn rừng.

Từ đó đến nay, đã hơn 20 năm rồi. Và tôi cũng đã trải qua nhiều nhiệm vụ, công việc được Đảng và nhân dân giao phó. "Nghề rừng" đối với tôi đã có nhiều kỷ niệm và bao điều tâm huyết. Cho đến bây giờ, trong tâm khảm tôi vẫn còn mãi

khắc sâu hình ảnh vị Thủ tướng, người Anh, người đồng chí của quê hương rất đỗi thân tình, giản dị, người đã luôn quan tâm đến ngành Lâm nghiệp của chúng tôi và có những lo toan, suy nghĩ chiến lược cũng như sự bày vẽ, diu dắt và những lời dặn dò đầy ý nghĩa về việc chăm lo xây dựng, bảo vệ phát triển "vốn rừng" và cả những "con người làm rừng" cho đất nước, quê hương.

SUY NGHĨ VỀ CON NGƯỜI VÀ CÁCH CHĂM LO CHO CON NGƯỜI

Mỗi lần gặp chúng tôi, Anh Phạm Văn Đồng thường nói: Ông bà ta thật là chí lý. Chí lý từ trong thực tiễn cuộc sống xã hội, trong công việc sản xuất, làm ăn và cả trong tâm hồn tình cảm, với bản tính giản dị, giàu tình nghĩa và rất thủy chung...

Khi tôi được phân công nhận nhiệm vụ về công tác tại Nghĩa Bình, tôi đến gặp Anh thăm và xin chỉ thị. Anh nhắc nhở ngắn gọn: Cậu có biết không, ông bà ta ngày trước hay lắm ! Quê ta có tập quán cần cù lao động làm ăn và tình nghĩa trước sau rất thủy chung. Đó là điều hay lắm đấy ! Ngày nay, ta có Đảng lãnh đạo bằng chủ trương, đường lối, bằng nghị quyết, chỉ thị. Cậu làm sao nhắc nhở anh em đừng quên điều ấy. Nghĩa là phải tiên phong gương mẫu, tổ chức thực hiện tốt nghị quyết, chỉ thị của Đảng, của cấp trên và phát huy những truyền thống, tập quán tốt đẹp của ông bà ta. Bộ Chính trị đã quyết định cử cậu về Nghĩa Bình, cậu đi mình chúc cậu mạnh khỏe, thành công, gửi lời thăm anh em đồng chí, đồng bào và gia đình, có dịp mình sẽ về thăm.

Tôi tranh thủ xin ý kiến về một số việc lớn để Anh hướng dẫn cho Nghĩa Bình. Anh nói: Cậu về thay anh Tám Tú, anh

Tám Tú bị tai biến mạch máu não, nên Bộ Chính trị đã quyết định cử cậu về thay, về đó tùy tình hình mà định liệu. Minh có ba ý tham gia gợi ý với cậu:

- Một là đoàn kết;
- Hai là liên minh giai cấp công nông;
- Ba là xây dựng Đảng.

Như trên mình đã nói, quê ta có tập quán sau trước thủy chung và đồng cam cộng khổ để làm ăn. Nghe đoàn kết thì đơn giản nhưng để cùng đồng lòng hiệp lực là khó lắm đấy. Cậu nhắc nhở anh em phải vì Đảng, vì dân đừng có địa phương cục bộ, đừng lồng cái cá nhân vào sẽ làm cho mọi việc trở nên rắc rối và phức tạp hơn. Làm được điều này cũng không phải là việc dễ đâu.

Còn liên minh giai cấp là việc rất lớn. Phải chăng trước mắt ta cần lo vấn đề thủy lợi làm sao cho nước sông Côn và nước sông Trà Khúc sẽ được dùng cho sản xuất của bà con nông dân. Tôi liền thưa: Tôi định sẽ về bàn với anh em Thường vụ Tỉnh uỷ, việc này nhờ Anh giúp đỡ. Anh trả lời: Cậu hãy bàn thêm với anh Tố Hữu - Thường trực Chính phủ, xem sao? Ít lâu sau tôi ra gặp anh Tố Hữu xin ý kiến về vấn đề này, anh đã đồng tình và giúp đỡ.

Rồi Anh nhắc lại vấn đề xây dựng Đảng. Anh bảo phải phát huy quá khứ kiên cường nhưng không nên tránh chỉ ra những lệch lạc, khuyết điểm. Đây là điều phải nhìn cho rõ. Nói cho cùng vẫn là vấn đề con người. Mọi việc hay dở, thành bại, sự nghiệp cách mạng của ta thế nào, đều do con người cả. Cho nên phải xây dựng con người. Bác Hồ nói: "Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết phải có những *con người xã hội chủ nghĩa*". Chủ nghĩa xã hội là do con người làm nên. Mà xây dựng chủ nghĩa xã hội cũng vì hạnh phúc của con người. Vấn đề con người quan trọng lắm ! Bác Hồ cũng nói:

"cán bộ là cái gốc của mọi công việc". Xây dựng Đảng phải thường xuyên giáo dục, rèn luyện con người. Mà như cậu biết đấy, con người đảng viên là phải có tính Đảng, tính giai cấp. Nó biểu hiện ở chỗ là lo sản xuất làm ăn, học hành, công tác, chiến đấu... hay là ngồi không, chờ hưởng lạc trên sức lao động của người khác? Ở chỗ sau trước thủy chung hay quên đi quá khứ, phủ nhận lịch sử, phản bội Tổ quốc, chống Đảng và làm hại nhân dân? Ở chỗ có chấp hành sự lãnh đạo bằng nghị quyết, chỉ thị của Đảng hay là chỉ thích tự do cá nhân, vô Chính phủ (?)... Từ đó mà sinh ra những chuyện rắc rối, tiêu cực có hại cho Đảng, cho dân, làm lợi cho bọn xấu và kẻ địch? Nói gọn vậy thôi, cậu về bàn với anh em suy nghĩ, cứ theo đó mà làm là khác được !

*

* *

Còn nhớ, khi tôi về làm công tác ở Ủy ban Kiểm tra Trung ương, tôi lại được gần Anh. Anh Đồng thường gọi tôi đến chơi, cùng trao đổi với Anh về tình hình quốc tế, trong nước và tình hình ở quê nhà. Điều Anh hết sức quan tâm là về công tác xây dựng Đảng. Anh nhắc nhở mãi vấn đề tự phê bình và phê bình. Anh cho rằng không tự phê bình là dối mình và dối Đảng. Người đảng viên không tự phê bình là đã hỏng rồi. Về công tác Kiểm tra, Anh rất quan tâm đến vấn đề: lãnh đạo phải kiểm tra. Phải kiểm tra việc tổ chức thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng. Nếu đảng viên mà không tổ chức thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng thì làm sao có sự thống nhất hành động trong Đảng và làm sao có sự gắn bó với quần chúng nhân dân được? Đảng không thống nhất chủ trương, hành động và không gắn bó với dân là cực kỳ nguy hiểm. Quan liêu là nguy lắm ! Có người nói giỏi, nói hay

nhưng không nói theo nghị quyết của Đảng, nói không đi đôi với làm là thế nào? Muốn biến Đảng thành câu lạc bộ sao? Về công tác phát triển Đảng, Anh Đồng thường nhắc đi nhắc lại, phải có đảng viên trẻ, cán bộ trẻ. Việc này quan trọng lắm. Vì để họ tiếp tục xây dựng và phát triển sự nghiệp của chúng ta giành thắng lợi to lớn hơn nữa. Đảng viên trẻ phải chăm lo giáo dục, bồi dưỡng, kết nạp mới có. Còn muốn có cán bộ trẻ thì phải chăm lo đào tạo, rèn luyện mới có được. Bản thân mỗi cán bộ phải được rèn luyện trong quá trình thực hiện đường lối, nghị quyết của Đảng và phải tự tu dưỡng bản thân mình. Có như vậy, cán bộ mới được Đảng tin và nhân dân yêu mến. Trước đây, người cán bộ cách mạng đã rèn luyện tinh thần và dũng khí qua thử thách gian khổ, trong cuộc đấu tranh với kẻ thù thực dân, đế quốc. Ngày nay, người cán bộ cách mạng phải lo thực hiện nghị quyết của Đảng và tự tu dưỡng, rèn luyện bản thân hàng ngày. Nhờ cậu nói giùm với anh em cán bộ, đảng viên trẻ, già đừng quên điều ấy !

*

* *

Sau Đại hội VII, được Bộ Chính trị cho nghỉ công tác, tôi về ở tại quê nhà. Hằng năm, cứ đến tháng Ba, Anh Đồng thường về thăm quê, lần nào Anh cũng ghé thăm gia đình tôi. Ngay lần đầu tiên đến thăm tôi tại gia đình, Anh đã hỏi tôi về tình hình "ba vùng" và cách làm ăn đi lên của tỉnh nhà theo hướng bao quát nhất. Tôi hỏi thăm sức khoẻ Anh và thưa rằng: Về tình hình của tỉnh, các đồng chí Thường vụ Tỉnh uỷ sẽ báo cáo với Anh cho đúng nguyên tắc.

Anh nói: - Không sao, cậu biết gì cứ nói vậy, đừng ngại.

Tôi thưa: - Ở đây cần chăm lo "8 chữ vàng" và "ba vùng".

Anh gật đầu nói: "Cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư" chứ gì?

Rồi Anh nói: - Theo mình phải nghĩ thêm "ba lợi ích".

Tôi và Anh cùng cười ! Điều Anh nói rất đúng, nhưng chỉ sợ người ta "yêu hai", "quên một", cá nhân cục bộ, quên ích nước lợi dân, bỏ mất cái cốt lõi. Về "ba vùng", tôi thưa:

- Đáng mừng là tỉnh đã khởi công xây dựng khu công nghiệp Dung Quất. Vùng biển, với việc đánh bắt xa bờ và nuôi trồng thuỷ sản, chắc chắn sẽ đi lên. Vùng nông thôn đồng bằng, nhờ có công trình thuỷ lợi Thạch Nham mà tránh được nạn đói như năm 1952. Đất Quảng Ngãi có cây công nghiệp là cây mía, nếu tăng được năng suất trên đầu ha thì chắc có hàng hoá.

- Còn thị xã Quảng Ngãi thì sao? - Anh hỏi. Tôi đáp: - Các đồng chí đã nêu quyết tâm phấn đấu đưa thị xã lên thành phố tỉnh lỵ loại 3. Đời sống chung của nhân dân trong thị xã đã khá hơn trước nhiều nhưng không đều và chậm hơn so với các nơi. Anh hỏi: Còn miền núi thì sao? Đời sống nhân dân thế nào? Tiềm năng đã được khơi dậy chưa? Sản xuất hàng hoá ra sao? Tôi thưa: - Còn khó lắm. Anh hỏi: - Khó cái gì? Ở đây có tiềm năng, từng nhà có nhân lực dồi dào, làm sao không vượt qua khó khăn được? Trong kháng chiến chống Pháp tôi thấy đã có cơ sở sản xuất làng Trá, cơ sở chăn nuôi Trảng Kè, giờ ra sao? Đàn trâu Mura nó thế nào? Nó lên núi được mấy con? Tôi thấy lúng túng, khó trả lời. Tôi muốn nói do chưa đồng tâm hiệp lực. Anh lại hỏi tiếp: - Có phải do ý lại không? Có phải do nằm chờ Dung Quất không? Có phải do "*Tư tưởng không thông, đeo bình tông cũng nặng*" không? Tôi thưa: - Hình như có giáo điều, có bảo thủ trong lãnh đạo; có phần ý lại trông chờ vào khu công nghiệp Dung Quất nhưng cũng trông chờ vào Nhà nước. Điều đó thể hiện là tại

sao giải phóng lâu rồi mà ta chưa có một mô hình làm ăn trên đất dốc và đất đá lộn phỏi. Đất mình là đất dốc lộn phỏi, đâu có đất bằng và đất badan mà không có mô hình ruộng bậc thang, thuỷ lợi bình thông nhau, nông nghiệp vườn và rừng... thì miền núi làm sao phát triển làm ăn được. Anh cười hà hà: - Thế là không thấy đặc điểm cụ thể chứ gì? Vậy thì khó lắm đấy ! Vậy là vất vả lắm đấy !

Anh quay lại nhìn tôi, hỏi: - Cậu năm nay bao nhiêu tuổi? Tôi thưa: Dạ, trên 75 tuổi rồi. Anh nói, gay lắm đấy ! Bây giờ phải có đội ngũ cán bộ có sức khoẻ, có năng lực, nhiệt tình đi vào vùng sâu, vùng xa tạo dựng cho được mô hình rừng có chủ, nghề làm vườn, phát triển chăn nuôi, làm ruộng bậc thang, chế biến tiêu thụ nông sản... thì mới chuyển được. Mình theo dõi, cậu đã nghỉ hưu nhưng vẫn còn lặn lội với hướng này phải không? Tôi thưa: - Hồi chống Pháp, Anh đại diện Trung ương Đảng và Chính phủ vào đây, Anh đã có hướng như vậy, nay em tiếp tục làm theo hướng đó, cùng góp một phần nhỏ xây dựng quê hương... Nhưng bây giờ em khổ lắm: lực bất tòng tâm ! Nhờ có chiếc xe đạp và đồng lương hằng tháng, mấy năm nay em cũng bám theo công việc này nhưng chưa làm nên trò trống gì. Phải làm thế nào để vấn đề này trở thành công việc của cấp uỷ, của toàn dân thì mới có hiệu quả. Nhưng đây lại là việc khó quá. Nếu không chú tâm thì việc này sẽ bị rơi vào quên lãng, hướng này sẽ bị thui chột, bỏ mất một tiềm năng, thế mạnh của miền núi tỉnh ta. Anh hỏi: - Vậy các ông đã "nhúc nhích" chưa? Tôi thưa: Gần đây đã có Nghị quyết 10 của Tỉnh uỷ, quan tâm xoá đói giảm nghèo và phát triển kinh tế vùng miền núi. Tôi thấy đã chuyển rồi, nhưng phải thường xuyên quan tâm và đẩy mạnh tới thì mới có kết quả. Tôi nghĩ làm việc này cũng quý lắm, cũng không kém gì như khi ta quyết làm Thạch Nham và

Dung Quát... Anh nói: - Hay lắm, hay lắm ! Vậy thì phải làm, làm đi, đồng tâm hiệp lực lại mà làm, nhất định sẽ khơi dậy được tiềm năng và thế mạnh của miền núi Quảng Ngãi. Ồ, cậu nhớ nhắc anh em nắm vững phương châm, cơ chế hành động cách mạng: Nhân dân làm, Nhà nước hỗ trợ; Nhà nước và nhân dân cùng làm mới được, đừng quên nhé ! Anh nhắc đi, nhắc lại điều ấy mấy lần rồi Anh chào gia đình tôi ra về !...

*
* *

Những ngày Anh đau nằm bệnh viện, tôi và anh Đỗ Quang Thắng đề nghị với Thường vụ Tỉnh uỷ Quảng Ngãi cho ra Hà Nội thăm Anh. Chúng tôi đến bệnh viện 108. Vừa nghe đồng chí Năng - thư ký của Anh giới thiệu, Anh Đồng đã biết chúng tôi từ Quảng Ngãi ra thăm, nhưng Anh không nói được. Anh nắm tay tôi thật lâu ! Từ bệnh viện ra về trong lòng tôi mong ước sao Anh qua khỏi bệnh. Nhưng chỉ mấy ngày sau đó, tôi nhận được tin Anh Phạm Văn Đồng đã qua đời. Nhận được tin này, lòng tôi bỗng trống vắng và nhói đau! Suốt mấy ngày đó tôi không sao ăn ngủ được. Tôi nhớ Anh quá ! Nhớ những lần gặp Anh, tôi được học hỏi, chỉ bảo và cùng trao đổi cởi mở thân tình bao điều trong cuộc đời và công tác. Nhớ những lời dặn dò, nhắc nhở sâu sắc và chí tình, chí nghĩa của Anh. Tôi càng thấm thía những điều Anh nói về con người và về cách chăm lo cho cuộc sống của nhân dân...

Tôi theo Đoàn của tỉnh Quảng Ngãi ra Hà Nội để được viếng Anh. Tôi đã đi trong dòng người rất đông, cùng với tất cả đồng bào, đồng chí và anh em, bạn bè quốc tế đưa Anh đến nghĩa trang Mai Dịch, tiễn Anh vĩnh viễn đi xa với nắm đất nghĩa tình đầy xúc động !

Nghĩ đến Anh tôi không khỏi bùi ngùi rơi nước mắt !
Hình ảnh Anh Đồng bên cạnh Bác Hồ, bên bàn Hội nghị
Giơnevơ khi ta đánh thắng giặc Pháp ở trận Điện Biên Phủ,
trong ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng cũng như
những buổi Anh về thăm quê hương Khu V, Quảng Ngãi... còn
in đậm mãi trong tâm trí tôi cũng như tất cả đồng bào, đồng
chí ở quê hương. Anh Phạm Văn Đồng là người luôn gần gũi
bên Bác Hồ, người cộng sản Việt Nam có uy tín lớn trên
trường quốc tế, là người Thầy, người Đồng chí, người Con rất
mục kính thương của quê hương Quảng Ngãi thân yêu !

QUÊ HƯƠNG MỘ ĐỨC VỚI BÁC PHẠM VĂN ĐỒNG

*Nguyễn Thị Dẻo**

Quê hương Bác Phạm Văn Đồng xưa có tên xóm Cây Gạo, làng Thi Phổ Nhất, nay thuộc xã Đức Tân, huyện Mộ Đức, một trong sáu huyện đồng bằng tỉnh Quảng Ngãi. Địa hình của huyện trải dọc theo 20 kilômét bờ biển, phía tây có dãy Trường Sơn hùng vĩ, ở giữa là vùng đồng bằng, suốt chiều dài có quốc lộ 1A và đường sắt xuyên Việt chạy qua. Kinh tế Mộ Đức chủ yếu dựa vào nông nghiệp. Ngày nay, Mộ Đức được xem như vùng trọng điểm lúa của tỉnh, kỳ thực vào thuở trước, do khí hậu khắc nghiệt, địa hình nhiều đồi núi và hệ thống thủy lợi còn sơ khai, do thực dân, phong kiến áp bức, bóc lột nặng nề, Mộ Đức vốn là một huyện nghèo. Thời niên thiếu, Phạm Văn Đồng có thời gian sống ở quê và tuy còn nhỏ tuổi, dường như đã sớm cảm nhận cảnh lầm than của đồng bào quê mình, quanh năm chịu cảnh đói kém triền miên, cơ cực. Thuở ấy, người xóm Cây Gạo thường thấy "cậu Tám" đứng hàng giờ trước ngõ lặng nhìn làng mạc, ruộng đồng xa tít. Là con trai út của một gia đình khá giả, nhưng "cậu Tám" lại thích trò chuyện, cơm nước với các anh trai

* Tỉnh ủy viên - Bí thư Huyện ủy Mộ Đức.

cày, như là để cảm nhận hết nỗi thống khổ của bà con trong hoàn cảnh đất nước đắm chìm trong đêm dài nô lệ.

Xin ngược thời gian về cuối thế kỷ trước, vào năm 1885, cuộc khởi nghĩa chống Pháp ở Quảng Ngãi do Lê Trung Đình lãnh đạo nổ ra sớm nhất ở Trung Kỳ, đã nhanh chóng giành thắng lợi nhưng cũng liền đó bị bọn Việt gian Nguyễn Thân đem vào bể máu. Không quản ngại hy sinh, lớp lớp các sĩ phu đầy khí tiết của Quảng Ngãi tiếp tục đứng dậy, song cuối cùng vẫn thất bại. Riêng ở Mộ Đức, thủ lĩnh Nguyễn Bá Loan phải tạm thời lánh vào tận Nam Kỳ mai danh ẩn tích, Trần Du - thủ lĩnh cuối cùng của phong trào Cần Vương Quảng Ngãi - người xóm An Hoà kế bên xóm Cây Gạo phải lên đoạn đầu đài. Sau phong trào Cần Vương, ngọn cờ Duy Tân lại phát lên và cuộc cự sưu khất thuế rầm rộ nổ ra ở Quảng Ngãi năm 1908. Lại hàng loạt nhà yêu nước Quảng Ngãi bị giặc chém giết, tù đầy, trong đó có Nguyễn Bá Loan. Tám năm sau, cuộc khởi nghĩa Duy Tân (1916) cũng rơi vào kết cục bi thảm. Cụ thân sinh của Phạm Văn Đồng sau khi đỗ đạt, bắt đắc sĩ phải ra làm quan rồi từ quan, về quê dạy học truyền cho con cháu tinh thần tiết nghĩa. Cảnh lâm than của đồng bào, ý chí bất khuất của các sĩ phu yêu nước và của nhân dân địa phương, sự bế tắc về đường lối chính trị dẫn đến những thảm trạng như vậy đã có tác động lớn đến tâm hồn, trí tuệ và chí hướng của "cậu Tám" ngay từ thuở thiếu thời.

Bẵng đi một thời gian dài, ở quê hương không ai còn thấy bóng dáng "cậu Tám" đâu nữa. Sau này mới biết, người thiếu niên ấy đã ra Huế học, lớn lên lại tiếp tục học tại Hà Nội, được giác ngộ cách mạng, trở thành người học trò tin yêu của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, hoạt động gây dựng phong trào cách mạng vô sản, khi ở đất Bắc, khi vào Nam Kỳ, khi sang Trung Quốc. Cũng có thời gian, chàng trai đầy hoài bão trở

về quê hương trong vòng quản thúc ngặt nghèo của bọn thống trị - sự trở về của người tù Côn Đảo. Song chỉ lưu lại ở quê hương một thời gian, "người tù" chính trị ấy đã tìm cách thoát khỏi tai mắt của địch, tiếp tục dấn thân vào cuộc đấu tranh đầy gian nan, nguy hiểm. Tiếp đó, Cách mạng Tháng Tám bùng lên lật nhào ách thống trị của thực dân, phong kiến, giành lại độc lập tự do cho dân tộc. Nhân dân Mộ Đức từ ngạc nhiên đến tự hào biết có người con ưu tú của quê mình trong thành phần Chính phủ đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Năm 1946, người dân Mộ Đức đã dành những lá phiếu tin yêu bầu Phạm Văn Đồng vào Quốc hội khoá thứ nhất. Cuối năm ấy, cán bộ và nhân dân Mộ Đức rất phấn khởi đón Bác trở về quê hương trên cương vị đại diện của Đảng và Chính phủ để lãnh đạo, chỉ đạo cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược miền Nam Trung Bộ. Trong sự vây ép của kẻ thù, nhờ những quyết sách đúng đắn, tầm nhìn xa trông rộng của Bác Phạm Văn Đồng, cán bộ và nhân dân Mộ Đức đã nỗ lực vượt bậc, khắc phục vô vàn khó khăn, gian khổ, bẻ gãy nhiều cuộc đổ bộ bằng đường biển của địch, góp phần giữ vững vùng tự do Liên khu V. Thực hiện đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ, tự lực cánh sinh, Mộ Đức đã đạt được nhiều thành tựu lớn cả về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh quốc phòng, đóng góp nhiều sức người, sức của cho cuộc kháng chiến đi đến thắng lợi. Xã Đức Tân vinh dự có đồng chí Phạm Đường là người duy nhất trong tỉnh Quảng Ngãi được phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân trong kháng chiến chống Pháp. Với sứ mệnh cao cả và trách nhiệm lớn lao, Bác Phạm Văn Đồng phải lo toan nhiều công việc, đi đến nhiều nơi, cư trú lúc ở Mộ Đức, khi ở Nghĩa Hành. Sự lãnh đạo, chỉ đạo sáng suốt, phong thái giản dị, gần gũi mà nghiêm khắc của Bác có

sức cổ vũ, động viên rất lớn đối với đồng bào và chiến sĩ, không chỉ trong kháng chiến chống Pháp mà cả trong kháng chiến chống Mỹ sau này. Cuối năm 1948, cán bộ và nhân dân Mộ Đức bồi hồi xúc động khi hay tin Bác lên đường ra Việt Bắc nhận trọng trách mới được Bác Hồ giao. Có lẽ chính Bác Phạm Văn Đồng cũng không ngờ rằng từ lúc đó Bác phải xa quê hương đến hơn một phần tư thế kỷ. Từ miền Bắc, lòng Bác Đồng luôn hướng về miền Nam, về Mộ Đức ruột thịt. Mỗi khi gặp cán bộ, nhân dân từ quê ra, Bác lại hỏi thăm về Mộ Đức, về Đức Tân, về xóm Cây Gạo với tất cả tình cảm thấm thiết của người con ở xa quê. Trong hơn 20 năm kháng chiến chống Mỹ, Mộ Đức cũng như Quảng Ngãi và toàn miền Nam nằm dưới sự thống trị và đánh phá ác liệt của kẻ thù. Trong cuộc chiến đầy cam go thử thách, Mộ Đức đã không hổ danh là quê hương của Bác. Quân và dân đã đào hầm hào, địa đạo, bám trụ vững chắc trên quê hương và đánh địch ở khắp mọi nơi, mọi lúc, có lần đã vây ép buộc địch phải rút vào cố thủ trong sào huyệt của chúng. Trong những năm chống Mỹ, cứu nước, Mộ Đức đã có 10 đơn vị được phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Toàn huyện có 319 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng. Nếu tính chung trong cả hai cuộc kháng chiến, huyện có gần 5.400 liệt sĩ, trên 2.100 thương binh. Mặc dù không có mặt tại quê hương, nhưng tâm hồn, ý chí, uy tín của Thủ tướng Phạm Văn Đồng vẫn truyền sức mạnh cho quân và dân Mộ Đức trong cuộc chiến máu lửa, sinh tử với kẻ thù, giành được nhiều thành tích vẻ vang.

Sau đại thắng mùa xuân 1975, nước nhà hoàn toàn độc lập, thống nhất, Bác Phạm Văn Đồng trở về thăm quê hương sau 27 năm xa cách. Nhân dân đổ ra hai bên đường đón Bác. Bỏ qua các nghi thức, Bác xuống xe đi bộ, vẫy chào, bắt tay, thăm hỏi mọi người. Bác về lại ngôi nhà xưa nhưng ở đây chỉ

còn trơ lại một cây cột cháy. Bác sờ tay lên cột, mắt đăm lẹ, tay kia cầm nắm nhang đang nghi ngút khói mà không biết cắm vào đâu. Chừng như Bác đang cố hình dung ra quê hương mình và cả miền Nam bị tàn phá đến mức nào trong cuộc chiến vô cùng khốc liệt do đế quốc Mỹ gây ra. Ở Mộ Đức, cuộc chiến đã huỷ hoại hoàn toàn tuyệt đại đa số các thôn xã trong huyện, với biết bao cảnh đau thương tang tóc. Bấy giờ, bên cạnh niềm vui được thở bầu không khí tự do, hoà bình, thống nhất, cán bộ và nhân dân Mộ Đức phải đối mặt với nỗi lo lớn, đó là phải làm lại cuộc sống từ đầu. Một buổi sáng lãnh đạo huyện Mộ Đức đến mời Bác Phạm Văn Đồng dùng điểm tâm. Bác từ chối và nói trong nước mắt: "Dân mình còn khổ lắm. Các đồng chí cần hết sức lo cho dân có cái ăn". Về sau, có nhiều lần khi đề cập đến đời sống của dân, Bác cũng thường khóc. Chúng tôi đều thấm thía nhận ra rằng, bên cạnh sự nghiêm khắc của một người bác, một người anh trong gia đình cách mạng, Bác có một tình cảm yêu dân nồng đậm, nhất là đối với dân nghèo. Sau lần về thăm quê đầu tiên, cứ khoảng bốn, năm năm, Bác mới có dịp về thăm quê một lần. Lần cuối cùng Bác về thăm Mộ Đức là vào tháng 3 năm 1999. Bác đi thăm nhiều nơi, lắng nghe, trao đổi về mọi việc, song lần nào Bác cũng hỏi: dân đã đủ no chưa? có cái nhà để ở chưa? Nhớ lại, có lần, Bác hỏi trẻ sơ sinh cân nặng được bao nhiêu? Khi biết trẻ sơ sinh ở bệnh viện cháu lớn nhất cũng chỉ trên dưới ba cân, cháu nhỏ nhất chỉ khoảng trên dưới hai cân, Bác bảo: Thế thì nhỏ quá, các cháu sẽ không đủ sức để lớn. Bác dặn phải có biện pháp chăm lo sức khoẻ người mẹ. Bác rất quan tâm đến việc học hành của con em ở quê hương. Biết Mộ Đức là vùng trũng, Bác còn căn dặn huyện nhà đất chật người đông, nên suy nghĩ cách làm nhà gác, nhà tầng để vừa tránh được lũ lụt vừa dành được nhiều

đất cho sản xuất. Đối với vùng đất cát, đất trống đồi trọc, Bác luôn nhắc phải trồng cây gây rừng. Đối với quê hương Mộ Đức, Bác Phạm Văn Đồng quan tâm đến mọi mặt của đời sống, lưu ý đến những điều rất cụ thể, nhưng lại là những điều cốt lõi, nằm trong tầm nhìn chiến lược, đó là các vấn đề ăn, mặc, ở, học hành, việc làm, sức khỏe... của nhân dân và mối quan hệ hữu cơ của các yếu tố ấy với nhau trên quê hương Mộ Đức. Yêu cầu, mong ước của Bác lần sau luôn cao hơn lần trước. Năm 1998, trong bức điện chúc mừng huyện nhà được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Bác viết: "Tôi mong rằng toàn Đảng bộ và nhân dân huyện nhà với truyền thống anh hùng trong chiến đấu sẽ đoàn kết, nhất trí, trên dưới một lòng, ra sức phấn đấu xây dựng huyện Mộ Đức trở thành một huyện giàu về đời sống vật chất, đời sống văn hoá, đời sống tinh thần; một huyện đẹp, thiên nhiên đẹp, xã hội đẹp, con người đẹp, là tấm gương sáng cho các huyện trong tỉnh và trong cả nước". Có thể thấy, yêu cầu của Bác đối với cán bộ, nhân dân huyện nhà là rất cao, cái giàu và cái đẹp mà Bác mong mỏi là hết sức toàn diện và sâu sắc.

Với bà con thân quyến, Bác Phạm Văn Đồng luôn dành cho những tình yêu thương nồng đậm, những lời thăm hỏi ân cần, mặt khác cũng đòi hỏi mọi người phải là những công dân tốt. Bác căn dặn: "Không được nghĩ mình là con, là cháu, là họ hàng của Thủ tướng mà làm điều không đúng. Phải biết bảo nhau học hành, bảo nhau sản xuất để nâng cao đời sống..." Lần khác, Bác tâm sự: "Tôi được Đảng, nhân dân giao cho làm Thủ tướng, rồi làm Cố vấn của Đảng, nay già rồi không còn làm được gì nhiều, nhưng tôi vẫn là công bộc của dân, không phải quan, phải tương gì cả. Mong bà con cô bác trong tộc luôn nhớ cho điều ấy. Tôi mừng và rất vui vì không

nghe thấy ai phàn nàn gì về tộc mình. Nhưng tôi cứ phải nhắc để bà con còn dạy bảo cho con cháu...".

Với cán bộ ở Mộ Đức cũng vậy. Bác thường nhấn mạnh không được ỷ lại vào Nhà nước, không được cậy là quê của Bác Đồng, cần tự lực để vươn lên. Bác nhắc nhở việc chăm lo đời sống mọi mặt của nhân dân cũng tức là nhắc nhở về việc rèn luyện phẩm chất "công bộc của dân". Lần nào về Bác cũng hỏi: "Dân có dám nói không?". Giả sử như vậy thôi, nhưng đó là vấn đề dân chủ, vấn đề quan hệ giữa cán bộ với dân, vấn đề niềm tin của dân với Đảng - những vấn đề rất hệ trọng đối với vận mệnh của đất nước. Bác thường nhấn mạnh đến việc chống tham ô lãng phí, đến vấn đề đoàn kết nội bộ: "Đảng có đoàn kết, chính quyền có đoàn kết, cán bộ có đoàn kết mới tập trung được trí tuệ, tập trung được sức mạnh lãnh đạo địa phương phát triển kinh tế - xã hội". "Là cán bộ phải sâu sát dân, phải làm tốt mọi việc, chớ có coi thường những việc nhỏ". Bác rất coi trọng sự làm gương của cán bộ đối với dân. Bác nói: "Mộ Đức có nghĩa là hâm mộ đạo đức, các đồng chí hãy xứng đáng với tên gọi ấy của quê ta!". Những lời huấn thị chí tình, quý báu của Bác là những di sản tinh thần vô giá chúng tôi không bao giờ quên, và ngày càng thấm thía ý nghĩa sâu xa của nó.

Ghi lòng tạc dạ những lời dạy của Bác Phạm Văn Đồng, Đảng bộ và nhân dân huyện Mộ Đức đã biến nhận thức thành hành động. Trong khoảng 10, 15 năm sau ngày giải phóng, Mộ Đức tập trung giải quyết vấn đề nông nghiệp, cụ thể là giải quyết cái ăn cho dân, bảo đảm an ninh lương thực, xây dựng được trạm bơm điện và hệ thống kênh tưới nam Sông Vệ, hàng loạt hồ chứa nước như hồ Hóc Sầm, hồ Mạch Điều,... bảo đảm sản xuất nông nghiệp vững chắc. Sau này Mộ Đức cũng góp nhiều công sức xây dựng công trình đại

thuỷ nông Thạch Nham. Cùng nhiều nỗ lực khác, sản lượng lương thực đã tăng cao hàng năm, đến năm 1995 đạt 58.600 tấn, năm 1999 đạt trên dưới 60.000 tấn, (bình quân trên 400kg/người/năm) bảo đảm được cái ăn cho dân, tỷ lệ hộ đói nghèo trong năm 1995 là 30% giảm xuống còn 16% năm 2000. Từ chỗ cơ sở hạ tầng vốn rất thấp kém, nhờ tập trung xây dựng "điện, đường, trường, trạm", đến năm 1996, Mộ Đức đã đi đầu tỉnh trong việc điện khí hoá nông thôn, hoàn thành phủ điện trong toàn huyện. Từ năm 1994 đến năm 1998, đường giao thông nông thôn đã được nâng cấp. Năm 1995, huyện đề ra là năm "chống xuống cấp trường lớp", năm 1996 đổi lại là năm "nâng cấp trường lớp", năm 1997 đổi thành năm "tăng hoá trường lớp". Những cố gắng như vậy trong lĩnh vực phát triển cơ sở hạ tầng đã biến đổi hẳn bộ mặt của Mộ Đức so với trước. Năm 1996, chương trình văn hoá - văn nghệ, thể dục thể thao đã đẩy mạnh phong trào văn nghệ, thể thao trong cộng đồng. Trong năm 1997, kỷ niệm 50 năm ngày thương binh, liệt sĩ, năm được đặt tên là năm "đền ơn đáp nghĩa", nhân dân đã đóng góp hàng tỷ đồng xây dựng nhà tình nghĩa, tặng sổ tiết kiệm tình nghĩa. Năm 1998 cũng được đặt tên là năm "vì tình thương và sức khoẻ cộng đồng", trong đó có việc làm nhà tình thương và hỗ trợ làm nhà tình thương, khám sức khoẻ và phát thuốc cho dân... Năm 1999 chương trình "Vì sự tiến bộ của phụ nữ" được thực hiện tốt. Từ năm 1996, huyện chủ trương đẩy mạnh giáo dục pháp luật, phổ biến pháp luật rộng rãi, xây dựng tổ chức tự quản của dân. Từ năm 1997, toàn huyện thi đua hoàn thành các nghĩa vụ cho Nhà nước; phong trào "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" thu được kết quả tốt. Tuy còn có nhiều khó khăn, thách thức phải vượt qua, song tất cả những việc làm như vậy đã phát huy được tính tích cực, tinh thần làm

chủ của nhân dân, huy động tối đa nội lực của địa phương, đạt nhiều thành tựu trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá - xã hội, an ninh, quốc phòng theo ước vọng của Bác Phạm Văn Đồng.

Cán bộ và nhân dân Mộ Đức còn ân hận là chưa làm được nhiều cho Phạm tộc để đền đáp phần nào công lao của Bác. Dù đã nhiều lần ngỏ ý, nhưng lần nào Bác cũng gạt đi. Bác nói: "Hãy dồn sức mà lo cho dân". Tính Bác vốn không thích nói về mình và lo cho riêng mình. Cố gắng lắm, huyện cũng chỉ mới dám xây một Nhà lưu niệm với quy mô khiêm tốn, để làm nơi đón đồng bào, đồng chí đến chúc thọ Bác hay thăm hỏi Bác mỗi khi Bác ốm đau.

Tình nghĩa của quê hương với Bác Phạm Văn Đồng thật vô cùng sâu đậm. Vì thế mà nay tuy Bác đã lên cõi Bác Hồ, nhưng trong lòng người dân quê hương Đức Tân, Mộ Đức, Bác vẫn còn sống mãi. Càng tự hào về Bác, chúng tôi càng hiểu rằng những gì Mộ Đức đã làm được trong những năm qua cũng chỉ mới là một phần rất nhỏ trên con đường cách mạng dài vạn dặm. Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Mộ Đức nguyện ra sức xây dựng huyện nhà ngày càng giàu đẹp như thuở sinh thời Bác đã hằng mong.



Nhà lưu niệm đồng chí Phạm Văn Đồng tại xã Đức Tân,
huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi



Đồng chí Nguyễn Thị Dẻo, Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Mộ Đức, chúc mừng sinh nhật đồng chí Phạm Văn Đồng, tháng 3 năm 1999

* Nguyễn Bội Thái, Tỉnh ủy Quảng Ngãi, Trưởng ban Lãnh đạo Đảng hương tỉnh Quảng Ngãi tại Hà Nội.



Đồng chí Phạm Văn Đồng làm việc với cán bộ lãnh đạo huyện Mộ Đức, tháng 3 năm 1999

NHỚ ANH TÔ

*Trần Văn An**

Năm 1946, sau khi dự khoá huấn luyện chính trị do Xứ uỷ Trung Bộ mở ở Huế, tôi được ra Hà Nội dự khoá huấn luyện do Trung ương Đảng tổ chức. Trong thời gian này, tôi may mắn được đón Bác Hồ về nước sau chuyến Người đi thăm nước Pháp với tư cách là thượng khách và ký bản Tạm ước 14 tháng 9 tạm thời hoà hoãn để cả nước chuẩn bị kháng chiến trường kỳ. Lần đầu tiên được nhìn thấy lãnh tụ kính yêu mà tôi hằng ngưỡng mộ từ ngày còn ngồi trên ghế nhà trường, tôi vô cùng sung sướng. Cũng trong dịp này, tôi được biết về hoạt động ngoại giao lỗi lạc của đồng chí Phạm Văn Đồng, Trưởng đoàn Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đàm phán với Chính phủ Pháp tại Hội nghị Phôngtennoblô, người vừa được nhân dân tỉnh nhà bầu làm đại biểu Quốc hội khoá đầu tiên.

Kháng chiến toàn quốc sắp bùng nổ. Khoá học phải kết thúc trước thời gian dự định. Về đến Quảng Ngãi, tôi được tin Bác Hồ đã cử nhà cách mạng kiên cường Phạm Văn Đồng làm đại diện của Đảng và Chính phủ tại miền Nam Trung Bộ. Giữa lúc nước sôi lửa bỏng, tin vui về sự quan tâm ấy của

* Nguyên Bí thư Tỉnh uỷ Quảng Ngãi, Trưởng ban Liên lạc đồng hương tỉnh Quảng Ngãi tại Hà Nội.

Bác và của Đảng đã làm nức lòng nhân dân và cán bộ, tiếp thêm sức mạnh để bước vào kháng chiến. Niềm tin tưởng càng được nhân lên trước sự lãnh đạo, chỉ đạo sáng suốt và lối sống giản dị, gần gũi các tầng lớp nhân dân của đồng chí Phạm Văn Đồng mà nhiều người kính trọng tôn là "Cụ đại diện Chính phủ" mặc dù hồi ấy đồng chí mới 40 tuổi.

Từ cuối năm 1948, công tác tại Tỉnh uỷ Quảng Ngãi, nhiều lần tôi được làm việc trực tiếp với đồng chí Phạm Văn Đồng. Chúng tôi đều gọi đồng chí bằng cái tên thân mật, trù mến: "Anh Tô". Thời gian làm việc gần Anh để lại trong tôi nhiều kỷ niệm khó quên.

Trong Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh hồi ấy có một đồng chí mắc tật nói ngọng. Thân mật và thẳng thắn, Anh Tô đã trực tiếp phê bình, đại ý: "Đồng chí có gan làm cách mạng, làm cộng sản, mà sao không có gan sửa cái tật nói ngọng, nói lắp? Nói như thế thì nhân dân, quần chúng ai mà nghe được!". Lời phê bình đã có tác dụng không ngờ: Chỉ mấy tháng sau, do quyết tâm khắc phục cố tật, đồng chí ấy đã nói được gần như bình thường. Mọi người nói vui: Anh Tô tài thật!

Trong một buổi lễ quan trọng, một đồng chí đã đọc một bài diễn văn không được chuẩn bị tốt. Sau đó tại cuộc họp cán bộ, Anh Tô đã nghiêm khắc phê phán: "Đồng chí là cán bộ của Đảng, của Nhà nước, sao lại ăn nói ba hoa như vậy? Sao lại mang thứ văn chương không tốt lượng từ ngoài đường ngoài sá vào?". Lại cũng thật là linh diệu! Không những người được phê bình quyết tâm sửa chữa, có nhiều tiến bộ trong cách nói, cách viết mà tất cả chúng tôi các cán bộ khác trong tỉnh cũng đã lấy đó làm bài học cho mình.

Riêng tôi, một lần đọc báo cáo về xây dựng Đảng ở một cuộc họp Tỉnh uỷ mở rộng, đã đánh giá "đạt chất lượng 90%".

Anh Tô hỏi ngay: "Đồng chí Nghĩ¹ cái phần trăm đó đồng chí tính như thế nào?". Tự biết ngay mình đã báo cáo không chặt chẽ, tôi đành trả lời: - "Thưa Anh, đó chỉ là ước lượng!". Một lần khác, tôi cùng đồng chí Bí thư Tỉnh uỷ Trương Quang Tuân được triệu tập đến làm việc với đại diện Đảng và Chính phủ vào 2 giờ 30 phút chiều. Chúng tôi đến lúc 2 giờ. Vốn biết tính Anh Tô, đồng chí bí thư bảo: "Ta ngồi đây đã, chưa vào được đâu. Anh ấy đúng giờ lắm!". Quả thật như vậy: Đúng 2 giờ 30 phút, cánh cửa mở, Anh Tô bước ra mời chúng tôi vào. Khi chúng tôi xin ý kiến về một vấn đề chính sách, anh Tô bảo: "Chính sách đó đã có chỉ thị của Trung ương. Tỉnh uỷ nghiên cứu mà vận dụng, không cần phải xin ý kiến của Liên khu uỷ". Cách giải quyết dứt khoát và quyết đoán của Anh trong buổi làm việc ấy cũng như trong các lần làm việc sau này giúp chúng tôi càng thấy rõ trách nhiệm của mình, của cấp mình trong việc chấp hành đường lối, chủ trương của cấp trên, tự mình nghiên cứu, quán triệt, dám làm, dám chịu trách nhiệm, không dựa dẫm, chờ đợi.

Với tầm nhìn xa trông rộng, với đạo đức cách mạng trong sáng và tác phong nghiêm túc, giản dị, đồng chí Phạm Văn Đồng được quân và dân miền Nam Trung Bộ tin tưởng và quý mến, coi đồng chí là người đại diện tin cậy của Bác Hồ. Trong thành tích to lớn của Liên khu V những năm đầu kháng chiến chống Pháp, ảnh hưởng sâu sắc đến mãi sau này, có công lao xứng đáng của đồng chí. Riêng tỉnh Quảng Ngãi, dưới sự lãnh đạo trực tiếp, sáng suốt của đồng chí, quân và dân tỉnh nhà đã vượt mọi khó khăn, gian khổ, xây dựng một nền kinh tế tự túc để góp sức cùng toàn Liên khu V nuôi quân, nuôi dân đánh giặc, xây dựng Đảng bộ Liên khu

1. Bí danh của tôi hồi bấy giờ.

vững mạnh, thống nhất lực lượng quân dân chính toàn miền, đào tạo, rèn luyện đội ngũ cán bộ chính trị, quân sự, nâng cao trình độ văn hoá cho cán bộ và nhân dân, xoá được nạn mù chữ ngay trong chiến tranh, bảo vệ và củng cố căn cứ địa vùng tự do Liên khu V, tạo thế chiến lược thuận lợi cho kháng chiến.

Đầu năm 1952, từ Tỉnh uỷ Bình Định tôi được tham gia đoàn đại biểu Liên khu V ra Việt Bắc dự Hội nghị hành chính toàn quốc. Phấn khởi và sung sướng biết bao khi vào An Toàn khu (ATK) được gặp Bác Hồ trong một buổi chiếu phim, và sau đó, nhiều lần được gặp Người trong Hội nghị Chiến sĩ thi đua toàn quốc, ở Trường chính Đảng khoá I hoặc trên đường công tác qua suối qua rừng. Trong dịp này, tôi vinh dự được Anh Tô mời ăn bữa cơm thân mật. Bữa cơm hôm ấy, có nhà triết học Trần Đức Thảo vừa từ Pháp về nước, anh Nguyễn An và tôi. Bữa ăn có cải xoong (cresson) và thịt bò băm. Anh Tô thân tình hỏi thăm tình hình Quảng Ngãi quê nhà. Chúng tôi báo cáo những thành tích đã đạt được, những khó khăn gặp phải, và không quên thưa với Anh tình cảm quý mến của đồng bào và chiến sĩ miền Nam Trung Bộ đối với Anh. Anh Tô cũng ân cần hỏi anh Trần Đức Thảo về cuộc sống của đồng bào ta ở Pháp và tình hình sinh hoạt của anh Thảo khi về nước, và hẹn sẽ mời anh Thảo nói cho biết về những luồng tư tưởng triết học ở Pháp lúc này.

Mấy hôm sau, anh Nguyễn An và tôi lại được mời đến nghe buổi báo cáo của anh Trần Đức Thảo. Trong khi anh Thảo trình bày, Anh Tô lắng nghe chăm chú và hứng thú, thỉnh thoảng hỏi thêm. Khi ra về, anh Thảo và chúng tôi đều cùng chung một ý nghĩ: Nhà lãnh đạo cách mạng như anh Tô quan tâm đến trí thức, đến khoa học như vậy thật là một

điều rất đáng mừng. Sau này, tôi gặp lại anh Thảo trong một chuyến máy bay sang Pháp, nhắc lại bữa cơm thân mật ở chiến khu hôm ấy, anh ca ngợi Anh Tô là một nhà lãnh đạo tài ba, một người Anh thân tình đã để lại một ấn tượng tốt đẹp trong suốt cả cuộc đời anh.

Điều mà anh Trần Đức Thảo cảm nhận cũng là cảm nhận chung về Anh Tô của các nhà khoa học. Tôi càng nhận rõ như vậy từ sau ngày về công tác tại Nha Khí tượng (1964)¹ có dịp tiếp xúc nhiều hơn với các nhà trí thức khoa học kỹ thuật. Thủ trưởng của chúng tôi hồi ấy là nhà trí thức có tên tuổi và đáng kính - Nguyễn Xiển - Tổng thư ký Đảng Xã hội Việt Nam. Ông thường nói: "Anh Đồng là một người hiểu biết rộng, không những về quản lý Nhà nước mà cả về các vấn đề khoa học, văn hoá, giáo dục, là một nhà lãnh đạo hiểu thấu người trí thức và được người trí thức các thế hệ cảm thấy gần gũi. Anh là một người sống có tình cảm và nghiêm túc. Đúng là một tấm gương về "Cần kiệm liêm chính, chí công vô tư" như Bác Hồ thường căn dặn".

Mười năm sau (1974), tôi lại có dịp được đến ăn cơm gia đình tại nhà Anh Tô trong Phủ Thủ tướng để báo cáo với Anh về chuyến đi công tác đến các cơ sở khí tượng vùng giải phóng miền Nam. Tôi báo cáo những điều mắt thấy tai nghe trên đường công tác. Mặc dù còn quá nhiều khó khăn, thiếu thốn, nhưng nhân dân, bộ đội, cán bộ ta phấn khởi lạ thường. Tôi cũng nói cảm tưởng của mình so với ba lần đi dọc Trường Sơn trong kháng chiến chống Pháp, đặc biệt là sự lớn mạnh của ta và sự tàn phá ghê gớm, mức độ ác liệt của chiến tranh do địch gây ra. Tôi cũng báo cáo thêm từ Ba Tơ trở vào, xe đi triển núi, nhìn rất rõ các vùng địch tạm chiếm, cũng nhìn rõ

1. Từ năm 1976 là Tổng Cục Khí tượng Thủy văn.

các vùng của huyện Mộ Đức quê Anh; ở Bắc Bình Định có trạm khí tượng sơn trắng tinh ở không cách xa bốt địch trên núi gần đó bao nhiêu.

Anh trầm tĩnh lắng nghe, ăn ít, nói ít, thỉnh thoảng gật gật đầu thích thú. Tôi biết Anh rất vui khi nghe những tin tức tuy không nhiều nhưng rất cụ thể về miền Nam sau ngày ký Hiệp định Pari. Tôi chuyển tới Anh tình cảm quý mến của đồng bào, chiến sĩ ở quê hương Quảng Ngãi đối với Anh và một ít thâm khai thác ở vùng núi Ngọc Linh do anh Năm Công (Võ Chí Công) và anh Tám Tú (Nguyễn Quang Lâm) gửi ra biểu và gửi đi kiểm nghiệm đánh giá chất lượng ở nước bạn. Bữa cơm hôm ấy không ngờ là bữa cơm cuối cùng tôi được ngồi ăn ở nhà riêng với Anh Tô kính mến.

Là người phụ trách Ban Liên lạc đồng hương Quảng Ngãi tại Hà Nội, tôi muốn nhắc đến sự quan tâm của Anh đến bà con tỉnh nhà. Mặc dù bận việc, Anh vẫn nhiều lần đến dự sinh hoạt đồng hương. Với sự có mặt của Anh, các buổi họp càng thêm ý nghĩa. Anh chị em thăm hỏi, gặp gỡ nhau, nghe tình hình quê nhà, nghe những lời căn dặn chân tình của Anh mong đem khả năng của mình góp sức xây dựng quê hương Quảng Ngãi, xây dựng Thủ đô. Trong khi tỉnh nhà bị thiệt hại nặng do bão lụt, Anh cũng đã tham gia với đồng hương trong cuộc vận động quyên góp gửi về quê hương Quảng Ngãi. Những năm gần đây, mỗi lần Anh không đến được, bà con lo lắng hỏi thăm sức khỏe của Anh. Khi nghe tin Anh ốm nặng, Ban Liên lạc nhận ngày càng nhiều thư và các cuộc gọi điện thoại hỏi thăm bệnh tình, nhắc nhở chúng tôi chuyển lời của bà con chúc Anh bình phục. Khi được chúng tôi báo là đồng hương đã đến thăm và thấy Trung ương cùng Bệnh viện đã quan tâm điều trị chu đáo, bà con mới yên tâm.

Khi được tin Anh Tô mất, ai nấy đều thương tiếc, bàng

hoàng. Trong tang lễ đưa tiễn Anh về nơi an nghỉ cuối cùng, bà con đồng hương tỉnh Quảng Ngãi, huyện Mộ Đức, xã Đức Tân lớn nhỏ đông đủ. Những dòng nước mắt tuôn trào, những con tim nghẹn ngào, xúc động.

Tất cả đã nói lên tình cảm quý mến đối với Anh Tô, một nhà lãnh đạo cách mạng lỗi lạc, kiên cường, một người học trò xuất sắc của Bác Hồ, người con ưu tú của dân tộc Việt Nam và của quê hương sông Trà, núi Ấn.

ĐIỀU HAY NHỚ MÃI: GẶP BÁC PHẠM VĂN ĐỒNG TRONG THỜI CHIẾN

*Phạm Thanh Biên (Lam Sơn)**

Cách mạng Tháng Tám 1945 thành công. Ông Phạm Văn Đồng được trúng cử vào Quốc hội và là Bộ trưởng Bộ Tài chính trong Chính phủ đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu. Nhân dân Quảng Ngãi rất tự hào về việc tỉnh có người hiền tài ở gần Bác Hồ đảm đương việc lớn cho cả nước.

Tháng 10 năm 1946, khi làm Bí thư chi bộ xã Bình Chánh, huyện Bình Sơn, tôi được thông báo là ông Phạm Văn Đồng được Trung ương Đảng, Bác Hồ và Chính phủ cử làm đại diện Trung ương Đảng và Chính phủ tại miền Nam Trung Bộ. Tôi háo hức muốn gặp đồng chí Tô vì rất ngưỡng mộ. Mãi đến cuối năm 1947, tôi làm Phó Bí thư Huyện uỷ Bình Sơn, Trưởng ban Tuyên huấn huyện và đồng chí Phạm Trọng (Nhớ) là huyện uỷ viên - chánh văn phòng huyện, được Thường vụ Tỉnh uỷ Quảng Ngãi cử đi học lớp đào tạo giảng viên chính trị của Liên khu uỷ V, do đồng chí Phạm Văn Đồng phụ

* Nguyên Khu uỷ viên Khu V, Bí thư Tỉnh uỷ Quảng Ngãi.

trách, tại thôn Vĩnh Lộc, xã Tịnh Bình, huyện Sơn Tịnh. Dịp đó, tôi mới được gặp đồng chí Tô.

Lớp đào tạo học tại đình làng, toàn Liên khu có đến trên 200 cán bộ tham dự, thời gian 8 tuần. Đồng chí Nguyễn Văn Vinh quê Bắc Bộ, Thường vụ Liên khu uỷ V thường trực lớp học. Đây là lớp học tuy thời gian ngắn nhưng nội dung bài bản, có quy củ, có nền nếp và có kỷ luật nghiêm. Đồng chí Tô, đồng chí Nguyễn Duy Trinh và các đồng chí Thường vụ Liên khu uỷ trực tiếp giảng bài. Đồng chí Tô giảng, nói gọn và rất đúng giờ. Đồng chí Trinh thì nói đúng bài đã viết sẵn. So với các lần trước đó, tại lớp học này tôi tiếp thu được nhiều điều mới và sâu sắc về chính trị, tư tưởng, lý luận cơ bản, tổ chức kỷ luật, phương pháp đọc sách, báo, viết bài và cách giảng dạy chính trị, phong thái người giảng viên...

Thời đầu kháng chiến chống Pháp, trong lúc chưa thu được thuế, tài chính rất eo hẹp, mọi việc đều dựa vào dân, lớp học ăn cơm trộn đến 2/3 là sắn tươi. Mùa mưa thiếu rau nên canh cũng từ củ sắn, nước chấm thì rang mì tươi với mỡ pha nước muối. Thế nhưng lớp học vẫn rất vui. Mọi người đều ham học nên khoá học đạt kết quả rất tốt. Học xong tôi thấy mình lớn lên rõ rệt, sau về làm được nhiều việc có năng suất và hiệu quả cao.

Đúng như lời các vị lãnh tụ của vô sản thế giới cũng như của Đảng ta đã dạy: "Học, học nữa, học mãi" và "Học không biết mỏi và đọc không biết chán".

Mỗi lần gặp cán bộ, đồng chí Tô luôn nhắc nhở đến việc học tập. Tất cả các buổi giảng khi vào lớp, đồng chí đều kiểm tra bài đã học. Tôi có hai lần bị phê bình. Lần đầu đồng chí gọi tên: Phạm Ngọc Thuật, thấy lớp không có ai đứng dậy, tôi ngơ ngác nhìn, sực nhớ đó là tên thật của mình (sau Cách mạng Tháng Tám 1945 tên tôi thường dùng là Lam Sơn nên quen tai vì tên cũ ít ai gọi) tôi đứng dậy trả lời câu hỏi. Kiểm

tra bài xong, đồng chí Tô góp ý là không tập trung (thực ra vì quá chú ý đến các câu hỏi của Anh và các đồng chí học viên trả lời mà quên tên mình). Lần thứ hai, buổi chiều trời rất lạnh, tôi mặc áo cộc quần soóc, Anh gọi tên tôi, tôi quên đứng dậy mà ngồi nói, Anh bảo phải đứng dậy nói cho mọi người chú ý nghe. Cái sai cũng nhớ đời, từ đó về sau trở thành một thói quen, khi nói trong các cuộc họp là tôi đứng nói, về tên tôi trong thời chống Mỹ tuy thay đổi nhiều nhưng đều nhớ và ai gọi tên gì là biết ngay.

Thời chống Mỹ, từ đầu năm 1964 đến đầu năm 1975, tôi có may mắn là được gặp đồng chí Tô nhiều lần, nhưng nhớ nhất là ba lần tại nhà riêng của Thủ tướng Chính phủ tại Quảng Bá - Hồ Tây - Hà Nội. Ba lần đến thăm, làm việc và ăn cơm thân mật với Anh.

Lần thứ nhất, vào cuối năm 1963, tôi làm Phó ban trực của Ban Kinh tài Khu V, được Khu uỷ cho đi Hà Nội chữa bệnh và học chính trị lớp ngắn hạn tại Trường Nguyễn Ái Quốc I. Vào ngày 29 Tết Nguyên đán Giáp Thìn, Anh Phạm Văn Đồng mời anh Nguyễn Công Tâm, Thường vụ Khu uỷ V vừa ra công tác ở Hà Nội và tôi đến nhà riêng. Chúng tôi đến đúng giờ, Anh ra đón ở trước sân. Thấy Anh vui khoẻ, chúng tôi rất mừng. Vào nhà, anh Tâm báo cáo tình hình Khu V, tôi báo cáo tình hình kinh tế tài chính và tình hình Quảng Ngãi. Anh hỏi kỹ và nhiều nhất là phong trào huyện Mộ Đức và xã Đức Tân. Tôi trả lời rõ ràng, thông suốt, vì trước khi lên đường ra Bắc tôi có về Quảng Ngãi nắm tình hình. Làm việc độ nửa giờ, Anh mời ăn cơm chiều. Trong lúc ăn, Anh trò chuyện rất thân mật. Tuy cận Tết nhưng bữa cơm cũng bình thường: cơm vừa đủ ăn cho mấy người, có đĩa thịt gà luộc, đĩa rau dĩa xào, bát canh mùng tơi, một miếng cá kho nhỏ, ăn xong mỗi người một củ lang luộc, tráng miệng là cốc nước sôi

để nguội. Anh đứng dậy sau, các thức ăn còn lại như cơm cá... Anh gom gọn rồi úp lồng bàn để lại. Chúng tôi ra về, Anh tiễn đến cổng, và cầm tay tôi dặn là cố gắng học. Anh nói: Tôi gặp đồng chí ở Quảng Ngãi thời chống Pháp tên là Phạm Ngọc Thuật, nay đổi tên là Biên phải không? Tôi mừng và ngạc nhiên nhớ lại lớp học giảng viên chính trị cuối năm 1947, có lẽ điều làm cho Anh nhớ kỹ là thời còn trẻ, tôi hay phát biểu trong hội nghị và học trong các lớp ở Khu V nên Anh dễ nhớ người, nhớ mặt.

Lần thứ hai, cuối năm 1971, được Khu uỷ cho ra Bắc chữa bệnh, lúc này tôi là khu uỷ viên Khu V - Bí thư Tỉnh uỷ Quảng Ngãi. Tôi đến Uỷ ban Thống nhất vào ngày 22 tháng 12 năm 1971, ngay hôm sau được Thủ tướng Phạm Văn Đồng gọi hẹn vào 5 giờ chiều, đến gặp Anh ở Quảng Bá. Đúng giờ Anh cho xe đến đón tôi ở K5A - Nghi Tâm - Hồ Tây và đứng chờ tại sân. Thấy tôi, Anh mừng lắm. Tất nhiên tôi càng mừng hơn vì mới ra hơn một ngày đã được gặp Anh. Trước khi ra Bắc, tôi có về Khu uỷ, anh Năm Công và Văn phòng Khu uỷ có cung cấp tình hình toàn khu cho tôi. Anh Năm dặn tôi ra Hà Nội là báo cáo tình hình cho Anh Tô và các việc mà anh Năm Công dặn riêng tôi nói với Anh Tô. Tôi làm việc với Anh hơn một tiếng. Ngoài công việc của khu, tôi còn báo kỹ tình hình Quảng Ngãi, Mộ Đức và xã Đức Tân quê Anh. Bữa cơm tối lần này gần giống lần trước, cũng đạm bạc nhưng không khí vui vẻ lắm. Ăn xong, lúc uống nước, Anh dặn dò riêng tôi về cách chữa bệnh, tập luyện thể dục... Anh hỏi: Lần trước tôi có nói với đồng chí là phải tham gia viết sách để lại cho đời sau. Từ khi trở về Quảng Ngãi đầu năm 1965 đến nay đồng chí có nhớ chuẩn bị tư liệu gì để lần này ra Hà Nội viết không? Tôi thưa: Dạ nhớ và có chuẩn bị. Vào năm 1972, tôi có tập hợp số đông anh chị em Quảng Ngãi ra

chữa bệnh ở Bản Kiêm - Thống Nhất - Hà Tây, họp trong một ngôi đình dưới chân núi chùa Tây Phương để bàn, trao đổi, góp tư liệu viết tập sách "Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi ngày 28 tháng 8 năm 1959". Tôi thì trình độ có hạn, nhưng từ khi Anh Tô dặn "Nên viết sách để lại cho đời sau". Tôi rất nhớ lời dặn của Anh vào Tết Giáp Thìn - 1964, cố gắng hết sức để tham gia viết các sử, sách, báo với khả năng của mình, vì để đóng góp ghi lại lịch sử để lại cho đời sau.

Bất tay Anh ra về, Anh hỏi tôi muốn đọc sách gì, tôi trả lời sách lý luận, lịch sử Việt Nam. Anh tặng tôi cuốn Lịch sử Việt Nam tập I. Đến nay tôi vẫn giữ và xem là vật kỷ niệm của Anh.

Lần thứ ba, vào giữa tháng 10 năm 1973, tôi được cử làm Đại diện Khu uỷ và Quân khu V tại Hà Nội, đã tham dự một cuộc họp gồm có các đồng chí Nguyễn Thọ Chân, Chủ nhiệm Uỷ ban Thống nhất Chính phủ, đồng chí Trương Công Thuận, Phó Bí thư Khu uỷ, đồng chí Nguyễn Quang Tú, Thường vụ, Trưởng ban Kinh tài Khu V. Thủ tướng Phạm Văn Đồng chủ trì cuộc họp bàn việc tiếp nhận một số hàng của Chính phủ và việc đóng góp đưa gỗ từ Khu V ra Hà Nội để xây lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh. Hôm đó họp xong, Anh mời chúng tôi ăn cơm trưa tại nhà riêng. Cũng như những lần trước, bữa cơm đạm bạc nhưng sao ấm áp tình anh em đồng chí quê hương khôn tả. Có thể nói trong cuộc đời tôi, tuy thời gian gần Anh không được nhiều, nhưng tôi đã học tập ở Anh rất nhiều, nhất là tác phong sinh hoạt, cách ăn mặc... rất bình dị, thân mật, dễ gần. Đặc biệt là đối với quê hương, Anh luôn dành một tình yêu thương đậm đà, tỏ lòng biết ơn và tưởng nhớ tổ tiên. Tấm gương sáng của Anh, đến bây giờ vẫn nhớ và vẫn còn nhớ mãi.

THƯƠNG TIẾC BÁC PHẠM VĂN ĐỒNG

Phùng Đình Chung

Bác Phạm Văn Đồng là người con của Quảng Ngãi, Liên khu V khúc ruột miền Trung, giàu truyền thống cách mạng, một người mang trong mình khí phách anh hùng, tư chất thông minh, tài cao học rộng, sớm tham gia cách mạng và là người học trò xuất sắc, trung thành của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại. Với cương vị Thủ tướng và Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng trong nhiều năm, Bác đã góp phần chèo lái con thuyền cách mạng Việt Nam vượt qua phong ba bão táp, đánh thắng hai đế quốc Pháp, Mỹ, giành độc lập tự do, thống nhất đất nước, làm rạng rỡ trang sử hào hùng của dân tộc. Cuộc đời hoạt động cách mạng và lối sống vị tha, trong sáng, bình dị của Bác thật là tài, đức vẹn toàn như giáo sư sử học Trần Văn Giàu đã nói: "Trong lịch sử hiện đại Việt Nam, Phạm Văn Đồng là người lớn lắm; một nhà trí thức lớn, nhà lãnh đạo chính trị kiệt xuất, nhà văn hoá lớn và đặc biệt là một nhân cách lớn rất Việt Nam, một ngôi sao sáng vàng vạc, dù có khen, có nói nhiều thế nào cũng không đủ mức?" Còn riêng đối với nhân dân Quảng Ngãi và Liên khu V, Bác Phạm Văn Đồng là một biểu tượng của đạo đức và trí tuệ, một người con ưu tú của quê hương, hết sức gần gũi, yêu thương và kính trọng...

Được tin Bác Phạm Văn Đồng qua đời, lòng tôi tiếc thương vô hạn, bồi hồi nhớ lại lần được gặp Bác 44 năm về trước. Đó là cái năm con dê Mai Lâm trên dòng sông Đuống bị nước lũ phá vỡ, nhấn chìm hàng vạn hecta lúa, hoa màu và hàng ngàn nhà cửa của đồng bào, có nhà nước ngập lên tận mái, tai hoạ khôn lường. Với cương vị Thủ tướng, Bác Đồng đến tận nơi thị sát và kêu gọi nhân dân cứu trợ người bị nạn, huy động dân công và các đơn vị bộ đội đóng quân trên địa bàn các tỉnh lân cận Hà Nội khẩn cấp giúp dân hàn đê chặn lũ. Hưởng ứng lời kêu gọi của Thủ tướng, Sư đoàn 338, bộ đội miền Nam tập kết ra Bắc của chúng tôi đóng quân tại Xuân Mai - Hà Đông lập tức huy động lực lượng của bốn trung đoàn bộ binh và các đơn vị trực thuộc phân công ca kíp luân phiên ngày đêm trên công trường cùng với dân công khẩn trương hàn lấp đoạn đê vỡ.

Trong thời gian lao động, các đơn vị chúng tôi luôn nhận được thư thăm hỏi, động viên và biểu dương của Bác Phạm Văn Đồng. Anh em rất cảm động, vì dù bận trăm công ngàn việc, lo chung cho cả hai miền đất nước, Bác vẫn không quên ân cần thăm hỏi động viên dân công và bộ đội trên công trường hàn đê, đặc biệt là đối với đơn vị bộ đội miền Nam tập kết.

Sau thời gian lao động khẩn trương, đoạn đê vỡ dần dần được hàn lại, dòng nước lũ hung ác cũng từng bước phải khuất phục trước sức lực và quyết tâm của con người. Cho đến lúc cả công trường mở đợt thi đua nước rút để hoàn toàn chặn đứng dòng nước lũ thì được tin Thủ tướng Phạm Văn Đồng đến thăm. Cả công trường bộ đội và dân công hò reo vang dậy. Ai nấy đều muốn tận mắt mình nhìn thấy vị Thủ tướng kính mến, nhà ngoại giao lỗi lạc tài ba tại Hội nghị Phôngtenblô và tại Hội nghị Giơnevơ, người đã hết lòng lo toan cho đất nước và cuộc sống của nhân dân...

Sáng hôm ấy, Thủ tướng xuống xe và đi bộ từ xa vào công trường trên con đường gồ ghề đất đá. Hai bên đường, dân công và bộ đội chen nhau, ai cũng muốn đến gần để được nhìn cho rõ. Một số chiến sĩ trẻ hô to: "Bác Đồng! Bác Đồng!", Bác đi chậm rãi, môi nở nụ cười và giơ cao tay vẫy đáp lễ mọi người. Mặc dù có tổ chức bảo vệ nghiêm ngặt nhưng nhiều anh em vẫn được bắt tay Bác. Khi đến chỗ miệng đê, chúng kiến giờ phút bầy khôi đá cuối cùng xuống bịt kín con đê vỡ, Bác Đồng tiến tới trước micrô nói chuyện với dân công và bộ đội. Bác cảm ơn và biểu dương sự nỗ lực phi thường của anh chị em, đặc biệt là các đơn vị bộ đội miền Nam tập kết đã khẩn trương lao động hết mình để nhanh chóng hàn đê, chặn lũ, cứu dân. Bác bảo đây là hành động rất tốt đẹp trong xây dựng miền Bắc, góp phần đấu tranh giải phóng miền Nam. Giọng nói ấm áp của Bác mang dáng dấp miền Quảng Ngãi thân thương. Bác nói từng câu ngắn để cho mọi người dễ nghe, dễ hiểu và dễ nhớ...

Là một cán bộ trẻ của đơn vị Nam Bộ tập kết, tôi len vào giữa đám đông để được đứng gần Bác Đồng. Con người dáng vóc cao, mảnh khảnh, mái tóc hơi quăn, vầng trán rộng, đôi mắt đen thông minh và cái miệng cười hiền từ của Bác thu hút lòng ngưỡng mộ và kính mến của tôi khi Bác kết thúc buổi nói chuyện, cả công trường vang lên tràng vỗ tay vang dội, kéo dài. Bất giác, tôi thốt lên từ đáy lòng hai tiếng gọi thân yêu: "Bác Đồng!".

Từ đó, hình ảnh "Bác Đồng" in đậm trong ký ức tôi. Năm 1959 tôi trở về miền Nam chiến đấu, không có dịp gặp lại Bác. Cho đến năm 1991, trong Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VII tôi được gặp Bác, với cương vị Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Mặc dù sức yếu, tuổi cao nhưng Bác có nhiều đóng góp cho Đại hội, và không buổi nào

Bác vắng mặt ở hàng ghế đầu của Đại hội, nên tôi càng thương Bác nhiều hơn. Gần đây, tôi lại được đọc các bài báo đăng nhiều kỳ của Bác nói về công tác giáo dục và đào tạo ở bậc đại học và trung học. Tuổi tác Bác tuy đã cao, nhưng lòng yêu nước, thương dân vẫn vô cùng sâu sắc, nồng nàn, còn lo toan cho việc "trồng người" theo lời dạy của Bác Hồ, làm cho tôi vô cùng cảm động.

Những ngày nghe tin Bác ốm nặng, lòng tôi thấp thỏm lo âu, mong sao Bác sống cho đến ngày đất nước ta tiến vào thế kỷ XXI, thực hiện được kỳ vọng "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". Nhưng Bác đã vĩnh viễn ra đi, để lại cho toàn Đảng, toàn quân, toàn dân lòng tiếc thương vô hạn. Ôn lại kỷ niệm xưa, tôi viết mấy dòng ngắn ngủi này, nguyện noi gương Bác, tiếp tục phấn đấu theo con đường của Bác trong những ngày cuối đời mình. Xin thắp một nén hương thơm kính dâng lên Bác, cầu chúc Bác thanh thản an giấc ngàn thu.

Bác Đồng ơi ! Xin nhận ở cháu tấm lòng thành kính !

NHÂN CÁCH LỚN BẮT ĐẦU TỪ VIỆC NHỎ

Trần Đăng

Sau khi thôi giữ chức Thủ tướng Chính phủ, Bác Phạm Văn Đồng thường về thăm quê ở xã Đức Tân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Còn nhớ, sau ngày tái lập tỉnh Quảng Ngãi vài năm, cơ quan cũ của tôi (Đài phát thanh truyền hình Quảng Ngãi) phân công chúng tôi đi ghi hình về chuyến thăm quê của Bác Đồng.

Để có thể ghi được những hình ảnh cảm động về chuyến thăm quê sau nhiều năm xa cách của ông, chúng tôi về Đức Tân trước khi xe của Tỉnh uỷ Quảng Ngãi đưa ông về. Chúng tôi chuẩn bị máy, đứng sẵn trước sân ngôi nhà cũ của ông, chỉ chờ ông bước qua khỏi hàng dâm bụt là bấm máy. Không chỉ riêng chúng tôi mà hình như lúc ấy có rất nhiều nhà báo ở Trung ương cũng trong tư thế sẵn sàng như vậy. Xe dừng, người giúp việc diu ông xuống xe. Thay vì bước vào cổng ngõ nhà mình như chúng tôi dự đoán, ông lại rẽ xuống phía cánh đồng. Xin được lưu ý là vào đầu những năm 90, mắt Bác Đồng hầu như không nhìn thấy gì. Ông đi về phía cánh đồng bằng những bước dò dẫm. Quá bất ngờ, chúng tôi chẳng hiểu mô tê gì, vội lao theo. Đến bên hai ngôi mộ giữa đồng, ông hỏi người giúp việc: "Đã đến chưa?" - "Dạ đến rồi". Nói đoạn người giúp việc bật lửa đốt hương để ông thắp lên hai ngôi

mộ thân sinh của ông. Thấp hương xong, ông mới về ngôi nhà cũ. Ông thăm hỏi cận kề và ân cần từng người thân trong dòng tộc. Mấy mươi năm xa quê, lo toan bao nhiêu công việc quốc gia đại sự, ông vẫn không quên từng chi tiết nhỏ về hoàn cảnh sống của bà con mình cách đó hàng chục năm.

Đợi lúc bà con đến thăm ông ra về, tôi mới rụt rè: "Bác làm chúng cháu quá bất ngờ vì cứ ngỡ Bác ghé thăm nhà trước". Biết chúng tôi làm ở Đài truyền hình, ông nói: "Làm gì thì mình cũng phải giữ lấy cái gốc, đồng chí à!". Chỉ mỗi cái việc ghé thấp hương cho cha mẹ trước rồi mới về nhà sau của ông mà cứ ám ảnh lấy tôi. Có lẽ đó là bài học hơn mọi bài học mà tôi có được trong đời làm báo của mình. Phải chăng những nhân cách lớn thường bắt đầu từ những việc nhỏ như thế?

TÔI COI CHÚ ĐỒNG NHƯ CHA ĐÈ CỦA MÌNH VẬY

Hồ Giáo kể
Thanh Tánh ghi

Anh hùng Lao động Hồ Giáo kể: "Nghe cô Cúc ở nhà bên sang báo tin tivi thông báo Chú Đồng mất, tui thấy lạnh người và mắt hoa lên. Tôi coi Chú Đồng như cha đẻ của mình vậy". Nói rồi Hồ Giáo bật khóc.

Hồ Giáo gặp Bác Đồng lần đầu vào tháng 2 năm 1955, khi Bác lên thăm nông trường Ba Vì, lúc Hồ Giáo ở bộ đội mới chuyển về nông trường. Năm 1962, Hồ Giáo được bầu đi dự Đại hội Liên hoan Anh hùng, Chiến sĩ thi đua toàn quốc tại Hà Nội. Lúc giải lao, Bác Đồng gọi Hồ Giáo lên hỏi thăm rất kỹ về quê quán, gia đình, việc học hành, sức khỏe. Nghe xong Bác bảo: "Từ nay cháu cứ gọi Chú Đồng, có gì cần Chú sẽ giúp". Và cũng từ đó mỗi lần có dịp về Hà Nội là Hồ Giáo lại đến thăm Bác Phạm Văn Đồng.

Hồ Giáo kể: "Hồi nhỏ Hồ Giáo không được đi học, lớn lên đi bộ đội rồi tập kết ra Bắc nên chưa biết chữ. Lúc về nông trường Ba Vì mới được học lớp bình dân học vụ. Biết chuyện này, Bác Đồng dặn Hồ Giáo muốn làm tốt công việc thì phải chịu khó học. Chú Đồng gửi giấy bút lên cho tui học. Khi tui

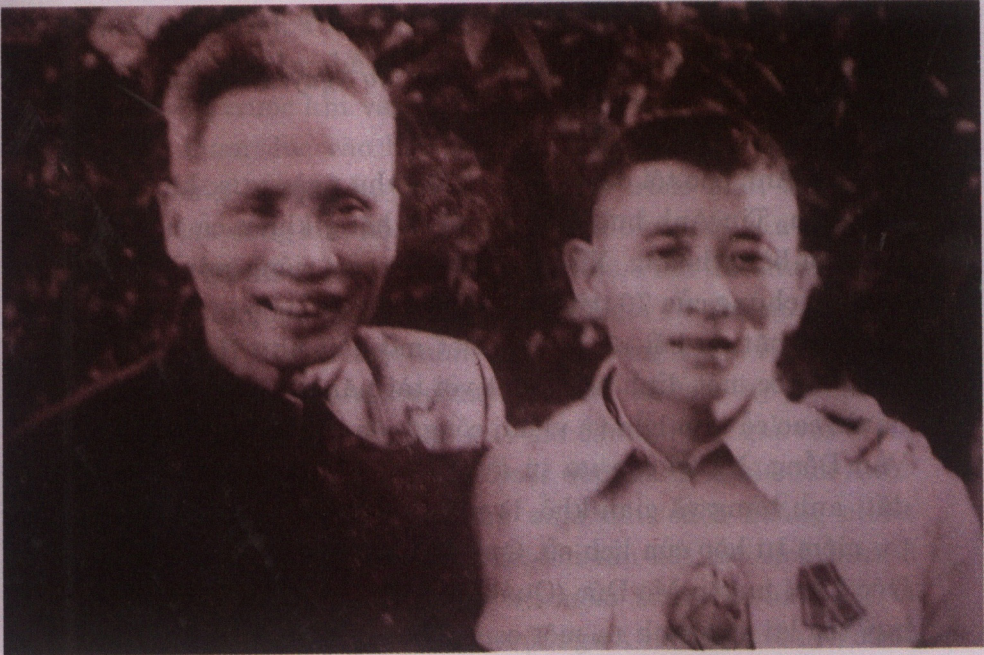
biết đọc, biết viết, tui viết ngay bức thư gửi cho Chú. Cũng nhờ vậy mà tui học lên hết cấp II".

Miền Nam giải phóng ít lâu, Hồ Giáo về Trung tâm Nghiên cứu trâu và đồng cỏ Sông Bé làm việc. Bác Đồng gặp Hồ Giáo bảo: "Có món quà của Chính phủ Ấn Độ tặng, Chú tặng lại cho đồng bào Quảng Ngãi 15 con trâu Mura". Thế là Hồ Giáo nhận trâu chuyển về trại chăn nuôi Nghĩa Hành (Quảng Ngãi) và nuôi chúng cho đến bây giờ, mặc dù Hồ Giáo đã quá tuổi hưu. 15 con trâu Mura ngày ấy giờ đã thành đàn trâu 94 con, cung cấp cho nhiều nơi trong tỉnh.

"Lần nào về thăm quê Quảng Ngãi, Chú Đồng cũng ghé thăm tui và trại nuôi trâu. Lần cuối cùng Chú về là vào tháng 3 năm 1999, thấy Chú yếu quá, tôi buồn không sao nói được."

Hồ Giáo là một trong những người được Bác Đồng rất yêu quý. Năm 1981, Hồ Giáo cưới vợ, Bác Đồng gửi tặng Hồ Giáo một chiếc xe đạp. Bây giờ con gái đầu của Hồ Giáo là cháu Hồ Thị Tuyết Minh hằng ngày vẫn đi chiếc xe ấy đến trường. Còn một món quà nữa của Bác Đồng tặng, đó là chiếc radiô để nghe tin tức hằng ngày mà Hồ Giáo coi như báu vật.

thì hoặc trên các lối đi có bóng tre rợp mát của đồng quê, người ta thường gặp Anh trên lưng ngựa, vai đeo túi bạc cầm cặp da sờn cũ, đi dự các cuộc họp của cơ sở. Đảng sau Anh là đồng chí Việt Phương, người thư ký riêng gần gũi. Khi có chiếc xe đạp tân b. mà chúng tôi ngày ấy gọi là anh TĐ, thông minh uyên **ANH TỒI THÂN YÊU** anh đồng chí Phạm



Đồng chí Phạm Văn Đồng và Anh hùng Lao động Hồ Giáo
(Ảnh chụp năm 1957)

ANH TÔ THÂN YÊU

Nhà thơ Nguyễn Việt Lâm

Xin Anh cho tôi được gọi Anh Tô như ngày xưa, khi còn ở bên Anh. Tin Anh bước vào cõi vĩnh hằng khiến cả nước và thế giới bàng hoàng. Xin đặt nỗi đau của riêng mình trong nỗi đau chung của 70 triệu tấm lòng dân tộc.

Tôi thật sự bối rối không biết mở đầu như thế nào khi đứng trước một đỉnh núi tuyết vời vợi tài năng, tuyết vời phẩm hạnh, cao cả tâm hồn và vĩ đại cống hiến như đồng chí Phạm Văn Đồng. Người con ưu tú ấy của núi Ấn, sông Trà, vùng đất anh hùng và gian khổ, là niềm tự hào của tất cả chúng ta, niềm tự hào của lịch sử. Quê Anh thuộc làng Thi Phố, xã Đức Tân, huyện Mộ Đức (Quảng Ngãi). Gia đình phong kiến quý tộc lại sản sinh ra một con người gắn bó cuộc đời mình với cách mạng, với giai cấp vô sản, đó là điều hiếm thấy.

Được Trung ương cử vào lãnh đạo nhân dân miền Nam Trung Bộ trước ngày toàn quốc kháng chiến một tháng, Anh sống hoà với nhân dân, giản dị, lão thực. Đôi mắt sáng thông minh, Anh nhìn thẳng vào người đối thoại nhưng ánh mắt vẫn dịu hiền khoan dung, khiến người đứng trước mặt không mặc cảm thấy người lãnh đạo cao nhất, tự tin hơn và cũng tin cậy hơn. Những ngày đầu kháng chiến, trên các nẻo đường miền Nam Trung Bộ, trên những con đường hầm chữ

chi hoặc trên các lối đi có bóng tre rợp mát của đồng quê, người ta thường gặp Anh trên lưng ngựa, vai đeo túi hoặc cầm cặp da sờn cũ, đi dự các cuộc họp của cơ sở. Đằng sau Anh là đồng chí Việt Phương, người thư ký riêng gần gũi, lóc cóc chiếc xe đạp tành, mà chúng tôi ngày ấy gọi là anh Tử, thông minh uyên bác, suốt đời sống bên cạnh đồng chí Phạm Văn Đồng. Anh Tô của chúng ta làm việc rất nghiêm túc nên cán bộ luôn sợ bị phê bình vì đi họp trễ giờ hoặc không chuẩn bị đầy đủ trước khi vào hội nghị. Đồng chí Phạm Văn Đồng có nếp quen, lúc vào họp, bao giờ cũng rút từ trong túi áo chiếc đồng hồ quả quýt kiểu xưa đặt trước mặt, tuyên bố: "Thưa các đồng chí, hôm nay chúng ta bàn một vấn đề to...". Câu nói trở nên quen thuộc với cán bộ. Anh Tô chu đáo với tất cả mọi người, nhất là đối với người già và phụ nữ và cũng rất lịch sự. Khi có một nhà văn nào tặng sách, Anh không quên viết thư cảm ơn. Sau này, khi tuổi đã cao, tay yếu, đồng chí nhờ anh Năng, thư ký, gửi thư cảm ơn tác giả với danh nghĩa Văn phòng của Cố vấn, hoặc dưới danh nghĩa của Anh.

Được gần đồng chí những năm đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp cũng như khi tập kết sau hoà bình ở miền Bắc, tôi còn giữ nhiều kỷ niệm sâu sắc, hầu hết là những bài học quý giá đối với một người viết văn. Anh Tô rất quan tâm đến việc bồi dưỡng vốn văn hoá cho cán bộ. Trường Trung học bình dân miền Nam Trung Bộ đầu tiên được thành lập ngay sau ngày kháng chiến có nhiệm vụ đào tạo, nâng cao vốn tri thức cho cán bộ ngày ấy hầu hết đều xuất thân từ nông dân. Nhiều anh em sau này trưởng thành luôn nhớ ơn đồng chí Phạm Văn Đồng về việc này.

Báo *Cứu quốc miền Nam Trung Bộ* ra đời. Mỗi lần báo phát hành, ai cũng tìm đọc trước hết bài viết của đồng chí ở mục chỉnh phong, những bài thường viết ngắn, in chữ

ngiên, nổi bật ở trang 2, có mục đích giáo dục cán bộ. Văn đồng chí súc tích, nhưng không kém phần trữ tình. Tôi nhớ mãi bài viết nhân kỷ niệm nhà cách mạng Các Liépnech, đẹp như một bài thơ. Những bài chính phong đề cập cả đến những vấn đề bình thường trong cuộc sống như về các bữa cơm hằng ngày. Bài viết này biểu dương chị em phụ nữ người Huế có tài nấu ăn và khéo sắp xếp mâm cơm. Năm 1948, kỷ niệm một năm ra báo, toà soạn tổ chức buổi họp mừng trên sân nhà dân nơi báo ở. Đêm ấy, một số nhà văn, nhà báo đến dự, bất ngờ gặp vợ chồng đồng chí Phạm Văn Đồng có mặt từ sớm. Thú vị là có cả một kỹ sư nông nghiệp người Pháp theo ta từ đầu kháng chiến, anh ta xem đồng chí Phạm Văn Đồng như người thầy. Bữa liên hoan giản dị, trà suông, vài đĩa bánh dưới ánh trăng, trong không khí nông thôn yên lặng. Đồng chí khiêm tốn hỏi ý kiến các nhà văn về những bài viết của mình. Cùng anh em, tôi cũng góp ý kiến khen các bài viết, sự tín nhiệm của người đọc, nhưng cũng mạnh dạn nói: "Nhưng có bài có thể gây sự hiểu nhầm như bài khuyến khích thanh niên nhập ngũ, có ý chê trách số người trẻ tuổi cật chật mình vào chân bàn, e có xem nhẹ hậu phương chăng?". Nghe xong, đồng chí cười ghi nhận ý kiến ấy. Đồng chí nói: "Những bài viết của tôi rất ngắn, nhưng tôi đã suy nghĩ rất kỹ mới viết xong!". Chúng tôi giật mình, tự soi mình càng thấm thía công phu lao động sáng tạo của đồng chí.

Hoà bình lập lại, Anh Tô hết lòng quan tâm đến văn học, nghệ thuật, có lòng ưu ái đối với văn nghệ sĩ. Rất nhiều lần Anh nói chuyện với chúng tôi thân tình, khiêm nhường và trung hậu như bản chất của Anh. Con người rất gương mẫu kỷ luật nhưng lại tình cảm, những tình cảm lớn. Tôi nhớ buổi đưa tang cụ Huỳnh Thúc Kháng tại Quảng Ngãi, đồng chí Phạm Văn Đồng thấm nước mắt, bắt đầu bài Điếu văn với

câu: Cụ Huỳnh Thúc Kháng là một người lớn. Chỉ một chữ lớn cũng đã đánh giá chuẩn xác vị thế của người lão chí sĩ suốt đời vì nước. Người ta thường nhắc đến những giọt nước mắt trên khuôn mặt mới nhìn như lạnh lùng khắc khổ. Anh đã khóc khi lần đầu tiên đặt chân lên đất Pháp năm 1946, tại hải cảng Mácxây (Marseille), nhìn thấy ngọn cờ đỏ sao vàng của Tổ quốc do kiều bào ta mang ra đón đoàn. Anh đã khóc khi ôm vào lòng Anh hùng Hồ Giáo hy sinh hạnh phúc riêng của mình lên Ba Vì nhiều năm liền nuôi bò cho nông trường thí điểm. Nước mắt của Anh không cầm khi nghe tin địch tàn sát đồng bào ta ở Phú Lợi. Tôi vẫn còn xúc động khi nhớ lại trên lễ đài tang lễ Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí Phạm Văn Đồng ôm mặt khóc nức nở lúc nghe 9 tiếng đại bác tiễn đưa, khiến cho hoàng thân Xihanúc đứng bên cạnh nhìn sang, xúc động sững sờ. Con người gang thép vào sinh ra tử vì đất nước ấy vẫn có trái tim dạt dào tình cảm, những tình cảm lớn Anh dành cho chính nghĩa, đạo đức và hy sinh của nhân dân.

Tâm hồn Anh Tô trong sáng như ngọc. Giáo sư Trần Văn Giàu đã nén đau buồn khi nghe tin đồng chí Phạm Văn Đồng tạ thế, ông nói: "Anh Đồng có tấm lòng trong sáng tuyệt vời, là một trong số ít người lãnh đạo có cuộc đời không tỳ vết, hoàn toàn không tỳ vết! Nếu tất cả những người lãnh đạo cũng được như Anh Đồng thì phúc lớn cho đất nước...". Bởi nhận xét chí tình và kính trọng của giáo sư cũng là ý nghĩ của tất cả trí thức trong nước. Đồng chí Phạm Văn Đồng là một trí tuệ lớn. Sự uyên bác của Anh đã được chứng minh trong những trước tác nổi tiếng của Anh. Văn chính luận của Anh không khô khan, không mang tính hàn lâm như các nhà học giả khác, trái lại nhẹ nhàng hơn, tươi trẻ, dễ đi vào lòng người. Những bài viết về Nguyễn Trãi, Nguyễn Đình Chiểu,

về xây dựng con người xã hội chủ nghĩa, tính dân tộc trong văn học, cá tính các nhà văn... đều là những bài mẫu mực trong học thuật. Tiêu biểu hơn cả là tác phẩm: *Hồ Chủ tịch, hình ảnh của dân tộc* viết ở Liên khu V (sau này nhiều lần tái bản) được xem như chuẩn mực trong loại hình viết về danh nhân. Nhiều nhà văn nghĩ rằng chưa ai viết về Bác Hồ hay bằng đồng chí Phạm Văn Đồng. Ngoài tài năng văn chương phải có tình yêu thương vô hạn đối với Bác Hồ của đồng chí đã giúp cho đồng chí có những lời văn thấm thía rung động chẳng?

Anh Tô có cách nói vừa trí tuệ vừa trữ tình. Anh nói: "Dân tộc ta gặp chủ nghĩa xã hội, cuộc gặp gỡ đẹp như một điều hẹn trước...". Khai mạc Hội nghị về vấn đề giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, ai cũng bất ngờ nghe Anh phát biểu: "Tôi xin lỗi vì đến chậm, vì nhiều việc quá. Sáng nay, đúng vào lúc chúng ta họp tại đây để bàn về tiếng nói của dân tộc thì trên đảo Honolulu quân thù cũng họp, nhưng để bàn mưu xâm lược nước ta...". Lời nói ấy đã giúp chúng tôi nhận thức được trách nhiệm của mình và tự hào về dân tộc mình.

Anh Tô là một nhà văn lớn tuy chưa bao giờ Anh tự nhận mình là nhà văn. Chẳng những nắm vững ngôn ngữ dân tộc, Anh còn rất giỏi tiếng Pháp. Tại Hội nghị Giơnevơ năm 1954 trước đây thực dân Pháp khinh thường chúng ta, hay nói Việt Minh chỉ là những bóng ma không thực sự tồn tại, đồng chí Phạm Văn Đồng đã có một câu nói thông minh và hào sảng: "Các ông thấy đấy, trước mặt các ông là những bóng ma vừa chiến thắng Điện Biên Phủ!".

Một nhà lãnh đạo toàn diện như Anh có nhiều cống hiến trong mọi lĩnh vực, nhất là về kinh tế. Ngày kháng chiến ở Liên khu V, một dải đất hẹp, núi bò ra sát biển, lại bị địch bao vây kinh tế thường xuyên, đời sống nhân dân vốn đã cơ

cực nay còn phải gánh vác cuộc kháng chiến trường kỳ, Anh đã đề ra chủ trương kinh tế tự cấp tự túc rất tài tình. Ngoài lúa gạo chỉ cấy ở đồng bằng nhỏ hẹp, nhân dân và quân đội đã trồng бат ngàn đồi núi sán (mì). Liên khu V cũng tự dệt lấy vải cho quân đội, thứ vải Sita màu xám lịch sử còn in trong trí nhớ của chúng ta. Phát hành tín phiếu thay tờ giấy bạc (vì ở xa Trung ương) là một sáng tạo trong việc quản lý tài chính thời chiến. Đồng chí Phạm Văn Đồng đã tặng thưởng cho nhạc sĩ Phan Huỳnh Điểu 50 đồng về một bài hát tuyên truyền tín phiếu, số tiền ngày ấy đủ nuôi nhạc sĩ trong 5 tháng! Rất quan tâm đến nông nghiệp, về Hải Phòng thấy chủ trương khoán mới của thành phố có hiệu quả rõ rệt, Anh vui mừng nói to: Chia khoá vàng đây rồi, chiếc chìa khoá tiền để cho chỉ thị 100 của Trung ương về nông nghiệp, đưa đến thắng lợi an toàn lương thực và trở thành một trong những cường quốc về lúa gạo hiện nay. Về lãnh đạo kinh tế, có lẽ công lớn nhất của Anh là phụ trách chỉ đạo hậu cần chi viện cho cuộc kháng chiến chống Mỹ - nguy ở miền Nam đến tận ngày toàn thắng.

Nhân dân yêu thương đồng chí Phạm Văn Đồng như yêu thương người ruột thịt. Đồng bào Xêđăng ở Tây Nguyên vốn họ Đinh, đã tự nguyện đổi ra họ Phạm để nhớ ơn đồng chí. Nếp sống tinh thần gần gũi của Anh đã thuyết phục mọi người. Được gần Anh, tôi hết sức kính phục lòng độ lượng bao dung của Anh. Anh thường dẫn một câu trong Kinh thánh; "Được gặp một người biết hối lỗi còn vui hơn gặp cả 100 vị thánh tông đồ trên thiên đàng!". Trong những ngày đầu kháng chiến, cơ quan chúng tôi gần ngôi nhà Anh ở. Nông thôn Quảng Ngãi ngày ấy không có rào giậu, vườn nhà này sang vườn nhà khác chỉ cần bước qua hàng rào rau bô ngót, anh em văn nghệ và những anh em làm việc ở Văn phòng

đồng chí Phạm Văn Đồng thường xuyên gặp nhau. Một hôm, anh Phan Thao bảo tôi: "Anh Tô có ý kiến nên thành lập một tổ chức nhẹ nhàng để tập hợp văn nghệ sĩ trí thức". Hai anh em chúng tôi thực hiện chỉ thị của Anh Tô, nhiều lần vận động đi đến hội nghị chính thức. Hôm ấy Anh Tô đến dự ngồi lẫn trong anh em, chan hoà bình đẳng. Khi hội nghị phân vân việc đặt tên cho tổ chức của mình, Anh đã gợi ý: "Chúng ta là những trí thức họp nhau lại để học tập, giúp nhau nghiên cứu khoa học và sáng tác văn nghệ phục vụ kháng chiến, có lẽ theo tôi nên để tên *Nhóm bạn học*". Sự khiêm tốn của người thầy hôm ấy khiến cho các bạn hết sức khâm phục. Tôi được cử làm thư ký của nhóm. Đây là tổ chức tiên thân của các đoàn, hội văn hoá văn nghệ kháng chiến sau này của miền Nam Trung Bộ. Văn nghệ sĩ chúng tôi không quên ngày tháng 3 năm 1947 ấy và càng thấy mình gắn bó với Anh Tô hơn.

Trên kia tôi đã nói về sự độ lượng của đồng chí Phạm Văn Đồng. Bản thân tôi khắc sâu vào lòng mình một trường hợp đã làm cho Anh không vui. Năm 1948, một hôm tôi nhận được một thư ngắn của đồng chí mời tôi hôm sau đến dùng cơm trưa và nói chuyện với đồng chí. Tôi còn trẻ tuổi, ngại ngần việc trực tiếp gặp một bậc thầy ở vị trí cao nhất lúc bấy giờ, cũng có cả sự tự ti nữa, nên hôm sau nhân gặp đồng chí tại trại Thanh niên liên khu cắm ở Đức Tân, tôi xin đồng chí cho hoãn vào ngày khác. Đồng chí đã chuẩn bị ra về (chắc để chờ tôi theo), nghe tôi nói, đồng chí ngoảnh lại nói với người trưởng trại Thanh niên: "Tôi định về, nhưng anh Lãm bạn không tới được, vậy tôi sẽ ở lại thêm với các bạn...". Sau ngày ấy tôi ăn năn đã phụ lòng đồng chí. Tháng 2 năm 1949, trong lúc chúng tôi đang họp Ban Chấp hành Liên đoàn Văn hoá kháng chiến tại Lam Điền, thì người liên lạc của Việt

Minh miên Nam Trung Bộ bước vào trao cho tôi một tài liệu văn hoá, thứ tài liệu Trung ương gửi riêng cho đồng chí Phạm Văn Đồng. Mở ra xem, tôi bàng hoàng xúc động. Ngay trang đầu, đồng chí viết:

"Kính tặng anh Nguyễn Viêt Lâm mấy bài mà tôi càng đọc càng thích. Tôi biết anh đã đọc mấy bài này rồi, nhưng muốn tặng anh chút quà, tôi không tìm thấy ở đây cái gì hơn.

Ngày 25 tháng 2 năm 1949,
Phạm Văn Đồng".

Vậy là đồng chí đã lên đường về Trung ương, do cần bảo mật, chúng tôi không biết cả ngày đi ấy. Tôi thầm cảm ơn đồng chí đã rộng lượng với tôi. Thật là tấm lòng một người lớn.

Anh Phan Thao cầm xem cuốn tài liệu quý bằng tiếng Pháp, khẽ bảo tôi: "Đừng buồn, mong Anh Tô lên đường bình yên, chúng ta còn gặp lại Anh".

Mãi mãi thương yêu và nhớ ơn người thầy, người anh lớn của chúng ta!

NHỮNG LỜI ĐỘNG VIÊN, CỔ VŨ

Nguyễn Đăng Lâm

Khi nghe tin đồng chí Phạm Văn Đồng, người con ưu tú của quê hương Quảng Ngãi từ trần, từ người già đến các cháu thiếu niên, từ người Kinh đến đồng bào các dân tộc thiểu số trong tỉnh không ai nói với ai nhưng tất cả bàng hoàng xúc động, ghen ngào, tiếc thương vô hạn. Những giọt nước mắt từ đáy lòng của mọi người cứ trào ra. Lâu nay mọi cán bộ và người dân Quảng Ngãi đều gọi đồng chí Phạm Văn Đồng là Bác Đồng một cách triu mến. Tuy tiếp xúc và gặp Bác chưa nhiều, nhưng mỗi dịp Bác về thăm quê, chúng tôi lại có dịp đi cùng Bác, ghi chép những lời dạy của Bác đối với các đồng chí lãnh đạo đương chức, cán bộ hưu, các ngành, các cấp và các địa phương trong tỉnh. Những lời dạy của Bác Phạm Văn Đồng luôn mang tính thời sự, định hướng cho tương lai, động viên, cổ vũ mạnh mẽ cán bộ và nhân dân Quảng Ngãi trên con đường xây dựng và phát triển.

Có thể nói, trong mười năm cuối đời, hầu như năm nào vào dịp ngày sinh 1 tháng 3, Bác Phạm Văn Đồng cũng về thăm quê nhà, dành nhiều thời gian để tìm hiểu về tình hình phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương; gặp gỡ, trao đổi với các đồng chí lãnh đạo tỉnh, các huyện, các ngành. Trong chuyến về thăm và làm việc tại tỉnh tháng 9 và tháng 10

năm 1991. Bác có cuộc gặp gỡ, đối thoại với các đồng chí lãnh đạo tỉnh. Tại cuộc đối thoại này, Bác nêu hai vấn đề chính là hướng phấn đấu của tỉnh và vai trò của con người, của quần chúng nhân dân. Bác hỏi: - Tỉnh Quảng Ngãi giàu hay nghèo? Rồi Bác đánh giá: tỉnh ta giàu về tiềm lực, tiềm lực của thiên nhiên, ở đây còn chưa được khai thác hoặc khai thác chưa có chiều sâu, chiều rộng. Tiềm lực biển của Quảng Ngãi là cực kỳ to lớn; Tiềm lực con người Quảng Ngãi, các tầng lớp nhân dân ở mọi lứa tuổi, đều có tinh thần yêu nước, nhiệt tình cách mạng, lao động cần cù và tài năng. Nếu phát huy được những mặt giàu trên thì chúng ta sẽ làm cho mọi người được ăn no, mặc ấm, nếu phấn đấu giỏi, ta còn giàu về đời sống vật chất, văn hoá - tinh thần. Trước mắt, tôi thấy tỉnh ta là một tỉnh nghèo, lực lượng sản xuất nhỏ bé, đời sống đồng bào còn khó khăn - nghèo đã rõ, không cần dẫn chứng. Chúng ta nghèo, nhưng biết phấn đấu thì chúng ta sẽ giàu.

Chúng ta phải thấy trước mắt và tương lai. Nông nghiệp là mặt trận hàng đầu vì 80% sản phẩm xã hội, lực lượng lao động liên quan đến nông nghiệp. Trung du - miền núi cần chăm lo khai thác nhiều hơn nữa, hiệu quả hơn nữa. Ở miền núi có những nơi đất còn rộng, còn tốt. Đó là hướng giải quyết vấn đề chung cho tỉnh. Lực lượng lao động ở đồng bằng lên cùng với đồng bào các dân tộc khai thác tiềm năng của thiên nhiên. Đây là hướng mở ra triển vọng mới, đa dạng, xây dựng cuộc sống mới cho toàn dân trong tỉnh. Về đời sống văn hoá, là rất quan trọng. Mọi người phải sống như thế nào để xứng đáng là người dân của một nước xã hội chủ nghĩa. Phải quan tâm cả đời sống vật chất và đời sống văn hoá. Khi đời sống vật chất đủ thì đời sống văn hoá cũng sẽ nâng lên. Văn hoá ở đây là nghĩa rộng: gồm giáo dục phẩm chất, đạo đức, chống thói hư tật xấu, chống tiêu cực xã hội, mà hư hỏng

chủ yếu là trong cán bộ. Điều mà người dân chê trách nhất là ăn cắp, hối lộ ngày càng tăng lên nên người dân không đồng tình. Phải thanh toán những mặt tiêu cực trong xã hội thì đời sống văn hoá mới lên được.

Đối với con người - quần chúng nhân dân, Bác Phạm Văn Đồng khẳng định: Sự nghiệp của chúng ta cuối cùng là do con người làm nên! Cái tốt của con người Quảng Ngãi là cần cù, sáng tạo trong lao động, sản xuất, kiên cường, dũng cảm trong chiến đấu, yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, kiên quyết đi theo Đảng, theo cách mạng trong mọi tình huống. Cái đặc sắc của Quảng Ngãi, đó là tài năng. Còn cái chưa tốt, đó là mất đoàn kết nội bộ, kèn cựa với nhau, đôi khi cố chấp hẹp hòi. Cái chưa tốt tác hại đến cái tốt, cho nên phải kiên quyết khắc phục.

Trong lần về thăm các huyện Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Mộ Đức và thị xã Quảng Ngãi, cuối tháng 2 đến giữa tháng 3 năm 1992, Bác Phạm Văn Đồng đã làm việc với các cán bộ chủ chốt, nghe báo cáo, gợi mở những định hướng, những biện pháp, giải pháp cụ thể, thiết thực để địa phương thực hiện được tốt hơn, phát triển nhanh hơn. Đến địa phương nào, Bác cũng căn dặn: Phải coi trọng đoàn kết nội bộ, phải làm cho được từ việc nhỏ đến việc lớn, phải gắn bó với dân, dựa vào dân, không ức hiếp dân, làm thế nào để dân tin, dân không xa Đảng; xây dựng đoàn thể quần chúng mạnh, coi trọng thế hệ trẻ, trẻ hoá đội ngũ đảng viên, xây dựng đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực, bản lĩnh chính trị. Bác Phạm Văn Đồng đặc biệt nhấn mạnh phải đẩy mạnh phát triển đảng viên vào các tầng lớp trẻ để tăng sinh lực cho Đảng, nếu không thì đây sẽ là nguy cơ. Bác Phạm Văn Đồng tỏ ý tin tưởng dưới sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng, sự quản lý của chính quyền, sự hoạt động tích cực của các đoàn thể, phát

huy mạnh mẽ quyền làm chủ trực tiếp và gián tiếp của nhân dân thông qua các phong trào quần chúng, Quảng Ngãi sẽ động viên đến mức cao nhất mọi tiềm lực của nhân dân để thực hiện thành công công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn mà Bác cho rằng thực chất là một cuộc cách mạng.

Trong những năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, những lời huấn thị của Bác Phạm Văn Đồng, cán bộ và nhân dân Quảng Ngãi đã khắc phục mọi khó khăn để phát triển kinh tế - xã hội đạt được kết quả đáng khích lệ. Đến cuối năm 1999, tỉnh đã duy trì được nhịp độ tăng trưởng kinh tế 6,5%, thực hiện có hiệu quả tám chương trình kinh tế của Đại hội Đảng bộ tỉnh đề ra. Hôm nay Bác Phạm Văn Đồng đã đi xa nhưng chúng tôi tin rằng những lời dạy của Bác đối với cán bộ, nhân dân trong tỉnh luôn là lời động viên cổ vũ, là định hướng đúng đắn để Quảng Ngãi phát triển toàn diện về mọi mặt trong thời kỳ mới.

BÁC TÔ, CON NGƯỜI MẪU MỤC, AN TÌNH VÀ CHU ĐÁO

GS. Phan Trọng Luận

Bác Tô và Ba tôi đều đến dự lớp Huấn luyện ở Quảng Châu do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc phụ trách. Ba tôi dự khoá trước còn Bác Tô vì sức khoẻ dự khoá sau. Nhưng về nước, hai người lại cùng hoạt động ở Sài Gòn. Hồi ấy, Bác Tô dạy học tư, lấy tiền nuôi đồng chí và gây quỹ Đảng, còn Ba tôi đi kéo xe "vô sản hoá". Nhưng rồi cơ sở Đảng bị tan vỡ. Bác Tô, Ba tôi cùng một số đồng chí khác bị án tù khổ sai đày ra Côn Đảo. Nhờ phong trào Dân chủ nên được thả sớm hơn. Ba tôi được tha về quản thúc ở địa phương. Thế là từ khi sinh ra đến lúc ấy, tôi mới được gặp mặt cha mình. Hầu như những câu chuyện mà Ba tôi kể cho tôi hồi bấy giờ phần lớn là những kỷ niệm của ông ở nhà tù Côn Đảo. Trong ký ức của tôi, qua những mẫu chuyện và con người mà Ba tôi kể, đều luôn luôn sáng lên hình ảnh một người bạn tù mà Ba tôi yêu kính nhất. Đó là Bác Tô. Với tôi, ngoài những ông Tiên, ông Phật của thế giới cổ tích trong ký ức tuổi thơ lại có thêm hình ảnh những người bạn tù đáng kính mà Ba tôi đã khơi dậy trong tôi. Có gì xa lạ mà gần gũi, mơ hồ mà rất cụ thể...

Ba tôi thường kể về chuyện ham học của Bác Tô. Bác luôn khuyên bảo và nhắc nhở các đồng chí nên tranh thủ thời

gian ở tù để học tập thêm. Bác Tô là một người suốt ngày ngồi trong góc nhà "banh" thiếu ánh sáng để đọc. Là con một ông nghề Cồn Vương, nhà cửa bị giặc đốt phá, cha mẹ mất sớm, Ba tôi chẳng được đến trường. Lớn lên sớm tham gia cách mạng đã cùng Trần Phú sang Quảng Châu dự lớp huấn luyện rồi hoạt động và ngồi tù, Ba tôi không biết tiếng Pháp nhưng nhờ những năm ở tù, Bác Tô dìu dắt dạy dỗ nên Ba tôi đã nắm được ít nhiều tiếng Pháp. Dạy đồng chí và học đồng chí; Bác Tô biết chữ Nho không nhiều. Ba tôi có được chút vốn liếng ít ỏi. Ba tôi kể là chỉ dạy hai ba tháng là hết chữ mà dạy rất khó vì "ông học trò giỏi" hay hỏi mà hỏi những cái "ông thầy" lại không giảng được. Một vỏ bao thuốc Bastos dùng làm giấy học viết ba thứ mực: Bút chì rồi thuốc đỏ (Mercu reauchrôme) rồi màu xanh thuốc Bleu de Méthylene. Đồng chí Ba Duẩn thì say mê đọc chủ nghĩa Mác. Bác Tô và Bác Ba là những tấm gương học tập, học tập chăm chỉ, học tập thông minh. Trong nhà tù khổ sai, cuộc sống kham khổ, được người nhà gửi cho tí quà nào là quý giá vô cùng. Quà gửi vào, không khi nào Bác nhận riêng cho mình mà bảo chia đều cho anh em đồng chí. Ba tôi là thanh niên ăn khoẻ. Có thể ăn 6 ca cơm nên được đặt biệt danh "6 ca". Bác Tô người ốm yếu, ăn uống chẳng bao nhiêu, thường san sẻ cho Ba tôi. Những mẩu chuyện lẻ tẻ, không sâu chuỗi, được Ba kể cho khi rỗi rãi để khuyên răn giáo dục con đã sớm hình thành trong tôi những ấn tượng đẹp để chói ngời về những người bạn tù của Ba tôi mà Bác Tô là hình ảnh gần gũi nhất, đậm nét nhất.

Rồi Nhật vào Đông Dương, Ba tôi lại bị bắt đi tập trung an trí cho đến Cách mạng Tháng Tám. Rồi kháng chiến toàn quốc. Đến khoảng năm 1949, trên đường ra nhận nhiệm vụ mới ở Việt Bắc, Bác Tô có ghé vào nhà thăm Ba tôi, bấy giờ

cũng là cán bộ lãnh đạo ở tỉnh. Lần đầu tiên tôi được gặp một con người mà tôi hằng yêu kính qua câu chuyện thân mật của Ba tôi. Lần đó, Bác Tô xoa đầu tôi và bảo: "Cháu phải sớm vào Đảng theo Ba cháu". Tôi còn quá thơ dại để hiểu hết lời dạy bảo của Bác. Rồi năm tháng trôi qua. Hoà bình lập lại. Bấy giờ tôi dạy học ở Hà Nội. Bất ngờ, một hôm tôi được báo tin là Thủ tướng đến dự giờ của tôi. Hết tiết học, Bác thân mật góp ý kiến. Khi Bác ra về đến cửa lớp, tôi đánh bạo hỏi: "Chắc Bác đã quên cháu". Hơn mười năm trước, tôi chỉ là một cậu thiếu niên, làm sao Bác nhớ ra được. Bác gõ gõ ngón tay vào trán như để cố nhớ. Tôi tự giới thiệu là con lão đồng chí Phụ (biệt hiệu của Ba tôi). Bác Tô ôm chầm lấy tôi trước sự ngạc nhiên của bao quan khách và đông đảo học sinh. Bác ân cần hỏi: "Cháu có vợ chưa?"... "Cháu có con chưa?", "Cháu có khó khăn gì không?... Nhớ lại lời Bác Tô dặn tôi trước đây, tôi thưa với Bác: "Cháu có lỗi chưa vào Đảng ạ!"... Bác quay sang hỏi các đồng chí lãnh đạo cơ quan: "Sao không kết nạp?" Đồng chí Bí thư thưa: "Dạ, đồng chí ấy sắp được kết nạp ạ". Bác Tô cười: "Ừ thế chứ". Ra về, Bác còn dặn tôi cần gì gọi điện cho Bác, tay Bác làm dấu hiệu cầm ống nghe, rồi Bác nói tiếp: "Nếu không thì viết cho Bác nhưng đừng để là Thủ tướng mà là Bác Phạm Văn Đồng ở Phủ Thủ tướng ". Câu chuyện qua đi, tôi trở về với công việc của một giáo viên bình thường còn Bác thì bận bịu bao công việc lớn lao của dân, của nước. Thế mà ba tháng sau, nhân một cuộc họp nghe báo cáo về giáo dục, Bác Tô đã trực tiếp hỏi đồng chí Bí thư gặp lần trước, đã kết nạp tôi chưa. Tôi thật không ngờ vì sao một lãnh tụ, một người đứng đầu Chính phủ một quốc gia đang chống chiến tranh xâm lược mà không quên chuyện riêng người con của một người bạn, mới gặp sơ qua một hai lần. Chẳng có khoảng cách gì giữa hình ảnh một người tù Cộng

sản qua lời kể của Ba tôi trước đây với vị Thủ tướng một quốc gia trong sự ứng xử với con người. Buổi dự giờ hôm đó, Bác có dặn tôi "Hạ thấp bài giảng xuống, quan tâm đến trình độ học sinh hơn". Lời dạy bảo của Bác gợi cho tôi hướng phát huy trí thông minh của học sinh. Và mấy năm sau, tôi hoàn thành cuốn sách "Rèn luyện tư duy cho học sinh". Tôi gửi tặng Bác cuốn sách để tỏ lòng biết ơn. Gửi sách đi mà chẳng dám mong gì Bác trả lời. Bỗng mấy tuần sau, tôi được Bác Tô gửi thư cho biết Bác đã đọc cuốn sách và cho nhận xét. Tôi lại nghĩ đơn giản là chỉ biết vậy mà cất cẩn thận lá thư như một kỷ vật tinh thần mà đến nay tôi vẫn còn giữ. Thế nhưng một tuần lễ sau đó, đồng chí Hoàng Quốc Dũng bí thư của Bác Tô đến tận nhà tôi hỏi đã nhận được thư Bác Tô chưa và sao không trả lời để Bác chờ. Tôi nghĩ đơn giản là không dám phiền hà Bác phải đọc thêm thư mình nên mới im lặng. Lại thêm một lần nữa, tôi không hiểu nỗi sự ân cần chu đáo đối với tôi, một con người bình thường, người con của người bạn cũ của mình.

Những lần Ba tôi ra Hà Nội, thỉnh thoảng cũng được gặp riêng Bác Tô và dùng cơm trưa với Bác. Trong một lần gặp khi Ba tôi đã về hưu, bấy giờ đời sống cán bộ, ai cũng khó khăn, Bác Tô hỏi Ba tôi: "Anh sống bằng cách gì?". Ba tôi trả lời: - "Bằng lương hưu". Bác Tô hỏi tiếp: "Làm sao đủ được?" - Ba tôi nói: - "Anh cũng biết thế à?". Bác Tô cười và nói: - "Tôi xin đề nghị trợ cấp cho anh". Ba tôi vốn khảng khái: - "Còn bao nhiêu người nữa như tôi, Anh trợ cấp được không?". Bác Tô trầm tư. Vui câu chuyện, Ba tôi đọc mấy câu thơ trong bài *Thơ xuân* Ba tôi vừa viết cho Bác Tô nghe:

*"...Nghèo đói còn hành người trung hậu,
Phú quý chưa rời lũ bất lương..."*

Bác Tô cười to nhưng rồi lại trầm tư. Khi Ba tôi trở về Thanh Hoá, Tỉnh uỷ đã đến gặp và quan tâm hơn đến nơi ăn, chốn ở của Ba tôi. Đó cũng là lần cuối cùng Ba tôi gặp Bác Tô và khi Ba tôi mất, Bác Tô đã gửi vòng hoa tiễn đưa người đồng chí cũ.

Lần gặp Bác Tô vào năm 1998, tôi biết Bác đã già yếu nhiều. Tin tức về sức khoẻ của Bác khiến tôi lo lắng. Tôi tự nhủ phải viết một điều gì đó để tỏ lòng biết ơn Bác, người bạn lớn của gia đình tôi, một con người đã khắc hoạ trong tâm trí tôi từ tuổi ấu thơ cho đến khi trưởng thành hình ảnh đẹp đẽ của một con người cộng sản chân chính, một nhà văn hoá lớn, một nhà giáo dục sâu sắc và cần mẫn, một người học trò thân cận, xuất sắc của Bác Hồ, một con người sống đẹp cuộc đời chính trị phong phú đầy sóng gió cũng như một đời sống riêng tư giản dị, thanh cao đầy ấp tình người.

PHẠM VĂN ĐỒNG VỚI MIỀN NAM TRUNG BỘ

Nguyễn Đình Nguyên

Từ ngày Nam Bộ kháng chiến ngày 23 tháng 9 năm 1946, Liên khu V trở thành một địa bàn trọng yếu, cửa ngõ tiếp xúc, liên lạc giữa Trung ương với các chiến trường miền Nam. Nơi đây, các đoàn quân Nam tiến tạm dừng chân trước khi vào trận. Từng đợt cán bộ từ Nam Bộ ra tạm trú ngắn ngày ven vùng căn cứ tự do Liên khu V để học tập, tiếp nhận sự chỉ đạo hoặc hàng viện trợ của Trung ương từ miền Bắc chuyển vào.

Khởi lửa chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp lan dần từ Nam Bộ ra các tỉnh miền Nam Trung Bộ và một phần của Tây Nguyên. Âm mưu chia cắt Nam Bộ của địch lộ rõ rất trắng trợn. Toàn quốc kháng chiến bùng nổ. Cảng Đà Nẵng biến thành pháo đài lớn của quân viễn chinh Pháp. Chúng tập trung mọi lực lượng chiến xa, trọng pháo, máy bay... đánh mạnh, thọc sâu, hòng chiếm nhanh miền Nam Trung Bộ trong thời gian ngắn nhất.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ địa phương và sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Phạm Văn Đồng, Đặc phái viên của Trung ương ở miền Nam Trung Bộ, quân và dân Liên khu V kiên quyết đánh trả, kim chân địch, không cho chúng vượt qua sông Thu Bồn, bảo vệ được một vùng tự do rộng lớn.

Cuộc chiến diễn ra ác liệt và gay go trên mọi lĩnh vực cả phía Bắc và phía Nam Liên khu V. Trên mặt trận kinh tế, cả hai bên đều thực hiện chính sách bao vây kinh tế rất quyết liệt.

Với tư duy lãnh đạo sâu sắc và nhạy bén, đầu năm 1947, đồng chí Phạm Văn Đồng đã triệu tập một Hội nghị gồm các Bí thư Tỉnh uỷ, Trưởng ban Kinh tế các địa phương miền Nam Trung Bộ để bàn thảo một chương trình kinh tế rộng lớn nhằm bảo đảm cho cuộc kháng chiến trường kỳ. Tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt Hội nghị là phát huy cao độ tinh thần "tự lực cánh sinh", huy động mọi tiềm lực của địa phương để phát triển sản xuất, bảo đảm đời sống.

Đồng chí chăm chú lắng nghe ý kiến của các tỉnh, chỉ đạo, gợi mở các vấn đề chủ yếu với thái độ ân cần và sâu sắc. Ngoài ra, đồng chí còn tiếp xúc trực tiếp với một số công thương gia vốn hoạt động ở Đà Nẵng - Hội An, có nhiều kinh nghiệm tổ chức sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp, động viên họ tham gia chương trình kinh tế chung của khu vực. Từ đó, phong trào tăng gia sản xuất khắp các tỉnh ở miền Nam Trung Bộ phát triển khá sôi nổi. Các ngành công nghiệp giấy, xà phòng, dệt, cơ khí, vật dụng gia đình, sản xuất lương thực - thực phẩm... đi từ không đến có, hoạt động khá đều tay trong phong trào "Thi đua ái quốc" bảo đảm đủ chi dùng trong nhân dân cũng như cung ứng cho quân đội.

Suốt những năm chiến đấu, Quân đội nhân dân Liên khu V vô cùng tự hào với các bộ quân phục đồng nhất bằng vải Sita*, mặt hàng nội hoá do đồng bào ruột thịt miền Nam Trung Bộ dệt ra, dành cung cấp riêng cho lực lượng vũ trang.

* Tên vải gồm các chữ đầu của một tổ chức kỹ nghệ dệt Trung Bộ đã có (Société d' Industrie Textile de l' Annam).

Loại vải đặc biệt bằng sợi cô-tông xe, bền, dày, màu sắc trang nhã, phù hợp với yêu cầu tập luyện, hành quân, chiến đấu. Đây là sản phẩm chế tạo khá công phu - như mọi người thường bảo - một sự vận dụng sáng tạo tư duy "Kinh tế tự lực, tự cường" của vị Đặc phái viên Trung ương, một biểu tượng về sự gắn bó mật thiết tình cảm giữa quân và dân. Nhân dân tiến hành cải tiến chiếc khung cửi dệt truyền thống, trồng bông, dệt vải, cấy lúa, trồng sắn, trồng khoai... chăm lo cái ăn, cái mặc cho bộ đội. Ngược lại, quân đội chiến đấu anh dũng, ra sức bảo vệ vùng tự do an toàn để nhân dân yên tâm sản xuất, thực hiện "thực túc, binh cường".

Tuyến đường sắt huyết mạch dọc các tỉnh miền Nam Trung Bộ tuy bị địch thường xuyên ném bom bắn phá, nhưng ban đêm vẫn hoạt động vận chuyển hàng hoá, hành khách ngược xuôi bằng phương tiện cơ khí kết hợp với thủ công.

Tư tưởng "tự lực cánh sinh" của đồng chí Phạm Văn Đồng đề ra lúc bấy giờ còn bao gồm cả các lĩnh vực văn hoá, giáo dục - đào tạo. Vốn xuất thân là nhà giáo, vị Đặc phái viên Trung ương quan tâm đến việc nâng cao dân trí, đào tạo cán bộ, phát triển nhân tài phục vụ cho trước mắt và tương lai. Bên cạnh việc phát triển hệ giáo dục phổ thông, bổ túc văn hoá, tại miền Nam Trung Bộ lúc bấy giờ đã hình thành thêm Trường Trung học bình dân Quân sự và Dân sự, Trường Kỹ nghệ Quân giới Liên khu V.

Hồi bấy giờ (1947-1948) cao trào cách mạng ở quê hương Ba Tơ khởi nghĩa rất sôi nổi, mãnh liệt. Mặt khác, đó đây xuất hiện một số tư tưởng cực đoan, tả khuynh, hẹp hòi. Không ít các nhân sĩ trí thức bị phân biệt đối xử. Bằng uy tín lãnh đạo, đồng chí Phạm Văn Đồng đã kiên trì thuyết phục, thẳng thắn đấu tranh nội bộ, ra sức thu xếp ổn định theo đúng chính sách đại đoàn kết dân tộc của Đảng và Bác Hồ.

Từ đó, mọi lực lượng trí thức nhân sĩ, các công thương gia hăng hái tham gia kháng chiến, đóng góp xây dựng kinh tế...

Thành quả của cách mạng luôn là sự nghiệp của quần chúng nhân dân, là công sức đóng góp của tập thể đông đảo qua các thời kỳ nối tiếp nhau. Mặc dù sự có mặt của đồng chí Phạm Văn Đồng tại miền Nam Trung Bộ lúc bấy giờ chỉ có hai năm (1947-1948), nhưng vị Đặc phái viên của Trung ương đã để lại trong lòng quân và dân nơi đây nhiều ấn tượng sâu sắc, nhiều kỷ niệm đẹp về một nhà lãnh đạo lỗi lạc, tài đức và mẫu mực. Ở thời điểm lịch sử nhất định, vai trò dắt dẫn của một nhân cách lớn như đồng chí - thật sự đã có tác động sâu rộng, một yếu tố quyết định góp phần vào thắng lợi chung.

TƯỚNG NHỚ BÁC TÔ

Đại tá Phạm Chí Nhân

Hạ tuần tháng Tư năm 1954.

Trận Điện Biên Phủ đi vào giai đoạn cuối. Vòng vây của quân ta đã khép chặt, không phận cần thiết để máy bay địch thả dù bị thu hẹp, việc tiếp tế, tiếp viện cho tập đoàn cứ điểm trở nên cực kỳ khó khăn. Quân Pháp ở Điện Biên Phủ sống trong cảnh địa ngục. Thực dân Pháp buộc phải nghĩ đến biện pháp ngoại giao để cứu vãn tình thế.

Trong chiến hào vây sát hàng rào địch, chúng tôi được Mặt trận thông báo: Đồng chí Phạm Văn Đồng, Trưởng đoàn đàm phán của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tại Phôngtennoblô chín năm về trước, nay với tư cách Phó Thủ tướng Chính phủ, chuẩn bị lên đường dự Hội nghị Giơnevơ về Đông Dương. Bộ chỉ huy chiến dịch lệnh cho toàn mặt trận khẩn trương tiêu diệt "Trần Đình"¹, dứt điểm nhanh để hậu thuẫn cho phái đoàn ta trong đàm phán.

Cần nói thêm rằng, đối với chúng tôi hồi ấy, Bác Hồ và các đồng chí Thường vụ Trung ương Đảng: Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp... là những thần tượng cao cả, thiêng liêng. Phấn khởi, tin tưởng, hằng ngày nhìn rõ

1. Mật danh của tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ.

thắng lợi tới gần, cán bộ, chiến sĩ ra sức chuẩn bị cho đợt Tổng công kích, không kể ngày đêm. Ai cũng hiểu chiến thắng ở Điện Biên Phủ quan trọng đến nhường nào, bởi lẽ lúc này thắng lợi trên chiến trường là yếu tố quyết định thắng lợi trên bàn hội nghị. Kết quả là trong đợt tiến công thứ ba bắt đầu từ 17 giờ ngày 1 tháng 5 năm 1954, quân ta lần lượt bóc hết các cứ điểm và cao điểm cuối cùng, mở đường xông thẳng vào sở chỉ huy địch, bắt sống tướng Đờ Cát cùng toàn bộ Bộ tham mưu của tập đoàn cứ điểm vào chiều ngày 7 tháng 5. Trong giờ phút lịch sử của chiến công lịch sử, chúng tôi nhảy lên khỏi chiến hào, mặt mũi chân tay còn lấm lem khói đạn và bùn đất, reo hò vang dậy cả thung lũng Mường Thanh. Hàng vạn con người cùng chung ý nghĩ: Tại Hội nghị Giơnevơ sắp khai diễn bên trời Âu, phái đoàn đàm phán của ta sẽ ở thế thượng phong.

Đúng như vậy! Trên tư thế người chiến thắng, Phó Thủ tướng Phạm Văn Đồng cùng phái đoàn được tiếp thêm sức mạnh, kiên trì và kiên quyết đấu tranh để hơn hai tháng sau, Hiệp định Giơnevơ được ký kết, giành tiếp một thắng lợi to lớn cho dân tộc Việt Nam sau gần 100 năm chiến đấu giải phóng dân tộc và 9 năm kháng chiến gian khổ vì hoà bình, độc lập, thống nhất, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Từ ngày hoà bình lập lại, tôi được lên công tác tại Bộ Quốc phòng - Tổng Tư lệnh. Ở cơ quan chiến lược quân sự của Đảng, không ít lần tôi được gặp Bác Phạm Văn Đồng, lúc này là Thủ tướng Chính phủ, mọi người quen gọi là Anh Tô. Vầng trán cao và rộng, đôi mắt rất sáng, nét mặt cương nghị, dáng đi nhanh nhẹn, nhất là tiếng cười sảng khoái của Bác ghi lại trong tôi một ấn tượng sâu sắc. Và cũng từ những dòng này, tôi xin được dùng cái tên thân mật: Bác Tô.

Trong những năm tháng chống Mỹ, qua người anh họ là

Trần Phạm Phượng, một đồng chí cũ từng hoạt động trong Tân Việt Cách mạng Đảng cùng bác Văn (Võ Nguyên Giáp), tôi được biết thêm: Trong thời gian ở Sài Gòn, Bác Tô hoạt động trong Tân Việt cùng em ruột của anh Phượng là Trần Phạm Hồ. Hai người rất thân thiết với nhau, nhưng sau vụ Barbier, anh Hồ cùng với các anh Hà Huy Tập, Trần Ngọc Danh, Phan Đăng Lưu... phải lánh nạn sang Trung Quốc¹.

Tình nghĩa và chu đáo, mặc dù rất bận, Bác Tô luôn quan tâm đến bạn bè, đồng chí, nhất là với Trần Phạm Hồ. Từ ngày nửa nước được giải phóng, Bác luôn để ý tìm nhưng vẫn biệt vô âm tín. Tết đến, xuân về, Bác thường mời vợ chồng anh Phượng đến ăn cơm gia đình, có khi còn gọi cả các cháu con anh Phượng cùng tới. Năm nào quá bận, Bác cũng không quên gửi quà và thiệp chúc mừng, bao giờ cũng tự tay viết lời chúc chân thành bằng mực đỏ, nét chữ nghiêng nghiêng, thẳng hàng, đều tăm tắp. Không những thế, các con của anh Phượng, các con của đồng chí Trần Ngọc Danh đều được Bác quan tâm giúp đỡ, tạo điều kiện ăn học thành tài.

Thời gian trôi nhanh. Bác Tô đã thôi làm Cố vấn Ban

1. Tạp chí *Cộng sản* số 2 năm 1983 đăng hồi ký của đồng chí Trần Hữu Chương, Vụ trưởng Bộ Nội vụ, có đoạn: "Trong Hội nghị về Đông Dương cộng sản liên đoàn đã nói rõ giai đoạn hoạt động cách mạng rất khó khăn trong lòng địch. Lúc bấy giờ ở tại Sài Gòn cuối năm 1928, Tân Việt Cách mạng Đảng hoạt động khá mạnh đang chuẩn bị phát triển sang nhiều nơi thì xảy ra vụ Barbier làm cho Tân Việt bị liên quan, đồng chí Nguyễn Duy Trinh và Đào Xuân Mai phụ trách cơ quan Đảng đều bị bắt cùng với tài liệu, phương tiện ấn loát, sách vở và tài liệu huấn luyện. Một số đồng chí nữa có thể bị truy nã được Đảng chủ trương cho xuất dương... Máy ngày sau, các đồng chí Hà Huy Tập, Trần Ngọc Danh, Trần Phạm Hồ, Nguyễn Khoa Hiên, Phan Đăng Lưu, Lê Liên Vũ, cả thảy sáu người xuống tàu sang Trung Quốc".

Chấp hành Trung ương Đảng. Cuối năm 1997, khi đã nghỉ hưu, nhân đọc các sách viết về Trần Phú của Đức Vượng và Sơn Tùng, thấy có một số điểm chưa rõ về quan hệ gia đình, một số người còn khuyết danh, sau khi xem gia phả họ Phạm và trao đổi với nhà văn Sơn Tùng, tôi có báo cáo với Đảng để bổ sung tiểu sử của Tổng Bí thư đầu tiên. Biết Bác Tô có quan hệ thân thiết với bên họ Trần, tôi đã gửi một bản sao đến Bác. Chỉ mấy ngày sau, anh Nguyễn Tiến Năng, thư ký của Bác gọi điện cho biết Bác Tô mời tôi đến gặp. Quả thật không ngờ !

Nhớ mãi buổi sáng hôm ấy, ngày 3 tháng 11 năm 1997. Vừa tới "cổng đỏ" đã có người đón, đưa tôi vào tận nhà riêng. Trong cái se lạnh đầu mùa, dưới màn mưa bụi, ngôi nhà ẩn kín giữa vòm cây lá càng thêm tĩnh lặng. Căn phòng rộng, chỉ có hai người. Anh Năng đang đọc tài liệu cho Bác nghe.

Thấy tôi vào, anh Năng ngừng đọc, giới thiệu tôi với Bác. Đã lâu không gặp, tôi thấy Bác đã yếu nhiều. Bác bảo tôi kéo ghế sát gần lại. Nắm chặt tay tôi, Bác nói:

- Tôi đã đọc báo cáo của anh. Hoá ra với tôi, anh là một người thân, sao bây giờ anh mới đến?

Tôi chưa kịp trả lời thì Bác đã mỉm cười, nói tiếp:

- À, mà tôi cũng biết rồi. Đó là cái máu "đồ Nghệ" của các anh ! Thôi, bây giờ tôi hỏi: Anh cần tôi giúp gì không?

Tôi xúc động quá ! Nắm bàn tay Bác, tôi thấy hơi nóng của Bác sưởi ấm lòng mình.

- Thưa Bác, em chỉ gửi để Bác biết mà thôi, chứ không đề nghị gì cả. Việc này sẽ có cơ quan chức năng giải quyết.

- Cần gì thì cứ nói, đừng ngại.

- Thưa Bác, không có gì đâu ạ ! Bác tuổi đã cao, xin bảo trọng.

- Thôi được. Thế thì ta nói chuyện vậy. Chị Loan nay ở đâu?

- Thưa, chị Loan và anh Phượng đều đã mất.

Bác Tô im lặng một lúc, rồi nói:

- Hồi ở Huế, tôi có đến nhà ông cụ sinh ra anh. Có lần đến ăn cơm cùng với Hồ. Nhà tranh nhưng chung quanh có vườn.

Quay sang anh Năng, Bác giải thích:

- Có vườn không phải là giàu đâu nhé ! Ở Huế hồi ấy, nhà nào cũng có vườn cả.

Tôi thưa với Bác:

- Bà nội em và bà nội của các anh chị Loan, Phượng, Hồ, Phú, Danh là hai chị em ruột. Các anh chị bên họ Trần đều lớn lên dưới mái nhà tranh ấy.

Bác nói:

- Tôi biết ông cụ anh là người hào hiệp, giúp đỡ bà con. Tôi cùng ra học Trường Bưởi và sau đó cùng hoạt động với Hồ ở Sài Gòn. Hồ thông minh, hăng hái, đỗ hai bằng tú tài Tây và tú tài bản xứ, rồi vào Sài Gòn dạy học. Tiếc quá hồi ấy bị khủng bố, Hồ sang Trung Quốc, nghe đâu bị chết trên đường đi. Tôi đã cố tìm, nhưng không biết gì thêm.

Sau một phút lặng im, Bác tiếp:

- À, mà anh có biết vụ Barbier là gì không?

- Thưa, em đọc sách nhưng chỉ biết có cái tên thôi ạ !

Bác bảo:

- Nó là thế này: Hồi ấy, có một nữ đồng chí hoạt động ở Sài Gòn bị lộ. Đoàn thể gửi đến giấu ở nhà một đồng chí nam ở phố Barbier. Trong khi ở chung, đồng chí nam đã có hành động cưỡng hiếp, bị đồng chí nữ tố cáo. Đoàn thể thi hành kỷ luật hơi quá tay. Vụ việc biến thành án mạng ! Mật thám Tây đã theo dõi từ trước, vin cơ ấy vây ráp, khủng bố. Nhiều đồng chí ta bị bắt. Nhiều đồng chí khác phải chạy ra ngoài... Đây là một việc đau lòng, gây tổn thất lớn cho Đảng. Các anh sau này cần biết rõ để tránh...

Câu chuyện thật thân mật và bổ ích.

Nhìn đồng hồ đã gần trưa. Tôi xin phép chụp ảnh lưu niệm. Đồng cảm trong không khí thân tình, anh Năng giúp bấm liền cho bảy kiểu ảnh.

Tôi đứng lên nói lời từ biệt. Bác còn dặn với:

- Nhớ thỉnh thoảng đến chơi. Ta nói chuyện tào lao cho vui !...

Một năm sau, ngày 23 tháng chạp năm Mậu Dần (1998), tôi cùng bà chị họ vợ của anh Phượng, 85 tuổi, cùng các cháu mang hoa đến chúc Tết Bác Tô. Tại phòng khách, Bác mời chị tôi ngồi ngang với Bác, ân cần hỏi thăm sức khỏe, gia đình. Ở tuổi ngoại 90 mà Bác vẫn nhớ đến từng chi tiết. Và như mọi lần Bác hỏi:

- Có gì cần tôi giúp đỡ không?

Câu trả lời của chúng tôi vẫn là: Không ạ !

Nhớ lời Bác dặn, tôi định nói đôi ba câu "chuyện tào lao", nhưng lại thôi, chuyện tiêu cực xã hội sẽ làm Bác không vui. Chỉ xin tặng Bác mấy cuốn sách do tôi viết, trong đó có cuốn "Sự nghiệp và tư tưởng quân sự của Chủ tịch Hồ Chí Minh" vừa được giải thưởng của Bộ Quốc phòng và cuốn "Điện Biên Phủ - Lắng đọng và suy ngẫm". Bác Tô vui vẻ nhận và nói:

- Tôi bây giờ mắt không đọc được, nhưng sách này sẽ có người đọc cho tôi nghe.

Một đoàn khách vừa đến đang ngồi đợi ở phòng bên. Chúng tôi cáo biệt ra về. Có ngờ đâu đây lại là lần gặp cuối cùng !

Được tin Bác Tô mất, tuy không đột ngột, nhưng vẫn thấy thất lòng. Lại thêm một người học trò xuất sắc của Bác Hồ về cõi vĩnh hằng. Tôi không còn được đến thăm và "nói chuyện tào lao" nữa !

Tưởng nhớ Bác Tô, một người Anh, một Trí tuệ, một

nhà Cách mạng kiên cường, tự đáy lòng tôi viết mấy vần
thơ kính viếng:

*Trọn đời theo Bác, vì Dân - Nước
Quên mình tranh đấu, nặng lo toan
Trí tuệ lung linh ngời tâm huyết
Thiên Bút¹ trang xanh tạc nét vàng.*

1. Núi Thiên Bút (Bút Trời) ở Quảng Ngãi.

PHẠM VĂN ĐÔNG, MỘT NHÂN VẬT LỊCH SỬ HIỆN ĐẠI CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM

Phạm Nhớ

Trước Cách mạng Tháng Tám 1945, mặc dù là người cùng quê tham gia cách mạng từ năm 1943, nhưng tôi chưa được biết Anh.

Cách mạng Tháng Tám thành công, tôi thoát ly làm cách mạng, lúc làm công tác ở địa phương, lúc phải đi những vùng bị chiếm Tây Nguyên, hay làm bộ đội ở cực Nam Trung Bộ. Sau ngày hoà bình lập lại trên miền Bắc, tôi tình nguyện ở lại miền Nam bám dân, bám đất, hoạt động cho đến năm 1975, nhiều năm làm cán bộ lãnh đạo, đã có lúc quyên Bí thư Tỉnh uỷ. Thế mà tôi chưa được hiểu nhiều lắm về Anh.

Chỉ biết được Anh là con người của quê hương Quảng Ngãi, huyện Mộ Đức nơi sản sinh nhiều con người có vai trò lịch sử qua các thời kỳ như Nguyễn Bá Loan trong phong trào yêu nước Cần Vương từ những năm 1885, rồi đến phong trào chống thuế 1908; Nguyễn Thiệu là một trong những người tham gia rất sớm vào Hội Việt Nam Cách mạng Thanh

* Nguyên Phó ban Tuyên huấn Khu V, Trưởng ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng tỉnh Nghĩa Bình.

niên, người có mặt trong việc hợp nhất ba tổ chức cộng sản thành Đảng Cộng sản Việt Nam.

Từ khi được đảng bộ giao làm từ Phó ban đến Trưởng ban Nghiên cứu lịch sử Đảng của tỉnh, tôi có điều kiện và trách nhiệm tìm hiểu về Anh - một con người có vai trò lịch sử chẳng những đối với đất nước và đã từng góp phần xây dựng Đảng bộ tỉnh nhà. Nhiều lần tôi đã trực tiếp hỏi Anh về các vấn đề lịch sử của đảng bộ mà Anh đã góp phần xây dựng hay đã biết. Anh rất chân tình, niềm nở và giúp đỡ tôi nhiều hiểu biết và quan điểm về những điều ấy.

Trong kháng chiến chống Pháp, Anh đã từng là Bộ trưởng Bộ Tài chính của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, chính phủ đầu tiên khi dân tộc ta giành được độc lập do Bác Hồ làm Chủ tịch nước. Anh làm Trưởng phái đoàn Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đàm phán với Chính phủ Cộng hoà Pháp (năm 1946). Từ cuối năm 1946 đến đầu năm 1949, Anh là đại diện của Trung ương Đảng và Chính phủ tại miền Nam Trung Bộ. Ở đây Anh đã góp phần lớn vào việc tổ chức cuộc kháng chiến ở miền này - Anh quan tâm nhiều vào việc xây dựng Đảng, đào tạo cán bộ, chinh phục thân sĩ trí thức để mở rộng mặt trận đoàn kết dân tộc. Anh là người chủ trì nhiều lớp học để nâng cao trình độ chính trị cho cán bộ. Tôi đã cùng anh em trong tỉnh dự nhiều lớp học do Anh giảng dạy. Anh đề xuất phong trào sản xuất tự túc; cho ra tờ bạc tín phiếu; mở các Trường Trung học bình dân, Tiểu học bình dân. Anh đã viết bài cho báo chí nhất là cột chĩnh phong để giáo dục về ngôn phong, tác phong, phong cách cho cán bộ phải làm được vai trò người đày tớ cho nhân dân. Vai trò của Anh ở miền Nam Trung Bộ lúc bấy giờ được xem như người Anh cả trong miền và thật sự là người có vai trò quyết định

trong nhiều vấn đề thuộc về đường lối, chính sách trên tất cả các mặt.

Thế rồi, Anh lại về Trung ương, tham gia vào Trung ương Đảng, làm Phó Thủ tướng, rồi Thủ tướng, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, là một Ủy viên Bộ Chính trị của Trung ương Đảng là một trong những nhà lãnh đạo của Đảng đã góp sức làm nên những thắng lợi vĩ đại của sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc của dân tộc trong thế kỷ XX. Anh còn là một nhà văn hoá, một nhân cách lớn. Có lẽ, Anh là một người làm Thủ tướng lâu nhất trong các chính phủ trên thế giới này như các nhà chính trị trên thế giới đã từng đánh giá như vậy. Uy tín Anh rất cao. Vai trò thực tế của Anh đối với Bộ Chính trị, với Trung ương Đảng, với Chính phủ và đối nội cũng như đối ngoại là rất lớn.

Rõ ràng Anh là một nhân vật lịch sử của đất nước ta trong thời hiện đại. Nhân cách của Anh đã được mọi tầng lớp nhân dân, các nhà trí thức trong và ngoài nước kính trọng. Anh là người học trò xuất sắc của Bác Hồ.

Có một lần tôi hỏi về năm tháng Anh tham gia vào Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và thời gian Anh được đi học ở Quảng Châu do Bác Hồ trực tiếp huấn luyện. Anh đi đường nào? Về lúc nào? Tôi biết Anh là một trong những người đã từng học ở Hà Nội là người Quảng Ngãi sớm tham gia cách mạng, vào Đảng Cộng sản. Đó là: Trương Quang Trọng, Nguyễn Thiệu và Phạm Văn Đồng - những "sĩ phu cộng sản" - cái tên gọi của những nhà nghiên cứu lịch sử Mỹ.

Anh tâm sự: "Chuyện cũng bình thường thôi. Mình đang học ở Trường Bưởi. Năm ấy có cuộc vận động để tang cụ Phan Châu Trinh, học sinh, sinh viên lúc này tham gia bãi khoá. Mình đã cùng các anh Trọng, Thiệu cùng tham gia phong trào này. Thế rồi sau đó, mình được tổ chức tin cho đi

học ở Quảng Châu. Ai là người tin cho mình đi, mình cũng không nhớ nữa. Thế rồi, mình cùng anh em đi ra ga xe lửa đúng hẹn để lên đến biên giới. Đi cũng bình thường cũng không phải lén lút gì cả. Đi sang biên giới thì phải cẩn thận một chút!".

Tôi nói: Lúc này Anh sang biên giới trong ban đêm - địch đang dò xét ở biên giới. Trong đêm ấy, có đoàn đi học ở Quảng Châu về nước. Anh nói "Cái đó mình không biết".

Năm ấy là cuối năm 1926. Anh đi lớp sau Trần Phú, trước lớp của Nguyễn Thiệu. Lớp học của Anh dài ngày hơn, có đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Pháp đến thăm. Anh đã đại diện cho lớp học, để phát biểu: "Cách mạng Việt Nam đọc lời chào mừng Đoàn đại biểu"¹.

Về hoạt động ở Nam Bộ, Anh trở thành Bí thư Kỳ bộ của Nam Kỳ. Tháng 5 năm 1929, Anh được cử làm trưởng đoàn cùng với hai đại biểu của Kỳ bộ Nam Kỳ và 12 đại biểu khác (4 của Trung Kỳ, 4 của Bắc Kỳ, 1 của Xiêm và 3 đại biểu của Tổng bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên dự họp tại Đại hội ở Hương Cảng bàn việc tổ chức Đảng). Trong 15 đại biểu dự Đại hội này đã có 4 đại biểu người Quảng Ngãi ở các Kỳ bộ khác nhau tham dự. Đó là Phạm Văn Đồng ở Kỳ bộ Nam Kỳ; Nguyễn Thiệu, Trương Quang Trọng là hai đại biểu của Kỳ bộ Trung Bộ; Võ Tòng đại biểu của phân bộ Xiêm.

Đại hội đã không đi đến thống nhất về việc xây dựng tổ chức Đảng. Các đoàn đại biểu đã trở về nước. Anh Nguyễn Thiệu, Trương Quang Trọng, Nguyễn Sĩ Sách trưởng đoàn đại biểu của Kỳ bộ Trung Kỳ đều có về Quảng Ngãi, và sau đó, Anh vào Nam Kỳ đã bị bọn Pháp bắt đưa đi đày ở Côn Đảo vào tháng 7 năm 1929 trước khi có tổ chức An Nam

1. Thép mới: *Thời dựng Đảng*.

Cộng sản Đảng ra đời. Điều đó cũng giải thích những băn khoăn mà nhiều người chưa hiểu vì sao đến nay Đảng ta đã có 70 tuổi Đảng mà Anh, một người tham gia rất sớm vào Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên lại có tuổi Đảng ít hơn. Ra tù từ những năm 1936, khi Mặt trận Bình dân ở Pháp lên nắm chính quyền, Anh có về quê và sau đó ra Bắc bắt nối liên lạc với Đảng để hoạt động, nhất là những năm đầu Bác Hồ về nước (1940-1941) cho đến ngày tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám 1945.

Những việc Anh đảm nhận khi nhân dân ta giành được chính quyền sau Cách mạng Tháng Tám, trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, cứu nước, và sau khi nước nhà đã giành được thắng lợi hoàn toàn, thống nhất tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội đến ngày Anh về bên kia thế giới để được gặp Bác Hồ, người thầy kính yêu của mình nhiều người Việt Nam ta và thế giới biết khá rõ.

Ở đây chỉ xin nói về tấm lòng của Anh đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh- người thầy vĩ đại mà Anh luôn hết lòng ngợi ca và học tập.

Anh đã viết nhiều tác phẩm nói lên những điều Anh đã học tập được ở Bác Hồ mà Anh coi là "người Việt Nam hơn người Việt Nam nào hết". Anh viết: "Hồ Chủ tịch không có gì riêng, cái gì của nước của dân là của Người, quyền lợi tối cao của nước, lợi ích hàng ngày của dân là sự lo lắng hàng ngày của Người. Gia đình của Người là đại gia đình Việt Nam".

Anh đã tâm niệm lời của Bác: "Những bài học chính đời sống cách mạng của tôi là tuyệt đối và hoàn toàn cống hiến đời mình cho sự nghiệp giải phóng và thống nhất Tổ quốc, sự nghiệp giải phóng giai cấp công nhân và dân tộc bị áp bức, cho sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội, cho sự hợp tác anh em và hoà bình lâu dài giữa các dân tộc"...

"Học Hồ Chủ tịch là học "Cần - Kiệm - Liêm - Chính".

Chữ Cần chữ Kiệm của Hồ Chủ tịch, dân ta phải học vì đó là hai công đức làm nền tảng cho đời sống công cộng của chúng ta. Liêm chính trong cử chỉ và hành động, đối với đồng tiền, đối với công việc - liêm chính đối với láng giềng, đối với làng xóm, đối với quốc dân.

Cần kiệm liêm chính là đặc điểm của một xã hội hưng thịnh, những điều trái lại là đặc điểm của một xã hội suy vong".

- "Học Hồ Chủ tịch chúng ta học gì? học trung với nước, hiếu với dân".

Suốt đời Hồ Chủ tịch dạy chúng ta câu ấy và còn dạy mãi chúng ta câu ấy, không bao giờ xong. Về phần chúng ta, lâu nay chúng ta đã học câu ấy, từ nay về sau còn học mãi câu ấy, không biết bao giờ xong. Bởi vì ngày nào nước Việt Nam còn, dân Việt Nam còn thì chúng ta còn học, tận trung với nước chí hiếu với dân.

Trung với nước, hiếu với dân là học làm cho đất nước độc lập và phú cường, dân tự do và hạnh phúc. Và dân có tự do và hạnh phúc thì nước mới độc lập và phú cường. Ngày nay nước lo dân, dân lo nước. Hồ Chủ tịch đã dày công phu dạy chúng ta câu ấy, cho nên quyết không có sức mạnh nào và mảnh khoé gì có thể làm cho chúng ta sai đường lạc lối".

Anh Phạm Văn Đồng luôn nhắc nhở mọi người phải học tập tấm gương đạo đức cách mạng của Bác Hồ: "Chúng ta phải biết coi trọng hơn nữa việc giáo dục đạo đức cách mạng cho đảng viên, cho chiến sĩ, cho thanh niên, cho nhân dân lao động, cho mọi người theo lòng mong muốn của Hồ Chủ tịch. Đạo đức học phải trở nên một ngành khoa học xã hội mà những người có trách nhiệm phải đi sâu nghiên cứu chuyên cần hơn nữa. Nó cũng phải trở nên một ngành học không thể thiếu được trong các trường đại học và phổ thông. Các cơ quan tuyên huấn phải quán triệt nó trong hoạt động của

mình. Mục đích và nội dung của cách mạng tư tưởng phải xuất phát từ đó và cuối cùng phải đi đến đó".

Và chính Anh đã học tập và làm theo lời Bác. Có thể nói Anh là một trong nhiều người lãnh tụ của Đảng ta đã góp phần phát triển tư tưởng của Bác - tư tưởng Hồ Chí Minh.

GHI NHỚ MÃI NHỮNG LỜI ANH PHẠM VĂN ĐỒNG

*Nguyễn Hồng Sinh**

Cố hương Anh và tôi chỉ cách nhau một cánh đồng.

Tôi với Anh sinh ra vào năm Ngọ - chênh nhau một giáp, nhưng lại đi chung một con đường:

- Bính Ngọ trước (1906), Anh ra đời, rồi đi cứu nước,
- Mậu Ngọ sau (1918), tôi lọt lòng, rồi tiếp bước theo Anh.

Tôi đi theo Anh suốt cả cuộc trường chinh chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ cho đến lúc:

Anh đã nhắm mắt đi xa

Tôi ngồi viết, đã tám ba tuổi đầu

Tôi được may mắn nghiên cứu tập gia phả của Phạm tộc đối chiếu với *Đại Việt sử ký toàn thư, Đại Nam nhất thống chí, Quốc triều chính biên* quyển thứ nhất, để khảo sát biên tập "Phạm tộc thế phả" kể từ Tiến sĩ Phạm Nhữ Tăng năm 1471 từng chinh với vua Lê Thánh Tông vào khôi phục vùng đất Nam Trung Bộ về với quốc gia Đại Việt, rồi hồi triều làm Phụ chính tướng phủ (Thủ tướng) đến Cử nhân Phạm Văn Nga

* Hội trưởng Hội văn hoá truyền thống tại Nha Trang, Trưởng ban Ban liên lạc đồng hương Quảng Ngãi - Bình Định tại Khánh Hoà.

(cha Phạm Văn Đồng) làm thị giảng học sĩ là 14 đời, có 6 tiến sĩ, 22 cử nhân, 13 văn quan, võ tướng nhà Tây Sơn.

Tuy sinh ra trong một gia tộc như vậy nhưng Phạm Văn Đồng hồi nhỏ ít được gần cha, được mẹ và chị dâu cả là Trịnh Thị Huyền Trâm dưỡng dục. Anh quan hệ tốt với anh em họ hàng, xóm giềng, nhất là sau giờ học ra chơi đùa với đám trẻ chăn bò, cắt cỏ, thả diều, nói diều hay, làm việc tốt với bà con cấy cày ở đồng ruộng, nên người đương thời hay gọi là "Anh Tám Đồng đen".

Hồi nhỏ Tám Đồng học chữ Nho với ông thầy đồ cùng làng, nổi tiếng thông minh.

Lớn lên ra học ở Trường Quốc học Huế, rồi ra Hà Nội học ban tú tài ở Trường Bưởi cùng bốn người khác¹. Năm 1924, Phạm Văn Đồng cùng với Trần Phú và Hà Huy Tập lập ra Hội học sinh ái hữu Trung Kỳ theo xu hướng tiến bộ. Đến Tết Ất Dậu, về vui xuân đứng vào đầu năm 1925, "năm anh tú" ấy lại họp với những người cùng học ở quê trước đó và được nhà chí sĩ yêu nước Trần Kỳ Phong từ Côn Đảo về hướng dẫn cho chuyển từ Hội thiếu niên ái quốc sông Trà (cũng do năm anh tú đất Cẩm Thành lập vào năm 1923) và Hội học sinh ái hữu Trung Kỳ thành "Cộng ái Đảng" làm theo chủ nghĩa Mác - Lênin, Cách mạng Tháng Mười Nga và tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc. Năm 1970, nhân khảo biên tập "Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Nghĩa" (1925-1945), tôi hỏi lại vấn đề trên thì Anh bảo:

- Hồi đó tụi mình hăng lắm, chỉ đòi lập Đảng Cộng sản, nhưng cụ Trần Kỳ Phong chỉ ra rằng: Nước mình xưa nay có

1. Bốn người là: Trương Quang Trọng, Lê Ngọc Thụy, Nguyễn Thiệu, Nguyễn Đức Thống.

truyền thống ái quốc, cho nên phải lấy ái quốc làm gốc còn cộng sản dần dần ghép lại thành "Việt Nam Cộng sản ái quốc Đảng". Nhưng để tránh tai mắt của địch cần lợi dụng bốn chữ "công bằng bác ái" của chúng, thành cái vỏ bên ngoài là "Cộng ái Đảng" là vậy đó.

Sau khi gia nhập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, Phạm Văn Đồng được đưa sang học chính trị tại Quảng Châu (Trung Quốc), sau về dạy học ở Trường tư thực do Huỳnh Khương Ninh (Văn Trợ) mở ở Tân Định (Sài Gòn), rồi vận động lập Đảng Thanh niên Cách mạng Nam Kỳ do anh làm Bí thư Kỳ bộ. Năm 1929, Anh được cử đi dự Đại hội Thanh niên Cách mạng tại Hương Cảng. Chẳng bao lâu sau khi trở về Anh lọt vào tay giặc. Trong địa ngục Côn Đảo, Anh luôn nghiên cứu và giảng dạy chủ nghĩa Mác - Lênin cho các bạn tù.

Năm 1936, tôi được kết nạp vào Đảng, Anh Phạm Văn Đồng cũng vừa ra tù. Các anh trong Tỉnh uỷ Quảng Ngãi cùng làng Thi Phổ cũ như các anh Trần Lương, Trần Huy đến thăm và trao đổi vài ý kiến cần thiết. Anh cười khà khà và từ tốn bảo:

- Mình mới ở tù về, đã liên hệ được gì với thượng cấp đâu mà góp? Trầm ngâm một lát Anh tiếp: Nhưng theo tôi nghĩ Đảng ta hồi còn bí mật như cái năm gọi là "Năm Cộng sản (1930)", đồng bào chưa hiểu gì lắm mà kéo cả làng đấu tranh với địch bất kể tan cửa nát nhà hay tù đầy sinh tử gì, chỉ vì lời của Đảng hợp với nguyện vọng độc lập - tự do - nam nữ bình quyền, người thợ có công xưởng, người cày có ruộng, bãi xâu, giảm thuế... Người Cộng sản luôn dám xung phong đi đầu gương mẫu trong mọi việc. Hồi đó chưa có mặt trận mà như vậy. Bây giờ lập Mặt trận Dân chủ hoạt động công khai dưới sự lãnh đạo của Đảng lại càng phải cẩn trọng cảnh giác,

dề phòng tả, hữu khuynh theo kiểu của bọn tởtkít, hay bọn hoạt đầu, giả danh cộng sản kiểu AB đoàn... ảnh hưởng đến phong trào chung. Cũng như việc đón phái bộ Chính phủ Bình dân Pháp sắp tới chẳng phải là kêu xin cầu khẩn, mà cái chính là biểu dương lực lượng của ta vậy.

Chuyện trò hồi lâu, rồi Anh dẫn ra Huế gặp đồng chí Phạm Văn Lưu - Hải Triều... rồi bảo nhỏ là trước tiên tìm gặp cho được "ông thầy chùa mũi trâu" (đồng chí Bùi San ở chùa Từ Đàm) ắt sẽ rõ hết... Qua đó, tôi cùng anh Trần Long cùng ở trong Ban Tuyên truyền của Tỉnh uỷ ra Huế làm đúng lời Anh dặn. Cũng như trong cuộc gọi là đón tiếp ấy vào đầu năm 1937, có hơn 30 ngàn người khắp các nơi kéo về tỉnh lỵ với khí thế bùng bùng, băng, biểu ngữ la liệt, hàng ngũ nghiêm trang, khiến cái "phái bộ" ấy do Gôđa dẫn đầu buộc phải xuống xe đi bộ từ đầu cầu Trà Khúc, tay vẫy mũ chào cho đến tỉnh đường Quảng Ngãi.

Hơn 10 năm sau, tôi mới gặp lại Anh. Đó là đầu năm 1947, khi tôi được phân công chỉ đạo việc tổ chức cuộc mít tinh toàn tỉnh Bình Định tại rạp chiếu bóng Đập Đá (xã Nhơn Hậu, huyện An Nhơn) để đón vị đại diện Đảng và Chính phủ tại miền Nam Trung Bộ. Tưởng là ai, lại là Anh Tám Đồng mà tôi hằng ngưỡng mộ, lúc này mọi người thân mật gọi "Anh Tô". Liên sau đó, Anh trực tiếp mở lớp về Đảng đầu tiên cho cán bộ lãnh đạo chủ chốt của tỉnh này trong thành cổ Bình Định.

Tôi còn nhớ rất rõ, sau mấy ngày giảng bài, Anh cầm quyển "Đảng với quần chúng" và nói: Cả nước ta ví như một đoàn tàu hoả đang lao về bến vinh quang thì Đảng là người cầm lái, quần chúng tích cực cách mạng là đầu máy, còn toàn thể đồng bào là các toa tàu. Ba cái đó, nếu thiếu cái nào thì đoàn tàu không thể chạy được, nhất là người cầm lái. Cho

nên Đảng phải mạnh, đảng viên phải trong sạch và gương mẫu đi đầu. Ngừng một lát, Anh lấy đầu ra mấy hạt muối và lọ dầu dừa đưa lên trước mặt và tiếp: "Đảng viên ví như hạt muối này là từ nước biển kết tinh mà thành, rồi khi cần nó cũng dễ hoà tan trong nước. "Đó là quần chúng hoá". Nếu không chẳng khác chi ve dẫu này, chỉ nổi bồng bênh loang lổ nổi trên mặt nước thì quả có hại cho bản thân đảng viên và chung cho Đảng, cho cách mạng vậy. Các đồng chí luôn nhớ lấy, nghen!"

Tiếp đến, Anh mở lớp chỉnh phong tại Trung Lương (thị trấn Bông Sơn - Bình Định) cho cán bộ Liên khu V và Nam Bộ. Qua thảo luận hào hứng, cuối cùng Anh nhắc lại:

- Bây giờ ta không thể nói mãi câu: "thế giới chia làm hai phe với bốn mâu thuẫn" như hồi mới giành chính quyền được. Phải nói sao cho thiết thực, ngắn gọn, dễ nghe, dễ hiểu, dễ nhớ nhất là nói và làm đúng người, đúng việc, đúng chỗ, đúng lúc, đúng mức, đừng có bạ đâu nói đó cho hả hơi sướng miệng...

Trước khi trở về Trung ương (1948) Anh mở tiếp lớp học về công tác dân vận. Sau mấy ngày thảo luận, Anh bèn lấy thực tiễn làm thành bài học công tác dân vận, bằng cách nghe báo cáo về phong trào sản xuất tập thể ở Quảng Nam, báo cáo về Hội đồng canh ở Quảng Ngãi, và nghe tôi báo cáo về phong trào Luân canh đội (Hội đổi công) của nam nữ nông dân Đội thanh niên xung phong sản xuất; Hội tương tế - trợ tá của phụ lão tỉnh Bình Định, nhất là ở Hoài Ân.

Ngồi sau ngọn đèn dầu dưới ánh trăng, Anh chăm chú lắng nghe, rồi ghi lại một hàng chữ đỏ trên tờ giấy kẻ ô vuông cách một khoảng trống khá rộng. Sau nửa đêm thao thức, vào sáng hôm sau, Anh kết luận và nhấn mạnh:

- Sở dĩ nhân dân đã tiêu trừ được giặc đói, xoá bỏ được

giặc đốt, đẩy lùi được giặc ngoại xâm theo đúng chủ trương của Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhờ có tổ chức đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng. Nay bước vào giai đoạn cầm cự với địch thì ta vừa kháng chiến vừa kiến quốc, vừa xây dựng đời sống văn hoá mới, bằng phong trào thi đua yêu nước mạnh mẽ hơn nữa. Ngẫm nghĩ một lát, Anh tiếp: Về thực hiện đời sống mới, loại bỏ các tệ hại cũ như phù phép, đồng bóng, bày ra việc cúng tế, ăn uống linh đình, cản trở công việc chung trước mắt, chứ không phải loại bỏ tất cả nền văn hoá truyền thống của dân tộc. Cho nên, sau ngày giành được chính quyền chẳng bao lâu, mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra Pháp lệnh 25, ký ngày 25 tháng 11 năm 1945 về bảo tồn và phát huy đúng mức các di tích văn hoá truyền thống. Vậy mà vì hiểu sai nên có người đã làm bậy như bắt người nhà phá bỏ bàn thờ tổ tiên, ông bà, cha mẹ của mình, hay triệt hạ cả đình chùa, miếu vũ gây ra sự hiểu lầm không đúng, không đáng vậy.

Những lời dạy bảo ấy, tôi còn nhớ đến bây giờ.

Mãi đến năm 1955, tôi tập kết ra Bắc, lại được gặp Anh lúc này là Thủ tướng Chính phủ, còn tôi là Bí thư Đảng kiêm Phó Chủ nhiệm trực của Liên hiệp xã Thủ công nghiệp Trung ương, Trưởng ban Nghiên cứu lịch sử Đảng kiêm thường trực Ban liên lạc đồng hương tỉnh Quảng Ngãi tại Hà Nội. Những lần họp về ngành và đồng hương, Anh thường tới dự.

Sự có mặt của Anh làm cho các cuộc họp vui vẻ, hào hứng và hết sức thân tình.

Điều mà mọi người đều cảm nhận, đó là với Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh Tô tôn trọng đến mức kỳ lạ, nhất nhất đều nhắc đến Người. Ngay khi tôi đưa tập "Thơ văn yêu nước - Cách mạng Quảng Nghĩa" do tôi sưu tầm và khảo biên, nhờ Anh viết lời giới thiệu, Anh cũng lấy lời của Bác làm đầu:

*"Thơ xưa yêu cảnh thiên nhiên đẹp
Mây gió trăng hoa tuyết núi sông
Nay ở trong thơ nên có thép
Nhà thơ cũng phải biết xung phong"*

để giới thiệu tập thơ.

Với đồng chí, đồng hương, Anh Tô luôn gần gũi giúp đỡ. Ai gặp khó khăn gì Anh luôn tận tình giúp, nhưng tuyệt đối không chấp nhận việc dựa thân, dựa thế cho bản thân họ tộc hay quê hương theo tư tưởng "gia đình chủ nghĩa" hay "địa phương chủ nghĩa".

Anh Tô là người thể hiện đạo đức "cần kiệm liêm chính, chí công vô tư" của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, mà tôi cũng như bao đồng bào, đồng chí mãi mãi ghi nhớ và noi gương.

Vĩnh biệt Anh, tôi xin có mấy vần thơ kính viếng:

*Giờ đây Anh đã về bên Bác
Sự nghiệp tương lai cậy trẻ hiền
Trải bao thế hệ thờ non nước
Ân tình trọn vẹn nghĩa quê hương.*

TƯỚNG NHỚ ĐỒNG CHÍ PHẠM VĂN ĐỒNG

*Nguyễn Phú Soai**

Nhân dịp kỷ niệm một năm ngày đồng chí Phạm Văn Đồng-Anh Tô thân thiết người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính mến - đã từ già cõi đời này để về bên Bác Hồ, tôi, một người học trò nhỏ của quê hương Anh, xin được ghi lại một vài kỷ niệm trong những lần tôi được may mắn tiếp xúc với Anh.

Trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, tôi chưa được biết Anh. Khi Cách mạng Tháng Tám thành công, được biết Anh qua chức danh Bộ trưởng Bộ Tài chính đầu tiên của Chính phủ lâm thời nước Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu, tôi mới nghe nói nhiều về Anh. Và tôi rất ngưỡng mộ Anh khi cầm lá phiếu tín nhiệm bầu Anh làm đại biểu Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (6-1-1946) mà Anh là người đứng đầu danh sách các đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Ngãi.

Hồi đó tôi còn trẻ, được các lớp đàn anh dìu dắt tham gia cách mạng trong những ngày đầu Cách mạng Tháng Tám, được tổ chức Đảng và nhân dân tín nhiệm giao cho nhiệm vụ

* Nguyên Phó Bí thư Tỉnh uỷ Quảng Ngãi, Quyền Trưởng đoàn đại diện Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam tại Hà Nội.

Thường trực Ủy ban hành chính huyện Bình Sơn. Vì vậy cuối năm 1946, khi cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân pháp xâm lược bùng nổ, đồng chí Phạm Văn Đồng được Bác Hồ và Trung ương cử vào làm Đại diện Trung ương Đảng và Chính phủ ở miền Nam Trung Bộ, tôi bắt đầu được tiếp xúc với Anh - người lãnh đạo mẫu mực và tài ba, người thầy lớn của chúng tôi - lớp trẻ chúng tôi hồi đó chỉ là những học trò nhỏ mới bước vào con đường cách mạng còn nhiều bỡ ngỡ và lúng túng.

Tưởng nhớ đến đồng chí Phạm Văn Đồng - Anh Tô kính yêu - trong thời kỳ đầu kháng chiến này là nhớ đến người lãnh đạo sáng suốt, nhìn xa thấy rộng; người có công lớn khai phá và đặt nền móng cho vùng tự do Liên khu V (Nam - Ngãi - Bình - Phú) phát triển toàn diện và vững vàng suốt chín năm kháng chiến trường kỳ.

Kỷ niệm đầu tiên ghi dấu ấn sâu sắc trong tâm hồn tôi là hình ảnh cương nghị và tính quyết đoán của Anh trong cuộc họp Tỉnh ủy mở rộng của Quảng Ngãi đầu năm 1947 bàn về chủ trương phụ thu kháng chiến bằng lúa. Dự cuộc họp gồm các đồng chí trong Tỉnh ủy, Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh, Bí thư Đảng đoàn chính quyền các huyện và lãnh đạo chủ chốt các đoàn thể của tỉnh. Tôi được triệu tập dự cuộc họp này với cương vị là Phó Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính huyện Bình Sơn. Cuộc họp được tổ chức tại toà sứ trong nội thành còn để lại sau chủ trương phá hoại triệt để, thực hiện "vườn không, nhà trống" lúc bấy giờ.

Mở đầu cuộc họp, đồng chí Phạm Văn Đồng nêu rõ ý nghĩa và thắng lợi của việc phát hành giấy bạc Ngân hàng Việt Nam trên toàn quốc thay cho tờ giấy bạc Ngân hàng Đông Dương. Tiếp đó đồng chí đề ra việc cần thiết phải chủ trương phụ thu kháng chiến bằng lúa. Đồng chí phân tích cơ

sở để giữ vững giá trị đồng bạc của mỗi quốc gia, những vấn đề lý luận về tiền tệ... từ đó cần nhận rõ chủ trương phải tổ chức phụ thu kháng chiến bằng lúa lúc này là yêu cầu bức xúc.

Thú thật, hồi ấy, những vấn đề đó đối với cán bộ chúng tôi là rất mới mẻ và lạ lẫm. Vì chưa hiểu biết sự cần thiết và bức xúc của vấn đề nên hầu hết cán bộ dự cuộc họp đều nói về những khó khăn của việc bảo quản thóc lúa. Cuộc tranh luận kéo dài đến khuya, một số đồng chí bắt đầu ngủ gà ngủ gật, có đồng chí núp dưới hương án của toà sứ cũ để tránh sự phát hiện của Anh Tô. Trong lúc đó đồng chí Phạm Văn Đồng vẫn kiên trì giải thích thắc mắc và bình tĩnh thuyết phục, nhưng số đông vẫn còn e ngại khó khăn, phức tạp. Đêm đã khuya, không khí càng căng thẳng. Đồng chí Nguyễn Trí, một cán bộ cách mạng lão thành, là đại biểu Quốc hội đứng lên phát biểu: Nếu đồng chí quyết thực hiện chủ trương đó thì đồng chí cứ ra Nghị định, chúng tôi sẽ thi hành, vì đồng chí là đại diện Trung ương!...

Không khí cuộc họp trở nên căng thẳng hơn. Đồng chí Phạm Văn Đồng đứng phát dậy, đập tay xuống bàn, lời lẽ đánh thép, tiếng nói đõng dạc hơn và thái độ kiên quyết hơn, nhưng vẫn bình tĩnh nói: Việc ra lệnh thực hiện thì quá dễ, vấn đề là các đồng chí có thông suốt chủ trương không! Có nhất trí không! Mọi người bưng tỉnh. Số đông đồng chí ngủ gật hoảng hồn ngồi bật dậy làm đổ cả đồ đạc bày biện trên hương án. Mọi người vừa buồn cười, vừa lo sợ, nhưng cố nén tiếng cười. Đồng chí Phạm Văn Đồng lướt nhìn quang cảnh, lấy đồng hồ quả quýt bỏ túi ra xem, rồi ôn tồn nói: Hội nghị chúng ta tạm dừng ở đây. Vấn đề này vì quá mới đối với chúng ta, nhưng là vấn đề rất bức xúc để bảo đảm giá trị đồng bạc ta vừa phát hành, đảm bảo cho cuộc kháng chiến lâu dài thắng lợi - nhất định là phải lâu dài - vì ta mới bắt

đầu tiến hành. Các đồng chí về suy nghĩ kỹ, chúng ta sẽ trở lại vấn đề này sau...

Tôi ra về mang theo nhiều trăn trở và suy nghĩ nhiều về vấn đề Anh Tô đã nêu trong cuộc họp. Về sau này thực tiễn đã chứng minh: nhờ thực hiện phụ thu kháng chiến bằng lúa, đến thu thuế nông nghiệp bằng lúa và hình thành hệ thống kho thóc khắp nơi mới đảm bảo được lương thực nuôi quân, cứu đói cho dân và giữ vững được giá trị đồng bạc Ngân hàng Việt Nam và đồng tin phiếu sau đó.

Nếu không có cái nhìn xa, trông rộng và những chủ trương sáng tạo, đúng đắn của Anh Tô thì kinh tế - xã hội Khu V lúc ấy không đứng vững và phát triển, đời sống nhân dân được ổn định trước sự đánh phá ác liệt và bao vây kinh tế nghiệt ngã của kẻ thù. Các đồng chí Nam Bộ ra hay các đồng chí ở Khu IV, Việt Bắc vào đều nói lên cảm tưởng về cuộc sống thoải mái của vùng tự do Khu V, quan hệ xã hội thắm đượm tình người. Kinh tế tuy tự cung, tự cấp nhưng phong phú, đa dạng, ăn đủ no, mặc đủ ấm, giấy bút cho con em học hành, thuốc men, chữa bệnh đủ dùng; vải Sita không những đảm bảo nhu cầu cho quân và dân trong khu mà còn chi viện cho Bình - Trị - Thiên. Mặc dù chiến tranh ác liệt, nhưng trong hai năm đầu của kháng chiến, Quảng Ngãi đã có hai huyện xoá xong nạn mù chữ, các huyện đồng bằng đều có một trường trung học cơ sở, tỉnh có Trường trung học cấp III Lê Khiết. Đồng chí Phạm Văn Đồng là người sáng lập và Hiệu trưởng danh dự Trường Trung học bình dân miền Nam Trung Bộ, một hình thức bổ túc văn hoá đầu tiên của nước ta sau này. Nhớ đến vùng tự do Nam - Ngãi - Bình - Phú là nhớ đến một xã hội đã mãn nguyện ước mơ của chúng tôi mà người chỉ đạo đầu tiên xây nền móng là đồng chí Phạm Văn Đồng kính mến.

TÌNH CẢM CỦA BÁC PHẠM VĂN ĐỒNG VỚI QUÊ HƯƠNG QUẢNG NGÃI

Lương Thiện

Sáng ngày 4 tháng 5 năm 2000, một ngày sau khi được tin Bác Phạm Văn Đồng vĩnh viễn ra đi, chúng tôi đã tìm về xã Đức Tân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi quê Bác Đồng. Đối với người dân vùng quê này, họ không thể nào tin nổi Bác đã ra đi mãi mãi.

Cách thời điểm này chừng hai tháng, người dân Quảng Ngãi dường như đã có linh tính không yên: Như thường lệ từ nhiều năm trước, cứ vào đầu tháng hai âm lịch, Bác Phạm Văn Đồng về quê ở lại từ một tuần đến mười ngày qua ngày mừng 2 tháng 2 âm lịch là giỗ mẹ và ngày 1 tháng 3 dương lịch là sinh nhật của Bác, nhưng không hiểu tại sao năm nay không thấy Bác về. Tuy vậy, ai cũng mong bình yên đến với Bác. Thế nhưng điều không lành của định mệnh đã xảy ra.

Tại ngôi nhà của Bác Phạm Văn Đồng, hiện là nơi thờ phụng hai cụ thân sinh ra Bác, anh Phạm Ngọc Đông - người cháu gọi Bác Đồng bằng ông thúc bá, tiếp chúng tôi và cho biết:

- Hồi nhỏ ông sống ở đây, sau đó lên ở và học tại nhà của người anh kế bên. Ngôi nhà này bị cháy trong kháng chiến, sau ngày giải phóng mới phục chế và chính thức làm lại vào

năm 1983. Hồi đó, gia tộc định làm ngôi nhà lớn hơn, khang trang hơn nhưng ông không cho, bảo rằng chỉ làm nhỏ để thờ phụng mà thôi.

Đối với người dân Quảng Ngãi, hầu như những ai được gặp Bác Phạm Văn Đồng đều lưu giữ những kỷ niệm thật sâu sắc về một nhân cách đạo đức mẫu mực, một chiến sĩ cách mạng suốt đời phụng sự vì dân vì nước. Mỗi lần về quê nhà, Bác đều đi đến các nơi, tập hợp nhân dân, tìm hiểu cụ thể công việc và đời sống; Bác đến Trường Trung học chuyên ban Trần Quốc Tuấn, Trường Cao đẳng sư phạm của tỉnh xem xét công việc giảng dạy và học tập của giáo viên, giảng viên, sinh viên học sinh... mà tựu trung là thế nào cho nhân dân no ấm, giàu mạnh. Ông Phạm Sy, nguyên Bí thư huyện Bình Sơn kể lại: "Lúc đó một cơn lốc xảy ra ở vùng biển chúng tôi, cướp đi nhiều người và tài sản, nghe tin này Bác Đồng đã về và xuống thăm họ. Trong buổi chiều hôm ấy gần cả ngàn người đã đến nghe Bác nói chuyện, nhiều người đã bật khóc. Chúng tôi hỏi vì sao khóc, họ nói rằng: "Tôi khóc không chỉ vì người nhà, gia sản bị biển cướp đi mà còn khóc vì xúc động được nghe Bác Đồng đến động viên, an ủi". Bản thân tôi được nghe Bác Phạm Văn Đồng nói chuyện năm 1998. Lần ấy, được hỏi về việc thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, tôi đứng lên báo cáo với Bác: Nhân dân Quảng Ngãi rất tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng... Vừa rồi có đến 99,3% cử tri đi bầu cử Quốc hội..."; Bác cắt ngang, hỏi lại: "Đồng chí nói thế có chắc không? Nhân dân không phản ứng thì tốt, cố gắng đừng để xảy ra những cái sóng ngầm mới đáng sợ, cho nên phải làm thế nào để thực hiện tốt quyền làm chủ của nhân dân". Đối với việc phát triển kinh tế, Bác cho rằng Quảng Ngãi tuy còn nhiều khó khăn nhưng thời cơ vạn hội có nhiều. Đó là công trình thủy lợi Thạch Nham đã

giải quyết được cái ăn cho nhân dân và khu công nghiệp Dung Quất tương lai sẽ đưa Quảng Ngãi thoát nghèo; đó là hai công trình trọng điểm mà Đảng và nhân dân cả nước đã dành cho Quảng Ngãi, đã mở ra cho Quảng Ngãi phát triển toàn diện; vấn đề phát triển nhanh hay chậm là do Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi quyết định. Bác đặc biệt chú trọng vấn đề phát triển công tác *giáo dục - đào tạo* nguồn nhân lực. Đối với khu công nghiệp Dung Quất, Bác Đồng nhấn mạnh, muốn phát huy được thì phải có trình độ dân trí, chuyên môn cao. Điều cuối cùng Bác đặc biệt quan tâm là công tác *xây dựng Đảng*, đó là yếu tố then chốt.

Cuối năm 1998, huyện Mộ Đức đón nhận danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Bác Phạm Văn Đồng không về dự được, đã viết thư cho Đảng bộ, nhân dân huyện, trong đó có đoạn: "... Tôi mong rằng toàn Đảng bộ và nhân dân huyện nhà với truyền thống anh hùng trong chiến đấu sẽ đoàn kết, nhất trí trên dưới một lòng, ra sức phấn đấu xây dựng huyện Mộ Đức trở thành một huyện giàu về đời sống vật chất, đời sống văn hoá, đời sống tinh thần; một huyện đẹp, thiên nhiên đẹp, xã hội đẹp, con người đẹp, làm tấm gương sáng cho các huyện trong tỉnh và trong cả nước".

Lần cuối cùng Bác Phạm Văn Đồng về thăm quê vào tháng 3 năm 1999, Bác lo những lần về sau này sẽ khó khăn, Bác đã gói gắm những điều tâm huyết nhất với Đảng bộ tỉnh, tập trung hai vấn đề chính: *Thứ nhất* là phải tăng cường khối đoàn kết, tăng cường tự phê bình và phê bình; động viên toàn dân, toàn Đảng phấn đấu làm trọn nghĩa vụ được giao. *Thứ hai* là cuộc sống cần cái mới, cán bộ phải đổi mới cách nghĩ, cách làm cho phù hợp với thực tế và tư duy đổi mới của nhân dân. Bác nhấn mạnh: "Làm đúng như vậy thì không gì mà không làm được".

BÁC PHẠM VĂN ĐỒNG VỀ THĂM QUẢNG NGÃI

Lê Tấn Toã

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Bác Phạm Văn Đồng là đại diện của Đảng và Chính phủ ở miền Nam Trung Bộ, có trụ sở làm việc tại Chợ Chùa, huyện Nghĩa Hành. Đến năm 1948, Bác về công tác ở Trung ương, giữ nhiều chức vụ quan trọng, rồi trở thành Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Thủ tướng Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Bộn bề công việc, sống xa quê hương, nhưng lúc nào Bác cũng quan tâm đến sự phát triển của Quảng Ngãi.

Tháng 11 năm 1974, tôi được cử đi dự một hội nghị và tham quan miền Bắc, lần đầu tiên trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước được gặp Bác tại nhà riêng. Bác hỏi thăm tình hình Quảng Ngãi, tình hình đấu tranh của nhân dân chống Mỹ-ngụy, tội ác của địch đối với đồng bào, đời sống của cán bộ, bộ đội, nhân dân vùng căn cứ và vùng giải phóng. Bác ân cần căn dặn Đảng bộ phải đoàn kết, phát huy cho được truyền thống anh hùng của quê hương, kiên quyết đấu tranh chống kẻ thù. Bác hứa khi nào Quảng Ngãi được giải phóng Bác sẽ về thăm.

* Nguyên Bí thư Tỉnh uỷ Quảng Ngãi.

Sau ngày tỉnh nhà giải phóng (24-3-1975), Bác gửi thư thăm hỏi. Tiếp đó, miền Nam được hoàn toàn giải phóng (30-4-1975), chúng tôi được tin Bác sẽ dẫn đầu đoàn công tác của Trung ương về thăm Quảng Ngãi.

Nhận được tin, Tỉnh uỷ và các ban, ngành đều vô cùng phấn khởi, nhưng cũng lo lắng. Quảng Ngãi mới giải phóng, công việc khắc phục hậu quả chiến tranh còn rất bộn bề; tình hình an ninh chính trị chưa thật ổn định; bọn nguy quân, nguy quyền còn lẩn trốn chưa truy quét hết, v.v.. Vì vậy, công việc chuẩn bị đón tiếp Bác, một nhà lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước, được tiến hành rất chặt chẽ, chu đáo.

Sáng 18 tháng 6 năm 1975, tôi được phân công cùng một số đồng chí trong Thường vụ Tỉnh uỷ ra đón Bác ở địa đầu tỉnh giáp với Quảng Nam. Đến 9 giờ chúng tôi đón đoàn của Bác, có các đồng chí Tỉnh uỷ Quảng Nam tiến đến địa điểm đã định. Bác xuống xe, chào hỏi, bắt tay thân mật các đồng chí Thường vụ Tỉnh uỷ, chào tạm biệt và cảm ơn các đồng chí Tỉnh uỷ Quảng Nam. Tôi mời Bác lên xe và ngồi cùng xe với Bác. Cùng đi với Bác lần này có đồng chí Nguyễn Duy Trinh - Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Ngoại giao, Nguyễn Thanh Bình - Bộ trưởng Bộ Thủy lợi và một số cán bộ cao cấp ở Văn phòng Thủ tướng. Trên xe Bác hỏi thăm tình hình Quảng Ngãi sau gần ba tháng giải phóng. Tôi báo cáo vắn tắt với Bác mấy điểm chính. Bác lắng nghe, theo dõi rất chăm chú.

Qua các cầu bị phá như cầu Phủ, Ô Sông, xe phải đi ngầm, lắc lư, chồm lên, giật xuống làm Bác ngả nghiêng. Đến đóc Trạm, thấy xác xe địch còn ngổn ngang, Bác hỏi đây là đâu, tôi báo cáo là trường Bà Gò, nơi xảy ra trận đánh ác liệt đêm 24 rạng ngày 25 tháng 3 năm 1975, ta diệt tại chỗ 600 tên địch, phá hơn 400 xe, bắt gần 2.000 tù binh địch, có cả bọn nguy quân của tỉnh. Bác hỏi đơn vị nào đánh. Tôi báo cáo là Trung đoàn 94 bộ đội địa phương của

tỉnh phối hợp với các đơn vị bạn đã lập công xuất sắc. Bác khen bộ đội ta đánh giỏi.

Về tới cơ quan Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh, các đồng chí trong Tỉnh uỷ, Ủy ban nhân dân cách mạng, Ủy ban Mặt trận dân tộc giải phóng tỉnh và các ban ngành đã chờ sẵn đón Bác. Vừa xuống xe, Bác ân cần bắt tay chào hỏi mọi người, sau đó về nghỉ tại cơ quan Ủy ban nhân dân tỉnh (nhà khách công vụ bây giờ). Đồng chí Nguyễn Duy Trinh về ở cơ quan Tỉnh uỷ (biệt thự Hoa Hồng - nay là Bảo tàng Cách mạng tỉnh Quảng Ngãi).

Chiều hôm đó, Bác làm việc với Tỉnh uỷ, Ủy ban nhân dân và nói chuyện với cán bộ các ban, ngành của tỉnh. Bác khen ngợi quân và dân Quảng Ngãi đã phát huy được truyền thống cách mạng của quê hương, đoàn kết, kiên quyết đấu tranh chống Mỹ-ngụy, trải qua bao hy sinh gian khổ, ác liệt đã giải phóng Quảng Ngãi một trong những tỉnh được giải phóng sớm ở duyên hải miền Trung. Rồi Bác ân cần thăm hỏi đồng bào, thăm hỏi các gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng. Bác dặn dò: "Tỉnh mới giải phóng, trước tiên phải lo khắc phục hậu quả chiến tranh, lo giải quyết đời sống cho dân, đưa dân về quê cũ làm ăn, chú ý việc tháo gỡ bom mìn, lo khai hoang vỡ hoá phục hồi sản xuất, làm thuỷ lợi, giao thông; khôi phục và mở thêm trường lớp để có chỗ cho con em học tập; chú ý vùng căn cứ và vùng giải phóng cũ; chăm lo phát triển y tế để chữa bệnh cho cán bộ và nhân dân; chăm lo củng cố và xây dựng bộ máy chính quyền cho đủ mạnh". Bác nhấn mạnh: "Giành được chính quyền là khó, mà giữ được chính quyền lại còn khó hơn", vì vậy cần phải củng cố quốc phòng an ninh, chú ý xây dựng dân quân tự vệ. Phải quan tâm chăm sóc giúp đỡ cho gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình bị địch tàn sát trong chiến tranh, giải quyết tốt chính sách đối với tù binh, hàng binh v.v..

Bác định đi thăm hai khu vực: Nhà máy đường Quảng Ngãi và cửa biển Cổ Lũy.

Thăm Nhà máy đường thì đường sá đi lại dễ, chỉ lo đi cửa Cổ Lũy đường sá khó khăn, phức tạp.

Thường vụ Tỉnh uỷ phân công đồng chí Nguyễn Nhâm - Phó Bí thư Tỉnh uỷ, Trưởng ban An ninh trực tiếp đi chuẩn bị. Chiều 19 tháng 6 năm 1975, tôi đưa Bác và đoàn lên thăm Nhà máy đường. Tại đây, các đồng chí trong Ban Giám đốc báo cáo tình hình phục hồi sản xuất nhà máy. Bác biểu dương và ân cần căn dặn phải quan tâm đến đời sống cán bộ, công nhân viên, phải bảo vệ máy móc chu đáo, phải đối xử tốt với chuyên gia nước ngoài. Bác đi xem từng khâu sản xuất, từ cung đoạn chạy ép mía đến ra sản phẩm. Bác hỏi có đủ nguyên liệu cho máy chạy không? Anh em báo cáo nguyên liệu chỉ đủ chạy hai tháng là hết. Có đồng chí phát biểu, sang năm tỉnh phải bớt diện tích lúa để trồng mía để đảm bảo nguyên liệu cho nhà máy. Bác cười và nói: "Chủ trương như vậy có khôn ngoan không? Vì mới giải phóng vấn đề lương thực là rất căng".

Cũng chiều 19 tháng 6 năm 1975, Bác cùng đồng chí Nguyễn Duy Trinh đi thăm cửa Cổ Lũy và đồn biên phòng. Trên đường xe đi Cổ Lũy, nhân dân đứng chật hai bên đường tiếp đón Bác. Đến đồn biên phòng Cổ Lũy, Bác bảo cho thuyền ra cửa Cổ Lũy để xem. Đồn biên phòng không có thuyền máy, phải dùng một chiếc thuyền máy của ngư dân đưa Bác đi. Ngồi trên thuyền, Bác giới thiệu với đồng chí Nguyễn Duy Trinh: Đây là "Cổ Lũy cô thôn" - một trong 12 thắng cảnh của Quảng Ngãi. Bác trò chuyện thân mật với chủ thuyền, hỏi thăm tình hình làm ăn sinh sống của nhân dân sau ngày giải phóng. Bác hỏi chủ thuyền: "Chú được mấy con?". Chủ thuyền thưa: "Cháu mới 6 con!". Bác cười và nói: "Chú định sinh thêm mấy đứa nữa". Rồi Bác giải thích: "Nên

hạn chế sinh đẻ, đẻ ít đẻ để điều kiện nuôi dạy con tốt hơn. Nước ta còn nghèo nên phải sinh đẻ có kế hoạch".

Thuyền ra cửa Cổ Luỹ một đoạn rồi quanh vào sông chạy dọc lên Hàm Long. Bác lên bờ cảm ơn chủ thuyền đã cho Bác một chuyến đi rất thú vị.

Trở về nhà khách, nghỉ ngơi, tắm rửa xong, tôi mời Bác đi ăn cơm.

Ở đây chị em phụ nữ ở thị xã biết Bác về thăm nên trở hết tài làm các món ăn để chiêu đãi Bác và đoàn. Có cá bống sông Trà, nem chả đầy một bàn. Bác nhìn qua và nói với tôi: *"Ta mời giải phóng, dân ta còn nghèo lắm, phải tiết kiệm. Lỡ bữa nay, sau đừng làm thế này nữa nhé"*. Đối với tôi lời Bác là một bài học nhớ đời.

Sáng 20 tháng 6 năm 1975, Bác về thăm quê (Đức Tân, Mộ Đức), còn đồng chí Nguyễn Duy Trinh đi thăm chùa Thiên Ấn và mộ cụ Huỳnh Thúc Kháng.

Về quê, thăm nơi chôn rau cắt rốn, nhưng ngôi nhà của Bác đã bị đạn bom đánh sập. Có người cháu họ gọi Bác bằng ông đang ở đó. Bác đốt mấy nén hương trên bàn thờ, hỏi thăm cô cháu gái, rồi đi ra mộ thắp hương cho ông bà nội, ông bà cụ thân sinh. Bác đọc kỹ lại các văn bia bằng chữ Hán trên mộ và trầm ngâm rất lâu.

Sau đó Bác gặp và thăm Huyện uỷ và Uỷ ban nhân dân huyện Mộ Đức. Bác nhắc nhở Huyện uỷ phải đoàn kết tốt, đẩy mạnh sản xuất, chăm lo đời sống cho dân, làm tốt công tác thuỷ lợi, giải quyết tốt vấn đề văn hoá xã hội, giữ gìn trật tự trị an. Cùng hôm đó, Bác đến thăm các cụ cách mạng lão thành như các đồng chí Trần Hàm, Trần Huy...

Từ Mộ Đức, Bác về lại tỉnh lỵ và sáng 21 tháng 6 năm 1975, Bác vào thăm tỉnh Bình Định.

Tôi nhớ mãi, ở đâu Bác Phạm Văn Đồng cũng dặn đoàn kết và tiết kiệm.

QUÊ HƯƠNG - NGÀY BÁC ĐI XA...

Ngọc Toàn - Thanh Hải

12 giờ sau khi Thông cáo đặc biệt báo tin đồng chí Phạm Văn Đồng qua đời được phát đi, chúng tôi về Mộ Đức - quê hương của Bác. Quốc lộ 1A từ thị xã Quảng Ngãi vào Mộ Đức sáng nay như thưa thớt người qua lại. Trời phương Nam như có gì đó u buồn. Dòng sông Vệ hồi cuối năm ngoái âm ào hung dữ là thế, giờ như trầm mình, u uẩn chảy. Người xưa nói: một con người mà khi sống tâm vóc họ gắn với vận mệnh của núi sông, dân tộc, thì khi về với cõi vĩnh hằng, cũng có cái gì đó gắn với hồn thiêng dân tộc. Giữa những ngày mà cả nước kỷ niệm 25 năm giải phóng hoàn toàn miền Nam, đồng bào và chiến sĩ cả nước vô cùng đau buồn trước tin Bác Phạm Văn Đồng kính mến đã vĩnh viễn ra đi...

Anh em phóng viên báo chí chúng tôi vinh dự nhiều lần được về Mộ Đức mỗi khi Bác Phạm Văn Đồng về quê nhà dâng hương tưởng niệm thân phụ và dòng tộc. Lần nào cũng vậy, Bác đều hướng ra phía cánh đồng bên nhà, nơi có hai ngôi mộ của các cụ thân sinh để thắp hương trước rồi mới trở về nhà lưu niệm. Sáng nay chúng tôi về lại nhà lưu niệm, như vẫn còn nghe văng vẳng đâu đây tiếng bước chân và giọng nói trầm ấm của Bác. Nghe tin Bác qua đời, vợ chồng anh Phạm Ngọc Đông, người cháu gọi Bác Đồng bằng ông

thúc bá, cùng các con anh vội về đơm bình hoa và thắp hương lên bàn thờ nhà lưu niệm. Rồi bà con chòm xóm kéo đến. Mỗi người một tay, dọn bàn thờ, thắp hương, đèn, lau chùi bàn ghế... Mọi người im lặng làm việc. Trên khuôn mặt mỗi người ẩn chứa nỗi buồn đau khôn tả. Chỉ vào tấm phản gỗ đặt ở phòng trong mà Bác vẫn thường về ngả lưng tạm mỗi khi thấy mệt, anh Đông nói: "Từ nay, ông tôi không còn về nghỉ trên tấm phản này nữa, nhưng những gì ông căn dặn chúng tôi về sự đoàn kết thương yêu nhau, cố gắng học tập, rèn luyện để đóng góp cho quê hương đất nước thì mãi mãi không bao giờ chúng tôi quên"... Một người cháu khác của Bác là anh Phạm Công Tâm cho biết: "Năm kia khi khánh thành nhà thờ họ, Bác Đông có điện về không cho tổ chức linh đình tốn kém. Bác gửi về hai thùng bánh và mấy cân trà Bắc, bảo làm ngọt chứ không được làm mặn, phải thật sự tiết kiệm vì đời sống còn chưa khá giả gì. Cả dòng họ đã làm theo lời Bác.

Tưởng nhớ Bác Phạm Văn Đồng, mọi người ôn lại nhiều chi tiết cảm động trong cuộc đời "cần kiệm liêm chính, chí công vô tư" của Bác. Tin Bác Đông đi xa đã làm bồi hồi hàng triệu trái tim, không chỉ ở quê hương, đất nước mà còn của bạn bè từ khắp năm châu. Riêng trên quê hương Bác, nỗi đau thương còn mang niềm khắc khoải khôn nguôi. Ông Bùi Thanh Minh, cán bộ lão thành cách mạng ở huyện Mộ Đức đã nói lên dòng tâm niệm ấy: "Chúng tôi mãi mãi khắc sâu những lời dặn dò ân cần mà nhiều lần Bác về thăm đã nhắc nhở. Nguyễn đoàn kết phấn đấu xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp, làm cho Bác yên lòng nơi chín suối...".

Cũng vào buổi sáng hôm sau khi được tin Bác Đông đi xa, cùng với đoàn đại biểu của tỉnh, Đoàn đại biểu huyện Mộ Đức do đồng chí Bí thư Huyện uỷ dẫn đầu đã lên đường đi Hà Nội dự lễ tang Bác. Tại Trụ sở Văn phòng Huyện uỷ Mộ

Đức, từ đồng chí Phó Bí thư thường trực Huyện uỷ đến nhân viên Văn phòng nén chặt niềm đau thương vô hạn, kêu gọi cán bộ, quân và dân toàn huyện biến đau thương thành sức mạnh, đoàn kết một lòng, tiếp tục thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới quê hương như lời căn dặn của Bác Đồng. Còn trên khắp các bản làng của đồng bào Hre Ba Tư anh hùng, nơi mà hơn 90% bà con dân tộc Hre lấy họ Phạm của Bác Đồng thay cho họ Đinh của mình để tỏ rõ lòng yêu mến Bác, thì chén rượu mừng lúa mới năm nay còn có một ý nghĩa thiêng liêng khác. Đó là chén rượu tiễn đưa một lãnh tụ, một người tộc trưởng kiệt xuất của họ tộc về nơi an nghỉ cuối cùng. Thương nhớ Bác Đồng, người dân tộc Hre nguyện đời đời đi theo Đảng, theo cách mạng.

SÂU NẶNG TÌNH NGHĨA QUÊ HƯƠNG

Đoàn Hữu Trung

Trải qua nhiều thế kỷ, với nhiều biến cố thăng trầm, mảnh đất và con người Mộ Đức đã chứng kiến và làm nên nhiều sự kiện lịch sử hào hùng. Nơi đây đã sinh ra nhiều nhân vật nổi tiếng trong lịch sử như Trần Quang Diệu, Nguyễn Bá Loan, Trần Du... Đặc biệt trên mảnh đất tuy "địa thế hẹp mà mạch khí tốt" (*Đại Nam nhất thống chí*) đã sinh ra người con ưu tú: Phạm Văn Đồng - người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, một trong những lãnh tụ trụ cột của Đảng và Nhà nước ta, nhà lãnh đạo đã cống hiến tuổi thanh xuân và trọn đời mình cho khát vọng độc lập, tự do của dân tộc, cho hạnh phúc của nhân dân.

Tôi về xã Đức Tân ngay sau khi được tin Bác Đồng đã đi xa. Cứ tưởng mình là người đến sớm, nhưng khi vừa tới đầu ngõ ngôi nhà của thân phụ Bác đã được Đảng và Nhà nước ta sửa chữa thành Nhà lưu niệm thì đã có nhiều người tụ tập ở đó rồi. Hỏi ra mới biết cả đêm hôm qua khi được tin Bác mất nhiều người trong thôn đã tề tựu về đây. Từ sớm tinh mơ, người cháu gái của Bác là bà Trần Thị Hoa đã độ ngoài tuổi "cổ lai hy" vội vã băng đồng mang theo bình hoa đồng nội kính cẩn đặt lên bàn thờ gia tiên. Bà nói trong tiếng nấc: "Ngày giỗ ông tôi năm nào Chú Đồng cũng về, vậy mà bây giờ

không còn được gặp Chú nữa rồi. Ngôi nhà này đã trải qua nhiều năm chịu bom đạn nhưng lớp con cháu chúng tôi vẫn gìn giữ cẩn thận các di vật của ông tôi và của các Bác, các Chú để lại. Chú Đồng mất rồi nhưng tình cảm và những lời dạy của Chú trong những lần về thăm nhà, tôi không thể nào quên được". Bà Phạm Thị Me nói trong nước mắt: "Năm đó, sau khi ở tù về, Bác Đồng thường xuống nhà đàm đạo với cha tôi. Tôi còn nhỏ nên thỉnh thoảng được Bác cho tiền mua quà. Nếu không xuống nhà nói chuyện với cha tôi thì Bác đọc sách và đi đi lại lại trước hiên nhà đắm chiêu suy nghĩ điều gì đó. Sau này khi đất nước thống nhất, mỗi lần về thăm quê, Bác thường cho quà và căn dặn tôi rằng: Lo cho toàn xã hội thì việc gì Bác cũng làm, nhưng lo riêng cho cháu thì Bác không thể. Do vậy trong cuộc sống cháu phải cố gắng nhiều hơn". Nói rồi bà lại khóc. Cháu Phạm Thị Diễm Nhi, cháu gọi Bác Đồng bằng ông cố, tiếp lời bà: "Cháu đã 5 lần được gặp ông ở đây. Lần nào cũng vậy, bọn cháu được ông cho quà. Cháu nhớ nhất là lần gặp ông vào năm 1998, mắt ông kém không nhìn thấy cháu nhưng ông xoa đầu cháu rồi bảo: Các cháu còn nhỏ nên phải cố gắng học cho tốt, giữ gìn sức khỏe, phải nghe lời và giúp đỡ bố mẹ". Nghe cháu Nhi kể, tôi bỗng nhớ trong một chuyến về thăm và làm việc với các đồng chí lãnh đạo huyện Mộ Đức, Bác nói: "Huyện ta là một huyện có thế mạnh nông nghiệp, vậy thì huyện phải làm như thế nào để hằng ngày mỗi trẻ em được uống một cốc sữa đậu nành. Các đồng chí đừng coi đấy là chuyện nhỏ không đáng quan tâm. Chuyện nhỏ nhưng có lợi thì cũng phải quyết tâm làm cho bằng được. Việc gì cũng phải bắt nguồn từ cái nhỏ đến cái lớn". Thì ra Bác không những chăm lo chuyện quốc gia đại sự mà còn quan tâm đến những công việc tưởng chừng nhỏ nhất.

Anh Phạm Ngọc Đông, người gọi Bác Đồng bằng ông,

được vinh dự trông coi ngôi Nhà lưu niệm của Bác để đón khách đến thăm, kể lại rằng: "Mỗi lần về quê, Bác thường đi theo một lịch trình nhất định. Đầu tiên là về nhà từ đường thắp hương tưởng nhớ ông bà. Sau đó về đốt nhang cho thân phụ rồi ra viếng mộ, tiếp theo là nói chuyện với bà con, sau đó làm việc với lãnh đạo huyện. Mỗi lần gặp bà con đến thăm, Bác đều căn dặn anh em phải đùm bọc thương yêu lẫn nhau và cố gắng học tập, lao động, tiết kiệm để góp phần xây dựng quê hương."

Những ngày này tại Nhà lưu niệm Bác Phạm Văn Đồng luôn tấp nập. Mọi người về viếng Bác với cả niềm tự hào, lòng thành kính và biết ơn. Tất cả mọi người dù chỉ một lần hay nhiều lần được gặp Bác đều có chung nhận định: dù ở cương vị người lãnh đạo trụ cột của Nhà nước nhưng Bác Đồng vẫn rất gần gũi và giản dị, bao dung. Tại đây tôi đã được cầm trên tay tập lưu niệm dày hàng ngàn trang với bút tích của hầu hết các vị lãnh đạo Đảng và Nhà nước ta, của đồng bào, cán bộ, chiến sĩ và học sinh trong cả nước. Trong cuốn lưu niệm này vẫn còn lưu lại nhiều kiểu ký tự của các quốc gia trên khắp năm châu. Đại sứ Cuba tại Việt Nam Armando Saucedo Yero đã viết: "Đồng chí Phạm Văn Đồng bằng công việc của mình đã đóng góp rất nhiều vào việc thắt chặt các mối quan hệ giữa dân tộc Việt Nam và Cuba. Và cá nhân tôi biết ơn sự ân cần mà đồng chí Phạm Văn Đồng luôn dành cho tôi trong thời gian làm Đại sứ ở Việt Nam. Đồng chí Phạm Văn Đồng là một người con chân chính của nhân dân Việt Nam và là người học trò xuất sắc của Bác Hồ".

Tôi gặp anh Lê Văn Kiều, giáo viên Trường Tiểu học Đức Tân, anh nói: "Tôi đã hai lần được gặp Bác Đồng, được Bác căn dặn nhiều điều. Bác mất là một nỗi đau không của riêng ai. Bác mất nhưng hình ảnh và những điều căn dặn của Bác

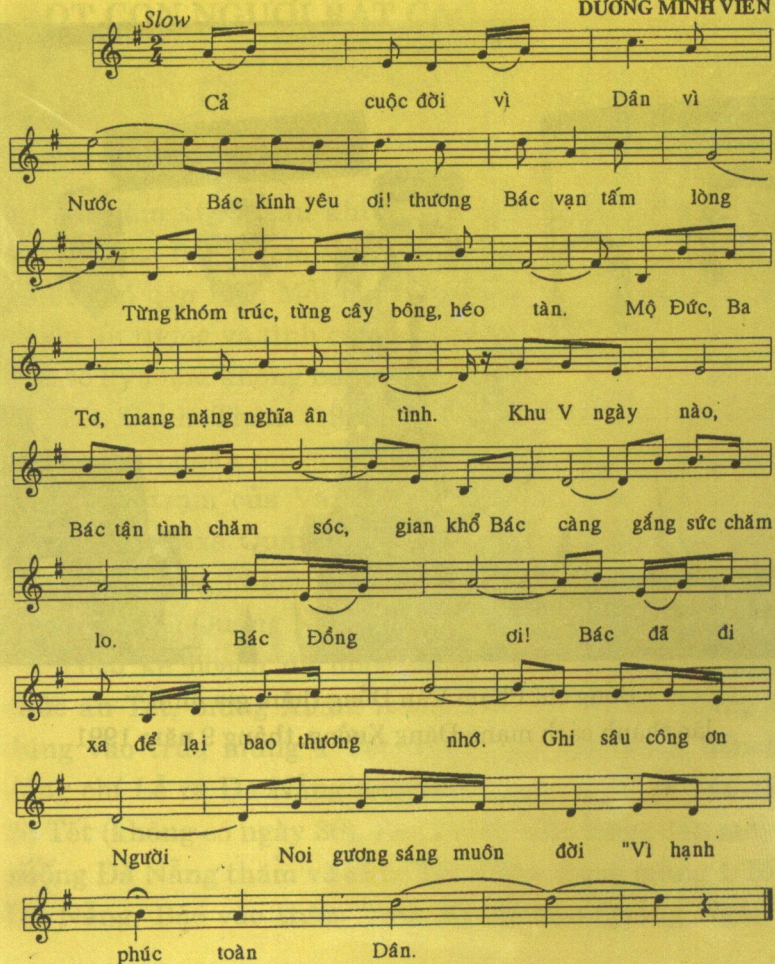
vẫn ở mãi trong lòng mỗi chúng tôi. Chúng tôi luôn tự hào về quê hương mình đã sinh ra người con ưu tú như Bác". Anh Kiều còn cho biết Trường Tiểu học Đức Tân đã phát động phong trào dạy và học theo lời huấn thị của Bác, coi việc dạy tốt, học tốt là một cách đền đáp công ơn đối với Bác Đồng kính yêu. Em Trần Văn Bảo - học sinh Trường phổ thông trung học Mộ Đức đã bày tỏ cảm xúc của mình: "Năm rồi Bác Đồng không về thăm quê để mọi người được chúc thọ Bác; biết Bác ốm nặng, tuổi đã cao nhưng tin Bác ra đi vẫn gây bàng hoàng trong chúng em". Còn ông Bùi Đầu, năm nay đã ở tuổi 82, một cán bộ lão thành nhận xét: "Cuộc đời của Cụ Đồng là một tấm gương sáng cho các thế hệ noi theo. Cụ là người con ưu tú của quê hương, là một trong những người đầu tiên đặt nền móng cho cách mạng Việt Nam. Cụ mất đi là một mất mát to lớn không dễ bù đắp đối với toàn dân tộc".

Có thể nói, không chỉ trên quê hương Đức Tân, Mộ Đức nơi sinh thành nguyên Thủ tướng Chính phủ, nguyên Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng Phạm Văn Đồng mà trên khắp mảnh đất Quảng Ngãi giàu truyền thống cách mạng cũng như trên khắp đất nước, đồng bào và chiến sĩ ta đang biến đau thương thành hành động cách mạng, phấn đấu xây dựng Tổ quốc Việt Nam giàu mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh như Bác Đồng hằng mong ước.

Muôn vãn nhớ thương
Bác Phạm Văn Đồng

DƯƠNG MINH VIÊN

Slow

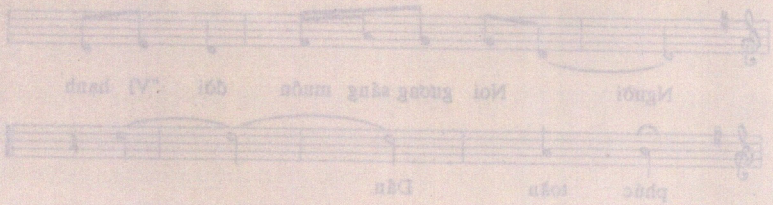


Cả cuộc đời vì Dân vì
Nước Bác kính yêu ơi! thương Bác vạn tấm lòng
Từng khóm trúc, từng cây bông, héo tàn. Mộ Đức, Ba
Tơ, mang nặng nghĩa ân tình. Khu V ngày nào,
Bác tận tình chăm sóc, gian khổ Bác càng gắng sức chăm
lo. Bác Đồng ơi! Bác đã đi
xa để lại bao thương nhớ. Ghi sâu công ơn
Người Noi gương sáng muôn đời "Vì hạnh
phúc toàn Dân.

vẫn ở mãi trong lòng mỗi chúng tôi. Chúng tôi luôn tự hào về quê hương mình đã sinh ra người con ưu tú như Bác". Anh Kiên cảm cho biết *Chúng tôi luôn nhớ về Bác* đã phát động phong trào *Đảng viên học tập và làm theo tấm gương* tốt, học tốt là một cách đền đáp công ơn đối với Bác Đồng kính yêu. Em Trần Văn Bắc - học sinh Trường phổ thông *ĐƯỜNG MẠNH VIỆN*



Đồng chí Phạm Văn Đồng thăm gia đình
lão thành cách mạng Đặng Xưởng, tháng 9 năm 1991



MỘT CON NGƯỜI RẤT CAO ĐẸP VÀ NHÂN HẬU

*Từ Tấn Vũ**

Từ năm 1975, sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng cho đến lúc Bác Phạm Văn Đồng qua đời, tôi được may mắn nhiều lần gặp Bác. Mỗi lần tiếp xúc, Bác đã để lại trong tôi nhiều ấn tượng và tình cảm sâu sắc. Tôi xin được phép kể lại một số kỷ niệm không bao giờ quên đó.

Tết Canh Thân (1980), tôi được Thường vụ Tỉnh uỷ Nghĩa Bình phân công cùng đồng chí Lễ (trung tá) phụ trách đoàn tiên trạm của Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng đi các huyện và thị xã Quảng Ngãi để chuẩn bị đón Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Phạm Văn Đồng về thăm, chúc Tết đồng bào, đồng chí tỉnh Quảng Ngãi.

Theo kế hoạch đã được thống nhất, chúng tôi định tổ chức ăn Tết, mừng Xuân, mừng Bác tại thị xã Quảng Ngãi đúng vào trưa mừng 1 Tết. Chiều 28 Tết, đoàn tiên trạm đồng chí Lễ ra Đà Nẵng trước đón Bác. Sáng 29 Tết. Chiều 28 Tết (không có ngày 30), Bác Phạm Văn Đồng đáp máy bay xuống Đà Nẵng thăm và chúc Tết ở đây. Sáng mừng 1 Tết, từ Đà Nẵng, Bác vào thăm Tam Kỳ rồi vào Quảng Ngãi. Bác

* Nguyên Thường vụ Tỉnh uỷ, Trưởng ban Tuyên giáo, Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Quảng Ngãi.

không cho chúng tôi ra Đà Nẵng đón, mà chỉ đón Bác ở Dốc Sỏi (giáp Quảng Nam) với số lượng người và xe rất hạn chế. Đón và cùng đi với Bác có đồng chí Nguyễn Quang Lâm (tức anh Tám Tú, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy), đồng chí Võ Văn Đình (Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh), và một số đồng chí lãnh đạo tỉnh Quảng Ngãi.

Bác không đi theo kế hoạch dự kiến của tỉnh mà đến thăm huyện Bình Sơn trước, ăn Tết và nghỉ trưa luôn ở đó. Trong buổi nói chuyện với cán bộ huyện Bình Sơn, sau khi thăm hỏi, chúc Tết đồng bào, cán bộ và chiến sĩ trong huyện, Bác Phạm Văn Đồng hỏi các đồng chí lãnh đạo huyện một số tình hình huyện nhà. Đồng chí Bùi Ái Nam, Phó Bí thư, Chủ tịch huyện Bình Sơn đã kính cẩn báo cáo với Bác tóm tắt tình hình kinh tế - xã hội trong huyện. Trong đó có ý vừa báo cáo, vừa kiến nghị về những khó khăn của một huyện nghèo, đất đai cằn cỗi, thiếu nguồn nước tưới. Để khắc phục tình hình đó, huyện đã chủ trương phát triển rộng rãi cây mít trên vùng đất đỏ và thiếu cây cao lương chịu hạn. Bác Phạm Văn Đồng chăm chú nghe và khuyến khích: Chủ trương đó là tốt, phải vừa làm, vừa rút kinh nghiệm, tính toán hiệu quả và phát triển rộng ra. Bác đột ngột hỏi đồng chí Chủ tịch huyện: Cây mít ở Bình Sơn trồng mấy năm cho quả ? Đồng chí Nam nhanh nhẩu trả lời ngay: Dạ, cây mít ở đây phát triển nhanh lắm, vừa là cây lương thực, vừa là cây lâm nghiệp, gỗ rất tốt và chỉ trồng sau ba năm là có trái. Bác Đồng vừa cười vừa nói: Cây mít Bình Sơn tiến nhanh, tiến mạnh thế à ! Rồi Bác cười to, như vừa nhắc nhở, vừa động viên. Mọi người cười theo, vì biết rằng cây mít ít nhất cũng phải trồng từ năm đến sáu năm mới cho trái. Bác lại hỏi tiếp đồng chí Chủ tịch huyện: Còn cây cao lương, huyện ta trồng được bao nhiêu ha và năng suất thế nào? Đồng chí Nam bắt đầu lúng túng, báo cáo: Thưa... chúng

cháu mới trồng được vài chục ha, năng suất khoảng 2 tấn đến 2 tấn rưỡi một ha. Bác Đồng vui vẻ nói: Như vậy là còn quá ít, song đó là một nhân tố mới, cần nghiên cứu nhân rộng ra. Và Bác hỏi tiếp: Đồng chí Chủ tịch huyện đã đến kiểm tra vùng cao lương chưa ? Lần này đồng chí Nam lúng túng thật sự và thật thà báo cáo: Thưa Bác cháu chưa đến ! Bác Đồng nhìn đồng chí Nam với cái nhìn nghiêm khắc: Đồng chí là Chủ tịch huyện, cho cây cao lương là cây chịu hạn tốt, phù hợp với đất và nước Bình Sơn qua thử nghiệm có hiệu quả tốt, là nhân tố mới của huyện nhà, mà lại chưa đến thì quả là quan liêu ! Đồng chí Nam im lặng tiếp thu và ân hận. Bác cười khoan dung, độ lượng. Mọi người cười theo vui vẻ.

Chiều hôm đó, Bác đi thăm huyện Sơn Tịnh. Cùng đưa Bác đến huyện, tôi vội về thị xã để lo tổ chức bữa Tết chính thức đón Bác và đoàn. Mọi việc đang khẩn trương tiến hành, chuẩn bị bày lên bàn tiệc thì anh Tám Tú từ Sơn Tịnh điện về: Anh Tô không muốn tổ chức Tết linh đình, vì tốn kém không cần thiết, trong lúc nhân dân còn nhiều khó khăn. Anh Tô dặn phải hết sức đơn giản, tiết kiệm, chỉ cần vài món mang hương vị Tết quê hương là được. Tôi và mấy đồng chí trong Ban đón tiếp vừa "cụt hứng", vừa lo lắng vì mọi thứ đã chuẩn bị khá chu đáo và rất công phu từ đêm qua đến giờ do cô Năm Thôi (cô ruột của Nghệ sĩ nhân dân Trà Giang), người nấu ăn ngon nhất ở thị xã "đạo diễn". Chúng tôi xin lại ý kiến anh Tám Tú và nhất trí tổ chức ăn Tết riêng đón Bác trên gác (nhà khách), cùng dự tiếp Bác có các anh: Tám Tú, Võ Văn Đình và một số đồng chí lãnh đạo chủ chốt của tỉnh đã nghỉ hưu. Bữa cơm Tết đón Bác cũng rất đơn giản, chỉ có 5-6 món hợp với khẩu vị của Bác, trong đó có món cá bóng Sông Trà và bánh tét. Còn tiệc mừng Xuân, đã chuẩn bị sẵn

thì tổ chức ở phòng rộng bên dưới cho tất cả anh em trong đoàn đi với Bác và số anh, chị em trong tỉnh và thị xã. Được anh Tám Tú nhất trí, chúng tôi khẩn trương thực hiện theo phương án đó, nhưng trong lòng vẫn thấy áy ngại, song rất thấm thía về phong cách giản dị, tiết kiệm và tấm lòng nhân ái của Bác, vì bao giờ Bác cũng nghĩ đến nhân dân, lo lắng cho mọi người.

Sáng mùng 2 Tết, Bác Phạm Văn Đồng thăm và chúc Tết cán bộ và đại diện các tầng lớp nhân ở thị xã tại hội trường Ủy ban nhân dân thị xã. Trong buổi nói chuyện thân mật đầu Xuân đó, Bác chú ý hỏi thăm đời sống nhân dân, tình hình các mặt của thị xã và nhắc nhở các cơ quan Đảng, chính quyền, mặt trận và các ngành, giới phải lo Tết cho nhân dân để mọi người, mọi nhà đều được vui vẻ đón Xuân, ăn Tết. Bác chúc thị xã Quảng Ngãi sang năm mới và những năm tiếp theo phấn đấu xây dựng thành thị xã sản xuất, vui tươi, tiên tiến. Sau đó, Bác đi thăm chúc Tết huyện Mộ Đức. Trước khi lên đường, đồng chí Đặng Hoàng (phụ trách công an thị xã) báo cáo với Bác là đã tổ chức lực lượng công an bảo vệ chu đáo. Vừa nghe xong Bác nói ngay: Tôi biết các đồng chí dùng lực lượng công an đón đường, chặn lối không cho nhân dân đi lại chú gì ! Nếu vậy thì đồng chí cho dẹp ngay, vì trong ngày Tết cổ truyền này, mọi người đều phải được tự do, thoải mái đi lại viếng tổ tiên, ông bà, thăm hỏi người thân. Không chỉ ngày Tết đến, ngày thường cũng vậy, không phải mệnh lệnh, cấm đoán nhân dân mới là bảo vệ trật tự, trị an tốt đâu !

Ở Mộ Đức, chúng tôi định bố trí Bác đón Xuân và ăn Tết ngay ở Nhà lưu niệm của Bác mà tỉnh mới xây xong. Nhưng khi đến nơi, sau khi dâng hương bàn thờ ông bà, đi viếng mộ, Bác lên xe đi thẳng ra thăm nhà chị dâu (phía tây quốc lộ 1 A, cách Nhà lưu niệm 400 m) và Bác dùng ăn Tết thân mật với

gia đình người chị ở đó. Sự thay đổi đột ngột nhưng rất đạo lý, tình nghĩa đó, làm chúng tôi bị động, song chúng tôi chuyển ngay bữa cơm Tết hôm đó đến để Bác vui Tết với gia đình khá chu tất. Cơm trưa xong, chúng tôi định mời Bác về Nhà lưu niệm nghỉ (đã chuẩn bị sẵn từ trước), nhưng ý Bác là về thăm huyện và nghỉ luôn ở cơ quan huyện. Chúng tôi lại phải vội vã chuẩn bị chỗ nghỉ cho Bác và đoàn ở ngay cơ quan Ủy ban nhân dân huyện Mộ Đức. Tuy kế hoạch đảo lộn, chúng tôi phải bị động thực hiện, nhưng trong anh em ai cũng rất vui vì thấy tấm lòng trong sáng, thủy chung, nhân nghĩa của Bác sáng ngời.

Từ năm 1975, nhất là từ khi Bác làm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng cho đến khi Bác qua đời, gần như năm nào Bác cũng về thăm quê hương Quảng Ngãi, thường là vào dịp sinh nhật của Bác (1 tháng 3 hằng năm) hoặc vào những thời điểm lịch sử quan trọng. Tuy tuổi cao, mắt kém dần nhưng Bác vẫn làm việc khẩn trương với những nội dung, chương trình rất phong phú, chặt chẽ và khoa học. Ngoài những lần làm việc với Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh, Bác còn dành thời gian làm việc, trao đổi với mặt trận, các đoàn thể, các ngành, nhất là với ngành giáo dục, văn hoá - văn nghệ, lao động, thương binh, xã hội và đi xuống các huyện kể cả các huyện miền núi, gặp gỡ, tiếp xúc với các tầng lớp nhân dân.

Trao đổi, đánh giá tình hình địa phương, Bác thường so sánh với thời gian trước, khuyến khích mặt tiến bộ, nhân tố mới; nhấn mạnh mặt tồn tại, yếu kém, chỉ rõ nguyên nhân; đồng thời gợi mở, vạch hướng cho tương lai. Ở tuổi cao nhưng Bác rất minh mẫn, sắc sảo và nhạy bén. Bác thích nói gọn, nói đúng trọng tâm, yêu cầu. Ai nói trùng, nói lặp là Bác nhắc nhở ngay. Khi tìm hiểu tình hình xã hội, bao giờ

Bác cũng hỏi cặn kẽ về đời sống nhân dân, nhất là đời sống của các cụ lão thành cách mạng, các đối tượng chính sách, các cháu thiếu niên, nhi đồng với nhân dân lao động, đồng bào dân tộc ở miền núi.

Tôi nhớ mãi những lần Bác đến thăm các đồng chí lão thành cách mạng mà Bác thường gọi là "lão đồng chí" rất thân thiết và trân trọng.

Một lần Bác đến thăm và nói chuyện với cán bộ thị xã Quảng Ngãi (1980), khi bước vào hội trường, mọi người đứng dậy chào, vỗ tay, Bác giơ hai tay lên cao nắm chặt và chào lại mọi người rất thân ái. Khi lên gần hàng ghế đầu Bác thấy cụ Từ Ty - người bạn tù năm xưa với Bác ở Côn Đảo, Bác ôm chầm lấy cụ Từ Ty rất xúc động, hỏi thăm ngay tình hình sức khoẻ, đời sống của cụ. Biết được cụ Từ Ty tuổi cao, sức yếu, bị nhiều năm tù đày, khổ ải nay đời sống độc thân, Bác quay sang anh Tám Tú (Bí thư Tỉnh uỷ) và các đồng chí lãnh đạo tỉnh nhắc nhở ngay: Những lão đồng chí, từng chịu tù đày, tra tấn, sống đến ngày nay là rất hiếm, rất quý, các đồng chí phải chăm sóc chu đáo các lão đồng chí ấy. Riêng còn đồng chí Từ Ty, tôi nhờ anh Tám Tú và các đồng chí ở tỉnh và thị xã chăm sóc tận tình cho. Bác nắm chặt tay cụ Từ Ty, chúc mạnh khoẻ, hẹn gặp lại lần sau. Nhưng chưa thực hiện được lời hẹn, tháng 11 năm 1982, cụ Từ Ty qua đời, từ phương xa nghe tin, Bác Phạm Văn Đồng đã gửi điện chia buồn và gửi vòng hoa viếng cụ.

Một lần khác, vào một sáng chủ nhật tháng 9 năm 1991, tôi đưa Bác đến thăm cụ Đặng Xưởng, lão đồng chí trên 100 tuổi tại nhà riêng ở phường Trần Phú, thị xã Quảng Ngãi. Đây là một gia đình có công với nước, em trai của cụ là đồng chí Đặng Dụng Phu cùng ở tù Côn Đảo với Bác Phạm Văn Đồng. Gia đình cụ Đặng Xưởng có 8 người con và cháu nội hy sinh. Đón Bác, ngoài cụ Đặng Xưởng, còn có vợ chồng đồng

chí Đặng Cần (con trai cụ, là chiến sĩ du kích Ba Tơ) và vài người bà con khác. Trong câu chuyện tâm tình, cụ Đặng Xưởng tâm sự với Bác: Tôi năm nay đã được một trăm lẻ một tuổi, tôi thấy vẫn còn khoẻ, ăn ngon, ngủ tốt, không bệnh tật gì, mắt còn tỏ, đọc được sách báo, chân đi lại bình thường không cần chống gậy; tôi có thể sống 5-7 năm nữa. Ngập ngừng một lát cụ nói tiếp: Nhưng tôi cảm thấy đến lúc nên chủ động rút lui, khi nào thấy thuận tiện.

Trầm ngâm giây lát, Bác Đồng hỏi cụ: Vì sao cụ lại muốn rút lui và rút lui bằng cách nào?

Giọng cụ Đặng Xưởng dầm ám và thân thiết: Đồng chí nghĩ xem, tôi đã trên 100 tuổi, tuy còn sức khoẻ, nhưng thấy sống không còn có ích cho xã hội nữa, lại làm phiền con cháu. Cụ ngược mắt nhìn tấm bằng chúc thọ bằng chữ Nho "Bách niên trường thọ" treo giữa vách do các con, cháu vừa tổ chức mừng thọ cụ 100 năm vừa rồi, cụ xúc động nói tiếp: Con cháu đông nhưng mất mát, ly tán, nay chỉ còn hai vợ chồng lão con trai đây, nhưng cũng đều hư trí, ở gần tuổi 80 rồi (tức là nói đồng chí Đặng Cần), đêm hôm tôi thức dậy đi tiểu, đại tiện, chúng nó đều phải thức dậy theo, nghĩ cũng phiền. Rồi cụ trầm ngâm, im lặng...

Chia tay cụ Đặng Xưởng ra về, ngồi trên xe Bác hỏi tôi: Ở tỉnh ta, có lập quỹ hỗ trợ những người thọ 100 tuổi trở lên chưa? Tôi báo cáo với Bác: ở các xã, phường có lập quỹ bảo thọ chung cho người cao tuổi, do chính các cụ và những người hảo tâm đóng góp, nhưng quỹ vẫn còn ít và chưa đều ở các nơi.

Bác xót xa: Có nhiều bữa tiệc chiêu đãi linh đình; có không ít cán bộ sống xa hoa, nhà cao, cửa rộng; có người sống phung phí, bạc triệu, bạc tỷ... nhưng quỹ cho người già thọ 100 tuổi trở lên thì lại không chú ý đến. Tỉnh này, đất nước này, thử hỏi có bao nhiêu người sống lâu 100 tuổi, sao lại không thấy đó là vốn quý của đất nước, của dân tộc? Rồi Bác

dặn tôi về báo cáo với anh Năm Thắng và Thường vụ Tỉnh uỷ cần quan tâm đến những người lớn tuổi, nhất là những người thọ 100 tuổi trở lên, các lão đồng chí cao tuổi. Riêng với cụ Đặng Xưởng, Bác dặn tôi về báo cáo với tỉnh thực hiện ngay ba việc:

- Ngoài tiền phụ cấp hưu theo chế độ của cụ, tỉnh cần dành một khoản tiền tiết kiệm, lấy lãi bổ sung, hỗ trợ gia đình chăm sóc cụ chu đáo.

- Lão đồng chí Đặng Xưởng là người và gia đình có công với cách mạng, nay con lớn hy sinh, mất mát nhiều, chỉ sống với vợ chồng người con đã cao tuổi nên rất khó khăn, địa phương cần bàn với gia đình tìm chọn một cháu 14-15 tuổi đến ở giúp đỡ cụ. Nhưng phải tạo điều kiện nuôi dạy cháu đó chu đáo, học hành tiến bộ.

- Đồng chí phụ trách tuyên giáo, đồng chí nên tìm một người có tâm huyết viết về lão đồng chí Đặng Xưởng và một số lão đồng chí tiêu biểu khác ở tỉnh ta. Tôi tin chắc ở cụ có nhiều chuyện lý thú và bổ ích, có thể nêu thành tấm gương giáo dục, hướng dẫn thế hệ trẻ.

Sau khi dặn dò tôi ba việc trên, Bác nói như tâm sự: "Tâm lý người già là như vậy đấy! Khi thấy mình cao tuổi, không còn có ích cho gia đình và xã hội, sống lâu làm phiền người khác thì muốn ra đi. Tôi đã gần 90 tuổi, nhưng tôi thấy vẫn còn có ích, còn làm được việc nên tôi vẫn muốn sống. Song quỹ thời gian bây giờ rất eo hẹp nên tôi phải tranh thủ thời gian, làm việc khẩn trương". Rồi Bác nhấn mạnh như vừa nói với mình, vừa căn dặn chúng tôi: Hãy làm việc, làm việc và làm việc có ích cho dân, cho nước, đó là lẽ sống của chúng ta!

Mãi đến bây giờ Bác đã đi xa, nhưng trong tâm khảm tôi - chúng ta - mãi mãi khắc sâu hình ảnh và những việc làm, lời nói của Bác - một con người cao đẹp và nhân hậu, sắc sảo và gần gũi, biểu hiện của một nhân cách lớn của Việt Nam.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
<i>Lời nói đầu</i>	9
Tiểu sử đồng chí Phạm Văn Đồng	13
Thông cáo đặc biệt của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	17
Lời diếu (do đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu đọc tại Lễ truy điệu đồng chí Phạm Văn Đồng, ngày 6 tháng 5 năm 2000)	19

Phần thứ nhất **CUỘC ĐỜI VÀ SỰ NGHIỆP**

- Phạm Văn Đồng, người con ưu tú của quê hương núi Ấn, sông Trà

GS, TS. PHAN NGỌC LIÊN -
PGS, TS. TRỊNH ĐÌNH TÙNG 25

Phần thứ hai
**MỘT CHIẾN SĨ CỘNG SẢN KIÊN CƯỜNG,
GIÀU LÒNG NHÂN ÁI**

- Phạm Văn Đồng trong ký ức của tôi
Đại tướng **VÕ NGUYỄN GIÁP** 87

- Rực sáng một nhân cách Việt Nam
GS. **TRẦN VĂN GIÀU** kể
VĂN ĐỊNH ghi 91

- Nhân sinh quan của Phạm Văn Đồng: Sống để làm việc
GS, TSKH. **PHẠM VĂN NGHIÊN** 94

- Chuyện nhỏ về một nhân cách lớn
NGUYỄN TIẾN NẮNG 102

- Đồng chí Phạm Văn Đồng
TRẦN VIỆT PHƯƠNG 117

- Đồng chí Phạm Văn Đồng - một nhân cách lớn
HOÀNG QUỐC DŨNG kể
LÊ THỌ BÌNH ghi 127

- Hai năm công lớn tình sâu
TRƯƠNG QUANG LỘC 132

- Những kỷ niệm và bài học
NGUYỄN GIA NỪNG 144

- Về quan hệ của Phạm Văn Đồng với Bác Hồ
TS. NGUYỄN QUÝ 156

- Phạm Văn Đồng và các công trình nghiên cứu về
Hồ Chí Minh
PGS. TRƯỜNG LƯU 164

- Phạm Văn Đồng với việc tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh
ThS. BÙI THỊ THU HÀ -
ThS. TRƯƠNG CÔNG HUỲNH KỲ 179

- Phạm Văn Đồng - nhà hoạt động ngoại giao xuất sắc	ĐẶNG VĂN THÁI	188
- Phạm Văn Đồng là nhà văn hoá của non sông đất nước ta	GS, TSKH. PHƯƠNG LỰU	195
- Suy ngẫm từ những ý tưởng về văn hoá - văn học - nghệ thuật của Bác Phạm Văn Đồng	HỒNG NHÂN	205
- Đồng chí Phạm Văn Đồng và văn nghệ sĩ Liên khu V	PHẠM PHÚ PHONG	214
- Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng với nghệ sĩ múa	GS, TSKH. LÂM TÔ LỘC	218
- Phạm Văn Đồng với sự nghiệp giáo dục	GS, TS. PHAN NGỌC LIÊN	225
- Bác Phạm Văn Đồng, một nhà lãnh đạo đặc biệt quan tâm đối với sự nghiệp giáo dục - đào tạo	Nhà giáo ưu tú HOÀNG TRƯƠNG	231
- Bác Phạm Văn Đồng với Huế và Trường Quốc học	NGUYỄN TỐNG	235
- Bác Phạm Văn Đồng, một "nhân vật đặc biệt"	TRẦN VĂN THẬN	243

Phần thứ ba

QUÊ HƯƠNG NGHĨA NẶNG TÌNH SÂU

- Phát biểu của đồng chí Phạm Văn Đồng tại buổi làm việc với Tỉnh uỷ Quảng Ngãi, ngày 4 tháng 3 năm 1999		255
- Thư gửi các đồng chí lãnh đạo huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, ngày 28 tháng 7 năm 1997		261
- Phát biểu với bà con, cô bác trong dòng họ Phạm		264

- Phạm Văn Đồng với quê hương Quảng Ngãi	ĐỖ QUANG THẮNG	269
- Nhớ về người Anh lớn của Quảng Ngãi	TRẦN KIÊN	281
- Quê hương Mộ Đức với Bác Phạm Văn Đồng	NGUYỄN THỊ DỄ	295
- Nhớ Anh Tô	TRẦN VĂN AN	307
- Điều hay nhớ mãi: Gặp Bác Phạm Văn Đồng trong thời chiến	PHẠM THANH BIÊN (LAM SƠN)	314
- Thương tiếc Bác Phạm Văn Đồng	PHÙNG ĐÌNH CHUNG	319
- Nhân cách lớn bắt đầu từ việc nhỏ	TRẦN DẰNG	323
- Tôi coi Chú Đồng như cha đẻ của mình vậy	HỒ GIÁO kể THANH TỊNH ghi	325
- Anh Tô thân yêu	Nhà thơ NGUYỄN VIẾT LÂM	328
- Những lời động viên, cổ vũ	NGUYỄN ĐĂNG LÂM	336
- Bác Tô, con người mẫu mực, ân tình và chu đáo	GS. PHAN TRỌNG LUẬN	340
- Phạm Văn Đồng với miền Nam Trung Bộ	NGUYỄN ĐÌNH NGUYỄN	345

- Tưởng nhớ Bác Tô	Đại tá PHẠM CHÍ NHÂN	349
- Phạm Văn Đồng, một nhân vật lịch sử hiện đại của cách mạng Việt Nam	PHẠM NHỚ	356
- Ghi nhớ mãi những lời Anh Phạm Văn Đồng	NGUYỄN HỒNG SINH	363
- Tưởng nhớ đồng chí Phạm Văn Đồng	NGUYỄN PHÚ SOẠI	370
- Tình cảm của Bác Phạm Văn Đồng với quê hương Quảng Ngãi	LƯƠNG THIỆN	374
- Bác Phạm Văn Đồng về thăm Quảng Ngãi	LÊ TẤN TOẢ	377
- Quê hương - ngày Bác ra đi...	NGỌC TOÀN - THANH HẢI	382
- Sâu nặng tình nghĩa quê hương	ĐOÀN HỮU TRUNG	385
- Một con người rất cao đẹp và nhân hậu	TỪ TẤN VŨ	391

Chịu trách nhiệm xuất bản
TRẦN ĐÌNH NGHIÊM

Biên tập: LÊ CÔNG NHƯ
TRẦN THỊ TỐN
Trình bày: PHÒNG TẠO MẪU
Vẽ bìa: NGUYỄN THỊ HOÀ
Sửa bài: TRẦN MINH HẢI

In 1.500 cuốn, khổ 15 x 22cm tại Công ty in Tiên Bộ
Số xuất bản: 01-169/CXB-QLXB, cấp ngày 7-2-2001
In xong và nộp lưu chiểu tháng 2-2001_{ky}.

ĐÍNH CHÍNH

Trang	Dòng	In sai	Sửa là
102	4↓	học quốc giũ	học quốc ngữ
131	3↓	Bùi Duy Đáp	Bùi Huy Đáp
156	2↑	Viện Hồ Chí Minh	Viện Lịch sử Đảng
160	5↑	Lâm Bá Việt	Lâm Bá Kiệt

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QU

24 Quang Trung - Hà Nội

ĐT: 9422008

FAX: 84-4-9421881

Thư viện tỉnh Quảng Ngãi



DCN.000910

TÌM ĐỌC

Bút ngữ

- ANH NGẠN

(KÝ SỰ VỀ KHU TẢ NGẠN SÔNG HỒNG
NHỮNG NĂM 1951 - 1955)

* * *

- NHỚ VỀ ANH LÊ ĐỨC THỌ

* * *

- LÊ VĂN LƯƠNG

TRỌN ĐỜI VÌ SỰ NGHIỆP CỦA ĐẢNG

Giá: 50.000đ

PHẠM VĂN ĐỒNG

NHÀ XUẤT BẢN